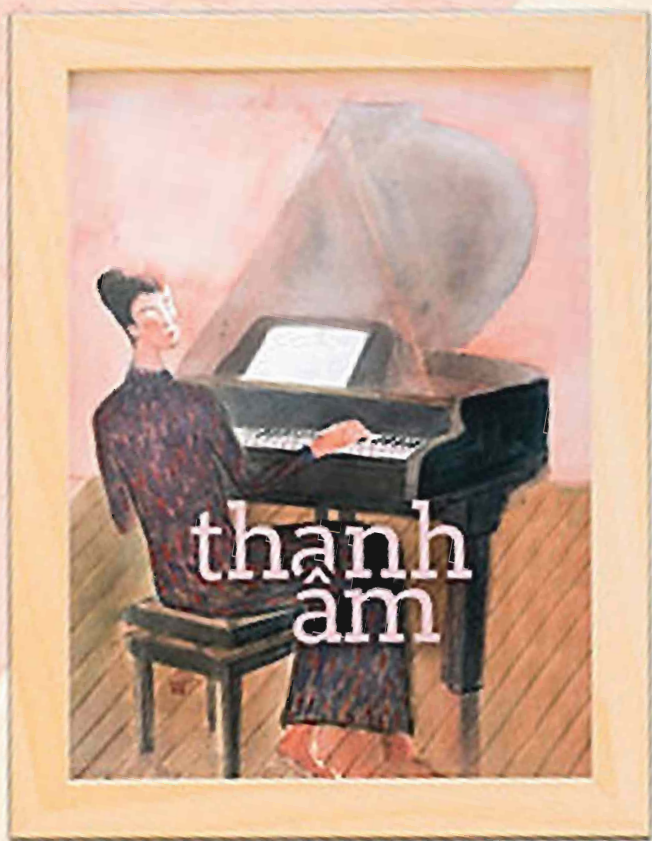


VLADIMIR NABOKOV
THIÊN LƯƠNG dịch



Vladmir Nabokov

(1899-1977)

Đại văn hào Mỹ gốc Nga,
tác giả của tác phẩm **Lolita** -
kiệt tác văn chương hàng đầu
thế giới.

Thanh âm

COLLECTED STORIES

By Vladimir Nabokov

Copyright © 1965, 1966, Dmitri Nabokov

Vietnamese Language Translation copyright © 2016 by
ZENBOOKS Co. Ltd.

This edition published by arrangement with
The Estate of Dmitri Nabokov, London, England.

All rights reserved.

TỔNG TẬP TRUYỆN NGẮN VLADIMIR NABOKOV QUYỂN III

Công ty TNHH ZENBOOKS giữ bản quyền xuất bản và
phát hành ấn bản tiếng Việt theo hợp đồng chuyển giao
bản quyền với The Estate of Dmitri Nabokov thông qua
The Wylie Agency (UK) LTD, 17 Bedford Square,
London WC1B 3JA, England.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý
của ZENBOOKS đều bất hợp pháp và vi phạm
Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền quốc tế
và Công ước bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ Berne.

Vladimir Nabokov

Tổng tập Truyện ngắn

Quyển III

Thanh âm

Thiên Lương dịch


ZENBOOKS



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Lời người dịch

Sau hai tập *Mỹ nhân Nga* và *Mây, hồ, tháp* (mỗi tập bao gồm 17 truyện ngắn) được xuất bản giữa năm 2016 và đầu năm 2017, tôi tạm dừng việc dịch tiếp bộ tổng tập truyện ngắn của Vladimir Nabokov để chuyển qua dịch tiểu thuyết *Pnin* của ông. Trên phương diện nào đó thì cuốn sách ấy (bản dịch tiếng Việt đã được in vào quý 3 năm 2017) có thể coi như dòng sông yên ả giữa hành trình gian nan qua những con đường hiểm trở băng ngang đồi núi, đầm lầy, rừng

rậm, thảo nguyên,... xuyên các tầng thế giới cực kỳ đặc sắc, hết sức rực rỡ, dưới những đám mây giông vô cùng u ám của nhà văn.

Tuy nhiên, dẫu hài hước và lạc quan, song *Pnin* vẫn không thể là sông Lethe để độc giả quên được các ấn tượng bi thảm từ vô số cái kết hết sức không vui của các truyện ngắn Nabokov. Nhiều khi có cảm giác rằng Nabokov khá tàn nhẫn với các nhân vật của mình, hầu hết họ đều phải chết hoặc chịu một kết cục bi thảm nào đó, đôi khi hết sức đột ngột như các nhân vật chính trong *Mỹ nhân Nga* hoặc *Xuân Fialta* hoặc *Pilgram*. Tuy nhiên, có một câu trong tiểu thuyết *Pnin* dường như nói lên khá rõ quan điểm sáng tác của Nabokov: “Vài người — và tôi là một trong số họ — ghét những cái kết vui. Chúng tôi thấy bị lừa. Tổn thương là bình thường. Nghiệp chương bất khả cưỡng. Trận tuyết lở dừng giữa đường chỉ vài bước trên ngôi làng co rúm đã hành xử không chỉ phi luân mà còn vô đạo.”

Từ trước đến nay, cái chết luôn là chủ đề và nguồn cảm hứng cho nghệ thuật và triết học, thậm chí Camus còn cho rằng “chỉ có một vấn đề triết học nghiêm túc, đó là sự tự tử.” Tuy nhiên với trường hợp của Nabokov thì vấn đề không chỉ nằm trong sự trần trụi muôn thuở của con người

về ý nghĩa tối thượng của sự sống mà còn chịu ảnh hưởng từ những sóng gió khủng khiếp mà tác giả phải trải qua trong chính cuộc đời mình. Để hiểu hơn về nhà văn và qua đó có được một góc nhìn gần hơn với các tác phẩm, chúng ta hãy xem lại một số chi tiết quan trọng nhất trong đời ông.

Cuộc đời

Nabokov ra đời ngày 22 tháng Tư năm 1899 trong một gia đình giàu có ở nước Nga Sa Hoàng. Ông có bốn người em là Sergey (1900–1945); Olga (1903–1978); Elena (1906–2000) và Kiril (1912–64). Tuổi thơ của ông trôi qua êm ả tại cố đô Saint Petersburg, và đến năm 1916, khi mới 17 tuổi, ông được thừa hưởng tòa lâu đài cùng khu đất tại Rozhdestveno, ngoại ô Saint Petersburg. Tuy nhiên chỉ sau đó 1 năm, cuộc cách mạng tháng Mười vĩ đại nổ ra và gia đình Nabokov phải sống lưu vong. Ngôi nhà ấy cũng là bất động sản duy nhất mà Nabokov sở hữu trong đời mình, sau này ông chỉ ở nhà thuê hoặc khách sạn, ngay cả khi sự thành công của cuốn *Lolita* đã mang lại cho ông rất nhiều tiền bạc và danh tiếng.

Thời gian đầu của cuộc sống lưu vong, Nabokov học tại đại học Trinity ở Cambridge. Năm 1920, gia đình ông chuyển qua Đức, và vào

năm 1922, Nabokov chuyển qua sống cùng gia đình sau khi tốt nghiệp đại học. Đến tháng Ba năm ấy, cha của Nabokov bị bắn chết tại Berlin khi cố gắng che đậy cho Pavel Milyukov, một chính trị gia Nga lưu vong. Cái chết này đã ám ảnh Nabokov gần như suốt đời, và có thể thấy hình bóng nó trong một số tác phẩm của ông, đặc biệt trong *Lửa nhạt (Pale Fire)* có một kẻ ám sát đã giết nhầm nhà thơ John Shade, trong khi mục tiêu thật của hắn là một người khác.

Năm 1922, Nabokov đính hôn với Svetlana Siewert, tuy nhiên sau đó bà hủy bỏ hôn ước vì cha bà sợ Nabokov không có khả năng lo cho gia đình. Vào tháng Năm năm 1923, Nabokov gặp Vera Yevseyevna Slonim, một phụ nữ Nga gốc Do Thái, rồi 2 năm sau, họ cưới nhau. Một phần do gốc Do Thái của bà, mà gia đình Nabokov quyết định chuyển qua Pháp vào năm 1937, sau đó qua Mỹ vào tháng Năm năm 1940, trước khi phát xít Đức tiến vào Paris, nơi gia đình họ sống. Chỉ người em Sergey ở lại châu Âu và sau này bị giết trong trại tập trung của phát xít Đức vào ngày 9 tháng Một năm 1945. Sau khi qua Mỹ, Nabokov chuyển hẳn qua viết bằng tiếng Anh, và chấm dứt sáng tác truyện ngắn vào năm 1952 với tác phẩm *Lance* (đã được in trong *Mây, hồ, tháp*).

Nhìn lại tiểu sử của Nabokov, chúng ta sẽ thấy những cú sốc mà ông phải trải qua trong đời: Từ một cậu bé quý tộc, lớn lên trong nhung lụa với tương lai huy hoàng, phải di cư và kiếm sống bằng đủ thứ nghề, chứng kiến cái chết của cha, sự suy tàn của gia đình và dòng họ, vất vả nuôi thân và vợ con giữa những chấn động khủng khiếp, huy hoàng và đẫm máu của châu Âu, chịu sự kỳ thị và bất đồng văn hóa giữa những môi trường xa lạ,... Tất cả những điều đó đã khiến cho văn chương Nabokov vô cùng ám ảnh và dường như luôn đưa độc giả đến những cái kết đau buồn nhất.

Tác phẩm

Ngoài các tiểu thuyết lớn nổi tiếng như *Lolita*, *Pnin*, *Lửa nhạt (Pale Fire)*, Nabokov còn là một bậc thầy về truyện ngắn với nhiều tác phẩm được đánh giá rất cao trên văn đàn thế giới.

Một số sự kiện lớn liên quan đến người thân của Nabokov đã được ông đưa vào truyện ngắn *Dấu hiệu và Biểu hiệu* (đã in trong cuốn *Mỹ nhân Nga*), đây cũng là một trong các truyện ngắn được coi là hay nhất của nền văn chương Anh ngữ.

Trong phần III của bộ tổng tập truyện ngắn Nabokov này, có một số tác phẩm cho chúng ta thấy một phần tuổi thơ hạnh phúc của Nabokov,

như *Rau lê*, *Đen đũi*, có tác phẩm cho thấy thời thanh niên tươi sáng của ông ở Nga như *Thanh âm* (cũng là tên cuốn sách), có tác phẩm cho thấy đam mê sưu tập bướm của ông như *Pilgram*, tuy nhiên, trong *Chuyến thăm bảo tàng* thì các ám ảnh về nước Nga bắt đầu quay về trong văn chương ông qua một câu chuyện vô cùng phức tạp về nhân vật lạc lối trong mê cung đầy các dấu hiệu và biểu hiệu không dễ hiểu với độc giả bình thường.

Một số tác phẩm quan trọng trong sự nghiệp Nabokov cũng xuất hiện trong phần III này, chẳng hạn *Yêu tinh khoai tây*, một truyện ngắn tuyệt vời được viết đậm chất điện ảnh và gần như sẵn sàng cho việc chuyển thể lên màn ảnh rộng; *Terra Incognita* — cực kỳ hình ảnh và hết sức ma mị ngay cả với tiêu chuẩn của Nabokov; “*Là ở Aleppo, ngày đó...*” — ẩn chứa các siêu liên kết đến *Othello* của Shakespeare và một số tác phẩm văn chương kinh điển khác, mặt khác, truyện ngắn này cũng nối tiếp chủ đề của kiệt tác *Xuân Fialta*: phụ nữ, dĩ vãng, tính bất định của ký ức, sự không đáng tin của người kể chuyện; *Đòn cánh* — tiếp tục chủ đề thần thoại trong *Cơn giông* (đã được in trong *Mỹ nhân Nga*), đây cũng là một trong những truyện ngắn đặc biệt, vì theo một lá thư tác giả gửi cho mẹ thì nó còn phần tiếp theo, hoặc là thuộc về một

tác phẩm dài hơn. Một trong các truyện ngắn khá kỳ lạ là *Vasily Shishkov*, đây cũng là một bút danh bí mật mà Nabokov dùng để sáng tác thơ, nên có thể coi nó là một sự giễu nhại thú vị với cả bản thân nhà văn và các phê bình gia.

Về bộ tổng tập truyện ngắn Nabokov

Cũng như cuốn *Mây, hồ, tháp* — phần II của bộ tổng tập truyện ngắn Nabokov, các truyện ngắn trong *Thanh âm* được sắp xếp theo thời gian sáng tác, để độc giả có thể thấy được sự phát triển của ký ức, văn phong của nhà văn. Mặt khác, do rất nhiều truyện ngắn là chất liệu quan trọng, thậm chí là một trong các chương chính cho những tiểu thuyết lớn của ông, nên bộ sách này có thể coi như tư liệu quan trọng cho ai muốn nghiên cứu về Nabokov.

Một trong những đặc điểm nổi bật của sự nghiệp văn chương Nabokov là ông sáng tác bằng nhiều thứ tiếng — Nga, Anh và Pháp, tuy nhiên phần lớn truyện ngắn bằng tiếng Nga, chỉ có 10 truyện bằng tiếng Anh là: *The Assistant Producer*, *"That in Aleppo Once..."*, *A Forgotten Poet*, *Time and Ebb*, *"Conversation Piece, 1945"*, *Signs and Symbols*, *First Love*, *Scenes from the Life of a Double Monster*, *The Vane Sisters*, *Lance*. Cho đến

nay đã có 6 trong số 10 truyện ngắn trên đây được dịch trong 3 tập *Mỹ nhân Nga, Mây, hồ, tháp và Thanh âm* là: *"Là ở Aleppo, ngày đó..."*, *Dấu hiệu và Biểu hiệu*, *Mối tình đầu*, *Cảnh đời một quái vật kếp*, *Chị em nhà Vane*, *Lance*.

Để đảm bảo chất lượng bản dịch ở mức cao nhất có thể được, chúng tôi cũng đã tiến hành dịch hầu hết các tác phẩm từ bản gốc, chỉ một vài trường hợp hãn hữu khi không thể tìm được bản gốc, mà chỉ có bản dịch của Dmitri Nabokov, thì chúng tôi mới dịch từ bản tiếng Anh. Trên thực tế, khá nhiều người đã dịch truyện ngắn tiếng Nga của Nabokov qua tiếng Anh, nhưng sau đó đều bị Nabokov phê phán gay gắt và tự tay dịch lại các tác phẩm của mình. Tuy nhiên, điều này cũng là một thuận lợi nhất định với những người dịch Nabokov qua các ngôn ngữ khác với Anh và Nga: Có cơ hội đối chiếu qua cả bản gốc và bản dịch của cùng một tác giả.

Mặc dù có nhiều chỗ chính Nabokov sửa đổi tác phẩm của mình khi dịch qua tiếng Anh, có thể để độc giả Anh ngữ dễ hiểu hơn, có thể do chính ông muốn chỉnh sửa lại văn mình, nhưng chúng tôi vẫn cố gắng bám sát nhất theo bản gốc. Ngay bản tiếng Anh cũng có nhiều thay đổi sau những lần xuất bản, và chúng tôi luôn sử dụng ấn bản

cuối cùng có thể tìm được. Một trong những ví dụ điển hình là truyện ngắn *Dấu hiệu và Biểu hiệu*: Nabokov đã phải chịu để biên tập viên sửa khá nhiều khi đăng lần đầu trên báo *The New Yorker*, thậm chí cả nhan đề cũng bị đảo lại thành *Biểu hiệu và Dấu hiệu*, nhưng sau này, khi đã nổi tiếng với *Lolita* và xuất bản tổng tập truyện ngắn của mình, thì ông sửa lại hết theo ý mình từ đầu.

Với 17 truyện ngắn của *Thanh âm*, như vậy chúng tôi đã chuyển ngữ được 51 trong số tổng cộng 68 truyện ngắn mà Nabokov đã sáng tác trong suốt cuộc đời mình. 17 truyện ngắn cuối cùng sẽ được xuất bản trong năm 2019, và chúng tôi hy vọng sẽ mang đến cho độc giả và những người yêu văn học Nga, yêu văn chương kinh điển, một bộ sách đầy đủ và được dịch công phu, từ nguyên tác, của một trong các văn hào vĩ đại nhất nhân loại.

Ở đây nói tiếng Nga

Tiệm thuốc lá của Martin Martinich được đặt tại góc một bin-đỉnh. Chẳng lấy gì làm lạ là các tiệm thuốc lá lại nặng tình riêng với các góc, vì đúng là việc làm ăn của Martin đang phát đạt. Cửa sổ kích thước khiêm nhường, nhưng khéo sắp xếp. Các tấm gương nhỏ khiến cho sự trưng bày trở nên sống động. Trên chân cửa sổ, giữa những hõm nhung lồi lõm sắc thiên thanh, các hộp thuốc lá đủ loại nương mình, với những

cái tên được diễn tả bằng các phương ngôn quốc tế bóng bẩy và cũng rất hợp với tên khách sạn; bên trên nữa, hàng dãy xi gà nhe răng nhăn nhở trong các hộp nhẹ.

Ở thời của mình, Martin là một điền chủ phong lưu. Ông lưu danh trong hồi ức tuổi thơ tôi nhờ chiếc máy kéo phi thường, còn Petya, con trai ông, và tôi cùng lúc là nạn nhân của Meyn Ried và bệnh sốt phát ban, nên bây giờ, sau mười lăm năm chất chứa đủ thứ khác nhau, tôi thích ghé qua tiệm thuốc lá trong cái góc sống động ấy, nơi Martin bán hàng.

Vả lại, từ năm ngoái, chúng tôi có nhiều điểm chung hơn những kỷ niệm. Martin có một bí mật, và tôi đã được mời tham gia vào bí mật ấy. “Sao, mọi chuyện vẫn như thường chứ?” Tôi thì thầm hỏi, và ông, liếc qua vai, trả lời khẽ hết như vậy, “Ừ, ơn Chúa, mọi chuyện vẫn ổn.” Bí mật ấy là một chuyện hết sức đặc biệt. Tôi còn nhớ được mình đã lên đường đi Paris thế nào và ở chỗ Martin cho đến chiều tối hôm trước khi đi. Tâm hồn con người có thể so sánh với cửa hàng bách hóa và hai mắt y với cặp đôi cửa sổ trưng bày. Xét đoán theo mắt Martin thì các tông màu nâu ấm đang hợp thời trang. Xét đoán theo đôi mắt ấy thì hàng hóa bên trong tâm hồn ông có chất lượng hảo hạng. Và

bộ râu rậm, khá là lấp lánh với sắc xám bạc trắng kiện đậm chất Nga. Và vai ông, vóc dáng ông, sắc mặt ông... Có thời họ hay nói ông có thể chém kiếm đứt khăn tay — một trong những kỳ công của Richard Tim Sư Tử¹. Giờ thì kiều dân nào cũng có thể nói với sự ghen tị, “Một người đàn ông không khoan nhượng!”

Vợ ông là một bà già béo phì, hiền lành, có nốt ruồi bên lỗ mũi trái. Suốt từ thời thử thách cách mạng, mặt bà đã mắc tật máy giạt cảm động: bà thường đảo mắt liếc xéo lên trời. Petya có vóc dáng cũng bệ vệ như cha. Tôi thích vẻ buồn bã dịu dàng và sự hài hước bất chợt của cậu. Petya có bộ mặt lớn, mềm nhũn (mà cha cậu hay nói về nó thế này, “Cái mặt thể chữ — ba ngày cũng không đủ đi quanh một vòng”) và mái tóc nâu đỏ lúc nào cũng rối bù. Petya sở hữu một rạp chiếu nhỏ xíu trong một khu vực thừa dân của thị trấn, nó mang lại khoản thu nhập rất khiêm nhường. Và đấy, ta đã thấy cả gia đình.

Tôi bỏ ra cả ngày trước khi đi chỉ để ngồi bên quầy và quan sát Martin tiếp khách — đầu tiên ông sẽ hơi cúi người, tì hai ngón tay, trên mặt

¹ Richard I (1157–1199), vua Anh, được biết với tên Richard Coeur de Lion hoặc Richard the Lionheart.

quầy, rồi bước đến kệ, giơ ra một cái hộp trang trí hoa mỹ, và hỏi, trong khi ông mở nó bằng móng tay, "*Einen Rauchen?*"¹ — tôi nhớ ngày ấy vì một lý do đặc biệt: Petya bắt ngõ vào tù ngoài phố, tã tời và tái đi vì giận, cháu gái Martin quyết định quay về với mẹ nó ở Moskva, và Petya vừa mới gặp các đại diện ngoại giao. Khi một trong số các đại diện đưa cho cậu ta vài thông tin nào đó, thì người khác, rõ ràng có liên quan với cục chính trị quốc gia², nói thầm vừa đủ nghe rõ, "Đủ mọi loại cặn bã Bạch Vệ vẫn cứ lảng vảng khắp nơi."

"Tôi có thể băm nát hẳn," Petya nói, thụi nắm đấm vào lòng bàn tay, "nhưng đáng tiếc là tôi không thể quên đi tôi ở Moskva."

"Con đã có một hai lầm lỗi nhỏ trong lương tâm rồi," Martin lớn tiếng cầu nhàu hiền hậu. Ông ám chỉ đến một vụ rắc rối hết sức tức cười. Cách đây chưa lâu, trong ngày thánh bốn mạng của mình, Petya đã ghé qua một hiệu sách Xô-viết, mà sự hiện diện của nó làm ô uế cả một trong những con phố đẹp nhất Berlin. Họ không chỉ bán sách ở đó, mà cả các món đồ mỹ thuật thủ công khác nhau. Petya chọn một cái búa được trang trí bằng

¹ Làm điệu nhé? (Tiếng Đức).

² ГПУ — Государственное политическое управление.

cây anh túc và vẽ câu khẩu hiệu điển hình cho một cây búa Bolshevik. Người bán hàng hỏi cậu có muốn mua thêm gì khác không. Petya vừa nói, “Vâng, tôi muốn,” vừa hất đầu về phía bức tượng bán thân nhỏ bằng thạch cao của ngài Ulyanov. Cậu trả mười lăm mác cho bức tượng với cây búa, ngay sau đó, chẳng nói chẳng rằng, ngay tại đó, ngay trên quầy, cậu đập đánh bốp bức tượng ấy bằng cây búa ấy, và với lực mạnh đến nỗi ngài Ulyanov vỡ tan thành từng mảnh.

Tôi thích câu chuyện này, hết như tôi đã yêu, chẳng hạn, những câu châm ngôn ngờ nghếch đáng yêu từ thời thơ ấu không quên, vẫn sưởi ấm trái tim con người. Những lời của Martin khiến tôi nhìn Petya với một nụ cười. Nhưng Petya nhún vai rầu rĩ và cau có giận dữ. Martin lục ngăn kéo và mời cậu loại thuốc đất nhất trong tiệm. Nhưng thậm chí việc này cũng không giúp xua tan vẻ u sầu của Petya.

Nửa năm sau, tôi quay về Berlin. Một sáng Chủ Nhật nọ, tôi thấy nóng lòng muốn gặp Martin. Vào những ngày thường trong tuần thì có thể đi xuyên qua tiệm để đến chỗ ông, vì căn hộ của ông — ba phòng và một bếp — nằm ngay đằng sau nó. Nhưng đương nhiên vào sáng Chủ Nhật thì tiệm nghỉ, và cửa sổ đã đóng cái vỉ che nó lại. Tôi liếc

nhanh qua lưới sắt vào các hộp đỏ và vàng, vào các điều xì-gà ngăm đen, vào dòng chữ khiêm nhường trong góc: “Ở đây nói tiếng Nga,” để ý thấy cảnh trưng bày có vẻ vui tươi hơn về mặt nào đó, và bước xuyên qua sân trong đến chỗ Martin. Lạ thay — tôi thấy Martin hình như lại còn dễ chịu hơn, hoạt bát hơn, rạng rỡ hơn trước đây. Và Petya đã trở nên hoàn toàn không thể nhận ra được: những món tóc rậm, nhờn dầu của cậu được chải ngược ra sau, nụ cười rộng ngoác, hơi rụt rè không rời môi cậu, cậu giữ một sự im lặng hết sức thỏa mãn, và một mối ưu tư lạ lùng, sung sướng, như thể cậu mang cả kho hàng quý theo người, làm mềm đi mọi chuyển động. Chỉ có bà mẹ là vẫn tái nhợt như trước, và cũng cái tật máy giăt cảm động ấy vụt hiện ngang qua mặt bà như tia chớp hè mờ nhạt. Chúng tôi ngồi trong phòng khách sạch gọn của họ, và tôi biết là hai phòng khác — phòng ngủ của Petya và phòng ngủ của cha mẹ cậu — cũng ấm cúng và sạch sẽ như vậy, và tôi thấy đó là một suy nghĩ thật dễ chịu. Tôi nhấp trà chanh, lắng nghe những lời ngọt ngào của Martin, và tôi không thể dứt mình khỏi cảm tưởng rằng có gì đó mới mẻ đã xuất hiện trong căn hộ của họ, gì đó kiểu như sự hồi hộp vui vẻ, bí ẩn vẫn xảy ra, chẳng hạn, trong ngôi nhà nơi có một phụ nữ trẻ sắp làm mẹ. Một đôi lần Martin liếc

nhìn con trai với vẻ lo lắng, ngay sau đó cậu nhóm phất dây, rời phòng, và, lúc quay lại, kín đáo gật đầu về phía cha, như muốn nói rằng mọi chuyện vẫn đang diễn ra tốt đẹp.

Có gì đó cũng rất mới mẻ và, với tôi, khá là khó hiểu trong cuộc trò chuyện của ông già. Chúng tôi đang nói về Paris và người Pháp thì đột nhiên ông hỏi, “Kể ta nghe đi, anh bạn, nhà tù nào rộng nhất ở Paris?” Tôi trả lời là tôi không biết và bắt đầu kể cho ông ta nghe về một vở kịch thời sự Pháp mà các phụ nữ đánh phấn xanh đóng vai chính.

“Cậu nghĩ như thế thì có gì hay ho sao!” Martin ngắt lời. “Họ bảo, chẳng hạn, các phụ nữ ấy cào vữa khỏi tường nhà tù và dùng nó để đánh phấn lên mặt, cổ, hoặc bất cứ chỗ nào.” Để xác nhận lời mình, ông lấy từ phòng ngủ một tập sách dày của một nhà tội phạm học người Đức và kiểm tra trong nó một chương về lễ thói hằng ngày trong đời sống nhà tù. Tôi cố gắng đổi chủ đề, nhưng, chẳng quan trọng chủ đề tôi chọn, Martin vẫn bẻ lái nó khéo léo đến nỗi bỗng dưng chúng tôi thấy mình đang thảo luận về tính nhân đạo của án chung thân như cái gì đó đối chọi với việc tử hình, hoặc các phương pháp tài tình được phạm nhân sáng chế để trốn ra ngoài thế giới tự do.

Tôi bối rối. Petya, vốn thích mọi thứ cơ khí, đang cạy dao nhíp vào lò xo đồng hồ của cậu và cười khúc khích một mình. Mẹ cậu mãi thêu một tấm ren, thỉnh thoảng lại thúc khuỷu tay đẩy lát bánh mì nướng hay mút về phía tôi. Martin, nắm chặt bộ râu rối bời của mình bằng cả năm ngón tay, liếc xéo con mắt nâu vàng về phía tôi, và bỗng dưng có gì đó trong ông được buông ra. Ông vỗ mạnh lòng bàn tay lên bàn và quay qua con trai. “Ta không thể chịu đựng lâu hơn nữa, Petya — ta sẽ nói cho nó mọi điều trước khi ta nổ tung.” Petya im lặng gật đầu. Vợ Martin đứng dậy đi vào bếp. “Ba hoa quá ông ạ,” bà vừa nói vừa lắc đầu khoan dung. Martin đặt tay lên vai tôi, lắc tôi một cú mà giả như tôi là cây táo trong vườn thì có lẽ những quả táo sẽ phải rớt theo nghĩa đen khỏi người tôi, và nhìn vào mặt tôi. “Ta báo trước cho cậu,” ông nói. “Ta sắp kể cho cậu nghe một điều bí mật đến nỗi, một điều bí mật đến nỗi... mà thật ra ta cũng chẳng biết. Lưu ý cậu — không được hé răng nửa lời! Hiểu chưa?”

Rồi nghiêng người sát vào tôi, dìm ngạt tôi trong hương thuốc lá cùng mùi hăng hắc của người già, Martin kể cho tôi nghe một câu chuyện thật phi thường.

“Nó xảy ra,” Martin bắt đầu, “không lâu sau khi cậu đi. Một vị khách bước vào. Y rõ ràng là không để ý đến dòng chữ trên cửa sổ, vì y nói với tôi bằng tiếng Đức. Cho tôi nhấn mạnh điều này: nếu y để ý thấy dòng chữ thì có lẽ y đã không bước vào một cửa hàng khiêm nhường của người lưu vong. Tôi lập tức nhận ra y là người Nga theo cách phát âm của y. Mặt mũi y cũng Nga luôn. Dĩ nhiên tôi bắt đầu hăng hái nói tiếng Nga, hỏi y khoảng giá, loại hàng. Y đưa mắt nhìn tôi ra vẻ ngạc nhiên khó chịu: “Điều gì khiến ông nghĩ tôi là người Nga?” Tôi trả lời y cực kỳ thân thiện, theo như tôi nhớ, và bắt đầu tính thuốc lá của y. Đúng lúc ấy Petya bước vào. Khi nó nhìn thấy khách của tôi, nó thốt lên hết sức bình tĩnh, “Oan gia ngõ hẹp.” Thế rồi Petya nhà tôi bước đến gần y và dấm mạnh vào má y. Thằng này đông cứng luôn. Như sau này Petya giải thích với tôi, cái đã xảy ra không chỉ đơn giản là một cú nốc ao với nạn nhân ngã gục xuống sàn, mà là một kiểu nốc ao đặc biệt: hóa ra Petya đã tung ra một đòn đánh tác động chậm, và thằng kia đứng ngất luôn tại chỗ. Nhìn như thế y đang ngủ đứng vậy. Sau đó y bắt đầu từ từ đổ nghiêng ra sau như cái tháp. Lúc ấy Petya liền chạy vòng ra đằng sau y để tóm lấy y dưới nách. Mọi chuyện này hoàn toàn bất ngờ. Petya nói, ‘Giúp con một tay đi cha.’ Tôi hỏi nó định làm gì tiếp. Petya chỉ

nhắc lại: ‘Giúp con một tay.’ Tôi hiểu rõ Petya nhà mình — ở đó mà cười trừ, Petya — và biết chân nó vẫn đến đất, vẫn đang cân nhắc các hành động của mình, chứ không đánh người ta bất tỉnh chẳng vì gì cả. Chúng tôi kéo kẻ bất tỉnh ấy từ tiệm qua hành lang vào phòng Petya. Ngay lúc ấy tôi nghe tiếng chuông — ai đó bước vào tiệm. Đương nhiên rất may là khách không đến sớm hơn. Tôi quay lại tiệm, bán hàng, sau đó, may làm sao, vợ tôi về đến nơi với đồ mới mua, và tôi lập tức bắt bà ấy đứng quầy trong lúc tôi, không nói lời nào, sắp ngửa quay lại phòng Petya. Thằng kia nằm nhắm mắt trên sàn, còn Petya ngồi bên bàn, trầm ngâm nghiên cứu vài vật nào đó như một hộp xì-gà lớn bằng da, nửa tá bưu thiếp khiêu dâm, một cái ví, một cuốn hộ chiếu, một khẩu ru-lô cũ nhưng hình như vẫn hiệu quả. Nó giải thích luôn: như tôi tin chắc là cậu đã đoán được, những món đồ này lấy từ túi thằng kia và chính y thì chẳng phải ai khác ngoài cái thằng đại diện — cậu nhớ câu chuyện của Petya chứ — đã nói phách về căn bã Bạch vệ, đúng, đúng, chính thằng đó! Và, xét đoán theo vài món giấy tờ thì y đúng là người của CCQ, nếu tôi từng thấy một gã như vậy. “Hay quá,” tôi bảo Petya, “vậy là con đã đấm vào mặt một thằng. Dù nó có xứng đáng bị như vậy hay không thì cũng không quan trọng, nhưng hãy vui lòng giải thích

cho cha, giờ con định làm gì? Rõ ràng là con đã quên bég dì mình ở Moskva.” “Vâng, con quên thật,” Petya nói. “Ta phải nghĩ cách thôi.”

“Và chúng tôi cũng nghĩ ra. Trước tiên chúng tôi trói y bằng đoạn dây thừng bền chắc, và nhét khăn vào mồm hắn. Lúc chúng tôi đang loay hoay với y thì y tỉnh lại và mở một mắt. Lúc nhìn sát hơn, tôi nói cậu nghe, cái mặt y hóa ra không chỉ ghê tởm mà còn dần độn nữa — có gì đó như bệnh ghẻ lở trên cái trán, bộ râu, cái mũi củ hành. Để mặc y nằm trên sàn, Petya với tôi ngồi thoải mái ngay gần đó và bắt đầu xử án. Chúng tôi tranh cãi khá lâu. Chúng tôi không quan tâm lắm đến chính sự sỉ nhục — đó đương nhiên chỉ là chuyện vặt — mà đến toàn bộ nghề nghiệp của y, là nói thế, và đến những việc y từng làm ở Nga. Bị cáo được phép nói lời cuối. Khi chúng tôi gỡ khăn khỏi mồm, y rên rỉ, nôn khan, nhưng chẳng nói gì ngoài “Chờ chút, chờ chút nào...” Cái khăn được buộc lại, và phiên tòa tiếp tục. Thoạt đầu thì phiếu không thống nhất. Petya đòi án tử. Tôi thấy y đáng chết, nhưng đề nghị thay thế việc thi hành án tử bằng việc chấp hành án chung thân. Petya ngẫm nghĩ rồi nhất trí. Tôi bổ sung thêm rằng mặc dù y tất nhiên là đã phạm tội, nhưng chúng tôi cũng không thể biết chắc điều này; rằng chỉ riêng công việc

của y tự nó đã là tội ác; rằng bốn phận chúng tôi chỉ giới hạn trong việc làm cho y thành ra vô hại, không hơn. Giờ hãy nghe nốt phần còn lại.

“Chúng tôi có một buồng tắm ở cuối hành lang. Một căn buồng nhỏ, tối tăm, rất tối tăm, với một bồn tắm bằng sắt tráng men. Nước đình công khá thường xuyên. Ở đó có một con gián lúc ẩn lúc hiện. Buồng tối như vậy là do cửa sổ cực kỳ hẹp và lại còn nằm ngay dưới trần, ngoài ra, ngay đối diện cửa sổ, độ ba bộ hoặc ít hơn, có một bức tường gạch chắc đặc. Và chính ở đấy, trong cái hóc này, chúng tôi quyết định giữ tù nhân lại. Đó là ý tưởng của Petya — vâng, vâng, Petya, xin trả lại cho Caesar. Dĩ nhiên trước tiên phải chuẩn bị xà lim. Chúng tôi bắt đầu bằng việc lôi tù nhân vào hành lang để y ở gần trong lúc chúng tôi làm việc. Đúng lúc ấy thì vợ tôi, vừa mới đóng tiệm nghỉ đêm và trên đường vào bếp, nhìn thấy chúng tôi. Bà ấy thất kinh, thậm chí phẫn nộ, nhưng rồi hiểu ra lý do của chúng tôi. Gái ngoan. Petya bắt đầu bằng việc phá tung một cái bàn chắc nặng mà chúng tôi có trong bếp — đập rời chân và dùng tấm ván nhận được sau đó để đóng bít cửa sổ buồng tắm lại. Rồi nó vặn các vòi nước ra, tháo bình nước nóng hình trụ, đặt tấm nệm lên sàn buồng tắm. Dĩ nhiên hôm sau chúng tôi sửa sang

thêm vài thứ khác nhau: chúng tôi thay khóa, lắp khóa chết, gia cố tấm bảng trên cửa sổ bằng kim loại — và mọi việc này đương nhiên không gây quá nhiều tiếng ồn. Như cậu biết, chúng tôi không có hàng xóm, nhưng tuy nhiên chúng tôi vẫn phải làm cẩn thận. Kết quả là một xà lim thực sự, và chúng tôi cho gã CCQ vào đó. Chúng tôi tháo dây thừng, gỡ khăn, cảnh báo y rằng nếu y bắt đầu kêu thì chúng tôi sẽ quấn y lại như cũ ngay và để rất lâu; rồi hài lòng với việc y đã hiểu tấm nệm được đặt trong bồn tắm cho ai, chúng tôi khóa cửa và thay phiên nhau đứng gác cả đêm.

Thời điểm ấy đánh dấu sự khởi đầu cuộc đời mới của chúng tôi. Tôi không đơn giản là Martin Martinich nữa, mà là Martin Martinich cai ngục trưởng. Thoạt đầu, tù nhân cùng nhà choáng váng với những gì đã xảy ra đến mức hành vi của y bị kìm nén. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, y trở lại trạng thái bình thường và, khi chúng tôi mang bữa ăn đến cho y, bắt đầu chửi rửa dữ dội bằng những từ ngữ tục tĩu. Tôi không thể nhắc lại sự bậy bạ của y; tôi sẽ giới hạn mình trong việc nói rằng y đặt người mẹ quá cố thân yêu của tôi vào những tình huống lạ lùng nhất. Một quyết định được đưa ra là phải khắc sâu hằn vào y bản chất tình trạng pháp lý của y. Tôi giải thích rằng y sẽ còn bị giam

cầm cho đến cuối đời; rằng nếu tôi chết trước tiên thì tôi sẽ chuyển hẳn cho Petya như một món thừa kế; rằng con trai tôi, đến lượt nó, cũng sẽ chuyển y cho cháu nội tương lai của tôi và cứ thế, biến y thành một dạng như truyền thống gia đình. Một món gia bảo. Tôi nhân tiện nhắc luôn là trong trường hợp hiếm khi xảy ra mà chúng tôi phải chuyển qua căn hộ khác ở Berlin thì y sẽ bị trói lại, đặt vào một cái rương đặc biệt, và sẽ đi cùng chúng tôi một cách dễ dàng như cái bánh ngọt. Tôi tiếp tục giải thích cho y rằng chỉ trong duy nhất một trường hợp y sẽ được ân xá. Ấy là, y sẽ được thả vào cái ngày mà bong bóng Bolshevik nổ tung. Sau cùng, tôi hứa rằng y sẽ được cho ăn uống tử tế — tốt hơn nhiều so với khi, vào thời của tôi, tôi từng bị Cheka giam giữ — và rằng, nhờ đặc ân, y sẽ được nhận sách. Mà trên thực tế, đến giờ này, tôi không tin là y từng có lần nào phải than phiền về thức ăn. Đúng là thoát đầu Petya đề nghị cho y ăn cá dầy khô, nhưng nó tìm hoài không ra thứ cá Xô-viết này ở Berlin. Chúng tôi đành phải cho y thức ăn tư sản. Sáng sáng, đúng tám giờ, Petya cùng tôi bước vào và đặt bên cái bồn của y một bát súp nóng với thịt cùng một ổ bánh mỳ xám. Cùng lúc ấy, chúng tôi lấy đi một cái bơ, một món đồ thông minh mà chúng tôi sắm chỉ vì y. Lúc ba giờ, y được một tách trà, lúc bảy giờ thêm chút súp.

Chế độ dinh dưỡng này bắt chước theo một cái được dùng tại các nhà tù tốt nhất châu Âu.

Sách vở là vấn đề phức tạp hơn. Chúng tôi họp gia đình để thảo luận những cuốn khởi đầu, và dừng lại ở ba cái tên: *Hoàng tử Serebryaniy*, *Thơ ngụ ngôn* của Krylov, và *Vòng quanh thế giới trong tám mươi ngày*. Y tuyên bố là y sẽ không đọc các “Sổ tay Bạch vệ,” nhưng chúng tôi để sách lại cho y, và chúng tôi có mọi lý do để tin rằng y rất thích đọc chúng.

Tâm trạng y rất thất thường. Y dần dần trở nên im lặng. Hiển nhiên y đang toan tính gì đó. Có thể y hy vọng cảnh sát bắt đầu tìm y. Chúng tôi rà soát trên báo chí, nhưng chẳng có lời nào về điệp viên Cheka mất tích. Chắc có lẽ các đại diện khác đã quyết định là y đơn giản đã đào ngũ, và nên giấu vụ này đi thì hơn. Liên quan đến giai đoạn trầm ngâm này có toan tính của y nhằm bỏ trốn, hoặc chí ít là gửi lời ra thế giới bên ngoài. Y lê lét quanh xà lim, chắc có lẽ để với đến được cửa sổ, cố soi mói qua chỗ ván lỏng, cố đập, nhưng chúng tôi hăm dọa y vài câu và việc đập phá đó mới thôi. Có lần, khi Petya vào đó một mình, y nhào đến tấn công nó. Petya tóm lấy y, ghì chặt y trong vòng tay gấu dịu dàng và đặt y ngồi lại bôn. Sau sự cố này, y thay đổi lần nữa, trở nên rất tốt bụng, thậm chí

có lúc còn đùa bỡn, rồi rốt cuộc thử mua chuộc chúng tôi. Y đề nghị biếu chúng tôi một số tiền khổng lồ, hứa sẽ lấy nó qua ai đó. Khi việc ấy cũng chẳng giúp được gì, y bắt đầu khóc thút thít, rồi quay lại chửi thề còn tệ hơn trước. Lúc này y đang ở giai đoạn dễ bảo nham hiểm, mà tôi e là báo trước điềm gở.

Chúng tôi đưa y đi bộ hằng ngày trong hành lang, và hai lần một tuần, chúng tôi cho y hóng gió qua ô cửa sổ mở; đương nhiên chúng tôi phòng ngừa mọi việc cần thiết để ngăn y hét lên. Thứ Bảy y được tắm. Bản thân chúng tôi phải tắm trong bếp. Vào Chủ Nhật, tôi dạy y vài bài giảng ngắn và cho phép y hút ba điếu thuốc — trước mặt tôi, dĩ nhiên. Các bài giảng này về cái gì? Đủ mọi thể loại. Pushkin, chẳng hạn, hoặc Hy Lạp cổ. Chỉ một chủ đề bị bỏ qua — chính trị. Y bị cách li hẳn khỏi chính trị. Chẳng khác nào thứ như vậy không tồn tại trên mặt đất. Và cậu biết gì không? Từ lúc tôi giam giữ một điệp viên Xô-viết, từ lúc tôi phụng sự tổ quốc, tôi đơn giản là một người khác. Vui vẻ và hạnh phúc. Mà công việc làm ăn rất phát đạt, nên chuyện nuôi y cũng không phải vấn đề lớn. Y làm tôi tốn độ hai chục mác một tháng, tính cả tiền điện: trong đó tối mò, thành thử từ tám giờ sáng

đến tám giờ chiều, một bóng đèn yếu được để sáng.

Cậu hỏi y xuất thân từ môi trường nào à? Tôi biết nói sao nhỉ... Y hai tư tuổi, y là nông dân, không chắc y đã tốt nghiệp thậm chí trường làng, y là cái thứ vẫn được gọi là ‘cốt cán,’ chỉ được học để thoát mù chữ về chính trị, việc mà trong sách chúng tôi có nghĩa là cố biến thằng đầu đất thành thằng đầu bã đậu — đó là tất cả những gì tôi biết. Ồ, nếu cậu muốn thì tôi sẽ cho cậu xem y, chỉ nhớ là không được hé răng nửa lời!”

Martin đi ra hành lang. Petya với tôi theo chân. Nhìn ông già bận áo vét ấm trong nhà thực sự giống cai ngục. Ông lôi chìa khóa ra lúc đang bước, và có gì đó gần như chuyên nghiệp trong cái lối ông dứt chìa vào ổ. Ổ khóa kêu lạch xạch hai lần, và Martin mở tung cửa. Khác xa một cái hang thiếu sáng như hình dung, đó là một buồng tắm rộng rãi, tuyệt đẹp, thuộc dạng mà người ta có thể tìm thấy trong các ngôi nhà Đức đầy đủ tiện nghi. Đèn điện, sáng dễ chịu với mắt, cháy sau chụp đèn trang trí công phu, vui vẻ. Một tấm gương lắp lánh trên tường bên tay trái. Trên bàn ngủ bên bồn tắm có sách, một quả cam bóc sẵn trên cái đĩa bóng loáng, và một chai bia chưa đụng đến. Trong cái bồn tắm trắng, trên tấm đệm phủ ga sạch sẽ, với

chiếc gối lớn dưới phần sau đầu, một gã no đủ, mắt sáng, với bộ râu mọc dài, bận áo choàng tắm (mặc thừa của ông chủ) và đi dép lê ấm mềm.

“Nào, cậu thấy sao?” Martin hỏi tôi.

Tôi thấy cảnh thật hài hước và chẳng biết trả lời sao. “Đó là nơi từng là cửa sổ,” Martin chỉ ngón tay. Chắc chắn rồi, cửa sổ được bọc ván kỹ đến hoàn hảo.

Tù nhân ngáp và quay vào tường. Chúng tôi đi ra. Martin vừa cười vừa vuốt ve cái then. “Chẳng có chút cơ hội nào cho y trốn thoát,” ông nói, rồi trầm ngâm bổ sung thêm, “tôi rất tò mò muốn biết, dẫu sao thì, y sẽ sống trong đó bao nhiêu năm...”

Thanh âm

1

Phải đóng cửa sổ thôi: mưa, đập vào bụi, bắn lên ván sàn, lên ghế. Trong vườn, qua cỏ cây, trên cát da cam, với tiếng gầm gào tươi mới và trơn tuột, những bóng ma bạc khổng lồ lướt đi. Các ống thoát sặc nước ùng ục. Em đang chơi Bach. Cây đại dương cầm nhắc chiếc cánh bóng loáng; dưới cánh, nằm sóng soải, một chiếc đàn lia; những cây búa nhỏ liên tục vỗ lên các dây

đàn. Từ đuôi đại dương cầm, tấm thảm gấm tuột những nếp gấp thô kệch, làm rơi lên ván sàn một tập nhạc mở tung. Thảng hoặc, xuyên qua nỗi xao xuyến của tấu khúc, chiếc nhẫn lại leng keng trên phím đàn, và cơn mưa rào tháng Bảy tạt liên miên và diều huyền vào mặt kính. Còn em, không ngừng chơi và hơi nghiêng đầu, reo lên theo nhịp — du dương miễn cưỡng:

— Mưa, mưa... Em sắp át tiếng nó.

Nhưng em không thể át được nó.

Dứt khỏi các cuốn an-bom nằm như những quan tài nhưng trên bàn, anh nhìn em, lắng nghe tấu khúc, lắng nghe mưa, — và trong anh trào dâng cảm giác tươi mới, như mùi hương cẩm chướng ẩm ướt đương tuôn xuống khắp nơi: từ xích-đông, từ cánh đại dương cầm, từ những hạt kim cương tuôn dài trên chức đài treo. Ấy là cảm giác cân bằng phần khích nào đó: anh cảm thấy mối liên hệ nhạc tính giữa bóng ma bạc của cơn mưa với bờ vai xuôi của em, đôi vai rùng nhẹ khi em ấn ngón tay lên nước bóng rung rinh. Và khi anh rút vào sâu trong mình, cả thế giới với anh có vẻ thế này — vẹn nguyên, đồng thuận, kết liên bằng luật hài hòa. Anh, em, cơn mưa rào, những đóa cẩm chướng — trong khoảnh khắc ấy là các

hợp âm thẳng đứng trên khuông nhạc. Anh hiểu rằng mọi vật trên trần gian là trò chơi của các phân tử đồng nhất, hợp thành những hòa âm khác biệt: cây, nước, em... Duy nhất, tương đương, thần thánh. Em đứng dậy. Mưa còn cắt nắng. Các vũng nước, như những hố thẳm trên cát thẳm, chiếu vào những bầu trời nào đó khác đang trôi dưới đất. Trên ghế băng, lấp lánh như đồ sứ Đan Mạch, nằm lại một cây vợt bỏ quên: dây nâu đi vì mưa, khung cong hình số tám.

Khi chúng mình vào đường cây — đầu ngất ngây vì sự loang lổ của bóng râm, vì mùi nấm mục. Anh nhớ em ở giữa luồng sáng nào đó. Em có đôi khuỷu nhọn và cặp mắt nhạt nhòa, y như được phủ phấn hoa. Khi em nói — em cắt không khí bằng cạnh lòng bàn tay, bằng ánh lấp lánh của chiếc vòng trên cổ tay gầy. Tóc em lẫn vào, tan ra trong bầu không khí ngập nắng rung rinh quanh nó. Em hút nhiều và vội. Em thả khói qua hai lỗ mũi, em quều quào gảy tàn. Đèn trang xám lam của em nằm cách đèn trang nhà anh chừng năm véc-xta¹. Bên trong đèn trang của em âm vang, xa hoa và lạnh lẽo. Ảnh nó từng xuất hiện trong tờ tạp chí bóng loáng của thủ đô. Gần như mỗi buổi

¹ Dặm Nga, tương đương 1,06km.

sáng, anh lại phóc lên cái nệm da xe đạp và lách cách, lách cách theo lối mòn, xuyên rừng, rồi, theo đường cái, qua làng và lại theo lối mòn — để đến với em. Em tính là chồng em đến tháng Chín vẫn chưa về. Và chúng mình chẳng sợ gì, cả những lời xì xào từ đám gia nhân của em, cả những hoài nghi của gia đình anh. Chúng mình cả đôi, mỗi người một kiểu, tin vào số phận.

2

Tình em cũng hơi lãnh đạm, y hết giọng em. Em yêu như thể vẫn dè chừng, và chẳng nói về tình yêu — chẳng bao giờ. Em là một trong số các phụ nữ thường im lặng và ta lập tức quen với sự im lặng của họ. Nhưng đôi lúc có gì đó vỡ ra trong em. Những lúc ấy cây Bechstein khổng lồ của em sẽ rền vang — còn không thì, nhìn mơ hồ trước mặt mình, em sẽ kể cho anh những giai thoại rất buồn cười nghe được từ chồng, từ các chiến hữu cùng trung đoàn của y. Anh nhớ tay em — dài, tái, nổi gân xanh.

3

Và cái ngày hạnh phúc ấy, khi mưa tạt và em chơi hay đến bất ngờ, đã giải quyết được sự không

rõ ràng vẫn âm thầm nổi lên giữa chúng mình sau những tuần yêu đầu tiên. Anh hiểu là em chẳng có quyền gì với anh, rằng không chỉ mình em, mà cả địa cầu này — nhân tình của anh. Lòng anh như thể thả ra vô số xúc tu thính nhạy, và anh sống trong vạn vật, đồng thời cảm nhận được, đâu đó sau cửa sổ, gầm gào tiếng thác Niagara và — đấy — trên đường cây, xào xạc và rơi lộp độp, những giọt vàng dài. Anh ngấm lớp vỏ bạch dương óng ánh và chợt cảm thấy: không phải tay anh, mà những cành cong trong vòm lá ẩm li ti, và không phải chân, mà hàng ngàn rễ mảnh vụn mình uống đất. Anh những muốn trút mình như vậy vào cả thiên nhiên, muốn nếm trái xem thế nào là được làm cây nắm thông già với mặt dưới vàng lỗ chỗ, hoặc chú chuồn chuồn, hoặc vành nhật hoa. Anh hạnh phúc đến nổi bỗng dựng bật cười, hôn em lên xương quai xanh, lên gáy. Thậm chí anh còn đọc thơ cho em nghe, nhưng em không thể chịu nổi thơ.

Em mỉm cười và nói:

— Mưa xong thích quá. — Sau đó em nghĩ và nói thêm: — Anh biết không, em chợt nhớ ra: cái người hôm nay mời em đến nhà mình uống trà ấy, tên gì nhỉ, à, Pal Palych. Hẳn chán ngắt, nhưng, anh hiểu không, em vẫn phải đi.

Ai chứ Pal Palych thì anh quen biết đã lâu: bọn anh từng có dịp đi câu cá cùng nhau, và y bỗng dựng hát “Tiếng chuông chiều” bằng giọng tê-no nhúc nhối. Anh rất thích y. Giọt lửa rơi thẳng từ lá lên môi anh. Anh ngỏ ý muốn đi cùng em.

Em nhún vai ớn lạnh:

— Chúng mình sẽ chết vì buồn ở đó mất thôi. Kinh lắm.

Em ngấm cổ tay, thở dài.

— Đến giờ rồi. Em phải đi thay giày.

Trong phòng ngủ lờ mờ của em, chiếu xuyên qua tấm màn bông, nắng nằm hai vạt thang vàng. Em lúng búng nói gì đó. Sau cửa sổ, cây rỏ giọt, thổi xạc xào hạnh phúc. Và, cười vào tiếng xạc xào ấy, anh ôm em, nhẹ nhàng, không khao khát.

4

Cảnh thế này: trên một bờ sông — trang viên của em, đồng cỏ của em, trên bờ kia — làng. Nhiều chỗ trên đường cái là những hố sâu; bùn ngả sắc tím màu mỡ, nước sủi bọt cà phê sữa động trong các vết bánh xe. Chiếc bóng xiên của căn nhà gỗ xẻ đen ngòm vươn dài một cách đặc biệt rõ nét.

Chúng mình đi dưới bóng râm trên lối mòn giẫm-chặt, dọc theo một tiệm tạp hóa, một quán trọ với tấm biển ngọc lục bảo, dọc theo những cái sân ngập nắng, tỏa mùi phân chuồng, hương cỏ khô mát lành.

Trường còn mới, xây đá, chung quanh trồng thích. Trên ngưỡng ngay trước cái cửa há hốc, một chị nông dân, lấp lóa bắp chân trắng ngần, đang vắt giẻ vào xô.

Em hỏi:

— Sao, Pal Palych có nhà không?

Chị nông dân (tàn nhang, tóc tết) nheo mắt vì nắng.

— Nhất định rồi, ở nhà, — chị đẩy gót vào cái xô xúng xoảng. — Mời vào, thưa bà chủ. Họ sẽ ở trong xưởng.

Chúng mình cót két theo hành lang tối mò, sau đó — qua phòng học rộng, anh tiện thể nhìn vào tấm bản đồ xanh da trời; thầm nghĩ: đấy, cả nước Nga như vậy — nắng lóa, ổ gà... Trong góc sáng lên một mẫu phấn bẹp. Còn xa hơn, trong xưởng nhỏ, phảng phất mùi thơm dễ chịu từ keo dán, mặt gỗ thông. Không áo vét, múp míp và nhẽ

nhại mồ hôi, Pal Palych đang bào, đưa chân trái lên trước, vờn cái bào ngon lành theo tấm ván trắng rên rĩ. Trong luồng sáng bụi bặm, mảng hơi ẩm ướt của y lắc tới lắc lui. Trên sàn, dưới bàn thợ, phoi gỗ xoắn lại như những búp tóc quăn nhẹ bổng.

Anh nói lớn:

— Pal Palych, ông có khách!

Y giật mình, lập tức luống cuống, rồi rít hôn chùn chụt lên bàn tay mà em nhấc lên với một cử chỉ mới yếu ớt làm sao, mới quen thuộc làm sao, rồi, trong khoảnh khắc, chọc những ngón tay ẩm vào bàn tay anh, lắc nhẹ. Y có bộ mặt dường như được nặn từ đất bơ, ria mềm, với những nếp nhăn bất ngờ.

— Xin thứ lỗi, anh chị thấy đấy, tôi không bận đồ, — y cười ngượng ngùng.

Y chộp lấy từ bậc cửa sổ hai hình trụ đứng cạnh nhau — các cổ tay áo, rồi vội đeo vào.

— Ông đang làm gì đấy? — em hỏi, lấp lánh vòng tay.

Pal Palych vùng vẫy mặc áo vét.

— À, vớ vẩn ấy mà, — y nói lè nhè, hơi ngắc ngư tại các phụ âm môi. — Cái ngắn nhỏ thôi. Chưa xong. Sau đó mài nhẵn, quét sơn. Mà xem cái này hay hơn — nó được gọi là “Ruồi”...

Bằng cú xoa hai bàn tay chập lại, y vặn cái máy bay trực thăng nhỏ bằng gỗ, nó kêu vo vo, bay lên, đung trần, rớt xuống.

Bóng nụ cười nhả nhận lướt ngang mặt y.

— Thôi xong, tại tôi đấy! — Pal Palych lại bắt đầu đưa đi. — Ta hãy lên trên nào, quý vị. Cửa chỗ này hơi kêu. Thứ lỗi. Cho phép tôi đi trước. Tôi e là chỗ tôi chưa được dọn...

— Hình như ông ta quên là đã mời em đến, — em nói bằng tiếng Anh, khi chúng tôi leo lên cái cầu thang cọt kệt không sơn...

Anh nhìn lưng em, nhìn những ô lụa nhỏ trên săng-day em. Đâu đó bên dưới, chắc là trong sân, vang lên giọng đàn bà lạnh lạnh: “Gerosim! Ê, Gerosim!” — và bỗng anh thấy thật rõ ràng rằng hàng thế kỷ nay thế giới nở hoa, héo úa, xoay tròn, đổi thay chỉ để bây giờ, vào khoảnh khắc này có thể kết liên, hòa quyện vào một hợp âm thẳng đứng cả giọng nói đang vang lên dưới kia, chuyển động bả vai lụa là của em, mùi ván thông.

5

Phòng Pal Palych nắng tràn và hơi chật. Trên đầu giường đóng đinh một tấm thảm nhỏ đỏ tươi với con sư tử vàng thêu chính giữa. Trên bức tường khác, treo trong khung một chương từ tiểu thuyết “Anna Karenhina”¹, được lựa chọn sao cho trò chơi tối sáng của các chữ cái khác nhau và bố cục khéo léo của các dòng chữ tạo thành gương mặt Tolstoy. Chủ nhà, tất tả xoa tay, mời em ngồi, gạt vạt áo vét làm cuốn tập rơi khỏi bàn, xin lỗi, đặt nó lại chỗ cũ. Trà, sữa chua, bánh quy xuất hiện. Pal Palych lấy từ ngăn tủ com-mốt ra một hộp kẹo ca-ra-men Landrin màu mè. Khi y cúi người, nếp da đầy mụn phồng lên sau cổ áo. Trên bậu cửa sổ, trong tờ nhện, vàng vàng một con ong nghệ đã chết.

— Saraevo ở đâu nhỉ? — bỗng dừng em hỏi, sột xoạt trang báo mà em uể oải lấy từ trên ghế.

Pal Palych, đang bận rót trà, trả lời:

— Ở Serbia.

¹ Một tác phẩm của đại văn hào Lev Nikolayevich Tolstoy (1828–1910).

Rồi, với bàn tay run rẩy, y thận trọng đưa em cái cốc bốc khói trong đế bạc.

— Của cô đây. Chẳng hay tôi có thể mời cô thêm ít bánh quy được không? Mà sao họ ném bom vậy? — y giật vai, quay qua anh.

Anh nhìn — lần thứ một trăm — cái chặn giấy thủy tinh to dày: bên trong thủy tinh — màu lam hồng và thánh đường Isaac¹ lấp lăm lấp lăm những hạt cát vàng. Em bật cười và đọc thành tiếng:

— Hôm qua, trong nhà hàng “Quisisana” đã bắt giữ Yeroshin, đại phú gia nhị đẳng. Hóa ra là Yeroshin vin có...

Em lại cười:

— Thôi, sau đó hơi bất lịch sự.

Pal Palych mất bình tĩnh, mặt tím lại, đánh rơi thìa. Lá thích bóng lên ngay dưới cửa sổ. Xe ngựa kêu lộc cộc. Đâu đó xa xa, rầu rĩ và dịu dàng vọng lại: kem ơ!...

¹ Một thánh đường tuyệt đẹp ở trung tâm thành phố Saint Petersburg, nằm gần nhà gia đình Nabokov. Đây cũng là một trong các biểu tượng của thành phố cổ đô Nga này.

6

Y lên tiếng nói về trường học, về tệ nghiện rượu, về chuyện trên sông xuất hiện cá hồi. Anh bắt đầu chăm chú nhìn y, và anh tưởng như lần đầu tiên anh thật sự thấy y — dẫu đã biết y từ lâu. Ngay từ lần đầu gặp gỡ, có lẽ anh đã nhìn y — và cái diện mạo ban đầu ấy đã ăn sâu vào óc anh, không thay đổi, như thứ gì đó đã được tiếp nhận, đã quen thân. Khi anh thoáng nghĩ về Pal Palych, không hiểu sao anh cứ có cảm giác là không chỉ ria y màu vàng sẫm, mà cả chòm râu cũng thế. Một chòm râu ảo — đặc tính của nhiều bộ mặt Nga. Giờ đây, ngắm y bằng tâm nhãn, theo một cách thức khá đặc biệt, anh nhìn thấy là trên thực tế thì cằm y tròn, không râu, hơi chẻ làm đôi. Mũi nung núc thịt, còn bên mí trái, anh để ý thấy một mụn cơm mà anh những muốn xẻo đi, nhưng xẻo đi có nghĩa là giết. Trong cái hột nhỏ ấy là toàn bộ y, chỉ mình y.

Và khi anh đã hiểu ra mọi điều này, đã quan sát toàn bộ y, anh thực hiện một chuyển động nhẹ, rất nhẹ, như thể thả hồn trượt dốc, và anh nhập vào Pal Palych, chiếm chỗ trong y, cảm thấy sao đó từ bên trong y cả mụn cơm trên mí mắt nhẵn, cả ve áo hồ bột, cả con ruồi bò trên đỉnh đầu. Anh

biến thành y. Anh nhìn mọi thứ bằng cặp mắt sáng lảo liên của y. Anh thấy con sư tử vàng trên đầu giường có vẻ quen thuộc từ lâu, chính xác là từ thời thơ ấu nó đã được treo trên tường phòng anh. Tấm bưu thiếp màu ngập trong kính lồi trở nên tươi đẹp lạ thường. Ngồi trước mặt anh không phải em, mà người bảo trợ trường học, một quý bà trầm lặng ít quen biết trên chiếc ghế rơm thấp mà lưng anh đã quen. Và lập tức, cũng với cái chuyển động nhẹ nhàng ấy, anh nhập vào em, cảm thấy dải nịt trên đầu gối, còn cao hơn nữa — cảm giác buồn buồn từ phin nỡn, nghĩ thay em, là buồn, là nóng, là muốn hút thuốc. Vào đúng khoảnh khắc ấy, em rút cái tráp vàng ra khỏi túi, đặt điếu thuốc vào bát. Và anh ở trong tất cả: trong em, trong điếu thuốc, trong Pal Palych đang vụng về quẹt diêm, trong cả cái chặn giấy thủy tinh, trong cả con ong nghệ đã chết trên bậu cửa sổ.

7

Nhiều năm trôi qua từ dạo ấy, và anh không biết giờ này y ở nơi nao — gã Pal Palych rụt rè, nhệu nhạo ấy. Chỉ thỉnh thoảng, khi anh ít nghĩ về y hơn cả thì anh lại thấy y trong mơ, trong bối cảnh cuộc đời hiện thời của anh. Y bước vào phòng với dáng điệu tươi cười, tất tả của mình,

với chiếc mũ pa-na-ma bạc màu trên tay, vừa đi vừa cúi chào, lau chỗ hói và cái cổ bằng chiếc khăn mùi soa khổng lồ. Và khi anh mơ thấy y, thế nào em cũng đi ngang qua giấc mơ anh, uể oải, mặc sẵn đay lùa với thắt lưng thấp.

8

Anh ít nói trong cái ngày hạnh phúc tốt cùng ấy: nuốt những bông sữa chua trơn tuột, lắng nghe mọi thanh âm. Khi Pal Palych im lặng, có thể nghe rõ bụng y sôi: lục đục nhẹ, rồi hơi ọc ọc. Lúc đó y thành thực đáng hăng và vội vàng bắt đầu kể gì đó, ngắc ngứ, không tìm được những lời cần thiết, nhăn mặt, gõ những đệm đầu ngón lên bàn. Ngả người ra sau trên ghế thấp, em bình thản im lặng, quay nghiêng đầu và nhắc khuỷu tay nhọn, sửa lại cây trâm đằng sau, nhìn anh từ dưới hàng mi. Em nghĩ anh lúng túng trước Pal Palych, lúng túng vì mình đến cùng nhau, lúng túng vì có thể y đoán ra mối quan hệ giữa chúng ta. Còn anh thấy buồn cười vì em nghĩ như vậy, buồn cười vì thấy Pal Palych rầu rĩ và dờ dẩn đỏ mặt lên khi em cố tình kể về chồng, về công việc của anh ta.

Trước trường, dưới tán thích, nắng rải đất son nóng rát. Từ ngưỡng cửa, Pal Palych tiễn chúng mình, cúi chào, cảm ơn vì đã ghé qua, cúi chào lần nữa. Ngay cửa, trên tường ngoài, cái nhiệt kế ánh lên sắc trắng thủy tinh.

Sau khi ra khỏi làng và đi qua cầu, lúc chúng mình bắt đầu leo lên lối mòn về hướng điền trang của em, anh nắm lấy bên dưới khuỷu tay em và em quay người nhìn anh với nụ cười mủm mỉm đặc biệt ấy, nhờ nó mà anh biết là em đang hạnh phúc. Anh bỗng dưng muốn kể em nghe về những nếp nhăn của Pal Palych, về thánh đường Isaac trong ánh lấp lánh, nhưng anh vừa mới bắt đầu thì đã cảm thấy là những lời nói ra thật vô vị, không như ý, và khi em âu yếm bảo: “đồ hư hỏng!”, thì anh chuyển qua chuyện khác. Anh biết: em cần những cảm giác giản đơn, những lời nói giản đơn. Sự im lặng của em cũng thanh thoi và yên gió như của mây trời cùng cây cỏ. Mọi sự im lặng đều giả định một bí mật. Em hình như bí ẩn rất nhiều.

Một người thợ bận áo cánh căng phồng đang mạnh tay mài xoèn xoẹt lưỡi hái. Bướm dập dờn trên đám cỏ lưỡi mèo chưa bị phạng đi. Trên đường mòn, bước ngược hướng chúng mình là một cô gái với chiếc khăn xanh lục nhạt trên vai, với bông cúc dại trên mái tóc sẫm màu. Anh đã ba lần thấy cô ấy, vẫn nhớ rõ cái cần cổ mảnh mai cháy nắng. Lúc đi ngang qua chúng mình, cô ấy chăm chú chạm vào em bằng cặp mắt phẳng lì, lé kim, sau đó thận trọng nháy qua con mương rồi giấu mình sau những cây trăn. Sự rung rinh ánh bạc lướt qua các bụi cây mờ đục. Em bảo: “Chắc có lẽ cô ta đi dạo trong trang viên của em. Thật em không sao chịu nổi những phụ nữ đi nghỉ ở dã thự này...” Con phốc-te-ri-ơ¹ già béo chạy trên đường mòn, đuổi theo cô chủ của mình. Em mê chó. Em huýt sáo, ngồi xổm. Chó bò rạp lại gần, xun xoe, cụp phẳng tai. Dưới bàn tay chìa ra của em, nó lăn ngửa lên, khoe cái bụng hồng với những vết địa lý cũ kỹ. “Ôi em, chó ngoan của chị”, - em nói bằng giọng đặc biệt vỗ về.

¹ Fox Terrier — một giống chó nhỏ.

Con phốc-te-ri-ơ lăn lộn một lúc rồi ông ẹo sủa ăng ăng và chạy tiếp, phi qua mương.

Khi chúng mình đã lại gần cổng trang viên, em muốn hút thuốc, nhưng, sau khi lục túi, em khẽ chép miệng:

— Ngốc thật! Em quên cái bót ở chỗ ông ấy rồi.

Em sờ vai anh:

— Anh yêu, chạy đi! Không thì em không thể hút được.

Anh cười, hôn đôi mi rung rinh của em, hôn nụ cười mủm mím của em.

Em hét theo anh:

— Nhanh nhé!

Và khi ấy anh guồng chân chạy — không vì phải vội, mà vì mọi thứ chung quanh đều chạy: cả các sắc thái của những bụi cây, cả bóng mây trên cỏ ẩm, cả những bông hoa tím nhạt trốn vào khe xói để tránh ánh chớp lười liềm.

11

Sau độ mười phút, vừa thở nóng ran, anh vừa leo cầu thang vào trường, đập mạnh nắm tay vào cánh cửa nâu. Trong phòng có tiếng lò xo của tấm nệm. Anh xoay tay nắm cửa: bị khóa.

— Ai đó? — Pal Palych luống cuống đáp lại.

Anh la lên:

— Cho tôi vào đi!

Đệm lại kêu ken két; lệch xệch tiếng bàn chân không giày. Và ngay lập tức anh thấy mắt y đỏ hoe.

— Vào đi, vào đi... Rất hân hạnh. Anh thấy đấy, tôi đang ngủ. Xin thứ lỗi.

— Cái bốt còn đây, — anh nói mà cố không nhìn y.

Anh tìm được dưới ghế một cái ống tráng men xanh lục. Anh nhét vào túi. Pal Palych thổi kèn mũi vào khăn mùi soa.

— Cô ấy là người tuyệt vời, — y nhận xét chả đâu vào đâu và nặng nề ngồi lên giường. Thở dài. Nhìn nghiêng.

— Ở phụ nữ Nga có, anh biết không, đại loại là... — Nhấn cả mặt, lau tay lên trán. — Đại loại là... (Âm ừ khe khẽ.) Sự hy sinh. Không gì tuyệt hơn trên thế gian này. Sự hy sinh đặc biệt tinh khiết, đặc biệt tuyệt vời... — Chắp tay lại sau đầu, nở một nụ cười trữ tình. — Đặc biệt...

Y im lặng một lát rồi hỏi nhưng đã bằng một tông giọng khác, mà y thường làm anh bật cười với nó:

— Thế anh muốn kể gì cho tôi vậy, bạn quý của tôi?

Anh muốn ôm y, kể cho y nghe gì đó thật dịu dàng, thật cần thiết.

— Ông nên đi dạo đi, Pal Palych. Việc gì mà ông phải ủ rũ trong căn phòng ngột ngạt này.

Y khoát tay:

— Còn gì tôi chưa thấy ngoài đó nữa. O-oi bức mà thôi..

Y lau lòng bàn tay lên đôi mắt sưng húp, bộ ria, từ trên xuống dưới.

— Chiều nay có lẽ tôi sẽ đi câu cá đấy. — Mụn cơm rung trên mi mắt nhăn nheo.

Lẽ ra anh phải hỏi y: “Pal Palych thân mến, sao ông chỉ biết nằm cắm mặt vào gối? Sao vậy, bệnh dị ứng phấn hoa hay nổi sần lớn? Có khi nào ông từng yêu phụ nữ chưa? Và vì sao mà hôm nay ông lại khóc, khi trên phố ngập nắng trời cùng những vũng nước mưa?...”

— Thôi tôi phải chạy đây, Pal Palych, — anh vừa nói vừa nhìn những cái cốc chưa dọn, ngài Tolstoy in mực, đôi ủng có quai dưới ghế.

Hai con ruồi đậu lên sàn đồ. Một con trèo lên con kia. Chúng kêu vo vo, bay tản ra.

— Ái chà... — Pal Palych chậm rãi thở ra. Y lắc đầu. — Thôi thế anh đi đi.

12

Anh lại chạy trên đường mòn dọc theo những bụi trần. Anh cảm thấy mình được gột rửa trong nỗi buồn kẻ khác, rạng rỡ bằng nước mắt kẻ khác. Đó là cảm giác hạnh phúc, và từ dạo ấy anh chỉ thỉnh thoảng mới được nếm trải nó dưới dạng cái cây cong, chiếc găng rách, con mắt ngựa. Cảm giác ấy hạnh phúc do nó tuôn chảy hài hòa. Nó hạnh phúc như mọi chuyển động, mọi bức xạ. Anh từng bị đập tan thành triệu triệu sinh thể và vật thể,

hôm nay anh hợp lại thành một, ngày mai anh lại bị đập tan ra lần nữa. Và mọi thứ trên đời này luân chuyển như vậy. Hôm ấy anh ở trên đỉnh sóng, biết rằng mọi thứ quanh anh — những nốt nhạc của cùng một sự hài hòa, biết — một cách bí mật — các thanh âm tụ hợp trong khoảnh khắc đã nảy sinh ra sao, phải được giải quyết thế nào, và hợp âm mới nào sẽ được gọi lên từ từng tờ nhạc bay tung. Trong sự hài hòa không thể có tính ngẫu nhiên. Nhạc cảm lòng anh biết hết, hiểu hết mọi điều.

13

Em gặp anh tại sân vườn trên các bậc hiên, và những lời đầu tiên của em là:

— Chồng em mới gọi về từ thành phố lúc không có em. Anh ấy sẽ về tới độ mười giờ. Có chuyện gì đó đã xảy ra. Bị thuyền chuyển hay sao ấy.

— Con chìa vôi — làn gió xám lam — lon ton trên cát: dừng, hai-ba bước nhảy nhỏ, dừng và lại nhảy. Con chìa vôi, cái bót trong tay anh, những lời em nói, vết nắng trên váy. Không thể khác.

— Em biết anh nghĩ gì, — em nói, nhướn mày. — Về việc ai đó sẽ tố giác với anh ấy và đại loại vậy. Nhưng sao cũng được... Biết không, em...

Anh nhìn thẳng vào mặt em. Một cái nhìn phẳng dẹt, với cả tâm hồn. Anh đụng phải em. Đôi mắt em sáng rõ như thể từ chúng vừa bay đi một tờ giấy lụa, loại vẫn dùng để phủ lên tranh trong sách quý. Và giọng em cũng rất rõ, lần đầu.

— Anh biết em đã quyết định gì không? Này nhé. Em không thể sống thiếu anh. Em sẽ nói với anh ấy như vậy. Anh ấy sẽ cho em li dị ngay. Và khi ấy chúng mình có thể, xem nào, vào mùa thu...

Anh ngắt lời em bằng sự im lặng của mình. Vết nắng trượt từ váy em xuống cát: do em hơi dịch người đi.

Anh có thể nói gì với em? Tự do? Ngục tù? Không đủ yêu em? Không phải thế.

Một khoảnh khắc trôi qua; trong khoảnh khắc ấy, trên trần gian xảy ra nhiều chuyện: đâu đó có con tàu khổng lồ chìm xuống đáy, người ta tuyên chiến, một thiên tài được sinh ra. Khoảnh khắc ấy đã trôi qua.

— Bót của em đây, — anh nói, đặng hăng. — Nó nằm dưới ghế. Mà em biết không, khi anh vào, Pal Palych có lẽ...

Em nói:

— Vậy thôi. Giờ anh có thể đi.

Em quay lưng và chạy nhanh theo những bậc hiên. Em nắm lấy quả đấm cửa kính, kéo nó, không thể mở được ngay. Điều đó, có lẽ, đau đớn.

Nó lóc lên. Em đóng lại.

14

Anh đứng một lúc giữa vườn, trong độ ẩm ngọt ngào, sau đó, dứt tay sâu vào túi, anh đi quanh nhà, theo cát lổ đổ. Ở thềm cổng chính, anh tìm thấy chiếc xe đạp của mình. Tì vào cặp sừng lái thấp, anh lăn bánh theo đường cây giữa trang viên.

Cóc ngồi khắp nơi. Anh vô tình cán phải một con. Tiếng bộp dưới lớp.

Cuối đường có băng ghế. Anh dựa xe vào thân cây rồi ngồi trên tấm ván bạc trắng. Anh nghĩ không chừng nay mai sẽ nhận được từ em một lá

thư: em sẽ gọi, còn anh sẽ không quay lại. Trong chốn xa diệu kỳ buồn bã, khuất dần bóng hình ngôi nhà của em với cây đại dương cầm có cánh, với những tập “Tổng quan hội họa” bụi bặm, với các hình bóng ngược sáng trong những khung tròn. Mất em anh cũng dịu lòng. Em bỏ đi, vụng về kéo cửa kính. Song em khác ra đi theo cách khác — mở to đôi mắt nhặt nhòa dưới nụ hôn hạnh phúc của anh. Còn gì ngọt ngào hơn khúc nhạc dần xa.

15

Anh cứ ngồi vậy đến chiều. Chẳng khác nào trên các sợi tơ vô hình, những con muỗi mắt giật lên giật xuống. Bỗng dưng, đâu đó bên cạnh, anh cảm thấy vết sáng: váy em... em...

Nhưng đã ngân xong hết rồi mà — vậy nên anh đâm ra khó chịu vì em lại ở đây — đâu đó bên cạnh, ngoài tầm mắt anh, em đến, em lại gần. Anh gắng gượng quay mặt lại. Đó không phải em, mà cô gái bạn váy xanh lục nhạt ấy, em nhớ không, mình từng gặp?... Cả con phốc-te-ri-ơ có cái bụng rất tức cười nữa... Cô ấy đi ngang qua dưới luồng sáng rọi qua vòm lá, qua cây cầu nhỏ dẫn đến đình tạ nhỏ lấp lánh màu. Cô gái đang buồn, cô ấy đi

dạo trong trang viên của em, và chắc có lẽ anh sẽ làm quen với cô ấy, một ngày không xa.

Anh chậm rãi đứng dậy, chậm rãi rời khỏi trang viên bất động ấy ra đường lớn, thẳng về phía ráng chiều mênh mông. Sau khúc ngoặt, anh đuổi kịp một cỗ xe ngựa: đó là Semen, xà ích của em, đang thông thả ra ga. Nhìn thấy anh, hắn chậm rãi ngả mũ chào và vuốt những mớ tóc bóng lộn trên đỉnh đầu rồi đội lại. Trên ghế có tấm mền kẻ ô gấp gọn. Ráng chiều lướt trong mắt chú ngựa thiến lông đen. Và khi, dừng pê-đan, anh bay xuống dưới đồi, về phía dòng sông, thì nhìn thấy từ trên cầu chiếc mũ pa-na-ma với bờ vai tròn của Pal Palych, y đang ngồi phía dưới, trên cầu tắm với cần câu trong nắm tay.

Anh phanh lại, dừng hẳn, đặt lòng bàn tay lên lan can.

— Hấp-hấp, Pal Palych! Cắn câu chưa?

Y ngược nhìn lên trên, vẫy tay thân thiện làm sao. Trên mặt gương hồng thấp thoáng bóng dơi. Vòm lá soi bóng ren đen. Từ xa, Pal Palych hét lên gì đó, vẫy tay ra hiệu. Một Pal Palych khác rung rinh những gợn sóng đen trên nước. Anh cười phá lên và đẩy mình khỏi lan can. Vòng quay vô âm đưa anh lướt theo đường mòn bằng phẳng, ngang

qua những căn nhà gỗ. Trong không trung đục
ngầu vắng vắng tiếng bò; vài con ky bay vút lên,
kêu căng cắc. Còn xa hơn, trên đường cái, trong
bao la ráng chiều, giữa cánh đồng mơ hồ khói tỏa,
là sự lặng yên.

Đòn cánh

1

Khi một tấm ván trượt tuyết chèn cái đầu uốn cong lên tấm kia, thì bạn sẽ ngã chúi xuống: tuyết buốt bỏng lọt vào tay áo, và rất khó đứng dậy. Lâu rồi Kern không trượt tuyết nên lập tức đổ mồ hôi. Cảm thấy hơi chóng mặt, anh kéo cái mũ lông đang cù tai mình xuống; phủi những tia sáng ẩm ướt khỏi lông mi.

Cảnh vật vui tươi và xanh ngắt trước khách sạn sáu tầng. Những cái cây vô thể đứng trong ánh hào quang. Theo vai các đồi tuyết còn vương lại vô số vết ván trượt, như mái tóc mờ. Còn khắp chung quanh — xông lên trời và tự do tỏa sáng trên trời — một sắc trắng bao la.

Kern kéo kẹt đôi ván trượt, leo lên con dốc. Trông thấy chiều rộng đôi vai anh, nét mặt nhìn nghiêng giống y như ngựa và sự bóng lộn cứng chắc trên thái dương, cô gái Anh mà anh mới làm quen hôm qua, vào ngày thứ ba từ khi đến nơi, cứ ngỡ anh là người đồng hương. Isabel — Isabel biết bay — nàng được gọi như vậy bởi đám thanh niên nhẵn nhụi ngăm đen kiểu Ác-hen-ti-na, vẫn chạy tới chạy lui theo nàng khắp nơi, trong phòng khiêu vũ khách sạn, trên các bậc thang mềm và theo các dốc tuyết trong trò chơi lấp lánh bụi...

Dung mạo nàng nhẹ nhõm và nhanh nhẹn, miệng tươi đến nỗi có cảm giác là Hóa công đã gom son nồng vào lòng bàn tay rồi vỗ một vốc vào phần dưới mặt nàng. Trong đôi mắt rậm mi ấy thoáng bay qua một nụ cười. Chiếc lược Tây Ban Nha nhô cánh lên từ trong sóng cồn biển tóc — đen óng mượt mà. Kern thấy nàng như vậy hôm qua, khi tiếng cồng trầm đục gọi nàng đi ăn trưa từ phòng số 35. Và việc họ là hàng xóm, hơn nữa

số phòng nàng còn là số tuổi anh, và việc trong phòng ăn, sau cái bàn *d'hôte* dài, nàng ngồi đối diện anh — cao ráo, vui vẻ, bận váy đen cổ rộng, với dải lụa đen quanh cần cổ trần, — tất cả những điều này khiến Kern thấy ý nghĩa đến nỗi tạm thời cất được gánh sầu vô vị đã nửa năm nay đè nặng lên anh.

Isabel là người đầu tiên cất tiếng, và anh không ngạc nhiên: trong cái khách sạn khổng lồ tỏa sáng đơn côi giữa khe núi này, đòi đập những nhịp chệnh choáng và dễ dãi sau nhiều năm chiến tranh chết chóc; thêm nữa, với nàng, Isabel, thì mọi điều đều được phép — cả cú đá xéo lông nheo, cả tiếng cười ngân nga trong giọng, khi nàng vừa nói vừa đưa Kern cái gạt tàn:

— Hình như anh với tôi là những người Anh duy nhất ở đây... — Và vừa nói thêm, vừa nghiêng xuống bàn một bên bờ vai trong suốt bị dải khăn đen níu giữ: — ... dĩ nhiên không tính nửa tá bà già — và đấy người kia, với cổ áo xoay từ sau ra trước...

Kern trả lời:

— Chị nhầm rồi. Tôi không có tổ quốc. Đúng là tôi đã ở London nhiều năm. Ngoài ra thì...

Sáng hôm sau anh đột nhiên cảm thấy, sau nửa năm dừng dưng quen thuộc, mới dễ chịu làm sao khi bước vào hình nón váng óc dưới vòi sen bằng giá. Lúc chín giờ, sau khi ăn một bữa sáng chắc dạ và hợp lý, anh bắt đầu nghiêng lạo xạo ván trượt trên lớp cát hung đỏ được rắc lên ánh lấp lánh trần trụi của con đường nhỏ trước bậc thềm khách sạn. Lúc leo lên dốc tuyết bằng những bước chân vệt như thói thường với người trượt tuyết, — anh nhìn thấy giữa những chiếc quần nịt kẻ ô và những bộ mặt nóng bừng — Isabel.

Nàng chào anh theo kiểu Anh: nhoẻn miệng cười. Đôi ván trượt của nàng óng ánh sắc vàng ô-liu. Tuyết bám đầy cặp dây đai phức tạp giữ hai bàn chân gọn gàng, mạnh mẽ như thể không phải của đàn bà, trong đôi ủng cứng và xà cạp chặt. Bóng râm tím nhạt trườn theo nàng trên mặt tuyết cứng, khi, thoả mái dứt tay vào túi áo bu-dông da và để tấm ván trượt bên trái hơi tiến tới trước một chút, nàng lao vun vút xuống dốc, mỗi lúc mỗi nhanh hơn, trong chiếc khăn phu-la bay phấp phới, trong những luồng bụi tuyết. Sau đó, nàng rẽ gấp với tốc độ tối đa, uyển chuyển gấp một đầu gối, rồi lại duỗi thẳng ra và lao xa hơn, qua những cây thông, qua sân trượt băng ngọc lam. Hai thanh niên mặc áo len màu mè và một

vận động viên Thụy Điển nổi tiếng với bộ mặt đất nung cùng mái tóc không màu chải ngược bay theo sau nàng.

Một lát sau, Kern lại gặp nàng, gần lối mòn xanh nhạt mà trên nó, với tiếng lách cách khe khẽ, thấp thoáng các bóng người — những con ếch len, nằm sắp trên xe trượt tuyết phẳng. Isabel, lấp lóe ván trượt, biến mất sau khúc cua qua đồng tuyết — và khi Kern, xấu hổ với các chuyển động vụng về của mình, đuổi kịp nàng trong mương xói mềm, giữa những cành cây bọc bạc, nàng nghịch ngón tay trong không khí rồi, giậm đôi ván trượt, chạy tiếp. Kern đứng trong bóng râm tím nhạt và bỗng dừng sự im lặng phảng phất phả lên anh mùi sợ hãi quen thuộc. Tấm đăng-ten cành cây giữa không trung trắng men chột lạnh đi như trong truyện kinh dị. Anh thấy dường như cả cây cối, bóng tối thêu ren và đôi ván trượt của mình là các món đồ chơi kỳ lạ. Anh thấy mệt nhoài, thấy trầy da gót chân, và bị vướng vào các cành cây chìa ra, anh quay lại. Trên mặt ngọc lam trơn nhẵn, những người trượt băng lướt như máy. Xa hơn, trên dốc tuyết, người Thụy Điển đất nung giúp một quý ông dài lêu nghêu đeo cặp kính gọng sừng dính tuyết đứng dậy. Ông ta vùng vẫy trong bụi nhấp nháy, hệt như con chim vụng về. Như cái cánh

gãy rời, tấm ván tuột khỏi chân, chảy nhanh xuống dốc.

Quay lại phòng mình, Kern thay đồ và khi những tiếng cồng ngậy ngô rú lên, liền gọi điện và bảo bung cho anh món rôt-bíp lạnh, nho và một chai “Chianti”.

Anh thấy nhức âm ỉ trong vai và bắp đùi.

“Mình cũng quá trớn khi cứ chạy theo nàng, — anh nghĩ, cười mũi. — Con người buộc vào chân một cặp ván và tận hưởng định luật vạn vật hấp dẫn. Thật nực cười”.

Gần bốn giờ, anh xuống phòng đọc rộng mênh mông, nơi mồm lò sưởi thở hơi nóng da cam và trong các ghế da sâu lòng, những người vô hình đuổi chân từ dưới những tấm màn báo mở rộng. Trên cái bàn sồi dài ngổn ngang một đồng tạp chí, đầy các quảng cáo đồ vệ sinh, vũ nữ và mũ chóp cao nghị trường. Kern tìm số báo Tattler rách tươm từ tháng Sáu năm ngoái và ngấm mãi trong đó nụ cười của người đàn bà từng là vợ anh trong suốt bảy năm. Nhớ khuôn mặt chết của nàng, nó đã trở nên lạnh cứng làm sao, — nhớ những lá thư tìm thấy trong tráp.

Anh gạt tờ tạp chí qua bên, kéo kin kít móng tay theo trang giấy nhẵn bóng.

Sau đó, nặng nhọc lắc vai và phì phò cái tẩu ngắn, anh đi ra sân hiên khổng lồ kín gió, nơi dàn nhạc ớn lạnh đang chơi và người ta quấn khăn phu-la sặc sỡ, uống chè đặc, sẵn sàng bay lại ra ngoài giá rét, ra con dốc đang hắt ánh ù ù vào ô kính rộng. Anh đưa mắt sục sạo khắp sân hiên. Ánh mắt tò mò của ai đó chọc ánh mắt anh, như mũi kim chạm vào dây thần kinh răng. Anh quay ngoắt lại.

Trong phòng bi-a, nơi anh nghiêng người lách vào, đẩy mạnh cánh cửa gỗ sồi đàn hồi, — Monfiori, một người đàn ông nhỏ con tái nhợt, tóc hung đỏ, chỉ công nhận có Kinh Thánh và môn ca-rôm, cúi gập người xuống nỉ ngọc lục bảo và nhắm vào trái bóng, kéo trượt cây cơ tới lui. Kern đã làm quen với y mấy hôm trước, và y lập tức nhồi nhét anh các đoạn trích dẫn từ kinh thánh. Y nói là đang viết một công trình lớn, trong đó chứng minh rằng nếu đào sâu vào sách Job theo một lối đặc biệt nào đó thì khi đó... — nhưng Kern không nghe tiếp vì bỗng dừng để ý đến đôi tai của người đối thoại — nhon, đầy bụi màu hoàng yến với lông tơ hung đỏ trên mồm.

Những trái bóng cụng nhau, chạy tán ra, Monfiori nhướn mày, gạ chơi một ván. Y có đôi mắt buồn, hơi lờ, như của dê.

Kern lẽ ra đã nhận lời, thậm chí đã lau phấn lên đầu cây cờ, nhưng chợt thấy làn sóng buồn chán dữ dội, mà do nó anh bị đau nhức dưới ức và ong ong trong tai, nên anh mượn có nhức khuấy tay và nhân tiện ngó qua cửa sổ về phía ánh hào quang ngọt ngào của những ngọn núi, rồi quay về phòng đọc.

Ở đó, vắt chân chữ ngũ và dùng đưa chiếc giày da sơn, anh lại ngắm những tấm ảnh xám ngọc trai — đôi mắt trẻ con và đôi môi đánh bóng của một mỹ nữ London — người vợ quá cố của anh. Trong đêm đầu tiên sau cái chết tự chủ của cô, anh đã đi theo người đàn bà cười với anh tại góc một con phố mịt mù; trả thù Chúa trời, tình yêu, số phận.

Và giờ là nàng Isabel này với ánh chớp đỏ tươi thay cho miệng. Giá như có thể...

Anh nghiêng rặng; các cơ của đôi gò má cứng cỏi nổi lên. Cả cuộc đời đã qua hiện ra trước mắt anh như một dãy rung rinh các tấm chắn phong nhiều màu, mà anh dùng để che chắn những cơn gió lửa từ vũ trụ. Isabel — mảnh giẻ rục rở cuối

cùng. Đã có bao nhiêu rồi nhỉ, những mảnh lụa ấy, anh đã cố kéo chúng để che khuất hố đen thăm thẳm! Những chuyến du lịch, những cuốn sách đóng bìa cứng mịn màng, tình nồng bảy năm. Chúng phồng lên, những mảnh giẻ ấy, vì gió bên ngoài, rồi rách toạc, theo nhau rơi xuống. Mà hố kia thì không sao che đi được, vực thăm thẳm, hút. Anh hiểu điều đó, khi thám tử đeo găng tay da nai...

Kern cảm thấy mình đang lắc lư tới lui và có cô nương nhợt nhạt nào đó với lông mày hồng đang nhìn anh từ sau tờ tạp chí. Anh nhặt tờ "Times" lên khỏi bàn, mở những trang giấy khổng lồ ra. Tầm ga giấy trên vực thẳm. Người ta nghĩ ra tội ác, bảo tàng, trò chơi chỉ để trốn chạy sự vô minh, trốn chạy bầu trời chóng mặt. Và giờ đến nàng Isabel này...

Bỏ tờ báo qua bên, anh lau trán bằng nắm tay to tướng và lại để ý thấy ánh mắt ngạc nhiên của ai đó đang nhìn mình. Lúc ấy, anh từ tốn bước ra khỏi phòng, ngang qua những cái chân độc giả, ngang qua cái mõm vàng cam của lò sưởi. Lạc lối trong những hành lang dội tiếng, rơi vào một gian phòng nào đó, nơi trên ván sàn phản chiếu các chân trắng của những cái ghế cong vồng và trên tường treo một bức tranh rộng: William Tell

xuyên thủng quả táo trên đầu con trai; sau đó anh ngấm nghĩa rất lâu bộ mặt sầu não cạo nhẵn của mình, những sợi máu trong lòng trắng mắt, nút thắt cà vạt kẻ ô — trong chiếc gương lấp lánh giữa phòng vệ sinh sáng choang, nơi nước róc rách du dương và trong vệt sứ bập bênh mầu thuốc vàng ai đó vứt đi.

Còn sau các cửa sổ, tuyết tàn đi và ngả xanh. Bầu trời ửng màu êm ả. Các cánh cửa quay ở lối vào cái tiền sảnh ồn ào lóe sáng chầm chậm, cho vào những đám hơi nước và những người mặt đỏ khịt mũi, mệt lử vì trò chơi trên tuyết. Cầu thang thở những bước chân, giọng nói, tiếng cười. Sau đó khách sạn lặng đi: người ta thay đồ đi ăn.

Kern đang chấp chờn ngủ trên ghế trong căn phòng tranh tối tranh sáng thì bị tiếng cồng đánh thức. Phấn khởi vì bất ngờ thấy sáng khoải, anh bật đèn, cài khuy cổ tay chiếc áo sơ mi hồ bột mới giặt, kéo chiếc quần đen phẳng phiu từ dưới cái máy ép kêu ken két. Sau năm phút, cảm nhận được sự nhẹ nhõm mát lạnh, độ ép của tóc trên đỉnh đầu, từng nếp gấp trên trang phục chần chu của mình, anh xuống phòng ăn.

Isabel chưa có mặt. Họ đưa súp, cá — nàng vẫn chưa xuất hiện.

Với cảm giác kinh tởm, Kern quan sát những thanh niên da ngăm, bộ mặt màu gạch của một bà già với nốt ruồi giả che mụn, một gã nhỏ con mắt dê — và hằm hằm dán mắt vào cái tháp lảo đảo lan dạ hương trong chậu lục.

Nàng chỉ xuất hiện khi trong căn phòng, nơi treo William Tell, các nhạc cụ của bọn đen bắt đầu gõ đập và rú rít.

Từ nàng toả ra mùi băng giá và nước hoa. Tóc nàng có vẻ ẩm ướt. Có gì đó trên mặt nàng làm Kern sửng sốt.

Nàng cười rạng rỡ, chỉnh lại dải băng đen trên bờ vai trong suốt.

— Anh biết không, tôi vừa về đến nhà. Chỉ kịp thay quần áo và nuốt miếng xăng-vích. Kern hỏi:

— Chẳng lẽ đến giờ này mà chị còn trượt tuyết ư? Trời tối hẳn rồi mà. Nàng nhìn anh chăm chăm, và Kern hiểu ra điều gì đã khiến anh sửng sốt: đôi mắt; chúng sáng như thể phủ sương giá.

Isabel bắt đầu lướt khẽ theo các nguyên âm hiền lành của tiếng Anh:

— Tất nhiên. Thật phi thường. Tôi lao trong bóng tối theo các con dốc, bay vút lên từ các mỏm. Thẳng đến những vì sao.

— Chị có thể giết mình đấy, — Kern nói. Nàng nhắc lại, nhắm nghiền đôi mắt rậm mi:

— Thẳng đến những vì sao, — và nói thêm, nhấp nhánh xương đòn trần: — Còn bây giờ tôi muốn khiêu vũ...

Trong gian, ban nhạc da đen đang lải nhải và hát đệm. Những cây đèn lồng Nhật Bản sắc sỡ trôi lơ lửng. Trên mũi giày, lúc bước nhanh, khi dừng lại, lòng bàn tay anh siết lấy lòng bàn tay nàng, Kern áp sát Isabel. Một bước — và cái chân thon của nàng tì vào anh, bước nữa — và nàng bật mình nhường anh. Tóc nàng lạnh thơm cù lên thái dương anh, và anh cảm thấy dưới cạnh bàn tay phải có những gợn sóng mềm trên tấm lưng lõa lồ của nàng. Nín thở, anh bước vào những hố thẳm âm thanh, rồi lại lướt từ nhịp này đến nhịp khác... Chung quanh lần lượt diễu qua các gương mặt căng thẳng của những cặp đôi quều quào, mắt dâm lòm chờ. Và tiếng tơ đàn dẫn dắt vương theo những cú gõ búa bạo tàn.

Nhạc gấp gáp lên, dâng cao, bắt đầu loảng xoảng rồi im bật. Tất cả dừng lại, sau đó bắt đầu vỗ

tay, đòi tiếp tục vẫn điệu nhạc ấy. Nhưng các nhạc công quyết định nghỉ giải lao.

Kern rút khăn mùi soa từ trong cổ tay áo và lau trán, rồi đi theo Isabel, còn nàng thì, ve vẩy quạt đen, bước về phía cửa. Họ ngồi bên nhau trên một bậc thang rộng.

Isabel, không nhìn anh, nói:

— Xin thứ lỗi... Tôi cảm giác như vẫn còn giữa tuyết, dưới sao. Tôi thậm chí không để ý anh là ai và nhảy đẹp không.

Kern nhìn nàng như thể chẳng nghe thấy gì — và đúng là: nàng đang chìm đắm vào các ý nghĩ sáng ngời của mình, vào những ý nghĩ hoàn toàn bí ẩn với anh.

Trên bậc thang thấp hơn có một thanh niên mặc áo vét rất hẹp đang ngồi cùng một cô nương gầy gò xương với nốt ruồi trên bả vai. Khi nhạc lại cất lên, chàng thanh niên mời Isabel nhảy điệu Boston. Kern đành phải nhảy với cô nương gầy gò xương. Từ cô ta toả ra mùi oải hương chua chua. Khắp gian xổ tung các băng giấy màu, quần quanh những người khiêu vũ. Một nhạc công gấn bộ ria trắng lên mặt mình, và Kern không hiểu sao lại thấy ngượng thay cho y. Khi vũ khúc kết thúc,

anh buông cô nương của mình và lao đi tìm Isabel. Chẳng thấy nàng đâu, cả trong căn-tin, cả ở cầu thang.

“Chắc ngủ rồi”. — Kern thoáng nghĩ.

Trong phòng mình, trước khi ngã lưng, anh vén rèm, vô tư nhìn đêm. Trước khách sạn, trên tuyết sẫm, nằm dài những bóng cửa. Xa xa, các đỉnh núi kim loại bơi bập bềnh trong vầng hào quang quan quách.

Anh tưởng như vừa trông thấy cái chết. Dịch sát các nếp rèm lại để không một tia đêm nào rò được vào phòng. Nhưng, khi tắt đèn rồi, từ trên giường mình, anh lại để ý thấy ánh sáng lóe lên từ cạnh một giá kính. Lúc ấy anh nhòm dậy và loanh quanh rất lâu bên cửa sổ, nguyên rửa những giọt bụi trắng. Sàn lạnh như cẩm thạch.

Khi Kern nhắm mắt, nói lỏng đai lưng pi-giama, những con dế trợn tuột chảy dưới anh, — và tim bắt đầu đập âm âm, chẳng khác nào cả ngày qua phải im, và giờ đây tận dụng sự yên lặng. Anh bắt đầu thấy sợ phải nghe tiếng đập ấy. Anh nhớ lại, lần nọ, cùng vợ, vào một ngày lộng gió, anh đi ngang qua một hàng thịt, và trên móc chao đảo một súc thịt nguyên con, lăm lăm quật vào tường. Đấy, tim anh lúc này y như vậy. Còn vợ anh vừa

nheo mắt vì gió, vừa giữ cái mũ rộng vành, và nói rằng biển và gió làm nàng phát điên, rằng nên đi, nên đi thôi...

Kern trở mình nằm nghiêng qua bên kia, — cẩn thận, — để không vỡ ngực vì những cú đập lồi lên.

Không nên thế nữa, anh lồm bắm vào gối, rầu rĩ co chân lại. Anh nằm ngửa, nhìn lên trần, nơi các tia sáng lọt được vào đang hiện lên trắng trắng lơ mờ, — như những rẻo xương sườn.

Khi anh lại lim dim mắt, thì trước mặt anh lơ lửng những tia lửa lạng lẽ, sau đó là các vòng xoắn trong suốt xoắn ra bất tận. Thấp thoáng hiện lên đôi mắt tuyết và cái miệng lửa của Isabel — rồi lại tia lửa, vòng xoắn. Trong giây lát, tim thắt lại thành một cục nhọn; phồng lên, nổ ra.

“Không nên thế nữa, mình sẽ phát điên. Thay cho tương lai — một bức tường đen kịt. Chẳng có gì cả”.

Anh cảm thấy hình như những băng giấy đang trượt trên mặt. Chúng sột soạt mong manh và rách toạc. Còn những chiếc đèn lồng Nhật Bản tuôn các gợn sóng màu xuống ván sàn. Anh đang khiêu vũ, đang tiến sát.

“Giá như có thể buông nàng ra, mở phanh nàng... Còn sau đó...” Và anh mừng tượng về cái chết như giấc ngủ yên lành, như cú rơi êm ái. Không nghĩ suy, không trống ngực, không đau nhức.

Những rẻo sườn trắng trên trần len lén đổi chỗ. Dọc hành lang có tiếng bước chân gõ khẽ, đầu đó lạch cạch chốt cửa, tiếng chuông nhẹ bỗng bay qua — và lại các bước chân, khác nhau: những bước chân lấm bầm, những bước chân thăm thì...

“Thế nghĩa là buổi khiêu vũ đã kết thúc”, — Kern nghĩ. Anh lật chiếc gối ngọt ngọt.

Giờ thì chung quanh im lặng đến lạnh người. Chỉ có tim đu đưa, căng cứng và nặng nhọc. Kern mò mẫm trên bàn ngủ tìm cái bình thon cổ, nuốt từ miệng bình. Dòng nước lạnh buốt thiêu đốt cổ, rồi xương quai xanh.

Anh bắt đầu nhớ thuốc ngủ: hình dung ra những làn sóng đều đều chạy vào bờ. Sau đó là những con cừu xám mũm mĩm, từ từ lăn qua bờ giậu. Một con, hai con, ba con...

“Mà trong phòng bên, Isabel đang ngủ, — Kern nghĩ, — Isabel đang ngủ, người bạn pi-giama vàng, có lẽ vậy. Nàng hợp màu vàng. Màu Tây

Ban Nha. Nếu ta cào móng lên tường, chắc nàng sẽ nghe thấy. Ôi, tim loạn nhịp thế này...”

Anh ngủ thiếp đi đúng vào giây phút khi anh bắt đầu thầm quyết định xem có nên bật đèn và đọc gì đó hay không. Trên ghế còn vạ vật cuốn tiểu thuyết Pháp. Con dao xương trượt đi, rọc những trang sách. Một, hai....

Anh tỉnh giấc giữa phòng — tỉnh dậy vì cảm giác sợ hãi đến nỗi không chịu nổi. Nỗi sợ xô anh ngã khỏi giường. Anh mơ thấy bức tường mà giường anh kê ngay cạnh bắt đầu từ từ đổ lên anh — vậy là anh nhảy lùi lại, thở gấp.

Kern lần mò đầu giường và khi thấy nó rồi, chắc đã lập tức ngủ lại được ngay nếu như không có tiếng động vang lên sau tường. Anh không hiểu được ngay là tiếng động ấy xuất phát từ đâu, — và do anh cố lắng tai nghe, nên tri giác anh, thứ đang lăn theo dốc ngủ, thành linh bùng tỉnh. Tiếng động lặp lại: tung — và tiếng ngân rung trầm ấm của các dây đàn ghi-ta.

Kern nhớ lại: Isabel ở trong phòng bên kia mà. Ngay tức thì, như thể đáp lại suy nghĩ của anh, sau tường khẽ vang lên tiếng nàng cười. Hai lần, ba lần rung lên và lan tỏa tiếng ghi-ta. Sau đó vang lên rồi lặng đi một tiếng sửa kỳ lạ, nhát gừng.

Kern ngồi trên giường, sừng sốt, lắng nghe. Một bức tranh phi lý hiện lên trước mắt anh: Isabel cầm ghi-ta và con chó khổng lồ nhìn nàng từ dưới lên — bằng đôi mắt sung sướng. Anh áp tai vào tường lạnh. Tiếng sửa lại ửng oảng cất lên, ghi-ta lại kêu leng pheng, như từ cú búng, và tiếng xào xạc khó hiểu vọng đến thành đợt, chẳng khác nào ở đó, trong phòng bên, đang cuồn cuộn cơn gió lớn. Tiếng xào xạc giãn ra thành tiếng rít khẽ, — và đêm lại chan chứa tĩnh mịch. Sau đó cái khung đập mạnh: Isabel khép cửa sổ.

“Cô gái hiểu động, — anh nghĩ, — chó, ghi-ta, gió lùa lạnh buốt”.

Giờ thì hết thấy lặng yên. Isabel, sau khi tổng tiển những âm thanh vừa chơi trong phòng nàng, có lẽ đã đi nằm — ngủ.

— Quý thật! Tôi chẳng hiểu gì. Tôi chẳng có gì. Quý thật, quý thật, — Kern rên rỉ, vùi mặt vào gối. Sự mệt mỏi nặng như chì bóp chặt thái dương anh. Chân anh nhúc nhối, ngựa không chịu nổi. Anh vừa nghiêng kèn kẹt rất lâu trong bóng tối vừa nặng nhọc trở mình. Các tia sáng trên trần đã tắt từ lâu.

Hôm sau, Isabel chỉ xuất hiện sau bữa sáng thứ hai. Từ sáng sớm, vòm trời đã trắng lóa, mặt trời tựa tựa mặt trăng; sau đó tuyết chậm chậm rơi thẳng đứng. Các bông tuyết dày đặc, như những nốt ruồi giả trên tấm voan trắng, buông màn che mắt cảnh nhìn ra những ngọn núi, những cây thông trĩu trĩt, sắc ngọc lam vẫn đục của sân trượt băng. Những bông tuyết lớn mềm lạo xạo trên kính cửa sổ, rơi, rơi, bất tận. Nếu nhìn thật lâu vào chúng thì bắt đầu có cảm giác rằng cả khách sạn đang lặng lẽ bay lên.

— Hôm qua tôi mệt thế, — Isabel nói, quay qua người bên cạnh nàng, một thanh niên với cái trán ô-liu cao và đôi mắt soi mói, — tôi mệt đến nỗi quyết định nghỉ luôn trên giường.

— Nhìn chị hôm nay choáng thật, — thanh niên dài giọng ra vẻ nhã nhặn lạ thường.

Nàng phòng lỗ mũi ra vẻ giễu cợt. Kern nhìn nàng qua cây lan dạ hương, lạnh lùng nói:

— Còn tôi không biết, thưa cô Isabel, là trong phòng cô có chó, và cả đàn ghi-ta nữa.

Anh có cảm giác là đôi mắt rậm mi của nàng lại còn híp lại hơn — do cơn gió ngược ngùng. Sau đó nàng cười rạng rỡ: son đỏ với ngà voi.

— Hôm qua anh đi dạo quá lâu trong tiếng nhạc rồi, thưa anh Kern, — nàng trả lời, và thanh niên da ô-liu với người đàn ông chỉ công nhận Kinh Thánh và bi-a bật cười — thanh niên thì hồ hởi tươi vui, người đàn ông thì rất khế và nhướng mày lên.

Kern lườm họ và nói:

— Tôi nói chung muốn xin chị không chơi đùa ban đêm. Tôi hơi khó ngủ.

Isabel quất vào mặt anh một ánh mắt nhanh nhẹn sáng ngời.

— Anh hãy nói thể với những giấc mộng của mình chứ không phải với tôi. Và nàng bắt đầu nói với người bên cạnh về về việc ngày mai có cuộc thi trượt tuyết. Kern đã vài phút cảm thấy là đôi môi anh bị kéo căng ra thành một nụ cười co giật mà anh không sao nín được. Nó đau đón co giật trong khóe miệng, — và anh bỗng dưng muốn — kéo mạnh chiếc khăn trải khỏi bàn, ném vào tường cái lọ hoa lan dạ hương.

Anh đứng dậy, cố gắng che đậy sự run rẩy không sao chịu nổi, và chẳng để mắt nhìn ai, bước ra khỏi phòng.

“Có chuyện gì xảy ra với mình vậy nhỉ? — anh hỏi nỗi buồn. — Chuyện gì thế này?”

Anh đá chân mở va-li, rồi bắt đầu xếp đồ, — lập tức đầu quay cuồng; anh bỏ đó, rồi lại bước quanh phòng. Anh giận dữ nhồi cái tẩu ngấn. Anh ngồi trên cái ghế cạnh cửa sổ, đằng sau nó tuyết rơi đều đến lợm giọng.

Anh đến cái khách sạn này, đến cái xó Zermatt giá lạnh và hợp một này, để trốn lẫn ẩn tượng tĩnh mịch trắng với sự dễ chịu của những quan hệ dễ dãi và hỗn tạp — bởi vì sự cô đơn tuyệt đối là thứ anh sợ hơn cả. Và giờ đây anh đã hiểu ra rằng anh không chịu được cả những bộ mặt người, — rằng vì tuyết mà đầu anh ong ong — và rằng anh không có cái sự linh hoạt hào hứng và tính kiên nhẫn dịu dàng mà thiếu chúng thì niềm đam mê nào cũng bất lực. Và với Isabel thì cuộc sống có lẽ là một cú bay tuyết trần trên ván trượt, là tiếng cười sôi nổi — nước hoa và băng giá.

Nàng là ai? Một nữ danh ca ăn ảnh, vừa trốn thoát? Hay ái nữ chạy trốn của một nhà quý tộc ngạo mạn và cáu kỉnh? Hay đơn giản là một trong

số các phụ nữ ấy từ Paris, còn tiền bạc — chẳng rõ đến từ đâu? Một suy nghĩ khá là hèn hạ...

“Nhưng nàng có con chó mà, chối sao được; một con chó mượt mà nào đó. Với cái mũi lạnh và đôi tai ấm. Còn tuyết vẫn cứ rơi, — Kern nghĩ lung tung. — Mà mình có chiếc va-li... – và hình như có cái lò xo, kêu leng keng, sổ tung ra trong não anh: — khẩu Parabellum.

Cho đến tận chiều, anh lại vật vờ trong khách sạn, lạnh nhạt giở sột soạt những tờ báo trong phòng đọc; ngấm từ cửa sổ tiền sảnh xem Isabel, người Thụy Điển và vài thanh niên mặc vét bên ngoài áo nịt len tua rua ngồi trong chiếc xe trượt tuyết uốn theo hình thiên nga. Những con ngựa lang lắc leng keng bộ yên cương đóm đàng. Tuyết rơi dày và lặng lẽ. Isabel, cả người dát đầy sao trắng, reo lên, cười vang giữa các bạn đồng hành của mình, và khi chiếc xe trượt tuyết giật lên chạy, lao nhanh tới — nàng ngả người ra sau, vung vẩy và vỗ đôi găng tay lông thú vào nhau.

Kern xoay lưng lại cửa sổ.

— Trượt đi, trượt đi... Chả sao...

Sau đó, suốt bữa trưa, anh cố không nhìn nàng. Nàng có vẻ hân hoan xao xuyến sao đó, —

và chẳng để ý đến anh. Lúc chín giờ, nhạc mọi lại bắt đầu than vãn và cựa tác. Kern, lạnh run và buồn bã, đứng ngay rầm cửa, ngắm các đôi dính sát, ngắm cái quạt đen loăn xoăn của Isabel.

Giọng ai khẽ nói ngay tai:

— Vào quán rượu... nhé?

Anh quay lại và thấy: đôi mắt dề buồn bã, đôi tai đầy lông hung đỏ.

Trong quán rượu lờ mờ ánh ngọc hồng lựu, những viền đăng-ten chao đèn soi bóng xuống các bàn kính. Bên cái quầy kim loại, trên những chiếc ghế đầu cao lênh khênh, ba quý ông đang ngồi — cả ba đều đi ghệt trắng, — co chân và hút đồ uống rục rở qua cọng rơm. Bên kia quầy, nơi trên kệ óng ánh chai lọ muôn màu, hết như bộ sưu tập bộ cam lồ, một người đàn ông ria đen béo phì mặc xmoóc-kinh đỏ thắm đang khuấy cốc-tai một cách khéo léo lạ thường. Kern và Monfiori chọn một cái bàn nhỏ ngay chỗ êm ái giữa quán. Người phục vụ mở toang một danh mục đồ uống dài thượt — một cách cẩn trọng và cung kính, như người chơi đồ cổ khoe sách quý.

— Ta sẽ uống lần lượt mỗi món một ly, — Monfiori bảo anh bằng giọng nói ồm ồm sầm sập

của y. — Và khi ta đến cuối, thì bắt đầu lại. Lúc ấy ta sẽ chỉ chọn thứ ta thấy ngon. Cũng có thể, ta sẽ dừng ở một món thôi và sẽ thưởng thức nó thật lâu. Sau đó lại bắt đầu từ đầu.

Anh đừng chiêm nhìn người phục vụ:

— Hiểu chứ?

Người phục vụ nghiêng đường ngói xuống.

— Đó là cái gọi là cuộc viễn du của thần Bacchus, — Monfiori cười buồn, quay qua Kern. — Một số người cũng xài chiêm này trong đời.

Kern cố nén một cái ngáp ớn lạnh.

— Biết không, thế nào xong cũng nôn.

Monfiori thở dài. Nhấp. Chép môi. Lấy bút chì bấm ra đánh dấu thập vào số đầu tiên trong danh mục. Từ đôi cánh mũi y xuất hiện hai đường rãnh chạy xuống hai khóe cái miệng mỏng.

Sau ly thứ ba, Kern im lặng hút thuốc. Sau ly thứ sáu — đó là một hỗn hợp ngọt sắc nào đó giữa sô-cô-la với sâm-panh — anh bắt đầu muốn nói.

Anh thả ra một vành khói; nheo mắt, gạt tàn bằng những móng tay ngả vàng.

— Nói đi, Monfiori, cậu nghĩ sao về cái cô — gì nhỉ — Isabel?...

— Cậu chẳng đạt được gì từ cô ta đâu, — Monfiori trả lời. — Cô ta thuộc loài trơn tuột. Cô ta chỉ tìm kiếm sự đụng chạm mà thôi.

— Nhưng đêm đến cô ta chơi ghi-ta, đùa với chó. Thế là không ra gì, phải không? — Kern nói, trở mắt nhìn cái ly của mình. Monfiori lại thở dài:

— Thôi cậu bỏ cô ta đi. Thực ra...

— Theo tôi cậu nói thế vì ghen, — Kern suýt nữa thì bắt đầu. Người kia khẽ ngắt lời anh:

— Cô ta là gái. Mà tôi thì, cậu biết chưa nhỉ, lại có sở thích khác.

Y khiêm nhường hắng giọng, rồi gạch một dấu thập.

Đồ uống hồng ngọc được đổi qua vàng óng. Kern cảm thấy máu mình trở nên ngọt lịm. Đầu óc lơ mơ. Những đôi ghệt trắng rời quán. Lặng tiếng trống cùng những điệu nhạc xa xôi.

— Cậu bảo là phải lựa chọn... — anh nói lè nhè và uể oải. — Còn tôi, hiểu không, đã đến cái điểm mà... Nghe này: tôi từng có vợ. Cô ta yêu

người khác. Thằng đó hóa ra là đạo chích. Trộm xe hơi, vòng cổ, áo lông... Và cô ta tự tử. Bằng mã tiền¹.

— Còn cậu tin vào Chúa không? — Monfiori hỏi với bộ dạng của kẻ đang trên lưng chú ngựa của mình. — Chúa có thật mà. Kern cười giả tạo.

— Chúa trong Kinh Thánh. Một loài có xương sống mà lại ở thể khí... Tôi chẳng tin.

— Đó là từ Huxley, — Monfiori nhận xét ngọt xớt. — Mà có Chúa của Kinh Thánh... Vấn đề ở chỗ là Ngài không một mình; họ có rất nhiều, những vị Chúa của Kinh Thánh... Cả đám... Trong số họ thì người tôi yêu nhất... “Từ cái hắt hơi của ngài mà ánh sáng xuất hiện; mắt ngài, như lông mi bình minh”. Cậu hiểu không, hiểu điều đó có nghĩa là gì không? Hả? Và sau đó: “...những phần thuộc nhục thân của ngài kết chặt lại với nhau, không nhúc nhích.” Sao? Sao? Hiểu chưa?

— Dừng lại, Kern la lên.

¹ Strychnine.

— Không, nghĩ đi, nghĩ đi. “Ngài biến biến cả thành mỡ sôi; ngài để lại sau lưng con đường tỏa sáng: vực sâu giống như mái tóc bạc!”

— Dừng lại, rốt cuộc, — Kern ngắt lời. — Tôi muốn nói với cậu là tôi quyết định tự tử...

Monfiori nhìn anh chăm chú và mịt mờ, lòng bàn tay che ly. Y im lặng.

— Tôi đã nghĩ vậy rồi, — y bất ngờ nói rất nhẹ nhàng. — Hôm nay, khi cậu nhìn những người khiêu vũ, và trước đó, khi cậu đứng dậy khỏi bàn... Có gì đó trên mặt cậu... Nếp nhăn giữa đôi mày... Rất đặc biệt... Tôi hiểu ngay...

Y im bật, xoa cạnh bàn.

— Hãy nghe những gì tôi nói cho cậu, — y tiếp tục, hạ cặp mí nặng, tím nhạt đầy mụn lông mi. — Tôi tìm những kẻ như cậu khắp nơi, — trong các khách sạn đắt tiền, trên xe lửa, ở các khu nghỉ mát ven biển, — đêm đêm, trên các thành phố lớn ven sông...

Nụ cười mơ màng lướt qua môi y,

— Tôi nhớ, có lần, ở Florence... Y chậm rãi nhướn cặp mắt dê lên:

— Nghe này, Kern, tôi muốn tham dự... Được không? Kern, gù lưng, cứng người, thấy lạnh trong ngực dưới chiếc sơ mi hồ bột.

“Cả hai ta cùng say... — anh thoáng nghĩ. — Y thật đáng sợ”.

— Được chứ? Monfiori trề môi, nhắc lại. — Tôi van cậu đấy.

Y chạm bàn tay lông lá lạnh ngắt...

— Cút đi! Tha cho tôi... Tôi đùa thôi...

Monfiori vẫn cứ nhìn chăm chú, hút mắt.

— Tôi chán cậu rồi! Chán tất, — Kern giật mạnh, vung tay, — và ánh mắt Monfiori rời đi, như thể chép môi...

— Vớ vẩn! Con rồi!.. Chơi chữ!.. Đủ rồi!..

Anh đập hông rất đau phải cạnh bàn. Gã béo đỏ thắm sau cái quầy rung rinh ưỡn chỗ hở cổ trắng toát, bắt đầu bơi, như trong gương cong, giữa chai lọ của mình. Kern đi qua những sóng thảm trơn trượt, đẩy vai vào cái cửa kính đổ nhào.

Khách sạn đã ngủ yên. Khó nhọc leo lên theo cầu thang mềm oặt, anh tìm phòng mình. Trên cửa phòng bên thò ra một chiếc chìa. Ai đó quên khóa

cửa. Dưới ánh sáng lù mù, những sắc màu ngồn ngồn như rần ở hành lang. Trong phòng mình, anh mò rất lâu theo tường, tìm công tắc điện. Sau đó sụp xuống chiếc ghế bên cửa sổ.

Anh nghĩ, phải viết vài bức thư nào đó. Những bức thư vĩnh quyết. Nhưng cơn say nhừa nhựa khiến anh rã rời. Trong tai cuộn cuộn tiếng ầm ào, trên trán phảng phất những sóng băng. Phải viết thư, — và có gì đó nữa không để anh yên. Hệt như anh đã ra khỏi nhà mà quên ví. Trong gương đen cửa sổ phản chiếu đường sọc cổ áo, cái trán tái nhợt. Anh đã vẩy những giọt say xin lên vạt trước sơ-mi. Phải viết thư — không, không phải. Và bỗng dưng có gì đó thấp thoáng trước mắt. Chìa khóa! Chiếc chìa khóa thò ra ở cửa bên...

Kern nặng nhọc đứng dậy, bước ra hành lang lơ mờ tối. Từ chiếc chìa khổng lồ buông thông xuống một tấm bảng óng ánh với chữ số 35. Anh dừng trước cánh cửa trắng ấy. Sự run rẩy khát thèm tuôn chảy theo đôi chân.

Gió lạnh buốt quất lên trán anh. Trong phòng ngủ thênh thang sáng đèn, cửa sổ mở toang. Trên chiếc giường rộng, mặc pi-gia-ma vàng mở phanh, Isabel nằm ngửa. Cánh tay trắng sáng buông

thông, giữa các ngón leo lét cháy một điều thuốc. Giấc ngủ, có lẽ, đã bất ngờ chộp lấy nàng.

Kern đến gần giường. Anh va đầu gối phải ghế, cây ghi-ta trên đó ngán lên khe khẽ. Mái tóc xanh lam của Isabel nằm cuộn những vòng chặt kín trên gối. Anh ngấm mí mắt sẫm màu của nàng, ngấm bóng mờ mịn màng giữa đôi vú. Anh đứng vào chần. Nàng tức thì mở to mắt. Khi ấy, Kern hơi khom lưng, nói:

— Anh cần tình em. Mai anh sẽ tự bắn mình.

Anh chẳng bao giờ mơ được là phụ nữ — dẫu bị bắt gặp bất ngờ lại có thể sợ đến thế. Isabel thoát tiên đờ ra, sau đó nhào tới, ngoái nhìn cửa sổ mở toang, — và tuột rất nhanh khỏi giường, lao ngang qua Kern — với cái đầu cúi thấp, cứ như sợ bị đánh từ trên.

Cửa sập mạnh. Những tờ giấy viết thư bay khỏi bàn.

Kern vẫn đứng giữa căn phòng thênh thang sáng rực. Trên bàn ngủ, nho rực lên sắc tím và vàng.

— Con điên! — anh nói thành tiếng.

Anh khó nhọc nhúc nhích đôi vai. Anh rùng mình vì cơn lạnh run kéo dài, như ngựa. Và anh chột chết lặng.

Ngoài cửa sổ, cất lên, bay đến, tiến lại gần với những cú thúc xao xuyến — tiếng sữa nhanh và vui mừng. Sau nháy mắt, vực sâu cửa sổ, một ô vuông đêm đen, được lấp đầy, sôi lên bởi bộ lông dày đặc, vũ bão. Bằng cú vẩy rộng ồn ào, bộ lông xộp này che khuất trời đêm, từ khung này đến khung kia. Trong khoảnh khắc, nó phình căng, lách mình xộc vào, giang ra. Giữa sỏi cánh vun vút của bộ lông dữ tợn ấy thấp thoáng một bộ mặt trắng. Kern vớ lấy cần đàn ghi-ta, đập hết sức vào bộ mặt trắng đang bay về phía anh. Anh bị quật ngã bởi gân chiếc cánh khổng lồ, một cơn bão lông tơ. Mùi thú hắt vào anh. Kern đứng vụt dậy.

Giữa phòng, một thiên thần đồ sộ nằm bẹp.

Nó lấp đầy cả phòng, cả khách sạn, cả thế giới. Cánh phải gấp lại, tì góc vào tủ gương. Cánh trái lắc lư nặng nhọc, bám lấy các chân một chiếc ghế bị lật. Ghế chạy rầm rầm tới lui trên sàn. Lông nâu trên cánh bốc khói, óng ánh sương giá. Choáng váng vì cú đánh, thiên thần chống lên lòng bàn tay, như con nhện sù. Trên đôi tay trắng phồng lên những đường gân xanh, trên vai, dọc theo xương

đòn có những hõm tối. Đôi mắt, thuôn dài, hình như cận thị, màu lục nhạt, như không khí trước bình minh, không chớp, nhìn Kern từ dưới cặp lông mày thẳng, dính liền.

Kern, ngạt thở vì mùi hăng nồng từ lông ả, đứng bất động, trong sự lãnh đạm tận cùng sợ hãi, chăm chú nhìn đôi cánh vĩ đại, bốc hơi và bộ mặt trắng toát.

Sau cửa, trong hành lang vang lên tiếng động trầm đục. Lúc ấy, một cảm giác khác chiếm lấy Kern: nỗi hổ thẹn nào lòng.

Anh thấy xấu hổ, tới mức đau đớn, tới mức sợ hãi, là ngay bây giờ người ta có thể bước vào, bắt gặp anh và tạo vật khó tin này.

Thiên thần thở to, chuyển động, tay nó buông lỏng; nó ngã sấp. Cánh đu đưa. Kern nghiêng rặng ken két, cố nhìn, cúi người xuống nó, ôm lấy đôi lông thơm ả, đôi vai lạnh, nhóp nhép. Với nỗi sợ hãi lợm giọng, anh để ý thấy là chân thiên thần nhọt nhạt và không xương, là nó không thể đứng trên chúng. Thiên thần không kháng cự. Kern vội vã kéo nó đến tủ, mở cửa gương ra, bắt đầu đẩy và nhét đôi cánh vào đáy sâu cột kẹt. Anh nắm lấy gân chúng, cố gập chúng lại, ấn mạnh. Các nếp bộ lông sổ ra, đập vào ngực anh. Cuối cùng, anh khép

mạnh cửa. Đúng lúc ấy, từ bên trong vọng ra tiếng rú thảm thương không chịu nổi — tiếng rú của con thú bị bánh xe chèn phải. Ôi, anh làm kẹp cánh nó. Một góc cánh thò ra khỏi khe hở. Kern mở hé cánh cửa, lấy lòng bàn tay đẩy cái nệm loăn xoăn ấy vào. Anh vặn chìa trong ổ khóa.

Lại lặng như tờ. Kern cảm thấy những giọt lệ nồng tuôn chảy trên mặt. Anh thở hắt và lao ra hành lang. Isabel — một đồng lụa đen, co rúm, nằm bên tường. Anh nhấc nàng lên trên tay, mang về phòng mình, đặt nàng lên giường. Sau đó lấy khẩu Parabellum nặng trĩu khỏi va-li, nhét băng đạn vào — và nín thở chạy xộc vào lại phòng số 35.

Hai nửa đĩa vỡ hiện lên trắng trắng trên thảm. Nho vãi tung.

Kern thấy mình trong cửa gương tủ: mớ tóc xõa xuống lông mày, ngực áo hồ bột lấm chấm đỏ, ánh sáng dọc theo nòng súng.

— Phải kết liễu nó, — anh gầm gừ và mở toang tủ.

Chỉ có cơn lốc lông tơ thơm ngát. Những chùm lông nâu đậm dầu cuốn lên khắp phòng. Tủ

trống không. Bên dưới trắng trắng một hộp mũ bẹp rúm.

Kern đến gần cửa sổ, nhìn ra ngoài. Những đám mây lù xù bay về phía trắng và thở quanh nó các quầng sáng mờ ảo. Anh đóng khung cửa, đặt ghế vào chỗ, đá những chùm lông nâu vào dưới giường. Sau đó thận trọng bước ra hành lang. Chung quanh vẫn im lặng như trước. Mọi người thường ngủ say trong các khách sạn trên núi.

Và khi anh quay về phòng mình thì nhìn thấy: Isabel, thông đôi chân trần khỏi giường, run rẩy, ôm đầu. Anh lại thấy xấu hổ, như vừa nãy, khi thiên thần nhìn anh bằng đôi mắt xanh lục lạ lùng của mình.

— Nói tôi nghe đi... nó đâu rồi? – Isabel bắt đầu thở gấp. Kern quay người lại, đến gần bàn viết, ngồi xuống, mở tập giấy thấm, trả lời:

— Tôi không biết.

Isabel co đôi chân trần lên giường.

— Có thể ở lại chỗ anh được không... Tạm thời thôi? Tôi sợ quá...

Kern im lặng gật đầu. Kìm cơn run ở tay, anh bắt đầu viết. Isabel lại lên tiếng — e dè và khó

nghe, nhưng không hiểu sao Kern cảm thấy là nỗi sợ của nàng — đàn bà sao đó, đời thường sao đó.

— Tôi gặp nó hôm qua, khi tôi bay trên ván trượt, trong bóng tối. Đêm nó đến chỗ tôi.

Kern cố không nghe, viết nét chữ khoáng đạt:

“Bạn yêu quý của tôi. Đây là lá thư cuối cùng của tôi. Tôi chẳng khi nào có thể quên cậu đã giúp đỡ tôi thế nào, khi bất hạnh đổ xuống đầu tôi. Có lẽ nó sống trên đỉnh, nơi nó bắt đại bàng núi và ăn thịt chúng...”

Anh sức nhớ ra, gạch thẳng tay, lấy tờ khác. Isabel nức nở, vùi mặt vào gối.

— Tôi phải làm gì bây giờ... Nó sẽ trả thù tôi... Ôi, Chúa ơi... *“Bạn yêu quý của tôi, — Kern viết nhanh, — cô ta tìm kiếm những đụng chạm khó quên, và giờ thì cô ta sẽ đẻ ra một con thú nhỏ có cánh...”* A... Quý thật! Anh vò nhàu tờ giấy.

— Chị cố ngủ đi, — anh ngoái đầu lại qua vai và nói với Isabel. — Còn mai thì đi đâu đó đi. Vào tu viện.

Vai nàng chốc chốc lại rung. Sau đó nàng yên lặng.

Kern viết. Trước mặt anh hiện lên nụ cười từ đôi mắt của người duy nhất trên đời này mà anh có thể thoải mái nói chuyện và im lặng. Anh viết cho người ấy rằng đời đã hết, rằng anh gần đây bắt đầu cảm thấy thế vào chỗ tương lai là một bức tường đen đang lừng lững tiến về phía anh, — và rằng, vậy đấy, giờ đã xảy ra một chuyện mà sau đó con người không muốn và không cần phải sống tiếp làm gì. *“Trưa mai tôi sẽ chết, — Kern viết, — mai — vì tôi muốn được chết dưới quyền lực trọn vẹn của sức mình, trong ánh sáng tỉnh táo ban ngày. Còn bây giờ thì tôi đang quá sốc”.*

Xong rồi anh ngồi trên chiếc ghế bên cửa sổ. Isabel ngủ, thở rất khẽ. Sự mệt mỏi dai dẳng ôm quanh vai anh. Giấc ngủ buông màn sương mềm xuống.

3

Anh thức giấc vì tiếng gõ cửa. Sắc thanh thiên bằng giá hắt qua cửa sổ.

— Vào đi, — anh nói, đuổi người.

Người phục vụ khẽ đặt khay đựng chén trà lên bàn, cúi chào rồi đi ra.

Kern bật cười với mình: “Mà ta thì đang mặc x-mốc-kinh nhàu nhĩ”.

Và anh sực nhớ lại chuyện xảy ra hồi đêm. Anh rùng mình, nhìn lên giường. Isabel không có đó. Chắc nàng đã về phòng mình lúc gần sáng. Còn giờ thì, tất nhiên, đã đi xa... Trong giây lát, anh tưởng như đang thấy đôi cánh nâu mềm. Anh đứng phắt dậy — mở cửa ra hành lang.

— Nghe này, — anh kêu to về phía cái lưng đang xa dần của người phục vụ, — cậu cầm giùm tôi lá thư.

Anh đến gần bàn, lục lọi. Người phục vụ đợi ở cửa. Kern vổ hết các túi quần túi áo, nhìn dưới ghế.

— Cậu có thể đi. Rồi tôi sẽ đưa cho người gác cửa.

Đường ngôi nghiêng xuống, cánh cửa được khép lại nhẹ nhàng.

Kern bắt đầu thấy bức mình vì lá thư bị mất. Đúng lá thư ấy. Trong đó anh đã giải bày rất hay, rất tron tru và đơn giản về mọi điều cần thiết. Giờ thì anh chẳng còn nhớ nổi lời nữa. Lập lờ trôi những câu văn vụng về. Không, lá thư ấy rất tuyệt.

Anh bắt tay vào viết lại từ đầu — mà nó thành ra lạnh nhạt, rườm rà. Anh niêm phong, viết rõ địa chỉ.

Anh thấy lòng nhẹ nhõm lạ kỳ. Đúng giữa trưa anh sẽ bắn mình, mà người đã quyết tử tử chính là một vị Chúa.

Tuyết đường tỏa sáng vào cửa sổ. Anh bị lôi kéo đến đó — lần cuối.

Bóng những cái cây phủ sương giá nằm trên tuyết, như lông vũ xanh lam. Đâu đó có tiếng lục lạc ngọt ngào ngân mau. Dân tình đổ ra rất đông: các cô nương đội mũ len, chuyển động trên ván trượt một cách nhút nhát và vụng về, các thanh niên gọi nhau vang động, thở ra những đám mây ha hả, những người đứng tuổi, đỏ gay vì cố sức, — và lão già mắt xanh gầy đét nào đó, kéo sau mình chiếc xe trượt tuyết bọc nhung. Kern thoáng nghĩ: có nên thụi lão vào mặt không nhỉ, thẳng tay, vậy thôi, đơn giản... Giờ thì làm gì mà chẳng được... Cười phá lên... Lâu rồi anh không thấy dễ chịu thế này.

Mọi người lũ lượt kéo nhau về nơi bắt đầu cuộc thi trượt tuyết. Đó là con dốc gắt cao ngất, chuyển ngay giữa vào một bệ tuyết, và cái bệ này thật xuống rất rõ, tạo thành bậc vuông. Người

trượt tuyết, lướt theo dốc, bay từ bậc này vào không trung thanh thiên; bay, giang tay, hạ cánh thẳng đứng xuống phần tiếp theo con dốc, rồi trượt xa hơn. Người Thụy Điển vừa mới phá kỷ lục trước của chính mình và xa tít phía dưới, trong xoáy bụi bạc, y ngoặt gấp, đưa cái chân gập ra phía trước.

Thêm hai người mặc áo nịt len đen nữa phóng vút qua, nhảy, đáp rất căng xuống tuyết.

— Bây giờ sẽ đến lượt Isabel bay, — giọng ai nói nhỏ bên vai Kern. Kern nghĩ nhanh: “Chẳng lẽ nàng vẫn còn ở đây... Sao nàng lại có thể”... — anh nhìn người nói. Đó là Monfiori. Đội mũ nồi kéo xuống tận đôi tai vĩnh, mặc bành-tô đen nhỏ với dải nhung nhạt màu trên cổ áo, y khác biệt một cách tức cười với đám đông dễ tính bận đồ len. “Có nên kể cho y nghe không nhỉ?” — Kern nghĩ.

Với sự ghê tởm, anh hất đôi cánh thom nâu ra: “Không nên nghĩ về chuyện này”.

Isabel leo lên đồi. Nàng xoay người lại, nói gì đó với bạn đồng hành của mình, vui vẻ, vui vẻ, như mọi khi. Kern bỗng thấy sợ hãi vì sự vui vẻ này. Anh có cảm giác rằng trên tuyết, trên khách sạn kính, trên những người đồ-chơi này — thấp thoáng gì đó — rung động, vết sáng...

— Hôm nay cậu thế nào? — Monfiori vừa hỏi, vừa xoa đôi tay chết cứng của mình.

Cùng lúc đó, chung quanh ngân lên những giọng nói:

— Isabel! Isabel biết bay!

Kern ngẩng đầu. Nàng lao vun vút theo dốc gât. Trong khoảnh khắc, anh thấy: gương mặt tươi sáng, lấp lánh ánh mi. Với tiếng huýt nhẹ bỗng, nàng trượt theo cầu nhảy, bay lên, treo lơ lửng trên không trung — như bị đóng đinh. Sau đó...

Không ai, dĩ nhiên, có thể chờ đợi chuyện này. Isabel, ngay giữa chuyến bay, đột nhiên co giật và rơi như hòn đá, lăn lóc, quay cuồng ván trượt giữa tiếng tuyết bắn tung tóe.

Lập tức nàng bị che khuất bởi những tấm lưng của lũ người dạt đến chỗ nàng. Kern rướn vai lên, chậm rãi đến gần. Một cách rõ ràng, như thể được viết bằng nét chữ khổng lồ, hiện ra trước mắt anh: trả thù, đòn cánh.

Người Thụy Điển và quý ông dài nghêu đeo kính gọng sừng cúi xuống Isabel. Quý ông đeo kính sờ nắn cơ thể bất động ấy bằng những cử chỉ chuyên nghiệp. Ông lăm bắm:

— Không hiểu... Lòng ngực vỡ nát...

Ông nhắc đầu nàng lên. Thấp thoáng gương mặt chết, như thể bị lột trần.

Kern quay lưng, nghiêng gót giày rào rào, sải bước về hướng khách sạn. Bên cạnh anh, Monfiori chạy lon ton, lao lên trước, nhìn vào mắt anh.

— Giờ tôi sẽ lên phòng mình, — Kern nói, cố nuốt, cố giữ tiếng cười nức nở. — Lên trên... Nếu cậu muốn đi cùng tôi...

Tiếng cười đến sát họng, bắt đầu khò khè. Kern, như bị mù, leo lên cầu thang. Monfiori dìu anh đi, rụt rè và vội vã.

Bachmann

Cách đây chưa lâu, trên báo chí loáng thoáng có cái tin là ở thị trấn Marival của Thụy Sĩ, tại trại tể bào mang tên Thánh Angelica, dương cầm thủ kiêm nhà soạn nhạc lừng danh Bachmann đã từ trần trong sự lãng quên của cả thế giới. Nhân việc này, tôi nhớ lại câu chuyện về người đàn bà từng yêu ông ta, mà tôi được bầu sô Sack kể lại cho nghe. Câu chuyện ấy thế này.

Bà Perova làm quen với Bachmann độ mười năm trước khi ông mất. Vào những ngày ấy, các

rung động vàng son, sâu sắc, điên cuồng của các bản nhạc ông chơi đã được in lên sáp và ngân nga sống động trong các phòng hòa nhạc danh tiếng nhất. Và một chiều nọ, — một trong những chiều thu trong xanh ấy, khi ta sợ già hơn là sợ chết, — Perova nhận được từ bạn gái mình một lá thư ngắn: “Mình muốn cho cậu thấy Bachmann. Hôm nay, sau buổi hòa nhạc, ông ấy sẽ ở chỗ mình. Đến nhé”.

Tôi hình dung được đặc biệt rõ cái cảnh bà bạn váy đen cổ trễ, nhanh nhẹn xúc nước hoa lên cổ và vai, cầm quạt, lấy cây can với nắm đấm ngọc lam và, sau cùng, ngẩng ngó vào vệt sâu ba cấp trong chiếc gương đứng, ngẩng ngó và vẫn còn trầm ngâm suốt dọc đường từ nhà mình đến nhà bạn gái. Bà biết mình không đẹp, gầy quá mức, và sự nhợt nhạt của làn da bà thật là ồm yếu, — nhưng người phụ nữ đang lão hóa này, với khuôn mặt Thánh Mẫu thất bại, lại quyến rũ chính nhờ những thứ mà bà lấy làm xấu hổ hơn cả, — vẻ nhợt nhạt của đôi môi và tật khập khiễng hơi dễ thấy, bắt bà lúc nào cũng phải đi lại với cây can. Chồng bà, một doanh nhân nhiệt huyết và sắc sảo, đang đi xa. Ngài Sack không trực tiếp quen ông ta.

Khi Perova vào phòng khách nhỏ ngập ánh tím, nơi bạn gái của bà — một phụ nữ mập mập,

ồn ào đeo ngọc miện thạch anh tím — đang vất vả đáo qua đáo lại hết khách này đến khách kia, sự chú ý của bà lập tức bị hút đến một quý ông cao ráo, râu ria nhẵn nhụi, mặt đánh chút phấn, đang đứng tựa khuỷu lên gờ đại dương cầm, và nói gì đó với ba quý bà lại gần y. Đuôi áo phơ-rắc của y lót lụa bền, đặc biệt dày dặn, và, khi nói chuyện, y chốc chốc lại hất mái tóc sẫm màu, bóng láng, đồng thời phồng cánh mũi — nhột nhột với cái gồ khá tao nhã. Trên khắp thân hình y có gì đó khoan hậu, lồi lạc và khó chịu.

— Chết âm ghê rợn! — y nói, giật mạnh vai. — Còn khán giả cảm lạnh hết. Lỡ mà có ai đó ho là lập tức vài người hòa theo, và thôi xong... — Y cười, hất tóc. — Quý vị biết đấy, nó cũng như ban đêm, trong làng, lũ chó.

Perova lại gần, hơi tựa lên can, và nói luôn điều đầu tiên đến trong đầu mình:

— Có lẽ ngài đang mệt, thưa ngài Bachmann, sau buổi biểu diễn của mình?

Y cúi người, rất hả hê:

— Một chút nhăm lẩn, thưa bà. Tên tôi là Sack. Tôi chỉ là bầu sô cho nhạc sư của chúng ta.

Cả ba quý bà đều bật cười. Perova bối rối và cũng bật cười. Bà biết về tài chơi nhạc phi thường của Bachmann chỉ qua đồn đại và chưa từng nhìn thấy chân dung ông. Đúng lúc ấy, nữ chủ nhà chạy đến chỗ bà, ôm bà và kín đáo ra dấu, bằng một chuyển động mắt, vào giữa phòng, thì thầm:

— Ông ấy kia kia... nhìn đi...

Và chỉ đến lúc ấy bà mới thấy Bachmann. Ông đứng tách khỏi các vị khách còn lại, giang đôi chân ngắn trong chiếc quần đen lưng thụng, đọc báo, đưa sát mắt một tờ giấy nhàu và mấp máy môi, như những người ít học vẫn làm khi đọc. Ông thấp người, hói, với kiểu chải tóc xuềnh xoàng vắt ngang đỉnh đầu, đeo cái cổ bẻ hồ bột quá rộng so với ông. Không rời mắt khỏi tờ báo, ông lơ đãng dùng một ngón tay soát lại cái phần trang phục nam giới mà thợ may vẫn gọi là nắp khóa, và mấp máy môi chăm chú hơn. Ông có cái cằm rất tức cười, nhỏ, tròn, giống con nhím biển.

— Đừng ngạc nhiên, — Sack nói. — Ông ấy vô học đúng nghĩa đen: cứ đi đâu làm khách là lập tức cầm gì đó lên đọc.

Bachman chợt cảm thấy là mọi người đang nhìn ông. Ông từ từ quay mặt lại và, nhướn đôi mày bờm xờm lên, cười một nụ cười kỳ diệu, dè

dặt, mà từ nó những nếp nhăn mềm mại chạy tỏa ra khắp mặt.

Nữ chủ nhà vội vã đến chỗ ông:

— Thưa ngài Bachmann, xin phép giới thiệu với ngài thêm một người ái mộ nữa — bà Perova.

Ông chìa bàn tay không xương, hơi ẩm ướt của mình cho bà:

— Rất hân hạnh, thậm chí hết sức hân hạnh...

Và ông lại chúi mũi vào tờ báo.

Perova lảng đi. Những đốm hồng nhạt hiện lên trên gò má bà. Vì chuyển động hân hoan của cái quạt đen, lấp lánh ánh cườm, mà các búp tóc quần sáng màu rung rinh trên thái dương. Sau này Sack kể với tôi là vào buổi chiều đầu tiên ấy, bà đã gây cho y một ấn tượng sôi nổi lạ thường — theo như y diễn đạt, — một phụ nữ dễ xúc động lạ thường, mặc dù môi và kiểu tóc của bà hết sức nghiêm trang.

— Đôi lứa ấy xứng đôi, — y thuật lại cho tôi với một tiếng thở dài. — Bachman thì, chả còn biết phải nói gì, hoàn toàn không có não. Mà quan trọng là — nát rượu, anh ạ. Chiều ấy, khi họ gặp nhau, tôi phải mau mau chóng chóng giang cánh

quắp ông ta đi luôn, vì ông ta bỗng dựng đòi cô-nhắc, — mà ông ta không nên thế, không nên thế. Chúng tôi đã xin ông ta: năm ngày không uống, chỉ năm ngày thôi, — nghĩa là năm buổi biểu diễn, anh hiểu chứ... Hợp đồng đấy, Bachmann, hãy tuân thủ... Anh nghĩ sao, thậm chí một tay nhà thơ nào đó trong một tạp chí trào phúng đã gieo vãi “quán xá” với “phạt vạ”. Chúng tôi thật sự kiệt sức rồi. Hơn nữa ông ta lại còn đồng bóng, anh ạ, viễn vông, dơ dáy. Một cá thể hoàn toàn không bình thường. Nhưng chơi đàn thì...

Và Sack im lặng trợn ngược mắt, lắc lắc cái bờm lơ thơ.

Trong lúc cùng ngài Sack xem qua cuốn an-bom nặng, như cổ áo quan, lưu giữ những bài cắt từ báo ra, tôi tin chắc là đúng hồi ấy, vào những ngày gặp gỡ đầu tiên của Bachmann và Perova, đã bắt đầu niềm vinh quang thực sự, ở tầm thế giới — song ngắn ngủi làm sao — của con người lạ lùng ấy. Khi nào và ở đâu mà Perova chớp cánh liền cành với ông ta — là điều chẳng ai hay biết. Nhưng sau dạ tiệc ấy ở chỗ bạn gái, Perova bắt đầu đến dự mọi buổi biểu diễn của Bachmann, dẫu chúng có được tổ chức ở thành phố nào chẳng nữa. Bà luôn ngồi ngay hàng đầu, — thẳng thớm,

tóc chải mượt, bận váy đen cổ trễ. Vài kẻ gọi bà thế này: Thánh Mẫu tập tễnh.

Bachmann thường bước ra sân khấu rất nhanh — như thể vùng chạy khỏi những bàn tay thù địch hay đơn giản là chán ngấy. Chẳng buồn nhìn khán giả, ông rảo bước đến cây đại dương cầm, cúi mình xuống chiếc ghế tròn, bắt đầu từ tốn quay cái đĩa gỗ mặt chỗ ngồi, đặng tìm một cao điểm chính xác toán học nào đó. Đồng thời, ông khấn khoản rủ rủ, trách cứ chiếc ghế bằng ba thứ tiếng. Ông cứ lúi húi như vậy khá lâu. Ở Anh, việc đó làm mũi lòng khán giả, ở Pháp làm họ bật cười, ở Đức thì làm họ cáu. Tìm được đúng điểm rồi, Bachman ân cần vỗ nhẹ lòng bàn tay lên ghế — và ngồi xuống, lần mò pê-đan bằng đế đôi giày cũ đánh xi bóng loáng. Sau đó ông móc cái khăn rộng và cũ ra, lau kỹ bàn tay, nhìn quanh hàng đầu với nụ cười láu lỉnh và rụt rè. Rốt cuộc ông nhẹ nhàng buông tay lên phím. Nhưng đột nhiên, một mạch máu khổ sở lại giật nhẹ dưới mắt: chặc lưỡi, ông tuột khỏi ghế và lại bắt đầu âu yếm quay cái mặt ghế cọt kẹt.

Sack nghĩ là lần đầu tiên nghe Bachmann rồi quay về nhà mình, Perova đã ngồi xuống bên cửa sổ và cứ ngồi thế đến tận bình minh, thở dài và cười. Y khẳng định rằng Bachman chưa bao giờ

chơi hay đến thế, điên đến thế và rằng từ dạo ấy, sau mỗi lần biểu diễn thì ông lại chơi càng ngày càng hay hơn và điên hơn. Với tài nghệ vô song, Bachmann triệu về và giải quyết các giọng đối âm, tạo các hợp âm nghịch nhĩ để gợi lên ấn tượng hài hòa tuyệt diệu và — trong tấu khúc ba bè, ông truy đuổi nhạc đề, đùa với nó một cách tao nhã và say đắm, như mèo vờn chuột, — giả bộ thả nó đi, rồi đột nhiên, với nụ cười ranh mãnh, cúi xuống các phím đàn, rượt theo nó bằng cú nện tay hoan hỉ. Sau đó, khi hợp đồng của ông trong thành phố ấy kết thúc, ông lại, như mọi khi, biến mất vài ngày, uống say bí tỉ.

Các vị khách của những quán rượu đáng ngờ, bừng sáng ác độc trong sương mù ngoại ô âm đạm, hay bắt gặp một quý ông chắc nịch hơi lùn với cái đầu hói bờm xờm và đôi mắt ướt, hồng, như những vết loét, luôn ngồi tránh ra một bên nhưng sẵn lòng thết đãi bất cứ ai quấy quả ông. Lão thợ già chuyên lên dây dương cầm, một kẻ bỏ đi từ lâu, sau vài lần uống với ông, đã quả quyết rằng đây là anh em bạn nghề, vì Bachmann, lúc say mềm, gõ ngón trên bàn và bằng chất giọng rất thanh cất lên âm “la” cực kỳ chính xác. Có lúc một cô điểm thành thạo, lưỡng quyền cao, đưa ông về chỗ mình. Có lúc ông giật nhạc cụ khỏi tay người

chơi vĩ cầm trong quán, giẫm lên nó và vì vậy mà bị đánh. Ông giao du với các con bạc, các thủy thủ, các vận động viên đã tự chuốc lấy bệnh thoát vị đĩa đệm cho mình, và cả một phường trộm cắp lạng lẽ, lể độ.

Sack và Perova tìm kiếm ông suốt đêm này qua đêm khác. Tuy nhiên, Sack chỉ kiếm ông khi cần “bắt vít” ông — nghĩa là chuẩn bị cho buổi diễn. Đôi lúc họ tìm được ông, đôi lúc thì, chính ông, lơ dờ, bấn thủ, không cố áo, tự xuất hiện trước Perova; bà lạng lẽ và ân cần bắt ông nằm ngủ và chỉ đôi ba ngày sau mới gọi cho Sack, báo là đã tìm được Bachmann.

Trong ông kết hợp cả sự nhút nhát siêu nhiên nào đó với tính ngỗ nghịch của đứa trẻ hư. Ông gần như không nói chuyện với Perova. Khi bà khuyên can ông, cầm tay ông, thì ông vùng ra, vỗ ngón tay bà, kêu the thé, cứ như thể sự đụng chạm nhẹ nhàng nhất cũng làm ông đau phát cáu, sau đó khóc rất lâu, trùm kín chăn. Sack xuất hiện, bảo: phải đi London, Rome, — và họ đưa Bachmann đi.

Mối quan hệ kỳ lạ của họ kéo dài ba năm. Khi Bachmann được tân trang qua loa và được đưa ra cho khán giả thì Perova bao giờ cũng ngồi hàng đầu. Trong thời gian lưu diễn, họ nghỉ ở các phòng

tiếp giáp nhau. Trong thời gian ấy, có vài bận Perova gặp chồng. Y tất nhiên biết như ai ai cũng biết về nỗi đam mê cuồng nhiệt và thủy chung của bà, nhưng mặc kệ, sống cuộc sống của mình.

— Bachman hành hạ bà ấy, — ngài Sack khẳng khẳng nhắc lại với tôi. — Chẳng hiểu sao bà ấy lại có thể yêu ông ta. Một bí mật của trái tim phụ nữ! Chính mắt tôi nhìn thấy trong một ngôi nhà, nơi họ bên nhau, nhạc sư bỗng dừng nhe răng cắn bà ấy, y như con khỉ, và anh biết vì sao không? Bà ấy muốn chinh cả vạt cho ông ta. Nhưng hồi ấy ông ta chơi hay tuyệt trần. Bản giao hưởng cung D thứ và vài tấu khúc phức tạp khác của ông ta có liên quan đến thời kỳ này. Chẳng ai được thấy ông ta viết chúng ra sao. Thú vị nhất — tác phẩm được gọi là “Tấu khúc vàng”. Anh nghe chưa? Sự khai triển nhạc đề trong đó hoàn toàn độc đáo. Song tôi đang nói về sự đồng bóng của ông ta, về chứng mất trí ngày một gia tăng của ông ta. Thế đấy. Vậy là hai năm trôi qua. Và một lần nọ ở Munich, nơi ông ta biểu diễn — Và Sack, khi đến gần đoạn cuối câu chuyện của mình, cứ nheo mắt lại mỗi lúc một rầu rĩ hơn, mỗi lúc một ấn tượng hơn.

Hóa ra là vào đêm đến Munich, Bachmann chuồn khỏi khách sạn, nơi, như mọi khi, ông nghỉ cùng Perova. Sau ba ngày nữa buổi hòa nhạc sẽ

phải diễn ra, vì vậy mà Sack rơi vào tình trạng lo sợ phát cuồng. Các cuộc kiểm tìm chẳng đưa đến đâu cả. Đang vụ cuối thu, mưa lạnh tầm tã. Perova bị cảm và nằm liệt giường. Sack với hai thám tử tiếp tục lục lọi các quán rượu.

Vào ngày biểu diễn, người ta gọi đến từ sở cảnh sát, báo là đã tìm thấy Bachmann. Ông bị gom trên phố hồi đêm và ngủ đẫy giấc trong đồn. Sack im lặng đưa ông từ đồn về nhà hát, giao ông ở đó, như món đồ, cho các trợ lý của mình, còn chính y thì về khách sạn lấy áo phơ-rắc. Y báo lại qua cửa cho Perova biết về chuyện đã xảy ra. Sau đó y quay lại nhà hát.

Bachmann, mũ phớt đen kéo sụp xuống tận lông mày, ngồi trong phòng hóa trang và buồn bã gõ một ngón tay lên bàn. Quanh ông, người ta rì rầm hồi hả. Một tiếng sau, trong thính phòng khổng lồ, khán giả bắt đầu ngồi vào chỗ. Sân khấu trắng sáng, hai bên cánh có những phù điêu hình ống đàn đại phong cầm, và cây đại dương cầm đen bóng giương cánh, và cây nấm ghế khiên nhường — tất cả đợi chờ trong cảnh nhàn nhã trang trọng sự xuất hiện của người đàn ông với đôi tay mềm ướt, kẻ sắp lấp đầy cơn cuồng phong âm thanh lên cả cây đại dương cầm, cả sân khấu, cả thính phòng mênh mông, nơi, như những con giun nhọt nhọt,

ngộ ngộay và bóng lên các bờ vai phụ nữ với các mảng hói đàn ông.

Và đây, Bachmann chạy vào. Không để ý đến tiếng rầm rầm chào đón đang dâng lên như hình nón đặc quánh rồi rã ra thành những tiếng vỗ tay đơn lẻ tắt dần, ông bắt đầu vừa xoay vừa thỏ thẻ say mê với cái đĩa gỗ mặt ghế và, sau khi vuốt ve nó, ngồi xuống bên cây đại dương cầm. Lau tay bằng chiếc khăn nhỏ, ông nở nụ cười rụt rè và đưa mắt nhìn hàng ghế đầu. Bỗng nụ cười vụt tắt và Bachmann chau mày. Chiếc khăn rơi xuống sàn. Ông lại chăm chú đưa mắt lướt theo các khuôn mặt; đôi mắt ông vấp phải chỗ trống giữa hàng. Lúc ấy Bachmann đóng sập nắp đàn, đứng dậy, đi lên trước, đến tận rìa sân khấu, và, trợn ngược mắt lên, vừa giơ, như vũ nữ ba-lê, đôi tay gập lại, vừa thực hiện vài bước nhảy vụng về. Khán giả dờ ra. Từ những hàng ghế sau bật lên một tiếng cười. Bachmann dừng lại, nói gì đó, gì đó mà không ai nghe ra, sau đó khoát tay theo một hình cung rộng, chỉ ngón tay thối cho cả thính phòng thấy.

— Chuyện đó diễn ra bất ngờ đến nỗi, — Sack kể với tôi, — mà tôi đơn giản là không kịp bay đến cứu. Tôi va phải ông ta khi, sau khúc ngón thối thay cho một tấu khúc hay, ông ta rời sân khấu.

Tôi hỏi: Bachmann, ông đi đâu? Ông ta văng ra một từ bậy và chạy vụt vào phòng hóa trang.

Lúc ấy chính Sack đành bước ra sân khấu, — đối diện với cơn bão giận dữ và cười cợt. Y đưa lòng bàn tay ra phía trước và, sau khi lấy lại được sự im lặng, hứa như đinh đóng cột là buổi hòa nhạc sẽ diễn ra. Khi y quay về phòng hóa trang thì nhìn thấy Bachmann, cứ như không có chuyện gì xảy ra, ngồi bên bàn, mấp máy môi, đọc tờ chương trình.

Sack nhìn những người có mặt và nhướn mày đầy ý nghĩa, đâm bổ đến điện thoại, gọi cho Perova. Ông mãi không được trả lời; rốt cuộc có gì đó lạch cạch và vọng đến giọng nói yếu ớt của bà.

— Bà đến ngay cho, — Sack nói liền thoảng, đập cạnh bàn tay lên danh bạ điện thoại. — Vắng bà, Bachmann không muốn chơi. Bê bối khủng khiếp! Khán giả bắt đầu — sao hả bà? — vâng-vâng, — tôi đã bảo mà: ông ấy không muốn. A-lô! A, quý thật! Bị cắt rồi...

Perova sốt cao. Vị bác sỹ mà hôm ấy đã ghé qua bà hai bận, cứ phân vân nhìn thủy ngân dâng lên rất cao theo bậc thang đỏ trong cột thủy tinh nóng hổi. Mắc ống nghe điện thoại lên — máy nằm ngay trên giường, — bà, có lẽ, đã cười vui. Run rẩy

và lắc lư, bà bắt đầu mặc quần áo. Trong ngực nhói không chịu nổi, nhưng niềm vui vẫy gọi bà qua màn sương mù và tiếng vo ve của cơn sốt. Không hiểu sao tôi lại cảm thấy là khi bà bắt đầu xỏ đôi bít tất dài thì lượm mắc vào móng bàn chân lạnh ngắt của bà. Chải tóc qua quít, khoác áo lông nâu, lách cách cây can, bà đi ra ngoài, bảo người gác cổng kêu giùm cho chiếc tắc-xi. Nhựa đường đen bóng lên. Tay nắm cửa ô tô lạnh băng và ẩm ướt. Suốt dọc đường, có lẽ bà đã cười một nụ cười xao xuyến và hạnh phúc, — và tiếng ồn động cơ với tiếng rít lốp hòa cùng tiếng vo vo nóng ran trong thái dương. Khi bà đến gần nhà hát thì thấy: các đám đông, vừa đi vừa mở những chiếc dù giập dũ, đổ ra phố. Bà chút nữa thì ngã khuỵu. Bà len qua. Trong phòng hóa trang, Sack đi tới đi lui, hết chộp má trái lại chộp má phải.

— Tôi trong trạng thái phát điên! — Y kể với tôi. — Lúc tôi đang hò hục với cái điện thoại thì nhạc sư chạy mất. Ông ta nói là đi vào phòng vệ sinh, mà lại chuồn luôn. Khi Perova đến, tôi nháy xỏ vào bà ấy — sao bà không ngồi trong nhà hát. Anh hiểu không, tôi tuyệt nhiên không thấy là bà ấy đang ốm. Bà ấy hỏi: “Vậy nghĩa là lúc này ông ấy đang ở nhà? Nghĩa là chúng tôi đi ngang qua nhau?” Còn tôi đang trong trạng thái phát điên và

hét lên: “Nhà nào mà nhà, quý thật! Ở quán rượu. Ở quán rượu. Ở quán rượu!” Sau đó tôi xua tay và chạy đi. Phải cứu người bán vé.

Và Perova, run rẩy cười, đi tìm Bachmann. Bà biết lảng máng nơi phải tìm ông, và người tài xế kinh ngạc đã đưa bà đến đúng chỗ đó, trong một khu phố tối tăm, đáng sợ. Đến được con phố, nơi, theo lời Sack, hôm trước mới tìm được Bachmann, bà thả cho tắc-xi đi và gõ cây can, bước theo vĩa hè rỗ lỗ chỗ, dưới dòng mưa xiên đen ngòm. Bà lần lượt ghé vào mọi quán rượu, — những tiếng nhạc thô bạo nổ tung ra làm váng óc bà, bọn đàn ông ngoái cổ nhìn bà trắng trợn, — bà nhìn quanh gian nhỏ muôn màu, quay cuồng, nghi ngút khói, và lại bước ra màn đêm mưa quất. Chẳng mấy chốc, bà bắt đầu cảm thấy là bà cứ vào mãi một và cùng một quán rượu ấy, và sự suy nhược đau nhức nằm bẹp lên vai bà. Bà đi tập tễnh, nói lúng búng khó nghe, nắm chặt trong bàn tay lạnh run cái bấu ngọc lam của cây can. Viên cảnh sát, bám theo bà này giờ, bước những bước chậm rãi, chuyên nghiệp lại gần, hỏi địa chỉ bà; dẫn bà một cách nhẹ nhàng nhưng đầy quyền lực về toa len-đô đen của chiếc xe ngựa trực đêm. Trong bóng tối lờ mờ, hôi hám, kéo kẹt của len-đô, bà ngắt đi, và, khi bà tỉnh dậy, cửa đã mở và người

xà ích, bạn áo khoác vải dầu bóng loáng, chọc nhẹ đầu cán roi vào vai bà. Sau đó, khi bà rơi vào một hành lang ấm áp, cảm giác hoàn toàn thờ ơ với tất cả chiếm lấy bà. Bà đẩy cửa phòng mình, bước vào. Bachmann, chân không, bạn sơ mi ngủ dưới đôi chân kẻ ô trùm trên vai, ngồi trên giường bà và vừa gõ hai ngón tay lên tấm cẩm thạch mặt bàn ngủ, vừa đặt những dấu chấm lên tờ giấy chép nhạc bằng cây bút chì không phai. Ông bị hút vào việc này đến nỗi không để ý thấy cửa mở ra. Perova thốt lên một tiếng rên nhẹ nhõm — “a...”. Bachmann giật mình. Cái chăn tuột khỏi vai ông.

Tôi nghĩ, đó là đêm hạnh phúc duy nhất trong suốt cuộc đời Perova. Tôi nghĩ, hai người này, một nhạc sỹ gần dở và một phụ nữ hấp hối, đã tìm được trong đêm ấy những lời mà các thi hào vĩ đại nhất thế giới cũng không mơ thấy. Sáng hôm sau, khi Sack đầy cảm phấn xuất hiện ở khách sạn, y tìm thấy Bachmann đúng lúc ông đang ngắm nhìn với một nụ cười lặng lẽ, hân hoan vào Perova, còn bà thì nằm bất tỉnh dưới tấm chăn kẻ ô vắt ngang chiếc giường rộng. Không biết Bachmann nghĩ gì khi ngắm gương mặt đỏ bừng của bạn gái và lắng nghe hơi thở gấp gáp của bà; có lẽ ông hiểu theo cách của mình về sự vật vã của cơ thể bà, về sự run rẩy và cơn sốt do căn bệnh mà ý nghĩ về nó

không hề đến trong đầu ông. Sack gọi bác sỹ. Bachmann thoát đầu nhìn họ đầy vẻ hoài nghi, với nụ cười rụt rè, sau đó ôm chặt vai bác sỹ, chạy xa ra, vỗ trán mình và chạy rối lên, nghiêng răng ken két. Bà chết ngay hôm ấy, không tỉnh lại. Biểu lộ hạnh phúc vậy là không rời khỏi mặt bà. Trên bàn ngủ, Sack tìm thấy một trang chép nhạc bị vò nhàu, nhưng không ai giải mã nổi các chấm nhạc tím nhạt rải khắp trang.

— Tôi đưa ông ta đi ngay, — Sack kể với tôi, — tôi sợ ông chồng đến, chắc anh cũng hiểu. Bachmann đáng thương, ông ta như miếng giẻ và cứ bịt tai lại. Ông ta rú lên như thể bị thọc léc: “Không cần âm thanh, không cần âm thanh!...” Thú thực tôi cũng không hiểu điều gì làm ông ta xúc động như vậy: nói giữa chúng ta thôi nhé, ông ta chưa bao giờ yêu người đàn bà bất hạnh ấy cả. Vậy mà rốt cuộc bà ấy đã hủy diệt ông ta. Sau đám tang, Bachmann biến mất tăm. Giờ thì anh vẫn tìm được tên ông ta trong quảng cáo của các hãng bán dương cầm tự động, nhưng về đại thể thì ông ta đã bị lãng quên. Mãi sáu năm sau, số phận mới xô đẩy chúng tôi gặp lại nhau. Trong một khoảnh khắc. Tôi đang chờ tàu tại một nhà ga nhỏ ở Thụy Sĩ. Tôi còn nhớ là buổi chiều ấy tuyệt đẹp. Tôi không một mình. Vâng, — phụ nữ. Nhưng đó đã là

chuyện riêng tư. À đấy, anh hãy hình dung, tôi thấy một đám đông không lớn tụ lại, vây quanh một người đàn ông, — thấp, bận bành-tô đen, đội mũ đen. Ông ta nhét xu vào khe máy nghe nhạc tự động và đồng thời khóc rung rức. Nhét vào, nghe được chút nhạc và khóc. Sau đó có gì đó hồng hóc. Xu kẹt lại. Ông ta bắt đầu lắc cái hộp, khóc to, bỏ cuộc, rời đi. Tôi nhận ra ông ta ngay, — nhưng, anh ạ, tôi không một mình, đang đi với phụ nữ, dân tình chung quanh lắm kẻ tò mò, — không tiện lại gần, thưa: “Chào ông, Bachmann...”

Truyện ngắn Giăng sinh

Đến lúc im lặng. Bị đèn rọi thẳng thừng, trẻ trung, mặt phúng phính, bận áo cánh khuy lệch dưới áo vét-tông đen, Anton Goliy cúi đầu căng thẳng, bắt đầu thu dọn những tờ bản thảo mà y bạ đầu quăng đó lúc đọc. Sự phụ y, nhà phê bình từ “Thực tại đỏ”, nhìn xuống sàn, vỗ túi tìm diêm. Nhà văn Novodvortsev cũng im lặng, nhưng sự im lặng của ông khác hẳn, — rất đáng kính. Đeo cặp kính không gọng cỡ lớn, trán

cực rộng, với hai vạt tóc sẫm lưa thưa vắt ngang chỗ hói, và với đám tóc bạc trên thái dương cắt sát, ông ngồi nhắm mắt, hết như đang tiếp tục lắng nghe, bắt chéo đôi chân béo, kẹp tay giữa đầu gối chân này và xương mác dưới đầu gối chân kia. Không phải lần đầu người ta đưa đến chỗ ông những văn nhân nhàn nhó, chịu khó, gốc gác nông dân thế này. Và cũng không phải lần đầu ông thấy trong những tiểu thuyết non nớt của họ le lói ánh hồi quang — mà cho đến lúc này vẫn chưa được giới phê bình nhắc đến — từ sự nghiệp sáng tác hai mươi lăm năm của chính ông; bởi vì trong truyện ngắn của Goliy vụng về nhắc lại đúng chủ đề của ông, cái chủ đề tiểu thuyết “Ranh giới”, được ông viết với nỗi xao xuyến và niềm hy vọng, được xuất bản năm ngoái và chẳng thêm được gì vào thanh danh vững vàng nhưng vô vị của ông.

Nhà phê bình châm thuốc. Goliy, không ngược mắt lên, nhét bản thảo vào cặp, — nhưng chủ nhà vẫn tiếp tục im lặng, — không phải vì không biết đánh giá truyện thế nào, mà vì đang dè dặt và rầu rĩ chờ xem không chừng nhà phê bình lại nói những lời mà ông, Novodvortsev, không tiện nói: chủ đề này, y sẽ bảo, lấy của Novodvortsev, Novodvortsev đã khơi gợi lên cái hình tượng ấy của một công nhân lặng lẽ, tận tụy

vô tư với công việc của mình, một người không nhờ giáo dục mà nhờ sức mạnh tiềm ẩn nội tâm nào đó để giành được thắng lợi tinh thần trước gã trí thức hung hãn. Nhưng nhà phê bình, khom lưng trên mép đi-văng da, như con chim lớn rầu rĩ, — vẫn im lặng một cách vô vọng.

Lúc ấy Novodvortsev hiểu ra rằng hôm nay ông sẽ không nghe được những lời mong đợi, và vừa cố tập trung ý nghĩ vào việc đấu sao thì chính ông chứ không phải Neverov đã được người ta dẫn các cây bút mới vào nghề đến để đánh giá, vừa thay đổi tư thế chân, dứt tay khác vào và thành thạo nói “Vậy là”, rồi nhìn sợi gân xanh căng phồng trên trán Goliy, bắt đầu lên tiếng nhỏ nhẹ và trôi chảy. Ông nói là truyện được xây dựng khá chặt chẽ, có thể cảm nhận được sức mạnh tập thể ở cái chỗ mà các tá điền bắt đầu bỏ tiền riêng ra để xây trường, và mặc dù trong sự mô tả tình yêu mà Pyotr dành cho Anyuta có sơ suất nào đó về lối hành văn, nhưng có thể nghe được tiếng gọi mùa xuân, tiếng gọi sắc dục lành mạnh — và trong suốt thời gian ông nói, không hiểu sao ông cứ nhớ lại là mới đây thôi ông vừa gửi cho cũng nhà phê bình này một bức thư, trong đó ông nhắc là vào tháng Một sẽ tròn hai mươi lăm năm hoạt động văn chương của ông, nhưng ông tha thiết yêu cầu

không được tổ chức lễ mừng nào cả, vì rằng vẫn còn tiếp tục cống hiến được cho Liên Bang thêm nhiều năm làm việc tích cực nữa... “Mà nhân vật trí thức của anh không đạt, — ông nói — không cảm thấy sự tuyệt vọng thật sự của y...” Nhưng nhà phê bình im lặng. Đó là một người đàn ông tóc hung gầy gơ xương, rệu rã, nghe đồn bị mắc bệnh ho lao, nhưng trên thực tế thì, không chừng, lại khỏe như bò mộng. Y trả lời, cũng qua thư, là tán thành quyết định này, và việc thế là xong. Chắc y đưa Goliy đến có ý bí mật đền bù... Và Novodvortsev bỗng thấy buồn, — không bức, mà đơn giản là buồn, — đến nỗi ông nghẹn lời và bắt đầu lấy khăn tay lau kính, và đôi mắt ông hóa ra rất hiền. Nhà phê bình đứng dậy. “Anh đi đâu vậy, hãy còn sớm...” — Novodvortsev nói, nhưng cũng đứng lên theo. Anton Goliy dặng hắng và ghì cặp vào sườn.

“Cậu ta sẽ thành nhà văn, chắc chắn”, — nhà phê bình thờ ơ nói trong lúc vừa đi loanh quanh trong phòng vừa chọc chọc điếu thuốc tắt ngấm vào không khí. Hát khê, xuyên qua răng, với giọng the thé, y rũ xuống trên bàn viết, sau đó đứng bên cái kệ, nơi “Tư Bản” bèn chắc sống giữa Leonid Andreyev sồn rách và một cuốn sách vô danh mất

gáy; cuối cùng, vẫn với dáng đi lom khom ấy, đến gần cửa sổ, gạt tấm rèm xanh ra.

“Nhớ ghé nhé, nhớ ghé nhé, — Novodvortsev nói với Anton Goliy, anh này cúi chào giật cục và sau đó ưỡn thẳng vai hùng dũng. — Hãy viết thêm gì đó nữa nhé — nhớ mang đến đây”. “Tuyết rơi nhiều quá, — nhà phê bình nói, thả rèm xuống. — Nhân thế, hôm nay là ngày trước Giáng sinh”.

Y bắt đầu uể oải tìm áo bành-tô và mũ. “Thuở xưa, vào ngày này, hội bạn văn của ông thường ngoáy ra nhiều tiểu phẩm Giáng sinh...”

“Tôi thì không”, Novodvortsev nói. Nhà phê bình cười khẩy. “Phí công. Mà ông nên viết truyện Giáng sinh. Theo kiểu mới”.

Anton Goliy ho vào nắm tay. “Còn ở chỗ chúng tôi”, — y nói giọng nam trầm khàn đục và lại hăng giọng.

“Tôi nói nghiêm túc, — nhà phê bình tiếp tục, khi đang chui vào áo bành-tô. — Có thể khéo léo xây dựng. Cảm ơn... Rồi”.

“Còn ở chỗ chúng tôi, — Anton Goliy nói, — có trường hợp thế này. Một giáo viên. Chợt nghĩ

ra cho các em một cây thông vào ngày lễ. Dựng lên. Gắn trên đỉnh. Ngôi sao đỏ”.

“Không được, thế hoàn toàn không phù hợp, — nhà phê bình nói. — Trong truyện cực ngắn thì việc đó thành ra hơi thô thiển. Có thể đặt thứ gì đó nhọn hơn. Cuộc chiến giữa hai thế giới. Mọi thứ trên nền tuyết”.

“Nói chung nên thận trọng hơn khi dùng biểu tượng, — Novodvortsev nhắc nhở nói. — Đây, tôi có ông hàng xóm — một người hết sức đứng đắn. Vậy mà vẫn nói năng thế này: ‘đồi Golgotha của giai cấp vô sản’...”

Khi khách đã về, ông ngồi xuống bàn viết, chống bàn tay trắng mập lên tai. Gần lọ mực có thứ gì đó tựa như cái cốc vuông với ba chiếc quân bút cắm vào những hạt trứng cá thủy tinh xanh. Món đồ này có đã mười, mười lăm năm, — nó đi qua mọi giông bão, các thế giới quanh nó đảo lộn, — song không một hạt thủy tinh nào bị mất. Ông chọn ngồi, kéo tờ giấy lại gần, lót thêm vài tờ để viết đậm hơn...

“Nhưng về gì đây” — Novodvortsev nói lớn và lấy đuôi ghế ra, bắt đầu rảo bước quanh phòng. Trong tai trái đã ngân vang không chịu nổi.

“Thằng súc sinh đó cố tình nói mà”, — ông nghĩ, và, cứ như thể đến lượt mình thực hiện lại quãng đường mới đây của nhà phê bình trong phòng, tiến đến cửa sổ.

“Khuyên bảo... Giọng nhạo báng... Chắc nghĩ là ta đã chẳng còn gì độc đáo nữa... Đây, ta đang thật sự dựng lên một truyện ngắn Giáng sinh... Sau đó chính hắn sẽ nhớ lại, trên bản in nào đó: một lần nọ, tôi ghé qua chỗ ông ấy và nhân tiện bảo thế này: “Dmitri Dmitrievich à, ông nên miêu tả cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ trên nền tuyết, trong ngoặc kép nhé, Giáng sinh. Ông nên kéo dài đến cuối cái mạch mà ông đã dẫn dắt rất tuyệt ở “Ranh giới”, — nhớ giấc mơ của Tumanov không? Đây cái mạch đó... Và trong đêm ấy đã sinh ra tác phẩm mà...”

Cửa sổ mở ra sân. Chưa thấy trăng... Không, tuy nhiên, đằng kia có ánh sáng từ sau cái ống đen. Trong sân chất một đống củi phủ thảm tuyết sáng. Trong một cửa sổ có cái chao đèn xanh lục tỏa sáng, ai đó đang làm việc bên bàn; cái bảng tính lấp lánh như những hạt cườm. Từ bờ mái, bông rơi, hoàn toàn lặng lẽ, vài nắm tuyết. Rồi lại — lặng như tờ.

Ông cảm thấy sự rỗng roãng râm ran vẫn luôn đến cùng ham muốn được viết. Trong sự rỗng roãng này có gì đó định hình, lớn lên. Giáng sinh, mới mẻ, lạ thường. Tuyết cũ và xung đột mới...

Ông nghe sau tường có tiếng bước chân thận trọng. Đó là hàng xóm đang về nhà mình, một người khiêm nhường, nhã nhặn, — một người đồ đến tận xương tủy. Với cảm giác hứng khởi vô biên, mong mỗi ngọt ngào, Novodvortsev lại ngồi vào bàn. Tinh thần, sắc màu tác phẩm đang chín ấý đã có sẵn. Chỉ còn lại việc dựng bộ khung — chủ đề. Cây thông — nên bắt đầu từ đây. Ông nghĩ về việc, có lẽ trong vài ngôi nhà nào đó, những người chế độ cũ, sợ sệt, giận dữ, cam chịu (ông hình dung ra họ rất rõ...) đang lấy giấy trang trí cho cây thông chặt trộm trong rừng. Dây kim tuyến này bây giờ chẳng biết mua ở đâu, người ta không chất hàng đồng thông dưới bóng thánh đường Isaac nữa...

Tiếng gõ êm ái, chẳng khác nào được bọc nỉ. Cửa mở độ hai đốt ngón tay. Nhã nhặn, không thò đầu vào, hàng xóm nói:

“Xin mượn anh cây bút. Cùn thì hơn ạ, nếu có...” Novodvortsev đưa.

“Cảm ơn”, — hàng xóm nói và lặng lẽ khép cửa. Sự gián đoạn không đáng kể này chẳng hiểu sao lại làm yếu đi cái hình tượng đã chín muồi. Ông nhớ lại là trong “Ranh giới”, Tumanov tiếc nuối sự sang trọng của những lễ hội xưa. Thật tồi tệ nếu chỉ biết lặp lại. Ký ức khác cũng lóe lên không đúng lúc. Mới đây, trong một dạ hội, quý bà nào đó bảo chồng: “Anh có nhiều cái rất giống Tumanov”. Ông đã vui suốt mấy ngày. Sau đó, ông làm quen với quý bà ấy và hóa ra Tumanov — chồng chưa cưới của em gái bà ta. Và đó không phải lần đầu nhầm lẫn. Một nhà phê bình nói với ông là sẽ viết bài tiểu luận về “chủ nghĩa tumanov”. Có gì đó vô cùng êm tai trong cái danh từ tumanov bắt đầu bằng chữ viết thường này. Nhưng nhà phê bình ấy đi Caucasus để nghiên cứu thơ Georgian. Dẫu sao cũng có cả những lúc dễ chịu. Chẳng hạn một danh sách thế này: Gorky, Novodvortsev, Chirikov ...

Trong tiểu sử tự thuật, đính kèm tổng tập tác phẩm (sáu quyển, có chân dung tác giả), ông viết là ông, con trai của một cặp vợ chồng bình thường, đã khó khăn thế nào để làm nên danh phận. Trên thực tế thì tuổi thanh xuân của ông rất hạnh phúc. Cường tráng, tin tưởng, thành công. Hai mươi lăm năm trước, trong một tạp chí dày đã xuất hiện

truyện ngắn đầu tay của ông. Korolenko thích ông. Ông thỉnh thoảng lại bị bắt. Vì ông mà họ đình bản một tờ báo. Giờ thì những hoài bão công dân của ông đã thành hiện thực. Giữa những người trẻ, giữa những người mới, ông thấy mình dễ chịu, thoải mái. Cuộc sống mới hết sức vừa lòng ông. Sáu quyển. Tên ông nổi tiếng. Nhưng thanh danh vô vị, thật vô vị...

Ông lướt ngược về với hình tượng cây thông — và đột nhiên, hoàn toàn vô cớ, ông nhớ lại cái phòng khách trong nhà một gia đình thương gia, một cuốn sách lớn đăng các bài tiểu luận và thơ với mép mạ vàng (có lợi cho người đối), cách nay cách nọ có liên quan với ngôi nhà này, và cây thông trong phòng khách, và người phụ nữ hồi ấy ông yêu, và mọi ngọn đèn trang trí cây thông đã soi các rung động pha lê vào đôi mắt mở to của nàng thế nào, khi nàng bứt trái quýt từ một nhánh cao. Cũng phải hai mươi, có khi hơn, năm trước, mà sao mọi chi tiết vẫn khắc ghi trong tâm trí.

Ông buồn rầu đoạn tuyệt ký ức này, và một lần nữa, như mọi khi, hình dung những cây thông què cụt mà, chắc có lẽ, giờ này người ta đang trang trí... Chẳng làm được một truyện ngắn từ đây, nhưng dẫu sao cũng có thể làm cho nó sâu sắc hơn... Các kiều dân khóc quanh cây thông, bạn

đồng phục thơm mùi băng phiến, ngắm cây thông và khóc. Đâu đó ở Paris. Vị tướng già nhớ lại mình từng đắm vào rừng ra sao, và cắt hình thiên thần từ các-tông vàng... Ông nghĩ về vị tướng mà ông thực sự quen biết, người giờ này đã thực sự ra nước ngoài, — và không tài nào hình dung ra cảnh vị ấy khóc, quỳ gối trước cây thông...

“Nhưng ta đang theo chính đạo”, — Novodvortsev nói thành tiếng, hấp tấp đuổi theo một ý nghĩ lảng tránh nào đó. Và có gì đó mới mẻ, bất ngờ, bắt đầu định hình trong trí tưởng tượng của ông. Một thành phố châu Âu, những người no đủ mặc áo lông thú. Tủ bày hàng sáng rực. Sau kính có cây thông khổng lồ, bên dưới phủ kín giấm-bông; còn trên cành treo hoa quả đắt tiền. Biểu tượng của sự sung túc. Còn trước tủ hàng, trên vỉa hè đóng băng...

Và với nỗi xao xuyến trang trọng, cảm thấy mình đã tìm được cái cần thiết, cái duy nhất, — và sẽ viết được một tác phẩm nào đó tuyệt vời, sẽ miêu tả được điều chưa ai miêu tả được về sự mâu thuẫn giữa hai giai cấp, hai thế giới, ông bắt tay vào viết. Ông viết về cây thông béo tốt trong quày hàng sáng đèn trổ trên và về người công nhân đói khát, nạn nhân của sự giãn thợ hàng loạt, đứng

nhìn cây thông với ánh mắt nghiêm khắc và ảo
nảo.

“Cây thông trâm tráo”, Novodvortsev viết,
“tỏa sáng lấp lánh đủ sắc cầu vồng”.

Yêu tinh khoai tây

1

Mà thực ra thì tên chú là Frederic Dobson. Với anh bạn ảo thuật gia, chú kể về mình thế này:

“Ai ở Bristol mà chẳng biết Dobson — thợ may đồ trẻ em? Tôi là con ông ấy. Tôi tự hào về chuyện này chỉ vì ngoan cố thôi. Phải thú thật với cậu là cha tôi uống như cá voi già. Một lần nọ,

không lâu trước ngày tôi ra đời¹, ông ấy, sau khi nốc đầy rượu gin, đã nhét vào giường mẹ tôi một hình nhân thế này, cậu biết không, bằng sáp, — áo lính thủy, mặt mình thần, và cái quần dài đầu tiên. Cũng lạ là người đàn bà tội nghiệp ấy không bị sảy thai... Cậu cũng thừa biết là mọi chuyện này tôi chỉ nghe nói, — nhưng nếu như tôi không bị những người tốt bụng lừa dối thì, có lẽ, đấy là nguyên nhân bí mật của việc mà...”

Và Fred Dobson giang hai bàn tay ra một cách âu sầu và hiền hậu. Áo thuật gia cúi mình với nụ cười mơ màng thường lệ của gã, nắm tay Fred và, thở dài, đặt chú lên nóc tủ, nơi Yêu tinh khoai tây, ngoan ngoãn cuốn mình thành một cuộn, bắt đầu hắt hơi khe khẽ và khóc thút thít.

Chú hai mươi tuổi, nặng gần mười ki-lô-gam, còn chiều cao chú chỉ hơn vài xăng-ti-mét so với chiều cao của Zimmermann, chú lùn nổi tiếng người Thụy sỹ, có biệt danh Hoàng tử Balthazar. Giống như bạn đồng nghiệp Zimmermann, Fred có vóc người rất tuyệt, và, — nếu như không có các nếp nhăn trên cái trán tròn và quanh đôi mắt nheo, lại thêm cả vẻ ngoài hơi góm, cứ căng ra như

¹ Bản tiếng Anh: Khoảng năm 1900.

thể chú đã tự kiềm mình để không lớn lên, — thì chú lùn giống hệt cậu bé tám tuổi hiền lành. Tóc chú màu rơm ảm, được chải mượt và chia theo đường ngôi bằng bàn chạy ngay đúng giữa đầu, để gia nhập vào một hòa ước khôn ngoan với khoáy. Fred đi lại nhẹ nhàng, xử sự thoải mái và khiêu vũ không tẻ, nhưng ngay ông chủ gánh hát đầu tiên mà chú phục vụ đã cho là nên tăng thêm sức nặng cho ý niệm “yêu tinh” bằng một tính ngữ tức cười, khi nhìn thấy cái mũi béo mà chú lùn được thừa kế từ ông bố sung mãn và nghịch ngợm của mình.

Bằng mỗi vẻ ngoài của mình thôi mà Yêu tinh khoai tây đã khuấy động được một cơn bão pháo tay và tiếng cười khắp nước Anh, rồi sau đó cả ở các thành phố chính trên lục địa. Khác với những người lùn khác, chú có tư chất hòa nhã, thân thiện, — rất gần bó với con ngựa pô-ny tí hon ấy — Hoa Tuyết, — mà trên lưng nó, chú cần mẫn chạy nước kiệu quanh sân khấu của một rạp xiếc Hà Lan, — còn ở Vienna, chú đã chinh phục được trái tim gã khổng lồ khờ khạo và rầu rĩ, sinh quán ở Omsk, bằng cách là ngay trong lần gặp đầu tiên đã rướn lên người gã và xin xỏ theo kiểu trẻ con: “Em muốn được bế trên tay cơ”.

Thường thì chú không biểu diễn một mình. Chẳng hạn như ở Vienna, chú lùn xuất hiện cùng

với gã khổng lồ, chạy lon ton quanh gã, ăn bận chỉn chu, mặc quần sọc, khoác áo vét trang nhã, với cuộn bản nhạc lớn dưới nách. Chú đưa cho gã khổng lồ một cây ghi-ta. Gã kia đứng như con búp bê vĩ đại, nắm lấy nhạc cụ bằng một động tác máy móc. Chiếc áo choàng dài, cứ như được đẽo ra từ gỗ mun, đôi giày cao gót, cái mũ lễ hình trụ — bắt lấy những ánh phản chiếu trực tiếp, — lại còn tăng thêm chiều cao cho gã Xi-bê-ri cân đối nặng chín pút¹ ấy. Chìa cái hàm vạm vỡ ra trước, gã phạng một ngón lên dây đàn. Những lúc giải lao, như đàn bà, gã lại than chóng mặt. Fred rất yêu gã và thậm chí bật khóc chút xíu khi từ biệt, vì chú quyến luyến với mọi người rất nhanh. Đòi chú trôi qua theo vòng tròn, đều đặn và đơn điệu, như ngựa xiếc. Lần nọ, trong bóng tối cánh gà, chú vấp phải cái xô đựng sơn nhà và nhẹ nhàng ngồi phịch vào nó. Sau đó chú nhớ chuyện ấy rất lâu, như điều gì đó lạ thường.

Cứ như vậy, chú lùn chu du vòng quanh phần lớn châu Âu, dành dùm tiền, hát giọng nam thiến trong như tiếng bạc, và trong các nhà hát Đức, khán giả ăn xăng-vích với hồ đào xiên que, còn trong các nhà hát Tây Ban Nha — đồng thảo bọc

¹ Một pút bằng 16,38 ki-lô-gam.

đường và lại cũng hồ đào xiên que. Chú không được thấy thế giới. Trong trí nhớ chú chỉ còn lại: cùng một vực thẳm không bản sắc, cười cợt trên chú, rồi — sau buổi diễn — tiếng âm vang mơ màng, khẽ khàng của màn đêm lạnh lẽo, mà ta vẫn cảm thấy xanh làm sao, khi bước ra ngoài rạp hát.

Khi quay về London, chú tìm được bạn diễn mới, — ảo thuật gia tên Shock. Shock có giọng nói du dương, bàn tay thon mảnh xanh xao như vô thể và vạt tóc màu hạt dẻ xõa xuống lông mày. Gã hao hao giống thi sỹ hơn là ảo thuật gia, và các trò ảo thuật của gã được gã trình diễn với vẻ gì đó buồn bã hết sức dịu dàng và uyển chuyển, thiếu vắng những lời ba hoa hối hả vốn là đặc tính của nghề gã. Yêu tinh khoai tây phò tá gã một cách hài hước, và ở phần cuối tiết mục — với tiếng kêu gù gù sung sướng, xuất hiện trên ban công, mặc dù trước đó một phút mọi người còn nhìn thấy ảo thuật gia nhốt chú vào cái rương đen kê giữa sân khấu.

Mọi chuyện này xảy ra ở một trong những rạp hát London, nơi xuất hiện cả các diễn viên nhào lộn, bay liệng trong sự run rẩy leng keng của xà treo, cả gã ca sỹ ngoại quốc giọng tê-no (một kẻ thất bại ở quê hương) với các bài dân ca, cả người nói tiếng bụng mặc đồng phục lính thủy, cả những

người đi xe đạp, cả anh hề lập dị bất biến, nhẹ nhàng lê bước trên sân khấu, đội chiếc mũ quả dưa nhỏ xíu và bận gi-lê dài đến sàn.

2

Gần đây, Fred cứ ỉu xiu sao đó, hay hắt hơi không thành tiếng và rầu rĩ như chó Nhật. Suốt nhiều tháng ròng rã không thấy thích đàn bà, chú lùn trinh trắng ấy đôi khi cũng nếm trải những cơn buồn tình nhức nhối đơn côi, dẫu chúng thường qua đi cũng bất ngờ như lúc bùng lên, và chú lại tạm thời không để ý đến cả những đôi vai trần, lấp lóa trắng sau lũy nhung, cả các cô diễn viên nhào lộn nhỏ nhắn, cả ả vũ nữ Tây Ban Nha mà đuôi non hở ra giây lát, khi, trong cú xoay nhanh, ả phát lên cao những hoa nhung da cam trên viền ren loăn xoăn nơi chân váy.

— Giá có cô lùn cho cậu, — Shock trầm ngâm nói, và, với cú búng tay quen thuộc, lấy đồng xu bạc ra khỏi tai chú lùn, còn chú thì khoát cái tay gấp lại để gạt đi, y như xua ruồi.

Cũng đêm ấy, khi mà sau tiết mục của mình, Fred, mặc măng-tô và đội mũ quả dưa, đương hắt hơi và gặm gù, chạy lon ton sau sân khấu theo một hành lang lờ mờ tối, thì cái cửa đang mở độ một

véc-sốc¹ bất ngờ hắt ra một luồng sáng tươi vui, và hai giọng nói gọi chú. Đó là Zita và Arabella, hai chị em diễn viên nhào lộn, cả đôi gần như trần truồng, da ngăm, tóc đen, với cặp mắt xanh dài. Trong phòng lộn xộn, cả sự lờ loẹt rạo rục mùi sơn khấu, cả hương nước hoa. Trên bàn phấn ngổn ngang các búp phấn, lược, lọ nhiều cạnh với bóng cao su, kẹp tóc trong cái hộp từng đựng sô-cô-la, và những thỏi son mỡ đỏ thắm.

Hai chị em lập tức làm điếc tai chú lùn bằng tiếng lải nhải của mình. Họ cù và ôm Fred, chú thì căng phồng máu đen, lừm lừm và, như quả cầu, lăn đi lăn lại giữa những bàn tay trần nhanh nhẹn đang chọc ghẹo chú. Khi Arabella nghịch ngợm kéo chú sát vào mình và ngã lên đi-văng, Fred thấy điên lên, bắt đầu giãy giụa và thở phì phò, siết chặt cổ cô ta. Để đẩy chú ra, cô ta nhắc cánh tay trần lên, chú lao vào, trườn lên, mút môi vào cái nách cạo, vào cái hõm nóng hổi, hơi lỏm chớm. Cô kia, Zita, vừa cười gần chết, vừa nắm chân chú cố lôi ra; vào đúng lúc ấy cửa mở đánh rầm, và, trong bộ đồ bó sát, trắng như cẩm thạch, gã Pháp, bạn diễn của hai cô diễn viên nhào lộn ấy, bước vào. Im lặng và chẳng thềm tức giận, gã túm cổ chú lùn, — chỉ

¹ Tương đương 4,4cm.

thấy loạt xoạt tiếng một bên ve hồ bột bị buột khỏi khay cài, — nhấc lên trong không khí và ném chú, như ném khỉ con, ra khỏi phòng. Cửa đóng sầm. Áo thuật gia, đang lang thang trong hành lang, kịp thấy ánh trắng toát của cánh tay mạnh mẽ và một hình nhân đen nhỏ, rụt hết căng lại trong lúc bay.

Fred đụng rất đau và giờ thì nằm bất động. Chú không mất tri giác, — chỉ thấy cả người mềm đi, chú nhìn chăm chăm vào một điểm, răng đánh lập cập.

— Tệ quá, người anh em, — ảo thuật gia thở dài, nhấc chú lên khỏi sàn và sờ nắn cái trán tròn của chú lùn bằng những ngón tay trong suốt. — Tôi đã bảo cậu rồi — đừng chõ mũi vào. Giờ thì gặp họa rồi. Giá có cô lùn cho cậu...

Fred im lặng, trở mặt.

— Thôi ngủ lại chỗ tôi đi, — Shock quyết định và bê Yêu tinh khoai tây trên tay, hướng về lối ra.

3

Trên đời còn có cả Shock phu nhân.

Đó là một quý cô không rõ tuổi, mắt đen, với lòng trắng hơi vàng. Sự gầy gò của cô, nước da

giấy dầu, mái tóc đen khô, thói quen thổi khói thuốc qua lỗ mũi, sự luộm thuộm được cân nhắc cẩn thận của váy áo và kiểu tóc, — tất cả những thứ này chẳng hấp dẫn được bọn đàn ông, nhưng có lẽ lại đẹp lòng ảo thuật gia, mặc dù trên thực tế thì gã dường như chẳng để ý đến vợ, luôn bận bịu với những tưởng tượng âm thầm của mình, luôn bắp bênh, hão huyền, nghĩ ngợi về gì đó riêng tư, khi nói về những chuyện vật vãn, luôn chăm chú và sắc sảo, khi có vẻ như chìm đắm vào các giấc mộng chiêm tinh. Nora luôn dè chừng, vì gã không thể bỏ lỡ cơ hội nào để không sáng tạo ra một trò lường gạt nào đó vật vãn, vô ích, nhưng tinh ranh ma mãnh. Chẳng hạn, có lần, trong bữa trưa, gã khiến cô kinh ngạc với sự phàm ăn khác thường, gã nhai tóp tép ngon lành, mút sạch xương, hết lần này đến lần khác lấy thức ăn đầy đĩa, sau đó bỏ đi, rầu rĩ nhìn vợ, — và một lát sau, cô hầu, cười hi hí vào tạp dề, thưa lại là ngài Shock không đụng tí nào đến bữa trưa, rằng cả bữa trưa của ngài còn nguyên trong ba cái xoong mới dưới gầm bàn.

Cô là con gái một họa sỹ đáng kính chuyên vẽ ngựa, chó đốm với thợ săn mặc áo đuôi tôm đỏ, và trước đám cưới thì cô sống ở Chelsea, thán phục những hoàng hôn khói tỏa trên sông Thames, vẽ, lui tới các cuộc họp ngớ ngẩn mà ở đó có bọn bô-

hem London tham dự, — và cũng tại đó, cô được
đến ý đến bởi đôi mắt hư ảo của một nam nhân lặn
lẽ, mảnh khảnh, một kẻ ít nói và chưa ai hay biết.
Người ta cứ ngỡ gã là nhà thơ trữ tình. Cô chết mê
chết mệt gã luôn. Nhà thơ lơ đãng đính hôn với cô,
và ngay hôm đầu tiên sau đám cưới đã cho hay,
với một nụ cười buồn, rằng gã không biết viết thơ,
và ngay tức thì, trong khi nói chuyện, đã biến cái
đồng hồ báo thức cũ thành đồng hồ bấm giây mạ
ni-ken, còn đồng hồ bấm giây thành chiếc đồng hồ
vàng nhỏ xíu mà Nora vẫn mang đến tận bây giờ
trên cổ tay. Cô hiểu rằng ảo thuật gia Shock dẫu
sao cũng là một nhà thơ theo kiểu của mình,
nhưng chỉ không bao giờ có thể quen với việc gã
từng giây từng phút, trong mọi tình huống cuộc
sống, thể hiện nghệ thuật của mình. Thật khó mà
hạnh phúc nổi khi chồng là một ảo ảnh, một trò ảo
thuật biết đi, một sự lừa đảo đối với mọi giác quan.

4

Khi cô đang lơ đãng gõ móng lên kính một cái
bể, trong đó vài con cá vàng, dường như được cắt
ra từ vỏ cam, đang thở và vẫy vẫy lấp lánh, thì cửa
lặng lẽ mở, và trên ngưỡng cửa xuất hiện Shock,
— mũ lễ đội lệch, mớ tóc màu hạt dẻ trên lông

mày, — và gã ôm trên tay một sinh vật nhỏ cuộn tròn.

— Bị đem đến, — ảo thuật gia thở dài nói.

Nora nghĩ nhanh: đứa bé... tìm được... nhạt về... Đôi mắt đen của cô loáng ướt.

— Đành phải nhận nuôi thôi, — Shock khẽ nói, dờ dẩn chờ ở cửa.

Sinh vật bỗng dựng hồi tỉnh, cất tiếng cầu nhàu, bắt đầu bên lên cào ngực áo hồ bột của ảo thuật gia. Nora ngó vào đôi bốt nhỏ trong đôi ghệt da nai, vào cái mũ quả dưa nhỏ...

— Em không dễ bị lừa thế đâu, — cô nói, cười mũi.

Ảo thuật gia nhìn cô trách móc; sau đó đặt Fred xuống đi-văng nhưng, đắp mền len cho chú.

— Tay diễn viên nhào lộn đập nó, — Shock giải thích, và không thể không bổ sung: — Nặng quả tạ. Đúng vào bụng.

Và Nora, sẵn lòng từ bi như nhiều phụ nữ không con khác, cảm thấy một sự thương xót đặc biệt đến nỗi chút nữa thì òa khóc. Cô bắt đầu chăm sóc chú lùn, cho ăn, cho rượu poóc-tô, dùng cồn

thơm lau trán, thái dương, những cái hõm trể thò sau tai.

Hôm sau, Fred thức giấc từ sáng sớm, đi lang thang trong căn phòng lạ, trò chuyện với bọn cá vàng và sau đó, hắt hơi khe khẽ, ngồi ghé, như cậu bé, trên bệ cửa sổ rộng.

Màn sương mù tuyết đẹp đang tan, rửa sạch những mái xám. Đâu đó xa xa, một cửa sổ gác mái mở ra, và kính bắt ánh mặt trời. Còi xe hát lên, tươi mới, dịu dàng.

Fred nghĩ lại chuyện hôm qua. Giọng cười của các nữ diễn viên nhào lộn trộn lẫn một cách lạ lùng cùng sự tiếp xúc với bàn tay thơm lạnh của cô Shock. Thoạt đầu, chú thấy bị xúc phạm, sau đó thấy được vuốt ve, mà chú vốn dĩ là một chú lùn rất dễ quyến luyến, rất dễ nhiệt tình. Chú bắt đầu mơ về việc một ngày nào đó sẽ cứu được Nora khỏi tay một kẻ lố mãng lực lưỡng như gã người Pháp bận đồ trắng bó sát ấy. Thật không đúng lúc, chú nhớ lại cô lùn mười lăm tuổi mà chú từng biểu diễn cùng ở đâu đó. Cô lùn mũi nhọn, ốm đau, độc ác. Cô ta được giới thiệu với khán giả như vợ chưa cưới của Fred, và chú, dù rùng mình vì tởm, vẫn phải nhảy với cô ta một điệu tăng-gô sát sạt.

Một chiếc còi đơn độc lại hát vang và lướt qua. Sương mù trên hoang mạc London êm đềm ngấm đầy nắng sớm.

Đến tám giờ, căn hộ hồi sinh: ảo thuật gia cười lơ đãng, ra khỏi nhà, còn đi đâu thì — không biết; trong phòng ăn thơm mùi món mỡ chiên, chúng nằm thành các rẻo mỏng dính dưới những bông trứng nóng hổi. Tóc chải qua quít, bận kimô-nô thêu gấm hoa hướng dương, Shock phu nhân xuất hiện.

Sau bữa sáng, cô đãi Fred một liều thuốc thơm, đầu bọc cánh hoa đỏ thắm, và nheo mắt lại, ép chú kể xem chú sống ra sao. Trong những trường hợp thế này thì giọng Fred thường trở nên hơi trầm xuống, chú nói chậm, chọn kỹ từ, và vẽ chững chạc bất ngờ trong cách phát âm này — cũng lạ — lại hợp với chú. Nghiêng đầu, tập trung và rần rỏi, chú ngồi bên chân Nora, còn cô nửa nằm nửa ngồi trên đi-văng nhung, để hờ cặp khuỷu nhọn của đôi tay tì ra sau. Chú lùn, kể xong chuyện mình, ngưng lời, nhưng vẫn cứ xoay tới xoay lui lòng bàn tay, như thể đang tiếp tục nói khẽ. Chiếc áo vét đen nhỏ xíu của chú, khuôn mặt nghiêng nghiêng, cái mũi mập, mái tóc vàng và đường ngói trên đỉnh đầu khiến cho Nora thấy mũi lòng sao đó. Nhìn chú qua hàng mi, cô cố gắng

hình dung người ngồi đó không phải chú lùn, mà là đứa con trai không tồn tại của cô, và nó đang kể bị bắt nạt ra sao ở trường. Duỗi tay ra, Nora vuốt ve đầu chú, và vào đúng khoảnh khắc đó, theo một sự phối hợp suy nghĩ bí ẩn, cô thấy cảm giác gì đó khác hẳn, thù hận và hiếu kỳ.

Cảm thấy những ngón tay ngọc ngọay của cô trên tóc mình, chú lùn dờ ra và bỗng dưng bắt đầu im lặng liếm môi rất nhanh. Liếc mắt qua bên, chú không thể rời ánh mắt khỏi những cái ngù màu ngọc lục bảo trên đôi dép của cô Shock.

Và đột nhiên, theo một cách thức nào đó kỳ quái và say mê, mọi thứ bắt đầu hoạt động.

5

Vào cái ngày tháng Tám xám lam, nắng tràn ấy, London đặc biệt tuyệt vời. Bầu trời nhẹ bỗng, hân hoan, soi bóng trên suối nhựa đường bóng loáng, các cột hòm thư góc phố sáng bừng sơn đỏ, ánh phản chiếu và tiếng xào xạc của xe cộ lăn nhanh giữa màu xanh Gô-be-lin¹ ở công viên, — cả thành phố lấp lánh sáng, thở hơi nóng ngất

¹ Gobelin Green.

ngây, và chỉ bên dưới, trên sân ga đường ngầm, mới mát mẻ mà thôi.

Từng ngày riêng trong năm được tặng cho chỉ một người may nhất; mọi người còn lại dùng ngày của y, tận hưởng nắng trời hay bức bối với mưa, song chẳng bao giờ họ biết ai là người mà ngày thuộc quyền sở hữu, và sự không biết này của họ thật dễ chịu và tức cười với kẻ may mắn ấy. Con người không thể đoán trước được ngày nào sẽ là của mình, thứ vật vĩnh nào sẽ được y nhớ suốt đời, — gọn sáng trên bức tường dọc theo mặt nước hay chiếc lá phong quay cuồng, và thường thì y biết về ngày của mình duy chỉ giữa những ngày đã qua, duy chỉ rất lâu sau khi y từng xé và vò nhàu rồi ném xuống dưới bàn một tờ lịch với con số đã quên.

Fred Dobson, chú lùn đi ghệt xám lông chuột, được Thượng đế ban cho cái ngày tháng Tám vui vẻ ấy, một ngày bắt đầu bằng tiếng còi êm ái và vòng quay của một khung cửa lóe sáng. Những đứa trẻ đi chơi về, vừa kể cho cha mẹ nghe vừa ghen ngào và sửng sốt, là mới trông thấy một chú lùn đội mũ quả dưa, mặc quần kẻ sọc, với cây ba-toong và cặp găng vàng trong tay.

Sau khi thăm thiết chia tay với Nora (đang đợi khách), Yêu tinh khoai tây bước ra con phố rộng, phẳng, ngập nắng, và lập tức hiểu rằng cả thành phố này được tạo ra cho chỉ mình chú. Bác tài vui vẻ gập lá cờ sắt trên đồng hồ tính tiền tắc-xi bằng một cú gạt ngân vang, phố trôi ngang qua, và Fred chốc chốc lại tụt xuống khỏi mặt ghế da và cứ khúc khích cười, tự thủ thỉ với mình mãi không thôi.

Chú xuống ở lối vào công viên Hyde và không để ý đến những ánh mắt tò mò, đi lon ton dọc theo những chiếc ghế xếp xanh lục, dọc theo bể bơi, dọc theo những bụi đỗ quyên khổng lồ, thẳm lại dưới bóng du và đoan, trên thảm cỏ tươi phẳng như mặt nỉ bàn bi-a. Các kỵ sỹ phóng vụt qua, nảy nhẹ, ống ghệt da vàng cọ kin kít, mồm ngựa thon mảnh hất lên, hàm thiếc kêu lách cách, — và những cỗ xe đen đất tiền, nan hoa sáng lòe, điềm tĩnh lăn bánh theo bóng râm tím nhạt tựa như dải đăng-ten lớn.

Chú lùn bước đi, hít thở mùi xăng ấm, mùi tán lá dường như đã mục rữa vì thừa mưa nhựa diệp lục, và xoay cây ba-toong nhỏ, và bấu môi như thể sắp huyết sáo, — ấy là cảm giác tự do và khoan khoái trong chú. Nora tiễn chú với sự âu yếm hối hả làm sao, cười mới nắc nỏm làm sao, — rõ ràng

cô sợ là ông cụ thân sinh, vốn dĩ luôn đến dùng bữa sáng thứ hai, sẽ bắt đầu ngờ vực gì đó nếu bắt gặp một quý ông lạ mặt ở chỗ cô.

Hôm ấy người ta thấy chú khắp nơi — cả trong công viên, nơi chị bảo mẫu hồng hào đội mũ bê-rê hồ bột, đẩy xe nôi, chẳng hiểu sao lại mời chú lên chở đi chơi; cả trong các gian bảo tàng Anh quốc; cả trên cái thang sống động, từ từ trườn ra từ vực sâu dưới đất, đầy ắp hơi thối điện, các quảng cáo lộng lẫy, tiếng xôn xao; cả trong một cửa hàng thanh lịch, nơi người ta bán khăn tay nam; cả trên nóc xe buýt, nơi bàn tay tốt bụng của ai đó đặt chú ngồi lên.

Sau đó chú mệt, mù đi vì chuyển động và ánh sáng, bắt đầu thấy bất an với những ánh mắt cười cợt. Và chú thấy cần phải suy ngẫm thấu đáo về cái cảm giác tự do, tự hào, hạnh phúc to lớn vẫn chưa từ bỏ mình.

Khi Fred thấy đói mềm và bước vào một tiệm ăn quen thuộc, nơi tụ tập đủ loại nghệ sỹ và cũng là nơi mà sự hiện diện của chú không làm ai ngạc nhiên, chú hiểu ngay, sau khi nhìn thực khách, nhìn ông hề già, buồn chán, say xỉn, nhìn gã Pháp cự thù đang gật đầu thân thiện với chú, hiểu

hoàn toàn rõ ràng rằng chú sẽ không bao giờ bước ra sân khấu nữa.

Trong tiệm ăn vẫn tối đèn dầu hơi thiếu ánh ngày. Ông hề buồn chán nhìn hao hao như chủ nhà băng cháy túi và gã diễn viên nhào lộn, vụng về lạ lùng trong bộ vét, im lặng chơi đô-mi-nô. Vũ nữ Tây Ban Nha đội chiếc mũ khổng lồ, buông bóng xanh nhờ xuống mắt, ngồi một mình sau bàn góc, bắt chéo chân. Còn bảy tám người nữa mà Fred không quen; chú ngắm những gương mặt nhợt đi vì son phấn của họ, trong khi anh bồi lót gối cho chú, tung khăn trải bàn, nhanh nhẹn sắp bộ đồ ăn.

Đột nhiên, từ xa, trong bóng tối lờ mờ của tiệm ăn, Fred nhận ra bán diện thanh tú của ảo thuật gia, gã ta đang thì thào trò chuyện với một ông già béo tốt kiểu Mỹ. Fred không trông mong gặp ảo thuật gia, một kẻ không bao giờ lui tới các tửu quán, và nói chung đã quên sự tồn tại của gã. Giờ thì chú thấy thương Shock tội nghiệp làm sao, đến nỗi thoát tiên chú định giấu gã mọi chuyện; song lại nghĩ là đằng nào thì Nora cũng không biết cách nói dối và chắc ngay hôm nay sẽ thú thật với chồng (em đang yêu Fred Dobson, em sẽ bỏ anh...), — mà cuộc nói chuyện ấy hẳn là khó chịu, khó khăn, do đó mà chú phải đỡ việc cho cô ấy, — chú là hiệp sỹ của cô, chú tự hào với tình yêu của

cô, — và dấu chú có thương hại Shock đến thế nào thì cũng vẫn đành phải làm đau lòng gã.

Trong lúc ấy, anh bồi mang đến một suất bánh nướng nhân thận với một chai bia gừng vỏ đá. Sau đó anh ta bật đèn. Đây đó trên mặt nhưng lờ mờ lóe sáng các sắc màu thủy tinh; từ xa, chú lùn thấy ánh vàng lấp lóa trong mớ tóc hạt dẻ trên trán ảo thuật gia, và những ngón tay trong mềm của gã di chuyển từ chỗ sáng vào bóng tối. Người đối thoại với gã đứng dậy, chỉnh lại thắt lưng da dưới áo vét, cười xu nịnh với Shock, và Shock tiễn ông ta đến tận phòng thay đồ. Ông béo kéo sụp chiếc mũ rộng vành xuống, bắt bàn tay nhẹ bồng của ảo thuật gia và, vẫn không thôi kéo quần, bước ra khỏi nhà hàng. Trong khoảnh khắc, sáng lên một vệt ngày tàn, các ngọn đèn nhỏ ngả vàng trong tiệm. Cửa đóng sầm.

— Shock! — Yêu tinh khoai tây vừa gọi vừa dùng đưa chân dưới gầm bàn.

Shock lại gần. Vừa đi, gã vừa trầm ngâm lúi từ túi bên ra một miếng xì gà đang cháy, kéo một hơi, thả ra một làn khói và nhét nó lại vào dưới ngực áo. Gã làm điều đó thế nào — chẳng rõ.

— Shock này, — chú lùn nói, mũi đỏ lên vì rượu gừng, — tôi cần nói chuyện với cậu. Một chuyện hết sức quan trọng.

Ảo thuật gia ngồi xuống ngay cạnh, tay chống khuỷu,

— Nhức đầu không? — gã hỏi dừng dừng.

Fred chùi môi bằng khăn ăn; không biết bắt đầu thế nào để không làm cho bạn quá đau.

— Tối nay tôi diễn cùng với cậu lần cuối, — ảo thuật gia nói. — Người Mỹ đó sẽ đưa tôi đi. Có vẻ cũng không tệ.

— Nghe này, Shock, — và chú lùn, tay bóp vụn bánh mì, bắt đầu khó nhọc lựa những lời cần thiết. — Chuyện là... Can đảm lên nhé, Shock. Tôi yêu vợ cậu. Hôm nay, khi cậu đi rồi, tôi với cô ấy... chúng tôi với nhau... cô ấy...

— Chỉ có điều tôi không chịu được trông chừng, — ảo thuật gia trầm ngâm nói, — mà đến Boston mất cả tuần... Tôi có lần từng đi tàu đến Ấn Độ, sau đó thấy mình như cái chân tê dại khi bị ngồi lâu.

Fred, đỏ bừng, chà xát nắm tay lên khăn trải bàn. Áo thuật gia cười thầm những suy nghĩ của mình, sau đó hỏi:

— Cậu muốn nói gì với tớ ấy nhỉ, anh bạn nhỏ?

Chú lùn nhìn đôi mắt hư ảo của gã, luống cuống lắc đầu,

— Không, không... Chẳng có gì... Không thể nói chuyện với cậu được.

Shock đuổi tay ra, rõ ràng muốn bùng đồng xu ra khỏi tai chú lùn, — nhưng lần đầu tiên sau nhiều năm phù phép thành thạo, đồng xu rơi xuống sai cách, bị nắm giữ quá yếu bởi các cơ lòng bàn tay. Áo thuật gia chộp lấy nó, đứng lên.

— Mà tôi sẽ không ăn ở đây đâu, — gã nói, tò mò nhìn đỉnh đầu chú lùn, — tôi không thích chỗ này.

Fred, sững sía và lằm lì, ăn táo bỏ lò. Áo thuật gia lén đi ra. Tiệm vắng. Một vũ nữ Tây Ban Nha uể oải, đội mũ rộng, được dìu bởi một thanh niên vụng về, ăn diện, mắt xanh lơ.

— Không muốn nghe thì thôi, — Fred nghĩ; chú thở phào nhẹ nhõm và tự quyết định là thôi

thì cứ để Nora giải thích sẽ hay hơn. Sau đó chú hỏi xin giấy và bắt đầu viết thư cho cô. Nó kết thúc thế này:

Giờ thì chị đã hiểu là tôi không thể tiếp tục cuộc sống trước kia. Ôi chị sẽ đau lòng làm sao nếu biết chiều chiều lũ người kia lại cười hô hố vào mặt ý trung nhân của chị? Mai tôi sẽ bỏ đi sau khi xé hợp đồng. Tôi sẽ lại biên thư cho chị ngay khi tìm được góc nhỏ bình yên nào đó, nơi mà sau khi chị li dị, ta sẽ yêu nhau, Nora của tôi.

Vậy là hết cái ngày chóng vánh mà chú lùn đi ghệt xám lông chuột ấy được ban tặng.

6

London dề dặt vào chiều. Thanh âm đường phố hòa vào tiếng nhạc rì rào, cứ như ai đó đã thôi chơi đàn nhưng vẫn còn nhấn pê-đan. Các vòm lá đoan đen thẫm ở công viên nổi bật lên trên nền trời trong vắt, y như những hoa văn xì pích. Thảng hoặc, nơi phố vắn mình hay giữa đôi tháp tang tóc, lại hiện ra, như ảo ảnh, một ánh lửa ráng chiều. Trong các cửa sổ sột soạt rèm buông, thông những mảnh mềm.

Ảo thuật gia luôn về nhà ăn trưa và thay áo đuôi tôm chuyên nghiệp để rồi lập tức đến rạp. Nora chiều ấy đặc biệt nóng lòng chờ gã, run rẩy vì niềm vui bí ối. Cô mừng vì giờ thì cả cô cũng có bí mật riêng. Chính chú lùn thì lại không phải cái muốn nhớ. Chú lùn chỉ là con sâu nhỏ khó chịu.

Ổ khóa cửa vào khế kêu lách cách. Như vẫn thường xảy ra, khi ta biết mình đã dối lừa người khác, mặt ảo thuật gia khiến cô cảm thấy rất mới, gần như xa lạ. Gật đầu với cô, gã hình như ngưng ngừng và buồn rầu cụp mi mắt xuống; lặng lẽ ngồi vào bàn ngay đối diện cô. Nora ngấm chiếc áo vét xám nhẹ của gã, mặc nó vào gã có vẻ còn mảnh khảnh hơn, khó nắm bắt hơn, và đôi mắt cô bắt đầu thể hiện niềm hân hoan nồng nàn, mạch đập độc địa rung nhẹ bên khóe miệng.

Cô hỏi, tận hưởng sự khinh mạn trong câu hỏi:

— Thăng lùn của anh sao rồi? Em tưởng anh đưa nó về.

— Không thấy nó hôm nay, — Shock trả lời, rồi bắt đầu ăn. Bỗng dưng gã sức nhớ: rút cái lọ nhỏ ra và thận trọng vặn kín cái nút, nghiêng nó trên ly rượu.

Nora tức giận nghĩ rằng giờ sẽ có một màn ảo thuật, rượu đổi thành xanh rục hoặc trong như nước, song màu rượu không đổi. Shock bắt được ánh mắt cô, cười mơ hồ.

— Để dễ tiêu ấy mà... Thuốc lỏng thôi, — gã giải thích. Làn sóng trầm mặc chạy ngang qua mặt gã.

— Lại dối trá, như mọi khi, — Nora nói. — Dạ dày anh rất ổn mà.

Ảo thuật gia cười khê. Sau đó gã thành thực dặng hắng và uống một hơi cạn ly.

— Thôi ăn đi, — Nora nói. — Nguội hết rồi.

Cô hí hửng nghĩ một cách độc địa: “Ôi, nếu như người biết! Người sẽ không bao giờ biết. Giờ thì đó là sức mạnh của ta”.

Ảo thuật gia lặng lẽ ăn. Đột nhiên gã nhăn mặt, đẩy đĩa ra và lên tiếng. Như thường lệ, gã không nhìn thẳng vào vợ mà hơi cao hơn cô, còn giọng gã du dương êm ái. Gã kể, hôm nay gã vừa đến thăm nhà vua ở Windsor, nơi gã được mời đến để tiêu khiển cho các tiểu công tước mặc áo bu-dông nhung với cổ đăng-ten. Gã vừa kể một cách đầy hình ảnh và thanh thoi, nhại lại những

nhân vật đã nhìn thấy, vừa cười, hơi nghiêng đầu qua bên.

— Anh thả đàn bồ câu trắng ra khỏi mũ lễ, — gã kể.

“Còn tay chú lùn mượt mồ hôi, và em toàn nói dối”, — Nora thầm chêm vào.

— ... Và, em biết không, chính những con bồ câu ấy bắt đầu bay quanh nữ hoàng. Bà ấy xua chúng đi và cười lịch sự.

Ảo thuật gia đứng dậy, loạng choạng, tựa hồ hai ngón lên cạnh bàn và nói, như thể kết chuyện:

— Anh thấy khó ở, Nora. Anh đã uống thuốc độc. Lẽ ra em không nên phản bội anh.

Họng gã phồng to, và, áp khấn tay lên môi, gã đi ra khỏi phòng.

Nora đứng phắt dậy, làm các hạt hổ phách của sợi dây chuyền dài gạt con dao bạc khỏi đĩa.

“Cố tình hết, — cô giận dữ nghĩ — muốn dọa, muốn hành ta. Không đâu, ông anh, vô ích thôi. Người sẽ thấy!”

Cô bực vì Shock đoán ra bí mật của cô một cách quá dễ dàng, nhưng chí ít thì bây giờ cô cũng

có nguyên cớ để kể hết cho gã, để gào lên là cô căm thù gã, khinh bỉ gã vô cùng, rằng gã không phải người mà là con ma cao su, rằng cô không đủ sức sống tiếp với gã nữa, rằng...

Ảo thuật gia ngồi trên giường, khom lưng và đau đớn nghiêng răng, nhưng cố gượng cười khi Nora xông vào phòng ngủ.

— Được rồi em tin, được rồi em tin, — cô ghen lời. — Thôi, đủ rồi! Cả tôi cũng biết đánh lừa. Anh làm tôi phát ốm, ôi anh làm tôi thấy tức cười với những trò ảo thuật thất bại của mình.

Shock tiếp tục cười bối rối, cố đứng dậy khỏi giường, lết lòng bàn chân trên thảm. Nora im bật, nghĩ ngợi để có thể gào thét thóa mạ thêm nữa.

— Thôi đừng... Nếu có gì thì... tha thứ cho anh... — Shock khó nhọc thở hắt ra.

Sợi gân xanh phồng lên trên trán gã. Gã quần quai dữ hơn, khô khè to hơn, thỉnh thoảng lại lắc mớ tóc mượt mồ hôi, — và cái khăn mùi-soa mà gã chịn vào miệng bị phồng lên vì ướt đẫm máu nâu.

— Thôi giỡn đi, — Nora giậm chân.

Gã uốn thẳng người, tái nhợt như sáp, quăng khăn mùi soa vào góc.

— Hượm đã, Nora... Em không hiểu... Đây là — màn ảo thuật cuối cùng của anh... Anh sẽ không làm nữa...

Bộ mặt đáng sợ, bóng lưng của gã lại méo xệch đi. Gã lắc lư, buông mình xuống giường, ngật đầu ra sau.

Nora đến gần, nhòm gã, nhúu mày. Shock nằm, nhắm mắt, nghiêng ken két những cái răng cắn chặt. Khi cô cúi xuống gã, lông mi gã chớp máy, gã lơ mơ nhìn, như thể không còn nhận ra vợ, rồi chợt nhận ra, và trong mắt gã lấp lánh một tia sáng ẩm ướt chan chứa sự dịu dàng và nỗi đón đau.

Lập tức Nora hiểu ra là cô yêu gã hơn mọi thứ trên đời, và nỗi sợ hãi cùng lòng trắc ẩn cuốn lấy cô. Cô chạy ngược chạy xuôi khắp phòng, rót nước vào cốc làm gì chẳng rõ, bỏ quên nó trên chậu rửa tay, lại chạy như bay đến chỗ chồng, còn gã nhồm dầy và vừa ép mép ga giường lên môi vừa rùng mình, nôn khan, trố đôi mắt băng quơ đã mờ sương chết chóc. Lúc ấy cô vung tay lên, lao qua phòng bên, nơi để điện thoại, lắc cái chạc rất lâu, nhằm số, gọi lại, rên rỉ thở gấp, đập nắm tay lên

bàn; và khi, rốt cuộc, giọng bác sỹ vang đến, thì cô gào lên là chồng tự đầu độc, đang chết, khóc oà vào ống nghe, mắc lệch nó, tắt tả chạy ngược về phòng ngủ.

Áo thuật gia, sáng ngời và lóng lánh, bận gi-lê trắng, quần đen thẳng nếp, đứng trước tấm gương lớn, khuyển hai khuỷu tay, thận trọng thất cà-vạt. Thấy Nora trong gương, gã không quay đầu lại, cười lơ đãng với cô và, huýt sáo khe khẽ, tiếp tục mân mê những ngón tay trong suốt lên các góc lụa đen.

7

Thị trấn Drowse, ở miền bắc nước Anh, nhìn bề ngoài ngái ngủ đến mức có cảm giác dường như ai đó lỡ quên nó giữa những cánh đồng êm đềm sương phủ, nơi nó ngủ thiếp đi mãi mãi. Có một bưu cục, một cửa hàng xe đạp, đôi ba tiệm thuốc lá với bảng hiệu xanh-đỏ, một nhà thờ cổ xám tro, vây quanh là các bia mộ dưới bóng dẻ đại thụ vươn dài, — còn dọc theo con phố duy nhất chạy dài những hàng giậu xanh, những vườn hoa nhỏ, những ngôi nhà gạch thấp vắn vít thường xuân. Một trong những ngôi nhà nhỏ này được đem cho ông F. Dobson nào đó thuê, một người

chẳng ai rõ mặt, ngoài quán gia và bác sỹ, mà bác sỹ thì không thích bép xép. Ngài Dobson rõ ràng chẳng bao giờ ra khỏi nhà, và quán gia của ngài, một phụ nữ to béo, nghiêm nghị, trước kia từng phục vụ trong nhà thương điên, trả lời những câu hỏi tình cờ của hàng xóm rằng ngài Dobson là ông già bại liệt, buộc phải sống trong cảnh tranh tối tranh sáng tĩnh mịch. Ông bị lãng quên ngay trong cái năm mà ông đến Drowse: ông trở thành gì đó khó thấy, nhưng vẫn được mọi người tin tưởng công nhận, như vị giáo chủ vô danh có bức tượng đá đứng tự khi nào trong cái hốc dưới vòm cổng nhà thờ. Hình như ông già bí ẩn ấy có cháu trai — một cậu bé lạng lẽ, tóc vàng, thỉnh thoảng ra khỏi nhà ngài Dobson lúc chạng vạng, với dáng đi loắt choắt và dè dặt. Tuy nhiên chuyện ấy hiếm khi xảy ra đến nỗi chẳng ai có thể nói chắc rằng đó chỉ là cậu bé ấy thôi hay còn ai khác nữa, — và các chạng vạng chiều ấy nhạt nhòa một sắc xanh mờ hồ đến nỗi làm mềm đi mọi dáng hình. Vậy nên các cư dân ngái ngủ, không mấy tò mò của thị trấn đã tuyệt nhiên không nhận ra rằng đứa cháu hư ảo của ông cụ bại liệt hư ảo ấy chẳng hề lớn lên cùng năm tháng, và rằng mái tóc vàng nhạt của cậu chẳng phải gì khác ngoài bộ tóc giả làm khéo. Bởi chưng Yêu tinh khoai tây bắt đầu bị hói ngay năm đầu cuộc đời mới của mình, nên chẳng mấy chốc mà

đầu chú thành ra nhẵn bóng đến mức bà Anna nghiêm khắc, quản gia của chú, đôi khi muốn ôm lòng bàn tay quanh cái thứ tròn trĩnh tức cười ấy. Còn lại thì chú chẳng thay đổi là bao: chắc chỉ có bụng nặng hơn chút, và các sợi chỉ đỏ thắm lộ ra trên cái mũi múp míp thắm lại mà chú vẫn thoa phấn khi lên đồ bé trai. Ngoài ra, cả Anna và bác sỹ đều biết là những cơn đau tim mà chú lùn vẫn chịu đựng sẽ kết thúc chẳng lấy gì làm tốt đẹp.

Chú sống trầm lặng và kín đáo trong ba căn phòng của mình, mượn từ thư viện ba hay bốn cuốn sách mỗi tuần, — đa phần là tiểu thuyết, — nuôi con mèo đen, mắt vàng, vì cực kỳ sợ chuột, mà chúng thì cứ đến tối là lại va đụng lắt nhắt, chẳng khác nào lẫn những khúc gỗ trong góc sau tủ; chú ăn nhiều và hảo ngọt, — thỉnh thoảng thậm chí bật dậy giữa đêm, run rẩy chạy lon ton trên sàn lạnh, nhỏ con và gớm ghiếc trong chiếc sơ mi dài, leo như thằng bé lên tủ buýp-phê để kiểm bánh quy phủ sô-cô-la. Và chú càng ngày càng hiếm khi nhớ về tình yêu của mình và những ngày đáng sợ đầu tiên mà chú trải qua ở Drowse.

Tuy nhiên, trong học bàn, giữa những tấm áp-phích mỏng gấp kỹ, chú hãy còn giữ một tờ giấy viết thư màu hồng nhạt với hoa văn chìm

hình rồng, viết kín nét chữ gai góc, khó đọc. Đây là những gì có trong tờ giấy này:

Thưa ngài Dobson thân mến.

Tôi đã nhận được lá thư thứ hai của ngài, trong đó ngài mời tôi đến D. với ngài. Tôi e là đã xảy ra một sự ngộ nhận đáng sợ. Xin hãy cố gắng tha thứ và quên tôi đi. Ngày mai tôi sẽ đi cùng chồng đến Mỹ, và, có lẽ, còn lâu chúng tôi mới quay về. Tôi không biết viết gì cho ngài nữa, Fred đáng thương của tôi.

Lúc đó cơn đau tim đầu tiên đã xảy đến với chú. Chớp sáng kinh ngạc từ dạo ấy vẫn còn lưu lại trong mắt chú. Và trong suốt nhiều ngày, chú cứ đi đi lại lại trong nhà, nuốt lệ và vung vẩy cánh tay nhỏ run rẩy trước mặt mình.

Sau đó Fred bắt đầu lãng quên, bắt đầu yêu sự ấm cúng mà cho đến lúc ấy chú chưa từng được biết, — vầng lửa xanh lam trên than trong lò sưởi, các lọ nhỏ bụi mờ ở những giá bán nguyệt, bức chạm gỗ giữa các cửa sổ: con chó Xanh Béc-na¹ với chiếc bi-đông trên cổ dề và lũ khách kiệt lực trên

¹ St. Bernard: một giống chó lớn, có thể nặng đến 120kg, cao đến 90cm.

tảng đá đen. Chú hiếm khi nhớ lại cuộc đời trước đây của mình. Chỉ đôi khi trong giấc ngủ, chú mới hình dung thấy bầu trời sao đầy những xà treo rung rinh kinh hoàng, — và sau đó họ đóng mạnh chú vào cái rương đen, chú nghe qua các tấm vách thấy giọng nói du dương, dửng dưng của Shock và không sao tìm được cửa lật trên sàn, ngọt thở trong bóng tối lấp nháp, — còn giọng ảo thuật gia trở nên mỗi lúc mỗi sâu muộn hơn, rời xa, tan biến, — và Fred thức dậy với tiếng rên rỉ trên chiếc giường rộng của mình trong phòng ngủ lặng lẽ và tối tăm, nơi phảng phất mùi oải hương, và nhìn rất lâu, hỗn hển thở và ép nắm tay nhỏ lên trái tim vấp vấp, vào một vết nhọt nhạt trên rèm cửa sổ.

Cùng năm tháng, nỗi sầu nhớ tình yêu đàn bà mỗi lúc mỗi thở yếu dần trong chú, chẳng khác nào Nora đã tức thì hút khỏi chú hết thấy sức nóng từng hành hạ chú thuở trước. Quả thật cũng có những ngày nào đó, những chiều xuân mơ hồ nào đó, khi chú lùn, ngượng ngùng diện chiếc quần ngắn và che chỗ hói bằng bộ tóc giả vàng hoe, đi khỏi nhà vào màn sương hoàng hôn và, ngay lúc đang bước lon ton trên lối mòn dọc cánh đồng, bỗng dừng chết lặng và dán mắt, lử lả, vào cặp tình nhân mờ ảo, đờ đẫn bên hàng giậu, dưới sự che

chở của cây mâm xôi đương hoa. Rồi thì cả chuyện này cũng qua đi, và chú thôi gặp mọi người luôn. Chỉ thỉnh thoảng bác sỹ, một người đàn ông tóc bạc với đôi mắt đen sắc, mới ghé qua và, ngồi đối diện Fred sau bàn cờ vua, ông ta tò mò và thích thú ngắm đôi tay mềm nhỏ, khuôn mặt chó Bun¹ của chú lùn, khi chú vừa cân nhắc nước đi vừa nhả cái trán nhô.

8

Tám năm trôi qua. Ấy là một sáng Chủ Nhật. Trên bàn, ủ trong cái giỏ hình đầu vẹt, một ấm ca cao đang chờ Fred. Nắng xanh táo tuôn vào cửa sổ. Anna mập đang phủ bụi khỏi nắp chiếc dương cầm tự động nhỏ, mà trên đó chú lùn thỉnh thoảng chơi những bản van-xơ bập bênh; trên hộp mút cam, ruồi đậu lại và xoa các cẳng trước.

Fred bước vào, hơi ngái ngủ, đi dép kẻ ô trên bàn chân không tất, mặc áo choàng đen với khuy kép vàng. Chú ngồi xuống bàn, nheo mắt lại vì ánh sáng và xoa tay lên chỗ hói. Anna đã đi nhà thờ. Fred kéo về phía mình trang minh họa của một tờ

¹ Chó Bun (Bulldog) hay chó mặt bò là một giống chó đầu to, khoẻ và dũng cảm.

báo Chủ Nhật, ngắm nghĩa rất lâu — lúc thì bặm môi, lúc thì bĩu môi — bọn chó con được giải, một vũ nữ Nga nghiêng mình trong nỗi thống khổ thiên nga, mũ lễ và bộ mặt nung núc của một nhà tài phiệt lừa đảo hết thảy. Dưới gầm bàn, mèo cong lưng, cọ vào mắt cá chân để trần của chú. Fred uống cạn ca cao, đứng dậy, ngáp; đêm qua chú rất mệt, — chưa bao giờ tim chú lại hành chú đến thế, và lúc này chú làm biếng mặc quần áo, đôi chân lạnh đi một cách khó chịu. Chú chuyển qua chiếc ghế bên cửa sổ, cuộn tròn lại và ngồi như vậy, chẳng nghĩ gì, bên cạnh là con mèo vươn mình, há hốc cái mõm hồng nhỏ xíu.

Trước nhà réo rất tiếng chuông.

“Bác sỹ”, — Fred dừng dừng nghĩ và do nhớ lại là Anna ở nhà thờ, nên tự đi mở.

Nặng ủa vào cửa. Trên ngưỡng, một quý bà cao lớn, bận toàn đồ đen, đang đứng. Fred nháy lùì lại, lăm bấm gì đó, và khép vạt áo choàng lại, chạy bổ về các phòng. Trong khi chạy, chú đánh rơi dép, không kịp nhặt lại, — phải trốn thật nhanh, sao cho họ không nhận ra chú là người lùn. Thở đứt quãng, chú dừng lại giữa phòng khách. Ôi, lẽ ra chỉ cần đóng cửa vào lại là được!... Và ai là người có thể tạt vào thăm chú? Nhầm lẫn thôi mà.

Bỗng dưng chú nghe rõ tiếng những bước chân đến gần. Chú chạy từ phòng khách vào phòng ngủ, những muống khóa lại, nhưng không có chìa. Trong phòng khách, trên thảm, còn lại chiếc dép thứ hai.

— Thật kinh khủng, — Fred thở lấy hơi và lắng tai nghe.

Bước chân tiến vào phòng khách. Khi ấy, với tiếng rên khẽ, chú lùn chạy lại tủ quần áo — nên trốn thôi!...

Giọng nói, chắc chắn quen, kêu tên chú, và cô ta mở cửa.

— Fred, có sao anh lại sợ tôi thế?

Chú lùn, chân đất, với chỗ hói mượt mồ hôi, bận áo choàng đen, chết lặng trong tủ, vẫn còn giữ chặt vòng khóa. Chú nhớ lại rõ mồn một về những con cá nhỏ màu da cam sau kính.

Cô già đi đến xót xa sau những năm ấy. Dưới mắt chớm bóng ô-liu; lông tơ môi trên thẫm lại, rõ nét hơn xưa. Và từ chiếc mũ đen của cô, từ những nếp xếp nghiêm cẩn của chiếc váy đen, phảng phất gì đó bụi bặm và đón đau.

— Tôi không bao giờ lại nghĩ là... – Fred chậm rãi bắt đầu, gườm gườm nhìn cô.

Nora nắm vai chú, quay chú về phía ánh sáng, bắt đầu ngắm nét mặt chú bằng đôi mắt khát khao, buồn rầu. Chú lùn ngượng ngùng chớp mắt, khổ sở ân hận vì không đội tóc giả, và lấy làm lạ với nỗi xao xuyến của Nora. Chú thôi nghĩ về cô lâu đến nỗi mà giờ đây, ngoài nỗi phiền muộn và sự ngạc nhiên, chú chẳng còn cảm thấy gì nữa. Nora nhắm mắt, vẫn giữ vai chú, sau đó, đẩy nhẹ chú lùn ra, quay về phía cửa sổ.

Fred đằng hắng:

— Tôi hoàn toàn không biết tin gì về chị. Hãy nói tôi nghe, Shock thế nào rồi?

— Vẫn diễn ảo thuật, — Nora lơ đãng trả lời. — Bọn tôi vừa mới quay lại London.

Cô không bỏ mũ, ngồi xuống chiếc ghế bên cửa sổ, tiếp tục nhìn Fred với sự chăm chú lạ lùng.

— Nghĩa là Shock... — chú lùn vội nói, cảm thấy khó xử vì ánh mắt cô.

— Vẫn vậy thôi, — Nora nói và, không rời đôi mắt sáng ngời khỏi chú, bắt đầu lột nhanh và vò

nhau đôi găng tay đen bóng, với mặt trong màu trắng.

“Chẳng lẽ cô ấy lại”, — chú lùn nghĩ loáng thoáng. Vụt qua trong đầu: bể cá, mùi ô-đờ-cô-lôn, những cái ngù màu ngọc lục bảo trên đôi dép.

Nora đứng dậy: hai cục găng đen lăn trên sàn.

— Vườn nhỏ thôi, nhưng trong đó có táo, — Fred nói và vẫn tiếp tục phân vân: chẳng lẽ đã có lúc mình có thể... Cô ấy vàng bủng. Có cả râu. Mà sao cô ấy cứ im lặng?

— Nhưng tôi hiếm khi ra ngoài, — chú kể, hơi đu đưa trên ghế và xoa đầu gối.

— Fred này, — Nora nói, — anh có biết vì sao mà tôi đến chỗ anh không?

Cô đến sát chú, Fred cười biết lỗi, tuột khỏi ghế, cố tránh đi.

Khi ấy cô nói rất khẽ:

— Tôi có đưa con trai với anh đấy...

Chú lùn chết lặng, dán mắt vào ô cửa sổ tí hon, rực cháy trong cái tách xanh. Một nụ cười rụt rè, sừng sốt bắt đầu đùa nghịch trên khóe môi chú, giãn ra, làm đôi má ửng màu hồng tía.

— Con trai... của tôi...

Và lập tức Fred hiểu ra hết thảy, mọi ý nghĩa cuộc sống, nỗi buồn dai dẳng riêng tư, vệt sáng trong tách.

Chú chậm rãi nhướn mắt lên. Nora ngồi quay hông trên ghế và khóc nức nở. Như giọt lệ, cái đầu thủy tinh của cây ghim mũ cô lấp lánh sáng. Con mèo, gừ gừ êm ái, cọ chân cô.

Chú lùn lao đến cô, nhớ lại cuốn tiểu thuyết mới đọc.

— Thôi chị đừng sợ, — chú nói, — thôi chị đừng sợ, tôi sẽ không mang nó đi khỏi chị. Tôi mới hạnh phúc làm sao.

Cô nhìn chú qua màn sương nước mắt. Cô muốn giải thích gì đó nhưng nuốt xuống vì nhìn thấy thứ ánh sáng dịu dàng và hân hoan làm sao toát lên khắp mặt chú lùn, — và cô không giải thích gì.

Cô đứng dậy, vội vã nhặt lên khỏi sàn nhà những cục gạch đen nhớp nháp.

- Vậy là bây giờ anh biết rồi đấy... Tôi không cần gì thêm nữa... Tôi đi đây.

Một ý nghĩ bất chợt đâm vào Fred. Sự hồ thẹn sâu sắc trộn vào niềm hạnh phúc run rẩy. Chú hỏi, tay mân mê khuy kẹp áo choàng:

— Mà nó thế nào? Nó không phải...

— Không, không, — to lớn, như mọi cậu bé,
— Nora nói nhanh và lại nức nở.

Fred cụp mi mắt xuống.

— Tôi muốn được gặp nó.

Chú hồ hởi nhớ ra.

— Ôi, tôi hiểu rồi, — nó không nên biết là tôi thế này. Nhưng, biết đâu, chị thu xếp được...

— Vâng, nhất định, nhất định rồi, — Nora nói vội vã, gần như lạnh nhạt, và hướng về phía cửa.
— Cách nào đấy, ta sẽ thu xếp được thôi... Mà tôi phải đi đây... Tàu hỏa... Hai chục phút cuộc bộ đến ga.

Ngoảnh lại ngay cửa, cô đắm đắm nhìn mặt Fred lần cuối bằng đôi mắt trĩu nặng, khát khao. Nắng rung rinh trên chỗ hói của chú; tai chú ửng một màu hồng trong suốt. Chú không hiểu gì vì quá ngạc nhiên và hạnh phúc. Và khi cô đã đi rồi, Fred vẫn còn đứng rất lâu giữa các phòng, sợ rằng

một chuyển động bất cần nào đó có thể làm tim tung tóe. Chú cố hình dung con trai mình mà chỉ có thể hình dung ra chính chú, mặc đồ nam sinh, đội tóc giả vàng hoe. Bằng cách nào đó, chú đã chuyển diện mạo mình qua con trai, — tự chú thôi cảm thấy mình là một người lùn nữa.

Chú nhìn thấy mình đi vào nhà, gặp con trai; vuốt ve mái tóc sáng màu của nó với niềm kiêu hãnh sâu sắc... Sau đó, cùng con trai và Nora, — ngốc thật, cô ấy sợ chú lấy mất cậu bé! — chú đi ra phố và trên phố...

Fred vỗ đùi. Chú thậm chí quên hỏi Nora địa chỉ.

Và lúc ấy khởi đầu một điều gì đó điên rồ, phi lý. Chú lao vào phòng ngủ, bắt đầu mặc quần áo, vội vã điên cuồng; mặc mọi thứ đẹp nhất, sơ mi hồ bột, quần kẻ sọc, áo vét hời đó may ở Paris, — cứ cười hoài, làm gãy mấy móng ở những khe ngăn tủ chật cứng và hai lần phải ngồi xuống, — tìm phòng to và đập mạnh làm sao — rồi lại nhảy cẫng quanh phòng, tìm cái mũ quả dưa mà lâu lắm rồi chú không đội, và, cuối cùng, tiện đường nhìn vào gương, — nơi thấp thoáng bóng một quý ông lớn tuổi oai phong, ăn mặc nghiêm cẩn và tao nhã, — Fred chạy xuống các bậc tam cấp, chan chứa ý

nghĩ mới mẻ chói lòa: cùng Nora đi London, — chú sẽ đuổi kịp cô, — và ngay chiều nay sẽ được nhìn con trai.

Con đường rộng, lầy bụi dẫn thẳng đến ga. Phố vắng kiểu Chủ Nhật, nhưng ngẫu nhiên từ góc bước ra một cậu bé với cây gậy crích-kê trong tay. Cậu cũng là người đầu tiên trông thấy chú lùn. Cậu vỗ lên mũ cát-két màu, nhìn cái lưng đang lùi xa dần của Fred, nhìn sự thấp thoáng của đôi ghệt xám lông chuột.

Và lập tức, Chúa mới biết từ đâu, xuất hiện cả các cậu bé khác và chúng há hốc mồm, bắt đầu xon xớt đuổi theo chú lùn. Chú đi mỗi lúc mỗi nhanh hơn, ngó chiếc đồng hồ vàng, bật cười và hồi hộp. Hơi buồn nôn vì nắng. Còn bọn nhóc mỗi lúc mỗi đông thêm, và những người qua đường hiếm hoi cũng dừng lại trong nỗi sửng sốt, đầu đó đổ ra tiếng chuông ngân nga của cái đồng hồ tháp, thị trấn ngái ngủ sống dậy và bỗng dựng bùng lên tiếng cười không gì ngăn nổi, giấu giếm đã lâu.

Không đủ sức thắng được sự nóng ruột của mình, Yêu tinh khoai tây bắt đầu chạy. Một cậu bé lén lút vượt nhanh lên trước, ngó vào mặt chú; cậu khác hét lên gì đó bằng giọng nói thô lỗ trong cổ họng. Fred vừa nhăn mặt vì bụi vừa chạy, — và

bỗng dưng chú cảm thấy là các cậu bé đang bám theo chú thành đoàn, — tất cả đều là con trai chú, vui vẻ, hồng hào, cân đối, — chú cười bối rối, và cứ chạy, ì ạch, cố quên con tim đang đập vỡ ngực mình bằng cái nệm lửa.

Một người đạp xe bên cạnh chú trên đôi bánh lấp lánh, áp bàn tay cuốn thành ống loa lên miệng, khích lệ chú, như người ta vẫn làm trong những cuộc thi đấu. Trên những ngưỡng cửa, các phụ nữ bước ra, nheo mắt vì nắng, cười lớn, chỉ nhau xem chú lùn chạy qua. Chó trong thị trấn tỉnh dậy hết; các giáo dân trong nhà thờ ngọt ngọt bất giác lắng nghe tiếng sủa, lắng nghe tiếng hú hú hăng say. Và đám người chạy quanh chú lùn mỗi lúc mỗi đông hơn. Họ nghĩ là mọi chuyện này — một trò đùa tuyệt hay, một màn quảng cáo xiếc, một cảnh quay...

Fred bắt đầu vấp, trong tai kêu ù ù, cái khay cài ăn sâu vào họng, chẳng biết thở bằng gì. Tiếng rên cười cợt, tiếng hò hét, tiếng giậm chân làm vánh óc chú. Nhưng đây rồi, qua màn sương mờ mờ, chú thấy trước mắt mình một chiếc váy đen. Nora chậm rãi bước dọc theo bức tường gạch trong những luồng nắng. Và đây — cô quay lại, dừng bước. Chú lùn chạy đến chỗ cô, níu vào nếp váy.

Với nụ cười hạnh phúc, chú nhìn cô từ dưới lên trên, cố nói gì đó, — và ngay lập tức, kinh ngạc nhướng mày, sụp xuống vĩa hè. Đám đông thở hồng hộc xung quanh. Ai đó hiểu ra rằng mọi chuyện này không phải trò đùa, cúi mình trước chú lùn và huýt khế, bỏ mũ xuống. Nora thờ ơ nhìn thân thể tí hon của Fred, giống cục gạch đen. Cô bị xô đi. Ai đó nắm lấy khuỷu tay cô.

— Để tôi yên, — Nora uể oải nói, — tôi chẳng biết gì hết... Con trai tôi mới chết...

Pilgram

C on phố, dụ qua bên một trong các tuyến tàu điện, bắt đầu từ góc một đại lộ đông người, chạy rất lâu trong bóng tối, không tủ bày hàng, không bất cứ niềm vui nào, rồi, như thể quyết định sống theo kiểu mới, đổi tên sau khu vườn hoa tròn mà tàu điện vòng qua với tiếng ken két bất bình; sau đó nó trở nên nhộn nhịp hơn nhiều; bên tay phải hiện ra: hiệu trái cây với tháp cam sáng rực, hiệu thuốc lá với hình cậu bé Ả Rập đội khăn đóng, hiệu xúc xích, đầy những con trăn

nâu nhầy mờ, hiệu được phẩm, hiệu tạp hóa và bỗng dưng — tiệm bướm. Đêm về, đặc biệt những đêm mưa, khi nhựa đường phủ bóng sắc lông hải cẩu, hiếm ai không dừng chân chốc lát trước biểu hiệu trời đẹp này. Những con bướm được trưng bày ấy rất lớn, rất rực rỡ. Khách qua đường tự nhủ: “màu sắc tuyệt làm sao — thật khó tin!” — rồi đi tiếp con đường của mình. Những con bướm được lưu lại chốc lát trong trí nhớ y. Những đôi cánh với các con mắt lớn kinh ngạc, những đôi cánh thiên thanh, những đôi cánh huyền với tia sáng ngọc lục bảo, trôi trước mắt y cho đến khi y đành phải chuyển sự chú ý qua chiếc tàu điện đang đến gần ga. Và còn nhớ loáng thoáng: quả địa cầu, những món dụng cụ nào đó và chiếc đầu lâu kê trên cái kệ làm từ các cuốn sách dày.

Sau đó lại đến những cửa hiệu bình thường, — tạp hóa, kho than, bánh mì, — còn tại góc phố có một quán rượu nhỏ. Chủ quán, một người đàn ông gầy guộc với làn da nhão bị chèn ép giữa các góc cổ áo, rất biết cách khéo léo trút rượu cô-nhắc rẻ tiền vào ly từ cái chai mỏ chim và là một bậc thầy điêu luyện về nghệ thuật đối đáp hóm hỉnh. Sau chiếc bàn tròn bên cửa sổ, gần như mỗi buổi chiều, người bán trái cây, người bán bánh mì, thợ máy và anh họ chủ quán lại mãi mê chơi bài:

người thắng cược kế tiếp lập tức kêu bốn bia, thành thử rốt cuộc chẳng ai có thể giàu hẳn lên được. Cứ đến thứ bảy thì một người béo bệu hồng hào với hàng ria hoa râu cắt tỉa không đều lại đến ngồi tại bàn khác, ngay bên cạnh, kêu rượu rum, nhồi tẩu và đưa đôi mắt dừng dừng, kèm nhèm, trong đó con bên phải mở hơi to hơn bên trái, nhìn những người chơi bài. Khi ông vào, họ chào ông mà không rời mắt khỏi các lá bài. Thợ máy thấm nước bọt vào ngón tay và đi. “Một, hai và ba”, — người bán bánh mì nói, giờ hết lá bài này đến lá bài khác lên cao và quật thẳng cánh từng lá lên bàn. Sau đó lại đến một tuần bia mới.

Thỉnh thoảng ai đó quay qua ông béo, hỏi xem tiệm ông làm ăn ra sao; ông dềnh dang đôi chút trước khi trả lời, và thường thì không trả lời luôn. Nếu con gái chủ quán, một thiếu nữ to con bận váy len kẻ ca-rô đi sát qua, ông lại cố mà vỗ cho bằng được vào cái mông lảng tránh của ả, mà trong lúc ấy vẫn hoàn toàn không thay đổi nét mặt cau có của mình, chỉ đỏ gay lên thôi. Chủ quán hóm hỉnh hay gọi ông là “ngài giáo sư”, và đôi khi ngồi ghé vào bàn ông, nói: “Ây da, khỏe không ngài giáo sư”, — còn ngài này, vừa rít tẩu, vừa nhìn rất lâu vào chủ quán trước khi trả lời, sau đó, trề đôi môi ướt từ dưới cái bót thành hình chiếc thuyền

nhỏ — tựa như chú voi sắp sửa vớ đến được cái mà chiếc vòi mang lại cho nó, — nói gì đó thô tục và chẳng buồn cười, chủ quán bạo dạn bác lại, và khi ấy mọi người bên cạnh, mắt vẫn nhìn vào bài, phá lên cười nghiêng ngả.

Trên người ông là bộ com-lê xám rộng với phần gi-lê áp đảo, và khi con chim cu trong giây lát rời khỏi lòng chiếc đồng hồ của tửu quán, ông chậm rãi, nhả mặt vì khói, lôi từ túi áo gi-lê ra một củ hành bạc và nhìn nó, giữ trong lòng bàn tay với lòng bàn tay hơi nghiêng đi. Đúng nửa đêm, ông gõ tấu vào gạt tàn, thanh toán và chìa bàn tay không xương ra lần lượt cho chủ quán, con gái y và bốn người chơi bài, rồi im lặng ra về.

Ông đi dọc vỉa hè, hơi tập tễnh, vụng về di chuyển đôi chân quá yếu và quá gầy so với thân hình nặng nề, và sau khi đi qua tủ kính của tiệm mình, liền quay vào vòm cổng, nơi trên tường bên phải có cánh cửa với tấm bảng đồng thau nhỏ gắn chính giữa: Pilgram. Căn phòng nhỏ, lờ mờ tối, với những cửa sổ buồn nhìn ra sân; ban ngày có thể đi ra phố qua cửa hàng, nơi được một lối đi tối mò, chật cứng đồ bỏ đi, dẫn thẳng đến từ phòng khách chật chội với chiếc đi-văng huyết dụ và chiếc máy khâu cũ, được tô điểm bằng các hình khảm. Vào đêm thứ Bảy, khi Pilgram về phòng ngủ của mình,

nơi mà trên chiếc giường rộng có vài bức tranh bạc màu của một và chỉ một con tàu duy nhất, thì Eleanor thường đã yên giấc. Ông lâu bầu với chính mình, lê chân lệt xệt đi đâu đó với cây nến đã thấp sáng, quay lại, đóng sầm cửa, rên hừ hừ, tháo ủng, sau đó ngồi rất lâu trên cạnh giường, và bà vợ, tỉnh giấc, bắt đầu rên rĩ vào gối, tỏ ý sẵn sàng giúp ông cởi quần áo, khi đó, với giọng nói gầm gừ dọa dẫm, ông bảo bà yên và nhắc đi nhắc lại từ “im” vài lần liên tiếp, càng lúc càng dữ tợn hơn. Sau cơn đột quỵ, khi ông suýt chết vì ngạt thở và mãi mới nói được, — cơn đột quỵ xảy ra với ông hồi năm ngoái, đúng lúc ông đang tháo ủng. — Pilgram nằm ngủ một cách miễn cưỡng, dè chừng, và sau đó, khi đã nằm dưới tấm mền lông chim, cạnh vợ, sẽ nổi điên lên nếu như trong bếp gần bên có vòi nước nhỏ giọt. Ông đánh thức vợ dậy, và bà lết lạch xệch trong bếp, — thấp, bận chiếc sơ mi đêm u sầu, với bắp chân múp míp xồm xoàm, với khuôn mặt nhỏ, bóng lưỡng hơi ẩm mền lông chim. Họ lấy nhau đã một phần tư thế kỷ và không có con. Pilgram không bao giờ muốn có con, trẻ con chỉ làm vướng víu không cần thiết với việc thực hiện giấc mơ nông nàn, thủy chung, mơn mĩ và sung sướng mà ông đau đầu từ khi nhớ được mình.

Ông luôn ngủ nằm ngửa, kéo sụp mũ ngủ xuống trán, — đó là một giấc ngủ theo khuôn mẫu, một giấc ngủ sâu và ồn ào của một tay chủ tiệm, của một thị dân Đức tốt bụng, và khi ngấm ông, có thể phỏng đoán là một giấc ngủ với vẻ ngoài đúng mực thể này thì hoàn toàn không có ảo ảnh nào. Trên thực tế thì người đàn ông bốn mươi lăm tuổi này, một kẻ nặng cân, thô kệch, xoi toàn xúc xích đậu cô-ve và khoai tây nấu chín, tin tưởng một cách chân thành vào tờ báo của mình, dốt một cách thần nhiên trong mọi chuyện không liên quan đến đam mê vô nghĩa đơn độc của mình, vẫn nhìn thấy — mà vợ và hàng xóm không hay biết gì — những giấc mơ lạ thường. Chủ Nhật ông thường dậy trễ, uống vài cữ cà phê, rồi ra ngoài đi dạo với vợ, — một cuộc dạo chơi chậm rãi, chậm rãi, mà Eleanor cả tuần hết lòng mong ngóng. Vào ngày thường thì ông mở cửa hiệu sớm nhất có thể, trông vào lũ trẻ đi ngang qua trên đường đến trường, — bởi vì thời gian gần đây ông trữ một ít dụng cụ học đường thêm vào mặt hàng chính. Đôi khi, có chú bé uể oải lê bước đến trường, vung vẩy cặp và nhai tóp tép không thôi, — ngang qua hiệu thuốc lá, nơi mà bên trong các hộp thuốc điếu của vài hãng có những tấm ảnh màu, sưu tập rất lợi, ngang qua hiệu xúc xích, nhắc người ta nhớ ra là đã ăn bánh xăng-vích quá sớm,

ngang qua hiệu thuốc, ngang qua hiệu tạp hóa, — và chợt nhớ ra là cần mua cái tẩy, liền ghé vào cửa hàng sau. Pilgram lúng búng, trề môi dưới từ bên dưới bót tẩu, và uể oải lục lợi rồi bày ra trên quầy một cái hộp các-tông mở toang, sau đó đứng đưng nhìn trước mặt, thả ra các làn khói rẻ tiền đậm đặc. Cậu bé sờ nắn những cái tẩy thơm tắt nhạt, không tìm được loại ưa thích và bỏ đi, chẳng mua gì. Món hàng chính trong tiệm vẫn không được nhận ra, — bọn trẻ con giờ thế đấy, Pilgram cay đắng nghĩ và thoáng nhớ lại tuổi thơ của mình. Người cha quá cố của ông, — một thủy thủ, một kẻ lông bông, một tên bợm, — cưới được, lúc đã già, một cô gái Hà Lan da vàng mắt nhạt, mà ông đưa ra khỏi Borneo, và, chấm dứt những chuyến lãng du, mở một tiệm bán đồ ngoại lai. Vợ qua đời sau đó ít lâu, con đi học, rồi bắt đầu đỡ dần việc trong tiệm. Giờ thì ông chẳng nhớ được chính xác là vào lúc nào và như thế nào mà lại xuất hiện các hộp bướm trong tiệm, nhưng vẫn nhớ là rất yêu bướm ngay từ khi hiện hữu trên đời. Lũ bướm lần lần thế chỗ cá ngựa sấy khô, chim ruồi nhồi rom, bùa mọi, quạt rỗng và những món linh tinh bụi bặm tương tự. Sau khi cha mất thì lũ bướm chiếm trọn cửa hàng, dấu chỗ này chỗ nọ, đôi hai gấm, chiếc bu-mê-răng, chuỗi hạt san hô vẫn sống nốt đời mình, — rồi thì cả những tàn tích này cũng

biến mất, lũ bướm thống trị chuyên chế, và chỉ rất gần đây thôi thì chúng, đến lượt mình, mới bắt đầu chịu đầu hàng: đành phải nhượng bộ, và xuất hiện những cuốn sách giáo khoa, mà bước chuyển tiếp tự nhiên đến với chúng là một hộp kính nhỏ với tiểu sử trực quan của con tằm. Chuyện làm ăn ngày một tệ hơn. Sách giáo khoa, còn từ lũ bướm thì mọi con có thể hợp ý tiểu thị dân, — những loài lớn nhất, quyến rũ nhất, cùng những đôi cánh rực rỡ trên thạch cao trong khung nẹp, thứ đồ trang trí phòng ở chứ không phải niềm tự hào của khoa học gia, — được trưng trong tủ kính, ấy thế mà trong chính cửa hiệu, đượm mùi hạnh nhân của thuốc diệt côn trùng Globol, vẫn cất giữ các bộ sưu tập hết sức quý giá, khắp nơi bừa bộn các hộp gỗ và hộp các-tông đủ mọi hình dạng, các hộp đựng xì-gà đệm than bùn, — các hộp kính đứng trên giá, nằm trên quầy hay được đặt vào những cái tủ cao và tối, — và tất cả chúng được xếp đầy các hàng đều tăm tắp những con bướm tươi hoàn hảo, bị căng ra một cách hoàn hảo. Đôi khi xuất hiện vật sống: những con nhộng nâu nặng nề, với các nếp gấp đối xứng hội tụ trên ức, cho thấy những chiếc cánh phôi thai, những cái chân nhỏ, cặp râu, cái vòi giữa chúng được gói lại thế nào, và với cái bụng nhọn phân đốt bỗng dừng bắt đầu uốn éo gấp gáp qua phải qua trái nếu như con nhộng này

bị đựng đến. Chúng nằm trong rêu và giá không đất, — và theo thời gian thì từ nó sẽ nở ra một con bướm nhẵn nhúm, phồng lên một cách huyền diệu. Đôi khi xuất hiện những sinh vật tình cờ khác để bán — những con rùa nhỏ hình dáng tinh xảo hay một tá thần lẩn sinh ở Majorca, những con thú lạnh, đen, bụng xanh mà Pilgram nuôi bằng sâu bột là món chính và nho là món tráng miệng.

Cả đời ông sống ở Phổ, cả đời, chẳng đi đâu. Ông là nhà côn trùng học xuất sắc, Rebel, một người Vienna, đặt tên ông cho một loài bướm hiếm, và chính ông cũng từng mô tả, phát hiện ra một cái gì đó. Trong các hộp của ông có đủ mọi quốc gia trên thế giới, nhưng chính ông lại chưa từng đi thăm đâu và chỉ thỉnh thoảng, vào các chủ nhật, trong mùa hạ, mới ra ngoài thành phố, đến vùng ngoại ô buồn chán, toàn thông và cát của Berlin, hồi tưởng lại thời thơ ấu, những thứ bắt được, mà khi ấy tưởng như thật lạ thường, và buồn rầu ngắm nghía những con bướm mà ông biết rõ mọi loài của chúng từ lâu lắm rồi, và đều phù hợp một cách vững vàng và vô vọng với phong cảnh, — hay tìm được trên bụi liễu một con sâu lớn, màu lục-lam, sờ ram ráp, với cái sừng sứ nhỏ ở đuôi. Ông giữ con vật đồ dẫn ấy trong lòng bàn tay, nhớ lại thứ hết như vậy từng bắt được

thời thơ ấu, — lặng người, lăm bắm khoái chá, — rồi đặt nó lại, như một món đồ, trên càn. Vâng, cả đời ông sống ở quê hương, và mặc dù đôi ba lần gặp cơ hội bắt đầu công việc có lợi hơn — buôn nỉ, — ông vẫn bám rịt lấy cửa hiệu của mình, như bám lấy mối liên hệ duy nhất giữa cuộc sống vất vưởng ở Berlin của ông và bóng ma hạnh phúc sâu sắc: niềm hạnh phúc ở việc được tự mình, bằng đôi tay này đây, bằng cái túi vải sa sáng màu căng trên đai này đây, tự mình, tự mình, bắt được những con bướm cực kỳ quý hiếm của những xứ sở xa xôi, và nhìn thấy bằng chính đôi mắt mình cuộc bay của chúng, vẩy vọt, đứng trong cỏ cao đến thắt lưng, cảm nhận sự đập sôi sục xuyên qua vải sa. Ông gom góp tiền cho niềm hạnh phúc này như một người đặt bát dưới chỗ giọt ẩm quý giá rò tann tiện và cứ mỗi lần gom góp được dù chỉ chút ít thôi thì lại đánh rơi nó và làm đổ hết ra, và phải bắt đầu lại từ đầu. Ông lấy vợ, tính rất kỹ vào khoản hồi môn, nhưng sau một tuần thì nhạc phụ chết, để lại gia tài toàn là các món nợ. Sau đó, ngay trước chiến tranh, sau lao động ngoan cường, mọi thứ ở ông đã sẵn sàng cho cuộc ra đi, — thậm chí ông còn mua cả mũ cối; khi điều này sụp đổ, ông vẫn còn được an ủi ít lâu bởi niềm hy vọng, rằng giờ thì ông sắp được tới nơi nào đó, — như trước đây các trung úy trẻ từng tới phương đông hay xứ

thuộc địa, và do mệt lử với sự buồn chán trên đường hành quân nên họ đã bắt đầu gom góp các bộ sưu tập bướm và bọ, để rồi sau này cả đời đam mê nó. Yếu ớt, bèo nhèo, bệnh tật, ông bị bỏ lại hậu phương và không được thấy lũ cánh vẫy ngoại quốc. Nhưng điều khủng khiếp nhất, — điều chỉ xảy ra trong ác mộng, — diễn ra vài năm sau chiến tranh: số tiền mà ông cực nhọc kiếm được, số tiền mà ông giữ chắc trong tay, — cơ hội hạnh phúc đặc quánh hoàn toàn hiện thực ấy bỗng dưng hóa thành giấy vụn. Ông suýt chết, đến bây giờ vẫn chưa hồi phục nổi...

Khách không hiếm lắm, song toàn mua lật vật, tần tiện, than nghèo. Những năm cuối, để không quá xao lòng, ông tránh lui tới cái câu lạc bộ côn trùng mà ông là thành viên từ lâu. Đôi khi, một bạn đồng sự ghé thăm ông, và Pilgram nổi khùng lên khi người ấy vừa ngắm nghía con bướm quý, vừa kể lại là y đã bắt được nó ở đâu và trong hoàn cảnh nào; Pilgram có cảm giác là người kể chuyện hoàn toàn thờ ơ, đã chán ngấy các cuộc viễn du và hẳn là không cảm thấy gì khi sáng ngày đầu tiên tới nơi, cầm vợt đi vào thảo nguyên. Trong cửa hàng thoáng thoảng mùi hạnh nhân, những cái hộp mà ông và người quen lặng lẽ cúi xuống bên trên, từ từ chiếm hết quầy, cái tẩu

trong đôi môi mút chặt của Pilgram thốt lên một tiếng chút chút buồn bã. Ông trầm ngâm ngắm các dây chạt cứng bướm nhỏ, giống hệt nhau với những kẻ ngoại đạo, và đôi lúc, im lặng, gõ các ngón tay mập lên kính, chỉ vào một mẫu hiêm, hoặc đau khổ thối tẩu phì phò, nhắc hộp lên trước ánh sáng, rồi lại đặt xuống quầy và, cầm móng tay vào dưới các cạnh chạt cứng của cái nắp, cạy nó bung lên bằng cú bẩy nhẹ và nhẹ nhàng gỡ ra. “Vâng, đó là con cái”, — bạn đồng sự nói, sau khi cũng nghiêng mình trên chiếc hộp mở. Pilgram, nói lúng búng, túm hai ngón tay vào đầu chiếc kim găm đen, mà trên đó đã đóng đinh tạo vật nhưng lụa tí hon ấy, ngấm rất lâu vào đôi cánh, vào thân hình bé nhỏ, xoay lại, ngấm mặt sau và vừa thở hắt ra cùng với khói một cái tên tiếng La-tinh, vừa cầm con bướm lại chỗ cũ. Các động tác của ông dường như rất cầu thả, song đó là sự cầu thả đặc biệt, không nhằm lẫn của một bác sỹ phẫu thuật giàu kinh nghiệm. Con bướm mỏng manh, mà những cái râu khô của nó chắc chỉ cần đụng nhẹ là gãy, — hay chí ít là có thể cảm thấy như vậy, — và rất dễ bị tuột ra khi ông cầm kim bằng xoay nó, con bướm hết sức giá trị này, tiêu bản có thể là duy nhất này, được Pilgram cầm lên một cách dễ dàng như thể các ngón tay ông và chiếc kim găm là những phần ăn khớp thuộc một và chỉ một bộ

máy không bao giờ mắc lỗi. Nhưng cũng có khi, một chiếc hộp mở nào đó, bị cổ tay áo của ông bạn mê mải ấy quẹt phải, bắt đầu trượt khỏi quầy; Pilgram để ý thấy và kịp chặn nó lại đúng lúc, rồi chỉ sau vài phút, khi đã bận việc khác, mới thốt lên tiếng rên khổ sở.

Bạn đồng sự nhặt mũ khỏi sàn rồi về được một lúc rồi, nhưng Pilgram, miệng lẩm nhẩm, vẫn còn lẩn bấn rất lâu với những cái hộp, tìm kiếm gì đó. Vốn kiến thức khổng lồ của ông trong lĩnh vực cánh vấy đề nặng lên ông, chòng ghẹo ông, tìm lối thoát. Ông hình dung về mọi đất nước xa lạ chỉ như quê hương của con bướm này hay con bướm khác mà thôi, — và nổi day dứt mà ông trải nghiệm những lúc ấy chỉ có thể so sánh với nỗi nhớ hoài hương. Ông hiểu về thế giới hoàn toàn theo kiểu riêng, trong một lát cắt đặc biệt, rõ nét lạ thường và ngoài tầm người khác. Giả dụ có đi thăm địa danh nổi tiếng nào đó, thì Pilgram cũng chỉ để ý thấy những thứ liên quan đến con mồi của mình và được dùng làm bối cảnh tự nhiên cho nó, — và chỉ ghi nhớ về Erechthion, nếu như lúc ấy, từ lá ô-liu mọc trong lòng đền, bay ra và bị chộp lấy bằng cây vọt huyết-gió, một vật gì đó đáng chú ý của Hy Lạp, một vật mà chỉ ông, một chuyên gia, mới có thể đánh giá. Hình dạng địa lý thế giới, một

cuốn hướng dẫn du lịch hết sức chi tiết (nơi các sông bạc và nhà thờ cổ vắng mặt) được ông tạo ra cho mình một cách vô thức từ mọi thứ tìm được trong các công trình côn trùng học, trong các tạp chí và tài liệu khoa học, — mà ông đọc nhiều phi thường và sở hữu trí nhớ tuyệt vời. Digne ở miền Nam nước Pháp, Ragusa ở Dalmatia, Sarepta ở Volga, — những vùng đất nổi tiếng, rất quý giá với mọi nhà côn trùng học, nơi những kẻ kỳ lạ, đến từ phương xa, bắt lũ quý tí hon trước sự ngạc nhiên và sợ hãi của người bản xứ, — những vùng đất vang danh vì hệ động vật riêng ấy được Pilgram nhìn thấy hết sức rõ ràng, chẳng khác nào từng tự đi đến đó, chẳng khác nào từng tự mình, giữa đêm khuya, dọa nạt ông chủ cái khách sạn tồi tàn ấy bằng tiếng rầm rầm, tiếng dậm chân, những cú nhảy khắp căn phòng mà qua ô cửa sổ mở toang của nó, từ trong đêm đen hào phóng, bay vào và lượn vòng rất nhanh, đập cả vào trần, một con bướm xám. Ông đi thăm Tenerife, ngoại ô Orotava, nơi mà trong các khe xói nóng nực, nở hoa, rạch nát những sườn núi thấp, mọc đầy dẻ và nguyệt quế, có một biến thể lạ kỳ của bướm cái bắt bay lượn, và cái hòn đảo khác ấy — tình xưa của các thợ săn, — nơi trên mặt dốc đường hỏa xa, gần Vizzavona, và cao hơn, trong rừng thông, có con bướm phượng Corsica đen sạm, chắc nịch.

Ông đi thăm cả phương bắc — các đầm lầy Lapland, nơi có rêu, việt quất và liễu còi, vùng cực rất giàu bướm xù, — và các bãi chăn thả trên dãy Alps cao ngất, với những tảng đá phẳng nằm đó đây giữa cỏ già, trơn tuột và rối bời, — và dường như không có gì khoan khoái hơn được nhấc lên một hòn đá mà bên dưới nó có kiến, có bọ hung xanh, có con bướm đêm ngái ngủ đầy đà mà có lẽ chưa được ai đặt tên; và cũng ở đó, trên núi, ông thấy những con bướm Apollo mắt đỏ, gần như trong suốt, bay lơ lửng theo gió qua tuyến đường núi chạy dọc theo vách đá dốc đứng và được ngăn cách bằng hàng rào đá rộng khỏi vực sâu, nơi nước sục sôi trắng xóa. Trong các khu vườn Ý, lúc chiều hè, sỏi kín đáo kêu lạo xạo dưới chân, và Pilgram nhìn rất lâu qua bóng tối mờ ảo vào một bụi cây nở hoa, và kìa, chẳng rõ từ đâu hiện ra, cùng tiếng vo vo ở nốt thấp, một con bướm sư tử¹, bay từ đóa hoa này qua đóa hoa khác, dừng lại giữa không trung trước vành hoa và rung tại chỗ nhanh đến nỗi chỉ thấy được vầng hào quang hư ảo quanh cái thân mang hình quả ngư lôi. Ông biết các ngọn đồi thạch thảo gần Madrid, các thung lũng Andalusia, các vách đá và mặt trời, những

¹ *Deilephila nerii*.

ngọn núi lớn, Albarracin phì nhiêu và rừng rú, nơi chiếc xe buýt nhỏ chở ông đến theo con đường xoắn ốc. Ông viễn hành cả về phương đông, vào vùng Ussuriysk huyền diệu, và xa về phía nam, đến Algeria, vào những khu rừng tuyết tùng, và qua miền cát trong một ốc đảo được tưới tắm bằng suối nước nóng, nơi hoang mạc chung quanh chắc, đặc, phủ lan tử la li ti và diên vĩ tím.

Chuyên chú vào hệ động vật Cổ Bắc cực, thành thử ông rất khó hình dung được vùng nhiệt đới, — và mưu toan thâm nhập vào đó qua giấc mơ chỉ gây trống ngực và cảm giác ngọt ngào ngây ngất gần như không sao chịu nổi. Ông bắt những con bướm Amazon ngọc lam, tỏa sáng rực rỡ đến nỗi từ các đôi cánh rộng của chúng hắt ánh hồi quang xanh lam xuống tay hay giấy. Ở Công-gô, trên đất đen màu mỡ, những con bướm da cam và vàng mơ đậu san sát, khép cánh, như thể cầm mình vào bùn, — và bay lên một đàn rực rỡ khi ông đến gần, rồi lại đậu xuống vẫn chỗ cũ. Và ở Sumatra, trong vườn, giữa rừng nhiệt đới, những cây cam đương hoa đã quyến rũ một trong những ngôi sao ban mai khổng lồ với cặp cánh tuyền hoàn mỹ, với cái bụng lấm chấm uốn cong dày cở ngón tay.

“Ai ai ai”, — ông vừa lẩm bẩm vừa giữ cái hộp quý trước người, như thể nó là một bức tranh. Chuông trên cửa réo rất kêu, vợ ông bước vào cùng chiếc dù ướt và cái túi lưới đựng thực phẩm, — và ông chậm rãi, như trên bản lề, xoay lưng lại với bà, đẩy hộp vào một cái tủ. Và đấy, lần nọ, trong một ngày tháng Tư ẩm đậm ẩm ướt, khi ông đang mơ màng thì bỗng dừng chuông giật mạnh và phảng phất mùi mưa, Eleanor bước vào và thành thạo rảo bước trong các phòng, — Pilgram cảm thấy rất rõ là ông sẽ chẳng bao giờ đi đâu được cả, ông nghĩ vậy là mình sắp năm mươi đến nơi rồi, mình còn nợ tiền khắp hàng xóm, mà chẳng biết lấy gì trả thuế, — và ông tưởng như thấy một cảnh huyền tưởng hoang dại, một cơn mê sáng bất khả, là ngay bây giờ, ngay khoảnh khắc này đây, một con bướm miền nam sẽ đậu xuống mảnh đá bazan và phập phồng đôi cánh.

Đã hơn năm nay ông cất giữ một bộ sưu tập xuất sắc, hết sức tiêu biểu về loài thân nhỏ cánh kính thuộc một chi bướm tuyệt đẹp, mô phỏng muỗi, ong vò vẽ, tò vò, được bà vợ góa của một nhà sưu tập mà trước kia ông từng có giao thiệp đem ký gửi. Ông bảo ngay bà góa rằng chẳng bán được quá bảy mươi lăm mác đâu, nhưng thực ra thì ông biết rõ là giá bộ sưu tập phải vài ngàn, và

rằng một tay chơi nghiệp dư mà ông nhượng nó lại với giá hai ngàn đã cho là mua được món hời. Tay chơi ấy tuy vậy không xuất hiện, còn với các bức thư gửi đi cho ba bốn nhà sưu tập nổi tiếng thì ông chỉ nhận được những câu trả lời loanh quanh, — và khi ấy Pilgram khóa chiếc tủ đựng bộ sưu tập lại và thôi nghĩ về nó. Thế rồi, vào tháng Tư, — đúng ngay những ngày khi mà ông đang rơi vào nỗi tuyệt vọng thần thờ, âm ừ với vợ, ăn uống vô độ và chịu đựng những cơn chóng mặt, — thì trong tiệm xuất hiện một quý ông, ăn mặc rất hợp mốt, và, lướt đôi mắt trên quầy, hỏi mua con tem bưu điện giá tám phen-ních. Những đồng xu lẻ mà y trả, được Pilgram nhét vào cái ống tiền bằng gốm đứng trên giá, và vừa nhìn chăm chăm vào hư không, vừa rít tẩu. Còn quý ông thì, với vẻ lơ đãng, đưa mắt nhìn các hộp bướm và hất đầu về hướng một con màu ngọc lục bảo có nhiều đuôi, nói rằng nó rất đẹp. Pilgram lầm rầm gì đó về Madagascar và bước ra khỏi quầy. “Còn mấy con này thì sao, chẳng lẽ cũng là bướm à?” — quý ông vừa hỏi vừa chỉ ngón tay vào hộp khác. Pilgram trong lúc đó lấy con ngọc lục bảo nhiều đuôi ra và xoay tới xoay lui nó, nhìn cái nhãn được găm vào kim ngay dưới ngực. Quý ông nhắc lại câu hỏi, Pilgram đưa mắt nhìn theo hướng ngón tay y, lẩm bẩm rằng ông có cả bộ sưu tập những con thể này,

— năm ngàn tiêu bản, — và, đặt con Madagascar lại chỗ cũ, đóng nắp hộp. “Y như con muỗi”, — quý ông nói. Pilgram gãi cái cằm chưa cạo và sau khi ngắm nghĩ, lui vào sâu trong tiệm. Ông quay lại với cái hộp mà ông vừa kêu ậm ạch vừa đặt lên quầy. Quý ông bắt đầu ngắm những con bướm cánh kính với cái thân nhỏ xíu nhiều màu. Pilgram chỉ đuôi tẩu vào một hàng, cùng lúc đó quý ông thốt lên “polaris”, và do đó để lộ mình. Pilgram mang lại thêm một hộp nữa, rồi hộp thứ ba, thứ tư, và ông dần dần thấy rõ là quý ông biết rất rõ về sự tồn tại của bộ sưu tập này, chủ tâm đến vì nó, và rốt cuộc khi bật ra một câu hỏi hờ hênh — “Cả chỗ này giá bao nhiêu vậy, — chắc không đắt lắm?” — Pilgram nhún vai cười khẩy. Hôm sau, quý ông ấy lại xuất hiện, và vỡ lẽ ra là Pilgram từng biên thư cho y, còn tên y là Sommer, — vâng vâng, Sommer lừng danh... Và khi ấy ông hiểu rằng đang diễn ra một vụ mua bán.

Lần cuối cùng mà ông kiếm một nhát được luôn cả đồng tiền là hồi trước nạn lạm phát, khi cũng bán được một tủ chứa một chi bướm nào đấy — mà các loài phủ đầy lông tơ, với đôi cánh sau rực rỡ của chúng được đặt những cái tên liên quan đến tình yêu: ý trung nhân, vị hôn thê, phu nhân, dâm phụ... Và lúc này, khi đang khéo léo

thương lượng với Sommer, ông cảm thấy sự hồi hộp, sức nặng nơi thái dương, những đốm đen lững lờ bay trước mắt, — và linh cảm hạnh phúc, linh cảm về chuyến khởi hành trở nên gần như không chịu nổi. Ông biết rất rõ rằng điều đó thật điên rồ, biết rõ rằng sẽ phải bỏ mặc bà vợ nghèo khó, các món nợ, cái cửa hàng không thể sang lại được, biết rõ rằng đôi ba ngàn mà ông kiếm được từ bộ sưu tập này cũng chỉ cho phép ông chu du đây đó không quá một năm, — nhưng ông vẫn cứ dẫn mình vào, như một người cảm thấy ngày mai là tuổi già, và niềm hạnh phúc đang chìa tay ra với ông sẽ không bao giờ còn ngỏ lời lần nữa.

Khi rốt cuộc Sommer nói rằng ba ngày sau sẽ đưa ra câu trả lời dứt khoát, Pilgram quyết định rằng giấc mơ thế là sắp nở ra khỏi con nhộng đến nơi rồi. Ông chăm chú ngắm rất lâu tấm bản đồ treo trên tường trong tiệm, chọn lộ trình, ước tính xem vào tháng nào sẽ có loài này loài nọ, đông đi đâu, hạ đi đâu, — và bỗng dưng thấy có gì đó xanh lục, sáng lòa trước mắt và ông ì ạch ngồi lên ghế đầu. Ngày thứ ba đã đến, Sommer phải xuất hiện đúng lúc mười một giờ, — và Pilgram hoài công chờ y đến tận chiều muộn, — sau đó, nặng nề lê chân, mặt đỏ bừng, với cái miệng méo xệch, ông đi vào buồng ngủ của mình và nằm lên chiếc giường

cót két. Ông bỏ bữa tối và vừa nhắm mắt vừa càu nhàu rất lâu với vợ, cứ nghĩ là bà đứng bên giường, nhưng sau đó lắng tai nghe thì thấy bà đang lặng lẽ khóc trong bếp, và bắt đầu nghĩ về việc giá mà lấy rìu bổ vào đỉnh đầu mục được thì hay biết mấy. Sáng ra ông không chịu dậy, và Eleanor bán hàng thay ông, bà bán được một hộp màu nước và một cặp bướm rẻ tiền. Và sau một ngày nữa, khi hồi ức về vị khách mua hàng đã trở thành hoàn toàn hư ảo, tựa như điều gì đó đã xảy ra tự lâu lắm rồi, hay thậm chí là tuyệt nhiên chưa từng xảy ra, mà chỉ thế thôi, tình cờ ghé vào nảo, — thì bỗng dưng sáng sớm Sommer bước vào tiệm. “Thôi được rồi, vậy đi, — y nói, — giao đến chỗ tôi luôn hôm nay nhé...’. Và khi y lấy phong bì ra, sột soạt đếm những tờ bạc ngàn, thì Pilgram đỏ máu mũi rùng rùng.

Chuyển cái tủ đi và ghé qua chỗ bà già cả tin mà ông bấm bụng đưa năm chục mác là những việc cuối cùng của ông ở Berlin. Mua tấm vé trong hình dạng cuốn vở nhỏ với các tờ rời nhiều màu, đã là việc liên quan đến bướm. Eleanor không để ý gì, cười suốt, hạnh phúc vì linh cảm là ông kiếm được khá, nhưng không dám hỏi đích xác bao nhiêu. Trời đẹp, Pilgram cả ngày không cao giọng lần nào, còn buổi chiều thì bà Fanger, chủ hiệu giặt

là, ghé qua để nhắc là mai cưới con gái bà. Sáng hôm sau Eleanor là cái gì đó, chải sạch cái gì đó và kiểm kê lại bộ lễ phục của chồng. Bà tính là sẽ đi lúc năm giờ, còn chồng đến trễ hơn chút, sau khi đóng cửa hàng. Khi ông phân vân nhìn bà và từ chối thẳng thừng, — bà không lấy làm lạ, vì bà lâu nay đã quen với đủ loại thất vọng rồi. “Sâm panh”, bà nói — khi đã đứng ở cửa. Ông chồng, đang loay hoay sâu bên trong với những cái hộp, chẳng đáp lời, bà trầm ngâm nhìn đôi tay đeo găng sạch trắng của mình rồi đi. Pilgram sắp gọn lại các bộ sưu tập có giá nhất, cố gắng làm mọi chuyện thật cẩn thận, mặc dù hồi hộp kinh khủng, — rồi, nhìn đồng hồ, thấy đã đến lúc thu xếp hành lý: chuyển tàu tốc hành đi Cologne khởi hành lúc tám giờ hai mươi. Ông khóa cửa tiệm, kéo cái va-li ca-rô cũ của cha và trước tiên là xếp các dụng cụ đi săn vào, — cái vợt gấp được, bình giết bướm với xyanua kali trong thạch cao, các hộp xen-lu-lô, đèn để săn đêm trong rừng, vài bao kim găm, — mặc dù nói chung ông định sẽ không vượt thẳng bọn bướm săn được ra, mà chỉ giữ chúng chập lại trong các phong bì nhỏ, như ông luôn làm những khi đi du lịch. Đóng hết chúng vào va-li xong, ông chuyển nó vào phòng ngủ và bắt đầu ngẫm nghĩ xem nên mang gì theo để mặc. Thêm tất dày và áo lót ấm, còn đâu chẳng cần lắm. Lục tủ com-mốt, ông xếp

thêm vài món đồ mà bí quá có thể đem bán được, — chẳng hạn như cái đế cốc bạc và chiếc mề-day đồng trong hộp mà bố vợ để lại. Rồi ông thay quần áo từ chân đến đầu, nhét tẩu vào túi, nhìn đồng hồ lần thứ mười và quyết định là đã đến lúc chuẩn bị ra ga. “Eleanor”, — ông vừa gọi to vừa chui vào áo măng-tô. Bà không đáp lại, ông ngó vào bếp, bà không có ở đấy, và ông lảng máng nhớ lại đám cưới nào đó. Lúc ấy, ông lấy mảnh giấy và viết bút chì cho bà vài lời. Thư với chìa khóa được ông để ngay chỗ dễ thấy, và cảm thấy ớn lạnh vì hồi hộp, cái bụng rỗng réo ục ục, kiểm lại lần cuối xem tiền có hết trong ví chưa. “Đến lúc rồi, — Pilgram nói, — đến lúc rồi”, — và xách va-li lên, bước trên đôi chân bông về phía cửa. Nhưng, như người lần đầu lên đường đi xa, ông khổ sở suy tính xem đã mang đi hết chưa, đã làm xong hết chưa, — và lúc bấy giờ mới sực nhớ ra là chẳng có chút tiền lẻ nào, và, nhớ lại cái ống tiền, đi vào tiệm, rên hừ hừ vì sức nặng của cái va-li. Trong bóng tối lờ mờ của tiệm, lũ bướm ngọt ngọt xúm xít quanh ông từ mọi phía, và Pilgram cảm thấy có gì đó thậm chí đáng sợ trong hạnh phúc của mình, — niềm hạnh phúc diệu kỳ ấy đè xuống như quả núi nặng trĩu, và nhìn vào những con mắt mỹ miều, dường như thông hiểu điều gì đó, mà vô số cặp cánh đang mở to lên nhìn mình, ông lắc đầu và, cố không chiều theo

sức ép hạnh phúc, bỏ mũ, lau trán, rồi nhìn thấy ống tiền, liền vội nhanh đến nó. Cái ống tiền tuột khỏi tay ông và vỡ nát trên sàn, những đồng xu rơi tung tóe và Pilgram cúi xuống để nhặt chúng.

Đêm xuống, mặt trăng trơn láng lướt êm ru không hề va chạm giữa những đám mây, và Eleanor quay về nhà từ tiệc cưới lúc đã quá nửa đêm, hơi say vì rượu, vì những mẩu chuyện tiếu lâm, vì ánh lấp lánh của bộ đồ ăn mà người ta biểu đôi trẻ, đi từ tốn và nhớ lại với cảm giác xốn xang dịu dàng về bộ váy cô dâu, về cái ngày xa xôi đám cưới chính mình, — bà cảm thấy rằng giá như cuộc sống rẻ hơn đôi chút thôi thì mọi thứ trên đời đã tốt hơn nhiều, có thể mua cái bình sữa đỏ thắm cho những cái tách đỏ thắm. Tiếng rượu ngân trong thái dương, và đêm ấm với trăng chạy, và những ý nghĩ muôn màu muôn vẻ cứ cố mà xoay chuyển sao cho lộ ra được bên mặt đáng yêu, mọi điều này khiến bà mơ hồ thấy vui, — và khi bà bước vào vòm cổng và mở khóa cửa, Eleanor nghĩ rằng dầu sao thì thật hạnh phúc vì có một căn hộ, dầu chật, dầu tối, nhưng của riêng mình. Bà vừa cười vừa bật đèn trong phòng ngủ và lập tức nhìn thấy mọi chiếc hộp đã mở toang, đồ đạc vứt lung tung, nhưng chưa chắc bà đã kịp nghĩ đến một vụ trộm, vì bà trông thấy chìa khóa trên bàn và lá thư

dựa vào chiếc đồng hồ báo thức. Thư rất ngắn: “Tôi đi Tây Ban Nha. Đừng đụng vào các hộp bướm An-giê-ri. Cho thần lẫn ăn”.

Vòi nước nhỏ giọt trong bếp. Bà mở mắt, nhấc túi lên rồi lại ngồi xuống giường, để tay trên gối, như ở chỗ thợ chụp ảnh. Thỉnh thoảng có ý nghĩ uể oải trôi qua, là cần làm gì đó, đánh thức hàng xóm, hỏi xin lời khuyên, hay có khi nên chạy đuổi theo... Ai đó đứng dậy, đi lại trong phòng, mở cửa sổ, đóng nó lại, và bà đứng đưng trông theo mà không hiểu rằng đó là chính bà đang tự làm. Vòi nước nhỏ giọt trong bếp, — và lắng nghe tiếng tí tách giọt rơi ấy, bà cảm thấy sợ hãi, vì một mình, vì không có đàn ông trong nhà... Ý nghĩ rằng chồng đã đi thật rồi không sao xếp được vào não bà, bà vẫn cứ có cảm giác là ông sắp vào bây giờ, sẽ rên hừ hừ khổ não, sẽ tháo ủng, nằm xuống, sẽ bực cái vòi. Bà bắt đầu lắc đầu và từ từ lấy đà, nấc lên khe khẽ. Đã xảy ra chuyện gì đó khó tin, không còn sửa được, — người đàn ông mà bà yêu vì chất thô kệch bèn chắc, vì tính thiết thực, vì sự kiên trì lầm lì trong lao động, đã bỏ bà, lấy tiền, đi đâu đó chỉ có trời mới biết. Bà muốn hét lên, muốn chạy đi báo cảnh sát, trình giấy đăng ký kết hôn, yêu cầu, van xin, — nhưng bà chỉ tiếp tục ngồi bất động, nhàu nhĩ, đeo đôi găng trắng sáng.

Vâng, Pilgram đã đi xa. Ông chắc đã đi thăm cả Granada, cả Murcia, cả Albarracin, và chắc đã nhìn thấy lũ bướm đêm nhọt nhọt quay cuồng thế nào quanh các ngọn đèn cao, trắng lóa trên đại lộ Seville; chắc đã đến Công-gô, và Suriname, đã thấy hết mọi con bướm mà ông từng mơ thấy, — đen nhưng với đốm đỏ tươi giữa các gân cứng, xanh thẫm và thân nhỏ vân mi-ca với râu như lông vũ đen. Và theo nghĩa nào đó thì chẳng hề quan trọng là sáng ra, khi vào tiệm, Eleanor thấy chiếc va-li, sau đó là chồng, ngồi trên sàn giữa những đồng xu vương vãi, lưng quay về quầy với bộ mặt xanh tái, giệo giệo, đã chết từ lâu.

Đen đũi

Tặng Ivan Alexeyevich Bunin

Putya ngồi trên ghế xà ích, cạnh bác đánh xe (cậu không thích ngồi trên ghế xà ích lắm, nhưng bác đánh xe và người nhà cứ nghĩ là cậu thích cực kỳ, Putya thì lại chẳng muốn làm mích lòng họ, — vậy nên cậu đành ngồi ở đó, một chú bé mặt vàng, mắt xám, bận áo lính thủy bánh bao). Cặp ngựa ô béo tốt, với ánh lấp lánh trên lông béo và có gì đó nữ tính lạ thường ở bờm dài, quất đuôi đẹp lộng lẫy, chạy nước kiệu

tung tẩy đều đều, và thật đau lòng khi quan sát thấy rằng bất chấp những cử động đuôi và sự co giật của tai mềm, bất chấp cả mùi dầu chưng đậm đặc từ thuốc bôi chống ruồi, một con mòng hay ruồi trâu lơ lờ với những con mắt lồi lóng lánh vẫn hút chặt vào lớp lông bóng mượt.

Bác đánh xe Stepan, một người đàn ông đứng tuổi, ỉu xiu, bận gi-lê đen ngoài áo cánh Nga đỏ thẫm, có vạt râu nhuộm và cái cổ nâu với nhiều vết rạn mảnh. Putya thấy lúng túng vì ngồi cạnh bác mà lại im lặng; vì vậy cậu chăm chú nhìn dây kéo, nhìn gọng xe, cố nghĩ ra một câu hỏi hiểu học hoặc một lời nhận xét xác đáng. Thỉnh thoảng con ngựa nọ hay kia lại nhấc cái gốc đuôi căng, bên dưới nó phồng lên một củ hành thâm, ép ra một cục vàng tròn, cục thứ hai, cục thứ ba, sau đó các nếp da thâm lại thót vào, cái đuôi đen buông xuống.

Người ngồi trong cỗ xe bốn bánh, bắt chéo chân, là chị của Putya, một cô gái trẻ da bánh mật (dầu mới có mười chín tuổi, nhưng cô đã kịp ly hôn), bận váy sáng màu, đi đôi boots trắng cao thắt dây có cái mũi đen bóng và đội chiếc mũ rộng vành buông bóng dăng-ten lên mặt. Tâm trạng cô từ sáng đã không được tốt, và khi Putya quay qua

cô lần thứ ba, thì cô chĩa cán cây dù màu về phía cậu và bảo: “Đừng cựa quậy nữa nha!”

Thoạt tiên họ chạy qua rừng. Những đám mây tuyệt đẹp lướt nhanh trên nền thanh thiên chỉ thêm vẻ lộng lẫy và sự sinh động cho ngày. Giả dụ từ dưới nhìn lên các ngọn bạch dương thì thấy chúng hao hao giống trái nho dầm sáng, trong suốt. Hai bên đường, các bụi mâm xôi đại quay mặt dưới lá nhợt nhạt về hướng gió nóng. Giữa rừng sâu rắc đầy nắng vàng chen lẫn bóng râm, — chẳng phân biệt được đâu là thân cây, đâu là khoảng trống. Đó đây, rêu bồng rục lên sắc ngọc lục bảo thiên đường; gần như chạm vào bánh, những cây dương xỉ bồm xồm chạy ngang qua.

Đối diện xuất hiện một chiếc xe tải lớn chở cỏ — ngọn đồi xanh nhạt dưới những bóng râm rung rinh. Stepan gò cương ngựa, ngọn đồi nghiêng về bên này, cổ xe về bên kia, — chật vật tránh nhau trên đường rừng chật hẹp, phảng phất hương đồng nồng nàn, nghe tiếng cót két trĩu nặng của các bánh xe, thấp thoáng trong mắt những cây cỏ lười mè héo úa và hoa cúc đại giữa cỏ, — nhưng kìa, Stepan chép miệng, quất dây cương, và chiếc xe tải bị rút lại đằng sau. Chẳng mấy chốc, rừng nhường lối, cổ xe ngựa rẽ lên đường cái, và tiếp theo sau là các cánh đồng đã gặt, — tiếng châu

chấu ri ri trong mương, tiếng ù ù của cột điện tín. Giờ sẽ đến làng Voskresensk, và sau vài phút nữa — hết.

“Nói là bị ốm? Ngã khỏi ghế xà ích?” — Putya buồn bã nghĩ, khi hiện ra những căn nhà gỗ đầu tiên.

Cái quần trắng chật ních cắt vào bẹn, đôi giày vàng bó chặt, nôn nao khó chịu trong bụng.

Ngày sẽ nặng nề, góm guốc lấm đây, nhưng không sao tránh được.

Giờ thì họ đã chạy qua làng, và từ đầu đó sau những căn nhà gỗ và các hàng rào, tiếng vọng gỗ đáp lại tiếng gõ móng nhịp nhàng. Các cậu bé chơi gô-rốt-ki¹ trên lề đường mọc đầy cỏ, những khúc gỗ nhỏ bay đi với tiếng ngân vang. Thấp thoáng các quả cầu bạc và hình nộm điều hâu trong vườn chủ tiệm địa phương. Một con chó, im lặng, nhín sữa, chạy ra từ dưới cổng, nháy vọt qua mương và chỉ sữa văng lên khi đuổi kịp cỗ xe. Một chú nông phu mặc chiếc áo cánh căng gió và rách vai, khuỳnh các khuỷu và run cả người, cười con ngựa tía quê mùa, rậm lông.

¹ Một trò chơi dân gian Nga.

Ở cuối làng, trên ngọn đồi nhỏ, giữa những cây đoan um tùm, có một thánh đường đỏ, còn bên cạnh nó — một hầm mộ nhỏ xây đá trắng, hình kim tự tháp bốn cạnh, như món bánh pa-xơ-kha¹. Cảnh mở ra sông, — nước xanh lục, nở hoa, chỗ chỗ như thể phủ gấm. Bên cạnh con đường chạy xuống, nằm co quắp, một lò rèn thấp lè tè, — ai đó nắn nét viết lên tường nó những chữ cái lớn bằng phấn trắng: “Xin chào, Serbia!” Tiếng gõ móng bỗng trở nên âm vang, đàn hồi: đang chạy qua cầu. Ông lão chân đất, dựa lên lan can, câu cá; bên chân ông lấp lánh một hộp sắt tây. Tiếng gõ móng mềm lại; cây cầu và người câu và khúc uốn dòng sông bị tụt lại sau một cách vô phương cứu chữa.

Lúc này cỗ xe đang lăn theo con đường lầy lội, mũm mĩm, hai bên trồng những cây bạch dương béo tốt. Ngay bây giờ, ừ, ngay bây giờ, từ sau trang viên sẽ lộ ra một mái nhà xanh lục — dinh cơ gia đình Kozlov. Putya biết theo kinh nghiệm là mọi chuyện sẽ bất tiện và khó chịu thế nào, và sẵn lòng đem cho chiếc xe đạp “Thụy sĩ” mới tinh của mình — và thêm gì nữa nhỉ? Cái cung thép, chẳng hạn, với cây súng giả, và cả vốn dự trữ

¹ Món bánh Nga, thường được làm nhân dịp lễ Phục sinh.

những nút bần nhồi nhân thuốc súng, — để ngay lúc này có thể biến xa khỏi đây chực dậm, về thái ấp nhà mình, và sẽ qua ngày hè ở đó, như mọi khi, với những trò chơi đơn côi, kỳ diệu.

Từ trang viên phảng phất mùi ẩm nắm tươi, bóng tối vãn sam, sau đó hiện ra góc nhà và cát đỏ gạch trước lối vào lát đá.

“Bọn trẻ đang ở trong vườn,” — Anna Fedorovna (bà Kozlov) nói, khi Putya cùng chị đi qua những căn phòng mát lạnh, nơi thoang thoảng hương cấm chướng, ra sân hiên; ở đó có độ chục người lớn đang ngồi; Putya kéo lê chân ra sau, cúi chào trước từng người, cố không hôn nhăm lên tay đàn ông như có lần từng bị. Chị đặt lòng bàn tay lên đỉnh đầu cậu, việc mà chẳng bao giờ chị làm ở nhà. Sau đó chị ngồi lên ghế đan và tự dừng hớn hở lạ thường. Mọi người bắt đầu nói cùng lúc. Anna Fedorovna nắm tay Putya, dẫn cậu xuống theo các bậc thềm, giữa những bụi nguyệt quế và trúc đào trong chậu xanh, và bí mật chỉ ngón tay vào vườn. “Chúng nó đang đó, — bà nói, — cháu đi đến chỗ chúng đi”. Sau đó bà quay lại với khách. Putya còn lại một mình trên bậc thềm thấp.

Bắt đầu khó chịu đây. Buộc phải đi qua khoảnh sân đỏ trong vườn đến tận đằng kia kia, đến đường cây, nơi, giữa các đốm nắng, lao xao tiếng người và có gì đó hiện lên sặc sỡ. Phải hoàn thành hành trình ấy một mình, lại gần, không ngừng lại gần, dần dần lọt vào trường nhìn của nhiều con mắt.

Người được kỷ niệm ngày thánh bốn mạng là Volodya Kozlov, một cậu bé linh lợi, thích đùa, cùng tuổi Putya. Volodya có em trai Kostya và hai đứa em gái, Baby và Lela. Từ điển trang bên cạnh, cỗ xe ngựa hai bánh đưa đến hai thằng nhóc nhà Korff và Tanya, chị chúng, một cô bé dễ thương với làn da trong suốt, quầng mắt và bím tóc đen, thắt nơ trắng trên cần cổ mảnh mai. Ngoài bọn nó ra còn ba học sinh trung học và Vasya Tuchkov, một cậu bé mười ba tuổi, khỏe mạnh, cân đối, rậm nắng. Các trò chơi được dẫn bởi một sinh viên, Yakov Semenovich, gia sư của Volodya và Kostya, một chàng trai múp míp, ngực nở, bận áo cánh trắng kiểu Nga, với cái đầu cạo trọc và đeo chiếc kính không gọng không viền, kẹp vào cái mũi vót nhọn tuyệt nhiên không ăn nhập với khuôn mặt đầy đặn hình trứng của anh ta. Khi Putya rút cuộc cũng lại gần, Yakov Semenovich và lũ trẻ đang

ném lao vào một cái bia lớn bằng rơm nhiều màu bị đóng chặt vào thân cây vân sam.

Lần cuối Putya đến nhà Kozlov ở Petersburg, vào dịp lễ Phục sinh, và khi ấy những bức tranh mờ ảo đã được chiếu: Yakov Semenovitch đọc thành tiếng bài “Mtsyri¹”, còn một sinh viên khác sử dụng đèn. Trên tấm ga ẩm, trong vòng sáng, xuất hiện (gấp gáp chạy và dừng) một bức tranh màu, — chẳng hạn: Mtsyri và con báo nhảy vào ông ta. Yakov Semenovitch, ngưng đọc một phút, chỉ que về phía Mtsyri rồi về phía con báo; trong lúc ấy cái que nhuộm màu bức tranh, sau đó màu sắc trượt đi, khi anh ta dịch cái que. Từng bức tranh dừng lại trên tấm ga khá lâu, vì chỉ có mười cái cho cả thiên sử thi “Mtsyri”. Vasya Tuchkov đôi lúc nhấc tay lên trong bóng tối, chạm tới chùm sáng, và trên tấm vải xuất hiện những ngón tay đen xòe rộng. Một đôi lần, anh sinh viên bên cạnh đèn chiếu đặt nhằm phim, bức tranh thành ra lộn ngược, Tuchkov cười phá lên, còn Putya xấu hổ ê chề vì anh sinh viên, — và nói chung cố làm bộ như cậu hết sức quan tâm. Cũng hồi ấy, cậu làm quen với Tanya Korff và từ dạo đó hay nghĩ về cô,

1 Мцыри — Bài thơ nổi tiếng của Mikhail Lermontov.

tưởng tượng xem sẽ cứu cô khỏi bọn cướp thế nào, Vasya sẽ giúp cậu ra sao và tận tâm ngưỡng mộ sự dũng cảm của cậu thế nào (Nghe đồn là Vasya để ở nhà một khẩu súng lục thật sự với báng khảm xà cừ).

Lúc này, giang rộng đôi chân rám nắng, hờ hững đặt tay trái lên dây lưng vải gai với xích và ví da, Vasya nhắm cây lao nhẹ vào bia, — vùng mạnh, trúng ngay tâm, và Yakov Semenovitch nói lớn: “hoan hô”. Putya thận trọng nhổ lao ra, lặng lẽ đi ra xa, lặng lẽ nhắm và cũng trúng ngay hồng tâm; song chẳng ai thèm để ý đến điều này, vì trò chơi đã kết thúc, và mọi người đã bận việc khác: kéo ra và đặt giữa đường cây một thứ gì đó giống như cái tủ thấp, với các lỗ tròn trên nóc và con ếch béo bằng kim loại, há hốc mồm. Phải ném đồng chì năm cô-pếch trúng vào hoặc là một trong các lỗ, hoặc là mồm con ếch. Đồng năm cô-pếch rơi vào các ngăn có chữ số, mồm ếch được định giá năm trăm điểm¹. Họ lần lượt ném theo thứ tự, mỗi người vài lần. Trò chơi khá buồn tẻ, và trong lúc đợi đến lượt mình, vài đứa trẻ chui vào các bụi việt quất dưới những gốc cây. Quả rất to, xanh mờ,

¹ Bản tiếng Anh: các lỗ được tính 100 điểm hoặc ít hơn tùy theo khoảng cách đến con ếch.

rực ánh tím nếu sờ ngón tay dính dãi vào nó. Putya ngồi xồm và dịu dàng lắm lắm, nhặt quả việt quất bỏ vào lòng bàn tay sau đó nhét cả vốc vào miệng. Ăn thế rất ngon. Đôi lúc có chiếc lá cứng rơi vào miệng cùng với các quả. Vasya Tuchkov tìm thấy con sâu nhỏ với những chùm lông nhiều màu dọc lưng (giống như trên bàn chải đánh răng) và thần nhiên nuốt chửng nó trước sự thán phục của mọi người. Trong trang viên, chim gõ kiến gõ lạch cạch, lũ ong đất nặng nề vo ve trên cỏ và bò vào các vành hoa chuông chao nghiêng của nhà hầu tước. Từ đường cây vọng lại tiếng ném xu và giọng nói đả đót oang oang của Yakov Semenovich, đang khuyên ai đó nhắm chính xác hơn. Bên cạnh Putya, Tanya nghiêng đầu và với vẻ chăm chú khác thường trên khuôn mặt nhợt nhạt, hé mở đôi môi tím óng ánh, mò mẫm bụi rậm. Putya hái quả vào lòng bàn tay rồi im lặng mời cô cả vốc, cô độ lượng nhận nó, và Putya bắt đầu hái cho cô thêm suất nữa. Nhưng đúng lúc ấy thì đến lượt cô ném đồng năm cô-pếch, và cô chạy về đường cây, nhấc cao đôi chân thon đi tất trắng.

Trò ném ếch bắt đầu làm mọi người chán ngấy, một số bỏ lượt, số khác quăng đại, còn Vasya Tuchkov ném đá vào con ếch và mọi người bật cười, ngoài Yakov Semenovich và Putya, Volodya,

đưa được kỷ niệm lễ thánh bốn mạng, bắt đầu đòi chơi trò đập que¹. Hai đứa nhà Koff cũng đồng tình, Tanya bắt đầu nhẩy lò cò, vỗ tay. “Không nên, các bạn ơi, không nên, — Yakov Semenovich nói. — Sau độ nửa tiếng nữa ta sẽ cùng đi pích-ních, và nếu như các bạn nóng người lên rồi thì rất dễ bị cảm”. “Ôi, chơi đi mà, chơi đi mà!” — mọi người nài nỉ. “Đi mà”, — Putya khế nhắc theo những người khác, quyết định sẽ thu xếp sao cho có thể nấp cùng Vasya hoặc Tanya.

“Đành phải thực hiện yêu cầu chung thôi, — Yakov Semenovich nói, anh rất thích gọt giũa cho tròn trịa lời nói của mình. — Nhưng chỉ có điều là công cụ cần thiết ở đâu?” Volodya lao về hướng các luống hoa.

Putya lại gần tấm ván bập bênh xanh lục, trên đó có Tanya, Lela và Vasya đang đứng; Vasya nhẩy căng lên và giậm cho tấm ván rên ư ử và giật nảy lên, còn các cô bé thì kêu the thé và vung tay giữ thăng bằng. “Tớ ngã đây, ngã đây!” — Tanya la lên và cùng với Lela nhẩy xuống cỏ. “Muốn ăn việt quất nữa không?” — Putya mời. Cô bé lắc đầu, sau đó liếc nhìn Lela và, quay qua Putya, nói: “Tớ với

¹ Một dạng trò chơi trốn tìm của Nga.

Lela quyết định không nói chuyện với bạn nữa”. “Tại sao?” — Putya lấp bắp, đỏ mặt tía tai. “Vì bạn là trai điệu”, — cô bé trả lời và, quay ngoắt đi, nhảy lên băng ghế. Putya giả bộ mãi mê quan sát đồng đất đen quần chuột đùn ven đường.

Trong lúc ấy, Volodya hồn hển đem về một cái que xanh nhọn, từ những cái mà người ta dùng để chống các luống mẩu đơn và thược dược. Bắt đầu quyết xem ai làm cái¹. “Một, hai, ba, — Yakov Semenovich bắt đầu bằng giọng trần thuật hài hước, lần lượt trở ngón tay vào mọi người theo từng lời, — Bốn. Năm. Thỏ con bò ra. Đi dạo. Bỗng dừng bác thợ săn (Yakov Semenovich ngừng lại và hắt hơi rất mạnh). Chạy ra. (... anh vừa nói tiếp vừa sửa kính). Nhắm thẳng vào thỏ ta... Bắn. Píp. Páp. Ôi. Ôi. Ôi. Chết. Rồi (các âm tiết chậm dần, nhấn nhá). Thỏ. Con. Của. Tôi.”

“Tôi” rơi đúng vào Putya. Nhưng ngay lập tức tất cả các bạn còn lại vây chặt hơn quanh Yakov Semenovich, năn nỉ anh đi tìm. Những tiếng hò reo vang lên: “Đi mà, thế sẽ vui hơn nhiều mà”.

¹ Người sẽ giữ que và đi tìm những người chơi còn lại xem họ nấp ở đâu.

“VẬY thế đi. Anh đồng ý”, — anh trả lời mà thậm chí chẳng thèm để mắt đến Putya.

Ở nơi mà đường cây nhập vào sân vườn, có đặt một băng ghế bạc trắng, nhiều chỗ bị tróc ra, với cái lưng mắt cáo, cũng bạc trắng, cũng bị tróc ra. Trên băng ghế ấy, hai tay giữ cái que, Yakov Semenovich ngồi, gù lưng béo, nhắm tịt mắt và đếm thành tiếng đến một trăm, cho khoảng thời gian ấy để mọi người ẩn nấp. Vasya và Tanya, như thể đã hẹn nhau, cùng chạy sâu vào trang viên, một nam sinh trung học đứng sau cây đoan, cách băng ghế ấy ba bước, — còn Putya, buồn bã nhìn bóng râm lỗ đổ trên trang viên, quay lại và đi về hướng khác, về ngôi nhà, quyết định là sẽ ngồi trên hiên, — dĩ nhiên không phải trên cái mà người lớn đang uống trà và chiếc máy quay đĩa đang hát tiếng Ý với cái ống loa sáng lóa, — mà trên cái khác, nằm chếch với đường cây. Hàng hiên, may thay, vắng lặng. Các ô kính màu buông những bóng màu xuống các băng ghế mềm bọc da xám lam với những đóa hồng kép, sắp dọc tường. Ở đó còn có chiếc xích đu, cái tô chó liếm sạch trên sàn và chiếc bàn tròn, phủ vải dầu kẻ ô. Trên bàn không có gì ngoài cặp kính lão của ai đó nằm bơ vơ.

Putya bò lại gần ô cửa sổ nhiều màu và lặng người đi bên bậu cửa trắng. Thấy rõ đằng xa, trên băng ghế hồng, Yakov Semenovich hồng, gù lưng bất động, dưới vòm lá li ti, đen ru-bi. Kế hoạch của Putya rất đơn giản: ngay khi Yakov Semenovich đếm đến một trăm, gõ cái que, đặt nó lên băng ghế và đi theo hướng các bụi cây trong trang viên, nơi có những chỗ có vẻ giống hơn cả cho cuộc mai phục, — cậu sẽ lao từ hiên đến băng ghế, đến cái que. Nửa phút trôi qua. Yakov Semenovich xanh lam vẫn ngồi, khom lưng, dưới những chiếc lá xanh đen và dận mũi giày trên cát bạc theo nhịp đếm. Thật vui làm sao khi được chờ thế này và nhìn qua nhiều ô kính khác nhau, nếu như Tanya... Vì cái gì nhỉ? Mình đã làm gì thế nhỉ?

Ít hơn cả là các tấm kính trắng giản dị. Kia con chìa vôi lon ton trên cát. Trong góc khung cửa sổ hình thoi có những mạng nhện. Trên bậu cửa, một con ruồi chết nằm chèo queo. Yakov Semenovich vàng rực đứng dậy khỏi băng ghế vàng và đập que lên nó. Đúng lúc ấy, cửa ra hiên mở toang, và từ bóng tối nhập nhoạng trong phòng xuất hiện thoát đầu là con bát-xê lông hung béo tròn, sau đó — một bà cụ tóc hoa râm cắt ngắn bận váy đen với thắt lưng chật căng, cùng cái ghim rất lớn hình cỏ ba lá trên ngực và choàng dây đeo đồng hồ quanh

cổ, — còn đồng hồ thì nhét sau thắt lưng. Con chó đại lẫn bò xiên theo các bậc thềm xuống vườn, còn bà cụ đến gần bàn, giận dữ chộp lấy cặp kính mà bà đến tìm. Bỗng dưng bà để ý thấy Putya đang bò trên sàn “Priate-qui? Priate-qui?”¹ — bà thốt lên (với cái cách phát âm khôì hài mà các bà già người Pháp từng sống độ chừng bốn chục năm ở nước ta vẫn nói), “Toute n’est caroché”², — bà tiếp tục, âu yếm nhìn gương mặt bối rối, khấn khoản của Putya. — “Sichasse pocajou caroché messt”³.

Yakov Semenovitch ngọc lục bảo đứng chống nạnh trên cát xanh lục nhạt và lập tức nhìn khắp các hướng chung quanh. Putya, do sợ giọng nói kèn kệt và rối rít của bà cụ, — và còn sợ hơn nữa là sẽ làm méch lòng bà nếu từ chối, — nên hấp tấp bám theo bà, nhưng trong lúc ấy vẫn cảm thấy là sẽ vớ vẩn khủng khiếp. Bà cụ vừa đi vừa nắm chặt tay cậu, qua những căn phòng mát lạnh, — ngang cây đại dương cầm trắng muốt, hoa cẩm chướng và tử dương, cái bàn chơi bài xanh lam, chiếc xe đạp ba bánh, phơi vệt gỗ, gạc nai, tủ sách, — mọi thứ này nhảy xổ ra một cách vụng về từ nhiều góc

¹ Chơi trốn tìm hả cháu? (Tiếng Nga).

² Chỗ đó không tốt đâu. (Tiếng Nga).

³ Giờ bà sẽ chỉ cho chỗ nấp tốt nhé. (Tiếng Nga).

khác nhau, và Putya sợ hãi nghĩ là bà cụ sẽ dẫn cậu đi xa, về phía kia ngôi nhà, — và phải giải thích cho bà thế nào mà không làm bà buồn là trò chơi mà cậu đang tham gia giống cuộc phục kích hơn là trốn tìm, và cần chộp được khoảnh khắc khi Yakov Semenovich rời đi đủ xa khỏi cái que, đừng kịp chạy đến nó và gõ? Bà cụ dẫn cậu đi qua năm-sáu phòng, sau đó qua một hành lang, sau đó lên trên theo cầu thang, sau đó qua một phòng sáng trưng, nơi trên cái rương cạnh cửa sổ có một phụ nữ hồng hào ngồi đan với que, cô ấy ngược mắt lên cười và lại cụp mi xuống đan tiếp. Bà cụ dẫn cậu vào phòng sau: ở đó có chiếc đi văng bọc da và cái lồng chim trống không. Giữa tủ áo lớn đỏ nâu và lò sưởi lát gạch men dường như có một hóc tối. “Votte¹”, bà cụ nói và ấn nhẹ tay đẩy cậu vào đó, rồi lui gót vào phòng bên, nơi bà tiếp tục cuộc nói chuyện chẳng có gì liên quan đến Putya, và người nghe, vâng chính cái người phụ nữ đang đan ấy, thỉnh thoảng lại reo lên kinh ngạc: “Vâng, xin bà kể đi ạ!”

Putya đứng trong cái xó của mình (thoạt tiên thì quỳ, cứ như cậu thực ra đang giấu mình, nhưng sau đó thẳng người lên), và nhìn từ đó lên tường,

¹ Đấy. (Tiếng Nga).

vào những vòng xoắn thanh thiên dừng dừng, vào ô cửa sổ mà sau nó lấp loáng một ngọn bạch dương. Đồng hồ gõ đều đặn và khản đục, và điều đó chẳng hiểu sao lại nhắc đến mọi chuyện buồn bã bi ai.

Rất nhiều thời gian đã trôi qua. Bỗng dừng cuộc chuyện trò bên kia bắt đầu trôi đi dần và lặng hắt đầu đó xa xa. Im phăng phắc. Putya đi ra.

Xuống thang rồi, cậu nhón chân chạy qua các phòng (tủ, gác, xe đạp, bàn xanh, dương cầm), và kìa, cuối đường, dải nắng màu quất mạnh khi mở cửa vào hiên. Putya len lén lách đến các tấm kính và chọn cái màu trắng. Trên băng ghế, cái que xanh vẫn nằm. Không thấy Yakov Semenovich; có lẽ anh ấy đã chạy đi đâu đó sau những cây thông kia.

Putya mỉm cười hồi hộp, nhảy phóc vào vườn và lao vun vút đến băng ghế. Cậu vẫn chạy tiếp khi để ý một điều rất lạ là chung quanh chẳng có phản ứng nào. Tuy nhiên cậu vẫn không giảm tốc độ, đến được băng ghế và gõ que ba lần. Vô ích. Chung quanh chẳng có ai. Các đốm nắng rung rinh. Trên tay ghế, con bọ rùa vừa bò vừa thò ra một cách cầu thả từ dưới mái vòm nhỏ lổm đổm của mình các

đầu mút trong suốt của những chiếc cánh gấp qua loa.

Putya chờ vài phút, gườm gườm nhìn quanh, và chợt hiểu ra là họ đã quên cậu, trò chơi kết thúc đã lâu, và chẳng ai sức nhớ ra là vẫn còn ai đó chưa được tìm thấy, còn núp, — họ đã quên bếng và đi pích-ních rồi. Cuộc pích-ních là sự hứa hẹn ít nhiều dễ chịu duy nhất của ngày ấy, — dễ chịu vì người lớn không đi, dễ chịu vì nghĩ đến khoai tây nướng trên đồng lửa, bánh nhân pho mát tươi với việt quất, trà lạnh trong chai. Cuộc pích-ních bị họ tước đi, nhưng vẫn có thể chịu được sự tước đoạt ấy. Điều quan trọng là ở chuyện khác.

Putya nuốt và ngập ngừng bước về phía ngôi nhà, vung vẩy cái que xanh và cổ cầm nước mắt. Trên hiên, người ta đang chơi bài, — vọng lại tiếng chị gái cười, một tiếng cười khó chịu. Cậu đi vòng quanh nhà từ bên khác, mơ hồ nghĩ là đâu đó ở đó phải có một cái ao, và có thể để lại trên bờ chiếc khăn tay với dấu thêu và cái còi đeo trên sợi dây trắng, còn chính mình thì lên bờ về nhà... Bỗng dừng, vừa rẽ ngoặt sau góc nhà để đến chỗ nước, cậu nghe thấy tiếng những giọng nói quen thuộc. Tất cả đang ở đó, — Yakov Semenovitch, Vasya, Tanya, mọi người còn lại; họ vây quanh một nông phu, ông ấy đang mang khoe con cú non vừa bắt

được. Con cú non, béo, lấm chấm, với đôi mắt nhắm tịt, quay đầu, — đúng hơn thì không phải đầu mà cái mặt đeo kính của mình, bởi vì không thể nào phân biệt được là đầu bắt đầu từ đâu, còn thân thì kết thúc ở đâu.

Putya đến gần. Vasya Tuchkov ngoái lại và hướng về phía Tanya, vừa cười vừa nói: “trai điệu đến kìa”.

Chuyến thăm bảo tàng

Vài năm trước, anh bạn Paris của tôi — một gã gàn, nói thể cho nhanh — do biết tôi dự định qua đôi ba ngày gần Montisert, nên nhờ tôi tạt vào bảo tàng ở đó, nơi, theo tin anh được báo lại, phải có bức chân dung ông nội anh do Leroy vẽ. Vừa cười vừa giang hai tay, anh kể cho tôi hay một câu chuyện khá mơ hồ, mà tôi thú thật là không để ý nghe, phần vì không thích những việc phiền toái của người khác, nhưng chủ yếu vì luôn nghi ngờ vào khả năng bạn

mình còn dừng lại được trên mặt bên này của sự tưởng tượng. Đại khái là, hồi xưa, sau khi ông nội anh qua đời ở ngôi nhà Petersburg trong thời gian chiến tranh với Nhật, đồ đạc trong căn hộ Paris của ông ấy đã bị bán đấu giá, hơn nữa, sau những cuộc chu du mơ hồ nào đó thì bức chân dung đã được sở hữu bởi bảo tàng của cái thành phố nơi mà họa sỹ Leroy ra đời. Bạn tôi muốn biết có phải đúng là bức chân dung đang ở đó hay không, và, giả dụ như đang ở đó, thì liệu có thể mua lại nó hay không, và, giả dụ như có thể mua, thì với giá nào. Khi tôi hỏi, tại sao anh không bắt liên lạc với bảo tàng, anh trả lời là có biên thư đến đó vài bận, song không được hồi đáp.

Tôi thầm quyết định là sẽ không thực hiện yêu cầu ấy; viện cớ ốm đau hoặc đổi lộ trình. Tôi luôn lợm giọng với mọi danh lam thắng cảnh, dù là bảo tàng hay nhà cổ, ngoài ra thì tôi còn thấy sự phó thác của kẻ gần dờ dễ thương ấy cực kỳ nhảm nhí. Nhưng thế nào mà lúc đi lang thang kiếm tìm một tiệm văn phòng phẩm trên các con phố vắng tanh ở Montisert và nguyên rửa cái nóc nhọn của một và chỉ một đại giáo đường cổ dài, mọc lên tại từng khoảng trống dẫu có rẽ đi đâu, tôi gặp một cơn mưa lớn, nó lập tức thúc lá phong rụng mau hơn: tháng Mười miền nam đã treo trên sợi tóc.

Tôi chạy vội đến dưới một mái hiên và thấy mình trên những bậc thềm một bảo tàng.

Đó là một tòa nhà không lớn, xây đá nhiều màu, với các cây cột, với dòng chữ vàng trong bức bích họa trên trán tường và với hai băng ghế đá trên chân sư tử kê hai bên cửa đồng; một nửa cửa mở toang, đằng sau nó có vẻ tối hơn so với ánh lấp lánh của trận mưa rào. Tôi đứng trên các bậc thềm mà dù có mái đua, vẫn dần dần trở nên lấm đẫm, và sau đó, do thấy mưa còn lâu mới ngớt nên tôi quyết định bước vào vì chẳng có việc gì để làm. Tôi vừa mới đặt chân lên các phiến đá lát phẳng lì, ngân vang ở tiền sảnh, thì trong góc xa rầm rầm tiếng ghế đẩu, và người gác bảo tàng — một thương binh tầm thường với tay áo rộng, đứng dậy đón tôi, gạt tờ báo ra và nhìn tôi từ bên trên cặp kính. Sau khi trả một phờ-răng và cố không nhìn vào những bức tượng nào đó ở phòng ngoài (cũng tượng trưng và không quan trọng như tiết mục đầu tiên của một chương trình xiếc), tôi bước vào gian chính.

Mọi thứ hết như trông chờ: sắc xám, giấc ngủ vật chất, các vật thể phi vật thể; tủ đựng những đồng xu cũ mòn nằm trên mặt dốc nhưng, còn bên trên tủ — hai con cú, — một con được gọi theo cách dịch nghĩa đen là “Đại Công tước”, còn con

kia là “Công tước”; các khoáng vật đáng kính nằm trong cổ áo quan mở toang làm từ cạc-tông bụi bặm; ảnh một quý ông kinh ngạc với hàng ria chuốt nhọn được treo trên bộ sưu tập các quả cầu đen kỳ lạ đủ loại to nhỏ, chiếm một vị trí danh dự dưới mặt tủ kính dốc: chúng cực kỳ giống phân chuồng đóng băng, và tôi bất giác đứng ngẫm nghĩ trên chúng, vì không sao mà đoán được bản chất tự nhiên, thành phần và chức năng của chúng.

Người gác, vẫn bám theo tôi bằng những bước chân bọc vải bông nhưng luôn giữ khoảng cách khiêm nhường với tôi, lúc này đến gần, một tay để sau lưng, còn bóng ma tay kia trong túi, và nuốt, xét đoán theo cục hàu. “Cái gì đây?” — tôi hỏi về các quả cầu nhỏ. — “Khoa học chưa hiểu được, — lão trả lời, chắc chắn đã học thuộc lòng một câu văn. — Chúng được tìm thấy, — lão tiếp tục với cùng cái tông giọng giả dối ấy, vào năm một ngàn tám trăm chín mươi lăm bởi ngài tham tán thị chính Louis Pradier, người được tặng huân chương danh dự”, — và lão chỉ ngón tay run rẩy lên bức tranh. “Được rồi, — tôi nói, — nhưng ai và vì sao lại quyết định là chúng xứng đáng có chỗ trong bảo tàng?” “Giờ thì ông hãy để ý vào cái sọ này!” — lão tươi tỉnh kêu lên, công nhiên đổi chủ đề đối thoại. “Dẫu sao thì cũng rất thú vị nếu biết

là chúng được làm từ cái gì”, — tôi ngắt lời lão. “Khoa học...” — lão lại bắt đầu lần nữa, nhưng áp úng và bất bình nhìn các ngón tay bị bụi từ kính bám vào.

Tôi tiếp tục ngắm cái bình Trung Hoa, chắc có lẽ được một sỹ quan hải quân mang về; một nhóm hóa thạch rỗ lỗ chỗ; con giun nhọt nhọt trong cồn đục; tấm bản đồ xanh-đỏ của Montisert hồi thế kỷ XVII; và bộ ba dụng cụ han gỉ, nối với nhau bằng dải băng tang, — xẻng, cào, cuốc. “... Đào bới dĩ vãng”, — tôi lơ đãng nghĩ, nhưng thôi không hỏi xin sự giải thích của người gác, này giờ vẫn đi ngoắt ngoéo giữa các tủ kính, lặng lẽ và dè dặt bám theo tôi. Sau gian đầu tiên là gian khác, hình như cuối cùng, và ở đó, ngay chính giữa, có kê một cái quách lớn, giống hệt một bồn tắm dơ bẩn, còn trên tường treo các bức tranh.

Tôi lập tức để ý đến bức chân dung đàn ông giữa hai bức tranh phong cảnh kinh tởm (với những con bò cái và “tâm trạng”), tôi lại gần hơn và hơi sốc vì thấy chính cái thứ mà sự tồn tại của nó cho đến nay tôi vẫn tưởng là sự tưởng tượng tiện đường của một lý trí phiêu lãng. Một người đàn ông bận lễ phục, được vẽ cực xấu bằng sơn dầu, với tóc mai dài, đeo cặp kính không gọng khổng lồ gắn sợi dây nhỏ, hao hao giống

Offenbach, nhưng mặc dầu tính ước lệ đề hèn của tác phẩm, vẫn có thể thấy trong nét mặt ông ta một viễn cảnh tương đồng với bạn tôi. Trong góc, trên nền đen, nổi bật một chữ ký son “Leroy” — cũng vụng chằng kém gì chính tác phẩm.

Tôi cảm thấy bên vai mình có hơi thở mùi giấm, và quay lại, bắt gặp ánh mắt tử tế của người gác.

— Cho tôi biết, — tôi hỏi, — giả dụ như, cho là, có ai đó muốn mua bức tranh này hay bức tranh khác, — thì phải liên hệ với ai?

— Báu vật của bảo tàng — danh dự của thành phố, — lão trả lời, — mà danh dự thì không để bán.

Tôi vội vã đồng tình vì sợ tài hùng biện của lão, nhưng dẫu sao cũng hỏi xin địa chỉ giám đốc bảo tàng. Lão thừa lười sự chú ý của tôi qua truyền thuyết về cái quách, — song tôi vẫn nằng nặc đòi cho được theo ý mình. Cuối cùng, lão kể tên ngài Godard nào đó và giải thích nơi có thể tìm thấy ông ta.

Nói thẳng ra là tôi rất thích việc có bức chân dung. Tôi vui vì được tham dự vào sự hiện diện của một giấc mơ, dẫu không phải của mình. Tôi

quyết định chốt luôn việc, mà khi tôi đã thích thì không thể ngăn tôi được. Ra khỏi bảo tàng với những bước chân mau lẹ, âm vang, tôi thấy mưa đã thôi rơi, khắp bầu trời lan rộng sắc xanh hồ thủy, một phụ nữ đi đôi tất dài vấy bẩn chạy chiếc xe đạp bạc, và chỉ trên những ngọn núi chung quanh vẫn còn âm ỉ mây đen. Đại giáo đường lại chơi ú tim với tôi, nhưng tôi khôn hơn nó. Suýt nữa thì rơi vào dưới những chiếc lốp điên cuồng của chiếc công nông đỏ, chật cứng các thanh niên đang hát vang, tôi băng ngang đường cái tráng nhựa và sau độ một phút đã nhấn chuông cổng vườn nhà ngài Godard. Y hóa ra là một người luống tuổi, gầy, đeo cổ áo cao và khăn, với một hạt châu trên nút cà-vạt, mặt rất giống con chó boóc-dôi trắng, — đã thế, y lại còn liếm đúng theo kiểu chó để dán tem lên phong bì, khi tôi vào căn phòng tuy không lớn nhưng bày biện sang trọng của y, với lọ mực đá khổng tước trên bàn viết và cái bình Trung Hoa quen thuộc đến lạ kỳ trên lò sưởi. Hai cây kiếm đấu bắt chéo trên tấm gương mà trong đó phản chiếu cái gáy xám, hẹp của y và vài bức ảnh một chiến hạm khoải trá ngắt đoạn hệ thực vật xanh lam trên giấy dán tường.

— Tôi có thể làm gì cho ông? — y hỏi, ném bức thư y vừa dán vào giỏ rác: cử chỉ này khiến tôi

thấy hơi lạ, nhưng tôi cho là không cần phải xen vào. Bằng những lời ngắn gọn, tôi giải bày nguyên do chuyển viếng thăm của mình và thậm chí nêu ra con số khổng lồ mà bạn tôi sẵn sàng bỏ ra, mặc dù thực ra anh ta xin tôi không nêu nó ra mà chờ các điều kiện của bảo tàng.

— Mọi điều này rất dễ thương, — ngài Godard nói, — chỉ có điều ông nhầm rồi: bức tranh như vậy không có trong bảo tàng chúng tôi.

— Không là thế nào? — tôi la lên, — tôi vừa mới thấy nó xong! Gustave Leroy, chân dung một quý tộc Nga.

— Quả thật là chúng tôi có một bức của Leroy, — ngài Godard vừa nói vừa giở từng trang vở vải dầu và dùng cái móng đen dài tại dòng chữ y tìm được. — Nhưng đấy không phải chân dung, mà một mô-típ thôn dã: “Sự trở về của đàn”.

Tôi nhắc lại là vừa mới nhìn thấy bức tranh bằng chính mắt mình năm phút trước, và rằng chẳng có thể lực nào ép được tôi nghi ngờ vào điều đó cả.

— Đồng ý thôi, — ngài Godard nói, — nhưng tôi cũng không điên. Tôi phụ trách bảo tàng này vậy là cũng sắp hai chục năm rồi và thuộc cái bảng

kê này như lời cầu Chúa. Ở đây nói “Sự trở về của đàn”, nghĩa là đàn trở về, và nếu như ông nội bạn ngài không được mô tả dưới dạng một mục phu, thì tôi không thể thừa nhận là chân dung ông ta có ở chỗ chúng tôi.

— Ông ấy bận lễ phục, — tôi kêu lên, — thề với ngài là ông ấy bận lễ phục!

— Mà nói chung, — ngài Godard hỏi tôi một cách rất đáng ngờ, — ông thích bảo tàng chúng tôi không? Ông đánh giá cái quách sao?

— Nghe này, — và dường như đã có sự rung động trong giọng tôi, — xin ngài làm ơn đi cùng tôi đến đó ngay, và ta thỏa thuận thế này nhé: nếu bức chân dung treo ở đó, thì ngài bán nó cho tôi.

— Còn nếu không có? — ngài Godard tò mò.

— Lúc đó tôi sẽ vẫn trả ngài số tiền ấy.

— Thôi được rồi, — y nói. — Lấy cây bút chì này và viết điều đó cho tôi bằng đầu đỏ, đầu đỏ nhé.

Tôi nôn nóng thực hiện yêu cầu của y. Khi đọc chữ ký của tôi, y phàn nàn về việc khó phát âm tên tiếng Nga, tự ký dưới nó và, nhanh chóng gấp tờ giấy lại, nhét nó vào túi áo gi-lê.

— Ta đi nào, — y nói, gỡ cổ tay áo ra.

Dọc đường, y tạt vào một tiệm hàng và mua một phếu giấy đầy kẹo ca-ra-men lấp nháp, mà y kiên trì mời tôi, và khi tôi dứt khoát từ chối, y vẫn cố dốc hai cái vào tay tôi, — tôi giật tay lại, vài viên kẹo rơi xuống vỉa hè, y nhặt chúng lên và phi theo kịp tôi. Khi chúng tôi đến gần bảo tàng thì thấy trước nó đang đậu một chiếc xe công nông đỏ — trống không.

— À há, — ngài Godard nói giọng hài lòng, — tôi thấy là hôm nay chúng tôi có rất nhiều khách.

Y bỏ mũ và giữ nó trước mình, đường bệ đi vào theo các bậc thềm.

Trong bảo tàng có chuyện. Vọng đến những tiếng reo hò om sòm, tiếng cười rộn rã và thậm chí như thể tiếng động ấu dả. Chúng tôi vào gian đầu; ở đó, lão gác đang ngăn cản hai kẻ báng bố với hai biểu tượng đẹp đẽ nào đó trên phù hiệu, và nói chung rất đỏ tím và hăng hái, cố móc từ dưới kính lên các cục phân đen của ngài tham tán thị chính. Các thanh niên khác từ cũng cái hợp tác xã thể thao ấy lớn tiếng chế nhạo, kẻ với lũ giun trong cồn, kẻ với cái sọ. Một kẻ thích đùa tỏ vẻ thán phục các ống lò sưởi hơi nước, như thể tưởng nhầm chúng là hiện vật trưng bày; kẻ khác nhắm vào

con cú bằng nắm đấm và ngón tay. Tất cả độ ba chục mạng, thành thử rất chen chúc và náo loạn tiếng bước chân với tiếng hò reo.

Ngài Godard vỗ tay và chỉ vào tấm biển với dòng chữ: “Quý khách tham quan bảo tàng phải ăn mặc lịch sự”. Sau đó y len qua — và tôi theo sau y — vào gian thứ hai. Cả đám lập tức cũng kéo nhau vào đó. Tôi đẩy Godard đến chỗ bức chân dung, y chờ ra trước nó, ưỡn ngực, rồi hơi lùi lại, như thể ngắm nghía nó, và giẫm gót giày phụ nữ của mình lên chân ai đó.

— Bức tranh tuyệt đẹp, — y thốt lên hết sức thành thật, — sao giờ, ta sẽ không lèm nhèm nữa. Ông đúng, và trong danh mục hẳn là có lỗi.

Vừa nói điều này, y vừa dùng các ngón tay trều tượng lấy bản giao kèo của chúng tôi ra và xé nó thành các mảnh vụn, chúng rơi như những bông tuyết vào cái ống nhổ đồ sộ.

— Con khỉ già này là ai vậy? — một gã nào đó mặc đồ bó kẻ sọc hỏi về bức chân dung, và vì ông nội bạn tôi được mô tả với điếu xì-gà trong tay, nên một kẻ thích đùa khác móc điếu thuốc lá ra và định châm nõi từ bức chân dung.

— Ta hãy thỏa thuận giá cả nào, — tôi nói. —
Và dẫu sao chẳng nữa ta cũng nên đi khỏi đây.

— Cho qua với, thưa quý vị, — ngài Godard vừa kêu to vừa gạt những kẻ tò mò ra. Ở cuối gian có một lối đi mà trước đây tôi không để ý thấy, chúng tôi đi xuyên qua đó. — Tôi chẳng quyết được gì cả, — ngài Godard nói, át cả tiếng ồn. — Sự quyết tâm chỉ tốt khi nó được kiện toàn bởi luật. Trước tiên tôi phải xin ý kiến thị trưởng, mà ngài ấy mới chết và vẫn chưa được bầu lên. Tôi cho là ông sẽ không thể mua lại được bức chân dung đâu, tuy nhiên tôi muốn cho ông xem thêm vài báu vật khác của chúng tôi.

Chúng tôi rơi vào một gian có kích thước lớn hơn đôi chút. Ở đó, trên cái bàn dài, dưới kính, những cuốn sách dày, nường dờ, với những vết ố vàng trên giấy thô nằm mở toang. Những hình nhân lính đi ủng ống loe đứng dọc theo tường.

— Ta hãy bàn bạc nào, — tôi van nài, cố ép ngài Godard đang quay lượn đến cái đi-văng nhưng trong góc. Nhưng người gác ngăn cản tôi. Vung cánh tay duy nhất lên, y đuổi kịp chúng tôi và được hộ tống bởi đám thanh niên vui nhộn, trong số chúng có một kẻ đội lên đầu cái mũ giáp

bằng đồng với một vật sáng theo phong cách Rembrandt.

— Tháo ra, tháo ra! — ngài Godard hét lên, và do cú hích của ai đó mà cái mũ giáp bay khỏi kẻ du đảng với một tiếng ngân vang.

— Tiếp nào, — ngài Godard nói, kéo tay áo tôi, và chúng tôi lọt vào khu nghệ thuật điêu khắc cổ đại.

Tôi lạc lối một lúc giữa những cái chân cẩm thạch kéch xù và hai lần chạy quanh một cái đầu gối đồ sộ, cho đến lúc lại nhìn thấy ngài Godard, y đang tìm tôi sau gót chân trắng của một người khổng lồ bên cạnh. Đúng lúc ấy, một kẻ nào đó đội mũ quả dưa, rõ ràng là đang trèo lên bức tượng ấy, bỗng ngã từ trên cao xuống sàn đá. Y được bạn đỡ dậy, nhưng cả hai chệnh choáng hơi men, và, vẫy tay với họ, ngài Godard lao vào phòng bên, nơi vài vóc Đông phương tỏa sáng, lũ chó săn phi trên các tấm thảm thanh thiên, và một cây cung với bao tên nằm trên bộ da hổ.

Nhưng thật lạ lùng: sự thoáng dăng và sặc sỡ chỉ khiến tôi thấy nặng nề, mờ mịt, — và chẳng biết có phải vì các vị khách mới cứ diễu qua, hay vì tôi muốn mau chóng thoát được khỏi cái bảo tàng cứ trải dài ra một cách không cần thiết để

chốt được cuộc thương lượng với ngài Godard trong sự yên tĩnh tự do, mà nỗi lo âu nào đó ôm lấy tôi. Trong lúc ấy, chúng tôi lại lao vụt qua thêm một gian nữa, cực lớn, xét đoán theo việc là trong nó đặt nguyên cả một bộ xương cá voi, y như sườn tàu chiến, và rồi lộ ra tiếp những gian khác nữa và khác nữa, các bức tranh rộng bóng lên theo chiều xiên, đặc kín mây giông, giữa mây bập bồng các thần tượng dịu hiền của nền hội họa tôn giáo trong các bộ áo tế xanh và hồng, và mọi thứ này được hoàn thiện bằng những nhiễu loạn bất ngờ của màn sương, và những chùm đèn bật sáng, và lũ cá ngoe nguẩy những cái đuôi trong suốt trong các bể cá sáng đèn, và khi chúng tôi chạy lên cầu thang, thì từ bên trên, từ hành lang, chúng tôi nhìn thấy dưới kia một đám đông tóc bạc cầm dù, đang ngắm nghía mô hình vũ trụ khổng lồ.

Rốt cuộc, trong một gian phòng nào đó ảm đạm nhưng tráng lệ, dành riêng cho lịch sử máy hơi nước, tôi dừng được người đưa đường sơ suất của mình trong chốc lát.

— Đủ rồi, — tôi hét lên, — tôi đi đây. Mai ta sẽ nói chuyện...

Y đã biến mất. Tôi quay lại, nhìn thấy cách mình độ một véc-sốc có những bánh xe cao ngất

của một đầu máy suốt mồ hôi và tôi cố tìm mãi giữa các mô hình nhà ga một lối đi ngược lại... Các ngọn đèn hiệu tím nhạt trong bóng tối đằng sau những quạt ray ẩm ướt cháy lên một cách kỳ lạ làm sao, trái tim tội nghiệp của tôi thất lại làm sao... Bỗng dừng tất cả lại thay đổi: trước mặt tôi chạy dài một con đường vô tận, nơi có vô số tủ văn phòng và vô số người gấp gấp không sao bắt kịp, và lúc nhào qua bên, tôi rơi vào giữa hàng ngàn nhạc cụ, — trong tường gương phản chiếu dãy đại dương cầm, còn ở giữa là một bể bơi với tượng đồng Orpheus trên tảng đá xanh lục. Chủ đề nước đến đây chưa kết thúc, vì khi lao ngược lại, tôi rơi vào vùng giếng phun, suối, đầm lầy, và rất khó đi theo các bờ quanh co trơn tuột của chúng,

Thỉnh thoảng, lúc thì từ bên này, lúc thì từ bên kia, những cầu thang đá, với các vũng nước trên bậc khiến tôi sợ hãi lạ lùng, lại chạy vào trong vực sương mù, nơi vang vọng tiếng còi, tiếng ngân bát đĩa, tiếng gõ máy đánh chữ, tiếng đập búa và nhiều tiếng động khác, chẳng khác nào ở đây có những phòng triển lãm nào đó đã đóng cửa hoặc vẫn chưa được xây xong. Sau đó tôi rơi vào bóng tối, nơi tôi vấp phải những món đồ đặc bí ẩn nào đó cho đến khi tôi nhìn thấy một ánh đèn đỏ và ra đến một sân ga loảng choảng dưới chân mình... và

ngay sau nó đột nhiên mở vào một phòng khách sáng rực, bày biện rất thẩm mỹ theo phong cách đế chế, nhưng không một bóng người, không một bóng người... Đến lúc đó tôi đã thấy khiếp sợ khó tả, nhưng cứ lần nào tôi xoay mình và cố tìm cách quay lại chặng đường đã qua, tôi lại sa vào một nơi chưa từng thấy, — vào một nhà kính với những cây cẩm tú cầu và kính vỡ, sau chúng là màn đêm nhân tạo đen kịt, hoặc vào một phòng thí nghiệm trống không, với các nôi chưng cất bụi bặm trên bàn. Rốt cuộc tôi chạy vào một căn phòng nào đó, nơi đặt các mắc áo tải nặng khủng khiếp những chiếc bánh-tô đen và áo lông cừu ca-ra-cun; ở đó, trong vực sâu sau cánh cửa, bỗng dưng vang dội tiếng vỗ tay, nhưng khi tôi mở toang cửa thì chẳng có nhà hát nào ở đó cả, chỉ là sự vắng đượ âm điệu, màn sương mù ngụy tạo một cách hoàn hảo, với các đốm đèn đường nhòe nhoẹt hết sức đáng tin. Còn hơn cả đáng tin! Tôi tiến về phía đó, và lập tức một cảm giác khoan khoái và chắc chắn về hiện thực rốt cuộc đã thay thế những thứ nhảm nhí phi thực mà tôi vừa chạy rối lên giữa chúng. Đá dưới chân tôi là vỉa hè thật, phủ đầy tuyết thơm ngát mới rơi, mà trên đó những vị khách bộ hành hiếm hoi đã kịp để lại các vết đen tinh tươm. Thoạt đầu, sự im lặng và độ ẩm đêm tuyết có gì đó thân thuộc lạ thường khiến tôi thấy dễ chịu làm sao sau

những phiêu du nóng sốt của mình. Một cách cá tin, tôi bắt đầu cố tìm hiểu xem mình thực sự đang lọt vào đâu, và tại sao lại tuyết, và những gì được các ngọn đèn đường này phóng to, rọi sáng mờ ảo đó đây trong bóng tối màu nâu. Tôi quan sát kỹ và cúi mình xuống, thậm chí sờ vào cột đá... sau đó nhìn lòng bàn tay mình, đầy hạt lạnh ẩm, như thể nghĩ là sẽ đọc được trên đó một lời giải thích. Tôi cảm thấy mình mặc đồ thật mỏng manh, thật chất phác, nhưng sự nhận thức rõ ràng về việc tôi đã thoát khỏi rừng rậm bảo tàng ra ngoài nơi thoáng đãng, về lại đời thực, sự nhận thức ấy mạnh đến nỗi mà trong đôi ba phút đầu tiên tôi không thấy ngạc nhiên lẫn sợ hãi. Tiếp tục thông thả quan sát, tôi nhìn quanh ngôi nhà mà tôi đang đứng bên cạnh — và lập tức để ý đến những bậc thang sắt với tay vịn cũng sắt, đi xuống tuyết tầng hầm. Có gì đó thọc vào tim tôi và với sự tò mò mới mẻ, bất an, tôi nhìn mặt đường, nhìn lớp phủ trắng tinh của nó, mà trên đó chạy dài những đường đen, nhìn bầu trời màu hung, mà trên đó thỉnh thoảng có ánh sáng lạ quét ngang qua, và vào bức tường phòng hộ dày cộp xa xa: đằng sau nó tôi cảm thấy có vực sâu, có gì đó kéo kẹt và róc rách, còn xa hơn, sau hố đen, trải dài chuỗi lửa rậm dày. Sột soạt đôi giày ẩm trên tuyết, tôi đi vài bước và cứ nhìn ngôi nhà tối om bên phải: chỉ trong một ô cửa

sổ có ngọn đèn lặng lẽ tỏa sáng dưới chao thủy tinh xanh lục, — và đây những cánh cổng gỗ đóng chặt, và đây hẳn là — các cánh cửa chớp của một cửa hiệu ngủ say... và dưới ánh sáng của ngọn đèn đường, mà hình dạng của nó từ lâu đã hét lên với tôi tin tức bất khả của mình, tôi đọc được đoạn cuối tấm biển: “...инка сапог” (...ửa giày) — nhưng không phải tuyết, không phải tuyết đã xóa dấu cứng. “Không, mình sẽ tỉnh dậy ngay bây giờ”, — tôi nói thành tiếng và run rẩy, với trái tim đập liên hồi, quay gót, bước đi, dừng lại, — và đầu đó vọng về, mỗi lúc mỗi xa, tiếng gõ guốc nhẹ nhàng, đều đặn và lười biếng, và tuyết đậu như chiếc mũ mềm lên cột đá hơi nghiêng, và nó trắng mờ mờ trên đồng củi sau hàng rào, và tôi đã biết chắc đến nỗi không thể lay chuyển là mình đang ở đâu. Tiếc thay! Đó không phải nước Nga trong ký ức tôi, mà nước Nga thật sự, ngày nay, cấm cửa tôi, nô lệ vô vọng và ruột rà vô vọng. Bóng ma nửa vời bận bộ đồ mỏng ngoại quốc đứng trên tuyết lãnh đạm, đêm tháng Mười, đầu đó trên Moyka hoặc trên Fontanka, hoặc có thể trên kênh Obvodny, — và phải làm gì đó, phải đi, phải chạy đến đâu đó, phải liều lĩnh bảo vệ cuộc sống mỏng manh, phi pháp của mình. Ôi, biết bao lần tôi đã phải trải qua điều gì đó tương tự trong mơ, nhưng giờ đây đó lại là thực tại, hết thảy đều là thực tại, — và không khí,

như thể được rây qua tuyết, và con kênh hãy còn chưa đóng băng, và trại nuôi cá, và hình vuông đặc biệt của những ô cửa tối và vàng. Từ trong sương mù có ai đó đi về phía tôi, đội mũ lông, cặp cặp dưới nách và ném vào tôi một cái nhìn ngạc nhiên, sau đó xoay người lại lần nữa khi đi qua. Tôi chờ cho đến khi y đi khuất, và lúc ấy bắt đầu lôi rất nhanh mọi thứ có trong túi ra, xé tan, ném xuống tuyết, giẫm lên, — giấy tờ, thư em gái gửi từ Paris, năm trăm phơ-răng, khăn mùi xoa, thuốc lá, nhưng để có thể trút hẳn lớp vấy lưu vong thì buộc phải lột ra và hủy hết quần áo, đồ lót, giày, tất cả, — thành ra lỏa lồ tuyệt đối, và mặc dù tôi run cầm cập vì lạnh và buồn, tôi vẫn làm những gì có thể.

Nhưng đủ rồi. Tôi sẽ không kể gì về việc mình bị bắt giữ thế nào, về những thử thách tiếp sau của tôi. Nói thế này là đủ: tôi mất vô cùng nhiều công sức và sự nhẫn nại để vượt biên được lần nữa và từ dạo ấy tôi đã thề sẽ thực hiện nhiệm vụ được giao phó bởi sự điên loạn của kẻ khác.

TERRA INCOGNITA

Tiếng thác trở nên mỗi lúc mỗi khó nghe hơn, — rồi cuộc nó im bật, — và đây, chúng tôi tiếp tục tiến sâu vào vùng đất hoang dã, rừng rú, chưa ai nghiên cứu, chúng tôi đi, đi đã lâu, — dẫn đầu là Gregson và tôi; sau chúng tôi, nối đuôi nhau, là tám phu bản xứ, còn sau cả đoàn — rên rỉ, phản kháng từng tấc đường, là Cook. Tôi biết là Gregson tuyển mộ hẳn theo lời khuyên của một thợ săn quen biết: Cook cam đoan là sẵn sàng chịu đựng tất cả, miễn không phải làm

lụng vất vả ở Zonraki, nơi nửa năm này người ta nấu “vôn-gô”, còn nửa năm kia nốc “vôn-gô”, nhưng vẫn chưa rõ, — hay tôi đã bắt đầu quên nhiều điều, trong khi chúng tôi cứ đi hoài, đi mãi, — hẳn là ai, gã Cook ấy (một thủy binh đào ngũ, không chừng).

Gregson bước cạnh tôi, gân guốc, chân sều với đầu gối trần xương xẩu. Anh cầm tấm lưới xanh lục gắn trên cán dài, như lá cờ. Mấy người phu khuân vác, cũng được mộ ở Zonraki, những thổ dân Badon cao lớn lông nâu bóng, với bờm dày rậm, với họa tiết màu cô-ban giữa đôi mắt, đi những bước nhẹ và đều. Sau tất cả, tóc hung và sừng húp, môi trề, Cook lê bước, thủ tay trong túi, chẳng mang vác gì. Tôi lảng máng nhớ là hồi đầu chuyến thám hiểm, hẳn ba hoa rất nhiều và bốn cột rất tối nghĩa theo kiểu riêng, pha trộn giữa sự càn rỡ với tính xun xoe, hao hao giống một thằng hề của Shakespeare; — nhưng chẳng bao lâu sau hẳn đã ỉu xiu, trở nên cau có, thôi làm tròn các bốn phận của mình, trong đó bao gồm việc thông ngôn, vì Gregson vẫn hiểu lơ mơ thổ ngữ Badon.

Nóng thần thờ, nóng dụi êm. Một mùi hương ngào ngạt bay đến từ những cụm hoa *Valeria mirifica* óng ánh xà cừ, nhìn như chùm bong bóng xà phòng, mọc lan qua lòng suối hẹp cạn khô mà

chúng tôi đang đi rào rào theo. Các cành của một cái cây hùng vĩ, các cành cây limia lá đen kết lại trên đầu chúng tôi, tạo hình một đường hầm, đó đây bị đục thủng bởi những luồng sáng nghi ngút khói; trên cao, trong rậm rì cây lá, giữa các cuộn đen cầu kỳ và các lộn xoắn rực rỡ treo rủ nào đó, lấp rắng rắc và kêu khềng khếch, một lũ khỉ bạc như con diều mướp, và thấp thoáng như lửa Bengal, một con chim sao chói hót lên the thé. Tôi tự nhủ rằng đầu mình nặng thế này là do đi bộ quá lâu, do nóng, do sắc màu hỗn tạp và tiếng rừng xào xạc, nhưng thầm biết là mình đang ốm, đoán đó là bệnh sốt địa phương, — song vẫn quyết định giấu kín tình trạng của mình với Gregson và tỏ vẻ hoạt bát, thậm chí tươi vui, khi xảy ra chuyện xấu.

“Lỗi tại tôi, — Gregson nói, — đáng lẽ tôi không nên dính líu với thằng ấy”.

Giờ thì chỉ còn mỗi chúng tôi với nhau. Cook cùng tất cả tám thổ dân, — với lều, xuống xếp, đồ dự trữ, các bộ sưu tập, — bỏ rơi chúng tôi, lặng lẽ lui mất khi chúng tôi mãi mê trong các bụi rậm, nơi chúng tôi thu thập những con côn trùng tuyệt mỹ. Dường như chúng tôi có thử đuổi theo những kẻ đào tẩu, — tôi nhớ không rõ lắm, — dẫu sao thì cũng chẳng kịp. Phải quyết xem nên quay về Zonraki hay tiếp tục hành trình chúng tôi đã định,

qua vài nơi chưa từng biết nữa, để đến được những ngọn đồi Gurano. Sự không biết đã thắng thế. Chúng tôi đi tiếp về phía trước, — tôi, cả người đã run rẩy, vầng vất vì thuốc ký ninh, nhưng tuy vậy vẫn thu thập những loài thảo mộc vô danh, còn Gregson, dẫu hoàn toàn hiểu về tình thế nguy hiểm của chúng tôi, vậy mà vẫn bắt bướm và ruồi với sự ham muốn trước kia.

Thế nhưng chúng tôi đi chưa được nửa dặm thì Cook bất ngờ đuổi kịp chúng tôi, — sơ mi trên người hắn đã bị xé rách, — có vẻ như nó cố tình bị xé, — hắn thở khò khè, hắn thở hổn hển. Gregson chẳng nói chẳng rằng, rút luôn khẩu ru-lô ra, chuẩn bị bắn thẳng khốn ấy, nhưng hắn, phủ phục dưới chân anh, hai tay che đỉnh sọ, bắt đầu thề thốt rằng các thổ dân ấy đã cưỡng ép hắn đi theo và muốn ăn thịt hắn, — dối trá, dân Badon không ăn thịt người. Tôi nghĩ là hắn đã dễ dàng xúi giục họ, những kẻ ngu ngốc và nhút nhát, cắt ngang chuyến đi đáng ngờ này, nhưng không tính đến việc hắn không thể theo kịp bước chân mạnh mẽ của họ và vì bị tụt hậu một cách vô vọng nên đành quay lại. Do hắn mà mất nhiều bộ sưu tập vô giá. Hắn phải bị giết. Nhưng Gregson cất khẩu ru-lô, rồi chúng tôi đi tiếp, còn sau chúng tôi — Cook thở nặng nhọc, vấp lên vấp xuống.

Rừng thưa đi ít nhiều. Tôi bị hành hạ bởi những ảo giác lạ lùng. Tôi ngắm các thân cây kỳ dị, trong số chúng có vài cái bị quấn quanh bởi lũ rắn béo, màu thịt, và đột nhiên, như thể qua các ngón tay, tôi cảm thấy hình như giữa các thân cây có chiếc tủ gương mở hé với những phản ảnh lò mờ, nhưng tôi giữ mình, tôi nhìn chăm chú, và hóa ra đó là bụi acreana lấp lóa hư ảo, — một loài cây quấn tít với quả lớn, giống như quả mận khô béo ngậy. Không lâu sau, cây cối nhường hẳn lối, và bầu trời mọc lên trước mắt chúng tôi như bức tường xanh đặc quánh. Chúng tôi đang trên đỉnh một con dốc dựng đứng. Bên dưới, một đầm lầy khổng lồ tỏa sáng lò mờ và bốc khói, xa xa sau nó thấy rõ dãy đồi rung rinh sắc tím mơ hồ.

“Lạy Chúa, ta phải quay lại! — Cook cất tiếng nức nở — Lạy Chúa, ta sẽ rơi xuống các bãi lầy này mất thôi, tôi có bảy đứa con gái và một con chó ở nhà. Ta hãy quay về thôi, ta biết đường quay lại mà...”

Hắn bứt tay, mồ hôi tuôn chảy trên bộ mặt phì nộn với cặp mày hung đỏ hình tam giác của hắn. “Quay lại, quay lại, — hắn nhắc đi nhắc lại. — Các cậu bắt được đủ ruồi rồi mà. Ta quay về thôi!”

Gregson và tôi bắt đầu xuống dốc đá. Cook vẫn đứng trên cao, — một hình trắng nhỏ trên nền rừng xanh khùng khiếp, — nhưng hần đột nhiên vẫy tay, hét lớn, và quay hông lại xuống theo chúng tôi.

Con dốc dường như nhọn lại, tạo thành một mào đá vươn cái mũi dài vào các bãi lầy lấp lánh xuyên qua khói. Bầu trời giữa trưa, lúc này đã được giải thoát khỏi màn lá cây, đè nặng lên chúng tôi bằng bóng tối chói lòa, — vâng, bóng tối chói lòa, nói khác không được. Tôi cố nhướn mắt lên, — nhưng trên bầu trời này, trên chính giới hạn trường nhìn của tôi, lững lờ bay, không tụt lại sau tôi, những bóng ma xtu-cô trắng nhờ, những đoá hoa và vòng cung lấp nổi, mà ở châu Âu vẫn được dùng trang trí cho trần nhà, — tuy nhiên, chỉ cần tôi nhìn thẳng vào là chúng biến mất, sa ngay xuống đầu đó, — và bầu trời nhiệt đới lại rền sắc xanh đồng đều và đậm đặc. Chúng tôi vẫn đi theo mũi đá, nhưng nó cứ hẹp dần lại, phụ bạc chúng tôi. Chung quanh mọc đầy sậy vàng đầm lầy, chẳng khác nào hàng triệu cây kiếm tuốt trần, rực cháy trong nắng. Đây đó lóe sáng các vũng nước thuôn dài, bên trên chúng lơ lửng những đám mây đen kịt muỗi mất. Kìa, cái môi thè lè phủ lông măng, hình như bị lem lòng đỏ trứng, vươn về

phía tôi — một bông hoa đầm lầy khổng lồ, giống phong lan. Gregson vẩy vọt, tụt chân đến móng trong bùn gấm, và con bướm khổng lồ, vỗ cánh xatanh, trôi khỏi anh qua những cây sậy về nơi mà trong chập chờn khói nhạt như có tấm rèm cửa sổ rủ xuống những nếp gấp mơ hồ. Không nên, không nên, — tôi đưa mắt qua chỗ khác, tôi đi tiếp theo Gregson, khi thì trên đá, khi thì trên đất lép nhép và oàm oạp. Tôi rét run, mặc dầu hầm hơi nóng nhà kính. Tôi thấy trước là mình sắp kiệt sức ngay bây giờ, rằng những bề lồi và hình ảnh mê sảng chiếu xuyên qua bầu trời và xuyên qua những cây sậy vàng sẽ chiếm trọn ý thức tôi ngay bây giờ. Đôi lúc tôi cảm thấy hình như Gregson và Cook đã trở nên trong suốt, và xuyên qua họ có thể thấy rõ giấy dán tường với các họa tiết hình cây sậy lặp đi lặp lại mãi. Tôi cố nén mình, trở mắt lên và đi tiếp. Cook đã bò lồm cồm, hét lên và níu chân Gregson, nhưng anh gạt hẳn ra và tiếp tục con đường của mình. Tôi nhìn Gregson, nhìn trắc diện lì lợm của bộ mặt anh, — và thấy sợ hãi vì quên mất Gregson là ai, tại sao tôi lại đi cùng anh.

Trong lúc ấy chúng tôi thụt chân xuống mỗi lúc một thường xuyên hơn, mỗi lúc một sâu hơn, các vũng lầy cố mút lấy chúng tôi mà không thể mút nổi, chúng tôi vịn người tuột ra được. Cook

ngã và bò, bị đốt, bị sưng, ướt sạch, — và Chúa ơi, hấn kêu thất thanh làm sao, khi một đàn rắn tởm lợm, nhỏ xíu, xanh rục, bị hút theo mồ hôi chúng tôi, bắt đầu đuổi theo chúng tôi, căng người rồi đuổi bung ra phóng qua hết xa-giên¹ này đến xa-giên khác. Còn tôi thì lại sợ thứ khác hơn nhiều: bên trái tôi, — không hiểu tại sao luôn là bên trái, — thỉnh thoảng lại có gì đó nhoi lên từ đầm lầy, nghiêng ngả giữa những cây sậy lập đi lập lại, hơi giống cái ghế bành lớn, còn trên thực tế — một con vật lưỡng cư màu xám, lạ kỳ, rù rờ, mà tên nó là gì thì Gregson từ chối cho tôi biết.

“Nghỉ đã, — anh ta bất ngờ nói, — nghỉ đã.” Nhờ phép màu chúng tôi mới thoát lên được một đảo đá phẳng, bốn phía bao quanh là cây cỏ đầm lầy. Gregson gỡ ba lô xuống rồi đưa chúng tôi mấy cái bánh nướng địa phương, tỏa mùi ipecacuanha, và một tá quả acreana. Tôi khát làm sao, chỗ dịch quả acreana nghèo nàn chất xít kia mới ít ỏi làm sao...

“Nhìn xem, thật kỳ lạ, — Gregson bảo tôi, song không bằng tiếng Anh, mà bằng thứ tiếng nào đó khác, để Cook không hiểu. — Chúng ta phải

¹ Một xa-giên tương đương 2,134m.

thoát được lên đồi, nhưng lạ thật, — lẽ nào những ngọn đồi chỉ là ảo ảnh, — nhìn xem, giờ thì chẳng thấy chúng đâu”.

Tôi nhòe dậy khỏi gối, chống khuỷu tay lên mặt đá mềm, — đúng thật, không còn thấy đồi đâu, — khói rung rinh trên đầm lầy... Và kìa, mọi thứ chung quanh lại bắt đầu lập lòe hiện ra, tôi ngửa người về sau và khẽ nói với Gregson: “Chắc cậu không thấy, có cái gì đó cứ muốn nhoi lên...” “Cậu nói gì vậy?” — Gregson hỏi.

Tôi chợt nhớ ra là mình đang nói nhảm, và im bật. Đầu tôi quay cuồng, tai tôi ong ong. Gregson, quỳ một gối xuống, lục ba lô, nhưng trong đó không có thuốc, còn chỗ dự trữ của tôi thì đã hết sạch. Cook ngồi im lặng, cau có gầy đá. Cái tay áo sơ mi rách toác, lòng thông, để lộ cẳng tay hằn và hình xăm kỳ lạ trên da: một cái cốc nhiều cạnh với chiếc thìa lấp lánh, — được làm rất đẹp.

“Vallière ồm, chắc mày có thuốc chứ”, Gregson bảo hần. Thực ra tôi không nghe được rõ lời, nhưng đoán được nghĩa chung của các cuộc nói chuyện mà chúng thường trở nên lố bịch và ẩn vào quả cầu nào đó, khi tôi lắng nghe.

Cook từ từ quay lại, cái hình xăm thủy tinh trượt khỏi da hần qua bên, treo trong không khí

và bắt đầu trôi, bắt đầu trôi, tôi đưa ánh mắt sợ hãi đuổi theo nó, nhưng nó hòa lẫn với khói đầm lầy và chỉ hơi sáng lên ngay khi tôi vừa mới quay đi.

“Đáng kiếp, — Cook lẩm bẩm. — Kệ đi... Tôi với anh cũng, — kệ đi...”

Sau những phút gần đây, tức là, có lẽ, từ khi chúng tôi dừng chân nghỉ trên đảo đá, hắc đường như trở nên to hơn, phình lên, ở hắc xuất hiện thứ gì đó nhạo báng và nguy hiểm. Gregson bỏ mũ, lấy cái khăn bẩn lau trán, — màu cam trên lông mày, còn cao hơn là màu trắng, — đội mũ lại, — nghiêng người về phía tôi và nói: “Cố lên, tôi xin cậu” (hay những lời tương tự như vậy). “Chúng ta thử đi tiếp. Khói che khuất chúng, nhưng chúng vẫn ở đó... Tôi tin là ta đã đi được qua gần nửa đầm lầy rồi” (mọi điều này đều chỉ áng chừng mà thôi).

“Sát nhân”, — Cook nói khẽ. Hình xăm lại nằm trên cẳng tay hắc, — tuy nhiên không nguyên cái cốc mà chỉ một bên, phần còn lại không để vừa và, hắt sáng, rung rinh giữa không trung. “Sát nhân, — Cook hả hê nhắc lại và nhướn cặp mắt sưng tấy lên. — Tôi đã bảo là chúng ta sẽ kẹt lại ở đây. Con chó đen ăn no xác thú. Mi-rê-pha-son”.

“Nó là thằng hề, — tôi khẽ bảo Gregson, — một thằng hề của Shakespeare, một thằng hề”.

“Hê-hê-hê, — Gregson trả lời tôi, — hê-hê, hô-hô-hô...” “Cậu nghe không, — anh tiếp tục quát vào tai tôi, — phải dậy. Phải đi tiếp...”

Đá trắng mềm, như giường. Tôi nhóm dậy, nhưng lập tức ngã xuống gối lại.

“Phải khiêng cậu ta đi thôi, — Gregson nói giọng xa xăm. — Giúp tôi nào...”

“Này, biết không, đó là chuyện vớ vẩn, — Cook trả lời (hay là tôi cảm thấy vậy), — vớ vẩn. Tôi đề nghị dùng thịt y trong khi y chưa quất lại. Pha-son-mi-rê”.

“Hắn ốm rồi, hắn cũng ốm rồi, — tôi kêu lên. — Cậu đang ở đây với hai kẻ mất trí. Hãy đi một mình. Cậu sẽ đến nơi, — hãy đi đi...”

“Vậy là ta thả cho nó đi”, — Cook thốt lên.

Trong lúc ấy, những hình ảnh hoang tưởng, lợi dụng sự lộn xộn chung, lạng lẽ và vững vàng chiếm chỗ của mình. Trên trời giăng dài và đan chéo các đường thẳng của cái trần nhà mơ hồ. Từ đầm lầy nhô lên, tựa như được đỡ bên dưới, một chiếc ghế bành lớn. Những con chim bóng nhoáng

nào đó bay trong mù sương đầm lầy và khi đậu lại, con này liền hướng về núm gỗ trên giường, con kia: cái bình thon cổ. Gom hết ý chí, tôi tròng mắt xua các thứ vớ vẩn nguy hại đó đi. Những con chim có thật với các đuôi lửa dài đang bay trên những cây sậy. Trong không khí vắng vắng tiếng vo ve của côn trùng. Gregson xua đuổi một con nặng sặc sỡ và đồng thời cố gắng xác định xem nó thuộc loài nào. Rốt cuộc anh không nhìn được và bắt nó vào vợt. Các chuyển động của anh thay đổi một cách lạ lùng, hết như có ai đó xáo trộn chúng, tôi cùng lúc thấy anh trong nhiều tư thế khác nhau, anh lột mình ra khỏi mình, như thể được tạo thành từ nhiều Gregson thủy tinh, không trùng chu tuyến, — nhưng kìa, anh cô đặc lại và mạnh mẽ đứng dậy; anh lắc vai Cook.

“Mày phải giúp tao khênh nó đi, — Gregson nói rất rõ ràng. — Nếu mày không phản bội thì chúng tao đã không rơi vào tình cảnh thế này.”

Cook im lặng, mặt từ từ đỏ lên.

“Nhìn đây, Cook, — coi chừng đấy, — Gregson nói. — Tao nói mày lần cuối...”

Và lúc ấy bùng lên chuyện âm ỉ đã lâu. Cook, như con bò, húc đầu vào bụng Gregson, cả hai ngã lăn quay, Gregson kịp lôi khẩu ru-lô ra, nhưng

Cook đánh văng được khẩu ru-lô khỏi tay anh, — thế là họ ôm nhau và bắt đầu ghì lấy nhau mà lăn lộn, thở hồng hộc điếc cả tai. Tôi bắt lực nhìn họ. Cái lưng rộng của Cook căng lên, các đốt xương sống lộ rõ qua áo sơ-mi, nhưng đột nhiên, thế chỗ cái lưng, lại hiện ra chân hắc, với đường gân xanh chạy dọc đầu gối hung đỏ, còn Gregson đề lên trên, mũ anh bay đi và lăn nhanh, quay lông lốc như nửa quả trứng các-tông khổng lồ. Từ đâu đó, từ hỗn độn thịt da, ngoe nguẩy thò ra các ngón tay Cook, chúng nắm chặt một con dao han gỉ nhưng nhọn hoắt, dao cắm vào lưng Gregson, như vào đất sét, nhưng Gregson chỉ gầm gừ, rồi cả hai lật qua lật lại vài lần, và khi lưng bạn tôi lại hiện ra, thì trên đó thò ra cái cán với nửa trên lưỡi dao, và chính anh thì túm chặt lấy cần cổ mập ú của Cook mà bóp răng rắc, còn Cook đạp chân chới với... Lần cuối thì họ lật tròn một vòng, chỉ còn thấy được phần tư lưỡi dao, — không, phần năm, — không, thậm chí là thế thôi cũng chẳng còn thấy được nữa: nó đã cắm lút cán. Gregson bất động, đề nặng lên Cook, hắc cũng lặng yên.

Tôi nhìn và không hiểu sao lại nghĩ (màn sương cảm xúc đón đầu...), rằng mọi chuyện này chỉ là một trò chơi vô hại, rằng họ sẽ đứng dậy ngay đây và, sau khi lấy lại hơi thở, sẽ bình tĩnh

khênh tôi qua các vũng lầy đến những ngọn đồi xanh mát, đến chỗ rợp bóng cây, nơi sẽ róc rách nước reo. Nhưng bỗng dừng, đúng vào chạng cuối này của căn bệnh thập tử nhất sinh của mình, — bởi chung tôi biết mình sẽ chết sau vài phút nữa thôi, — vậy là, vào những phút cuối này, tôi chợt ngộ ra hết thấy, — tôi hiểu rằng mọi điều diễn ra quanh tôi tuyệt nhiên không phải trò chơi của trí tưởng tượng bị kích động, tuyệt nhiên không phải tấm voan mê sảng mà xuyên qua nó, sau những khe sáng không mong muốn, hiện ra cuộc đời dường như là thật của tôi ở một thủ đô Âu châu xa xôi, — giấy dán tường, ghế bành, cốc nước chanh, — tôi hiểu rằng căn phòng ám ảnh ấy, — giả mạo, vì mọi thứ sau cái chết may lắm thì cũng chỉ là giả mạo, một sự chấp vá vội vã na ná cuộc đời, những căn phòng sắp sẵn đồ đạc ở chốn hư vô. Tôi hiểu cái gì mới là thật — nó đây: chính bầu trời nhiệt đới tuyệt đẹp và khủng khiếp này, những cây sậy trường kiếm lộng lẫy này, cùng làn khói trên chúng, cùng những bông hoa môi dày cứ lân la đến đảo đá phẳng, nơi bên tôi có hai xác chết mắc nhau đang nằm. Hiểu ra điều đó, tôi tìm được trong mình sức lực để trườn đến anh, rút dao khỏi lưng Gregson, lãnh tụ của tôi, đồng chí của tôi. Anh đã chết, anh đã chết hẳn, mọi chiếc lọ trong tủi anh đều vỡ nát, bẹp rúm. Cook cũng đã chết, từ miệng

hắn thè ra cái lưỡi xanh mướt. Tôi cạy các ngón tay Gregson, tôi, đấm mồ hôi, lật người anh lại, — đôi môi anh hé mở và đẫm máu, khuôn mặt, nhìn đã cứng, dường như cạo ấu, nhãn cầu xanh lam lộ ra giữa đôi mí. Lần cuối cùng tôi được thấy mọi cái này rõ như vậy, bằng tận mắt mình, với dấu ấn chân thật trên mọi thứ, thấy các đầu gối rách bươm của họ, những con nhặng nhiều màu leo trên họ, những con nhặng cái đã ướm thử ống sản trứng. Vụng về dùng đôi tay suy yếu, tôi rút từ túi áo ngực trên sơ-mi của mình ra một cuốn sổ tay dày, — nhưng đúng lúc ấy, tôi kiệt sức, tôi ngồi xuống, tôi gục đầu xuống... rồi dầu sao cũng tìm được màn sương nóng vội này của cái chết và nhìn quanh. Xanh ngắt, oi bức, đơn độc, — và tôi thương Gregson làm sao, anh chẳng bao giờ còn quay về nhà được nữa, — tôi thậm chí nhớ cả vợ anh với bà cụ nấu bếp, và những con vẹt, cùng nhiều thứ khác nữa... sau đó tôi nghĩ về các phát hiện của chúng tôi, về các mẫu vật quý giá đã tìm được, về những loài cây và thú hiếm, chưa từng được miêu tả, mà không phải chúng tôi đặt tên nữa rồi. Tôi không đơn độc. Những cây sậy lấp lánh mờ hồ hơn, bầu trời bốc cháy nhạt nhòa hơn. Tôi dõi mắt theo con bọ tuyệt đẹp bò trên đá, nhưng tôi chẳng còn đủ sức bắt nó. Mọi thứ phai nhạt quanh tôi, để lộ ra bối cảnh cái chết, — đồ

đặc giống như thật và bốn bức tường. Cử động cuối cùng của tôi là mở cuốn sổ ẩm mồ hôi, — nhất định phải ghi lại một điều gì đó, — than ôi, nó tuột khỏi tay tôi, tôi sờ soạng trên mền, — nhưng nó không còn nữa.

Rau lê

Phòng rộng nhất trong biệt thự là thư viện. Trước khi lên đường đến trường, Putya tạt vào đó chào cha. Tiếng chân lệt xệt và ánh thép rung rinh. Sáng nào cha cũng đấu kiếm với mông-xù Mascara, một người Pháp nhỏ con, lớn tuổi, được nặn từ nhựa kết và lông đen cứng. Cứ đến Chủ Nhật, Mascara lại dạy Putya tập thể dục và đấm bốc, nhưng do đau bụng nên hay cho tạm ngưng buổi học, — theo những lối đi bí mật,

xuyên các khe tủ sách, qua những hành lang rậm rịt, ông ta lắng đi nửa tiếng vào chỗ cần thiết, — còn Putya, với đôi găng chiến khổng lồ trên bàn tay mảnh dẻ đẫm mồ hôi, nằm ườn trên ghế da, chờ đợi, lắng nghe tiếng vo vo nhẹ bỗng của sự tĩnh mịch và nhấp nháy mắt, cố không ngủ thiếp đi. Ánh đèn điện, vàng vọt giữa ban mai, chiếu sáng vải sơn lót sàn đánh cô-lô-phan, các giá sách dọc tường, các cái gáy không được bảo vệ của những cuốn sách rúc chặt vào nhau và cái giá treo cổ màu đen của *punching ball*¹. Sau ô cửa sổ nguyên tấm, với vẻ yêu kiều đơn điệu, vô hậu, tuyết rơi chậm và êm.

Mới đây, ở trường, thầy địa lý Berezovski (tác giả cuốn sách nhỏ “Chao-San, xứ sở ban mai. Nước Triều Tiên và người Triều Tiên. Với mười ba bức tranh và bản đồ trong văn bản”), vừa về bộ râu sẫm, vừa vô tình thông báo rất không phải lúc trước cả lớp rằng ông và Putya đang theo những giờ học riêng về đấm bốc ở chỗ Mascara. Mọi người nhìn chăm chăm vào Putya. Vì bối rối nên mặt cậu thành ra sáng lên và thậm chí như thể sừng lên. Vào giờ chơi, Shchukin, thằng khỏe nhất,

¹ Bóng đấm, dùng để tập.

thô nhất và chậm tiến nhất lớp, đến gần, nhe răng cười và nói:

— Nào, thể hiện bốc đi.

— Để tớ yên, — Putya đáp khẽ.

Shchukin thở phì phì và đâm cậu vào dưới mạng sườn. Putya nổi giận và ra một đòn thẳng tay, như người Pháp dạy, làm vỡ mũi Shchukin. Quãng lặng kinh ngạc, máu, chiếc khăn đỏ rục lên. Trấn tĩnh lại, Shchukin lao vào Putya và bắt đầu dần cậu toi tả. Dẫu đau đớn toàn thân nhưng Putya vẫn thấy hài lòng. Máu từ mũi Shchukin tiếp tục chảy trong giờ vụn vặt học, cầm được trong giờ số học và lại chảy ra trong giờ Luật của Chúa. Putya theo dõi với sự thích thú lặng lẽ.

Mùa đông ấy mẹ cậu đi Mentone với Mara, kẻ cứ tưởng mình sẽ chết vì ho lao. Không có chị, một phụ nữ trẻ khá thâm độc và phiền toái, đúng ra là rất dễ chịu, nhưng với sự vắng mẹ thì Putya lại chẳng làm sao mà quen được, buồn kinh khủng, đặc biệt về chiều. Cậu ít gặp cha. Cha bận việc ở một công sở được gọi là viện Duma¹, nơi có lần bị sập trần. Có thêm cả các bè cánh, nghĩa là các cuộc

¹ Hạ viện.

tụ họp mà ở đó, có lẽ, mọi người sẽ mặc áo cánh và hát bè¹. Rất hay phải ăn riêng, trên nhà, cùng cô Sheldon tóc đen, mắt sáng, bận bờ-lu rộng và đeo cà vạt dệt kim sọc ngang, — còn ở dưới, gần các giá áo trưng phình kỳ quái, dồn lại hơn trăm chiếc giày cao su, và nếu như lén từ đó vào căn phòng có chiếc đi-văng Thổ bọc lụa, thì có thể đột nhiên nghe thấy (khi gia nhân mở toang cánh cửa ở đâu đó xa xa) tiếng om sòm loạn xạ, tiếng ồn ào của vườn thú và giọng nói xa xôi nhưng sáng rõ của cha.

Hôm ấy, một sáng âm u tháng Mười một, Dmitri Korff, bạn cùng bàn Putya, lấy từ cái cặp khoang ra chìa cho Putya một tờ họa báo. Trên một trong những trang đầu, hiện lên xanh xanh một bức biếm họa vẽ cha Putya, ghép thêm bài thơ. Putya lướt ánh mắt theo các dòng chữ và chộp lấy từ chính giữa:

“N như một quý ông, ngài đã đề nghị sủng, gươm hoặc dao găm”.

— Thật hả? — Dmitri thầm thì hỏi (vừa mới bắt đầu tiết học).

¹ Chơi chữ theo nguyên bản.

— Thật gì? — Putya thì thào.

— Dưới đó yên lặng đi nào, — Aleksey Matveich, thầy giáo tiếng Nga, xen vào; thầy là một người đàn ông chân chất, nói giọng mũi, với đám râu ria vô danh và lúi xùi trên môi cong và đôi chân trứ danh trong chiếc quần ốc vặn: khi thầy bước đi, chân thầy xoắn quấy, — thầy đặt bàn chân phải vào nơi lẽ ra phải để chân trái, và ngược lại, — nhưng dẫu sao thì thầy vẫn đi rất mau.

Lúc này thầy ngồi bên bàn và giở cuốn sổ tay; sau đó mắt thầy hướng về cái bàn xa, mà đằng sau nó, như cái cây mọc lên từ ánh mắt pha-kia¹, Shchukin đã đứng dậy.

— Thật cái gì? — Putya khẽ nhắc lại, giữ tờ tạp chí trên gối và lườm Dmitri.

Dmitri hơi xích lại chỗ cậu. Trong lúc ấy Shchukin, đầu trọc, bận áo cánh Nga vải xéc đen, bắt đầu lần thứ ba với sự sáng khoái vô vọng nào đó: “Mumu... Tác phẩm của Turgenev, Mumu...”

— Về cha cậu, — Dmitri nhỏ giọng trả lời. Aleksey Matveich thẳng tay đập “Zhivoe Slovo”

¹ Thầy tu khổ hạnh, sở hữu pháp thuật.

lên bàn, khiến quản bút nảy lên và cắm ngòi xuống sàn.

— Cái gì vậy, thực ra... các em đang thì thầm gì vậy... — thầy nói líu nhíu, khạc và rít, — Đứng dậy, đứng dậy... Korff..., Shishkov... Cái gì vậy... Các em làm gì dưới đó vậy?

Thầy lại gần và khéo léo chộp lấy cuốn tạp chí.

— Đọc bậy đọc bạ, ngồi xuống, ngồi xuống... bậy bạ...

Thầy bỏ chiến lợi phẩm vào cặp.

Sau đó Putya bị gọi lên. Aleksey Matveich đọc, còn Putya viết lên bảng: "... mọc đầy cỏ ba lá và dây đau ghê..." Tiếng quát, — tiếng quát to đến nỗi Putya đánh rơi viên phấn.

— “Đau ghê” nào ở đây... Em lấy đâu ra đau ghê? Rau lê, không phải đau ghê... Tâm trí em đang treo ở đâu? Về chỗ... Về chỗ...

— Sao nào, thật không? — Dmitri thì thào, chớp thời cơ.

Putya giả bộ không nghe thấy. Người cậu bị xuyên qua bởi một cơn run mà cậu không sao

dừng lại được; trong tai nhắc đi nhắc lại dòng chữ về súng, gươm và dao găm; trong mắt đứng yên bức biếm họa về người cha, góc cạnh, xanh lục nhạt, hơn nữa màu lục ở một chỗ còn tràn qua đường viền, mà ở chỗ khác lại không đến, — sự cầu thả của việc in màu. Vừa mới đây, ngay trước khi đến trường, — tiếng chân lệt xệt và ánh thép rung rinh... Cha và người Pháp — mặc giáp ngực to dày, đeo mặt nạ mắt cáo... Mọi thứ vẫn như thường, — những tiếng kêu đả đót của người Pháp, — Battez! Rompez! — những chuyển động mạnh mẽ của cha, chớp nháy và tiếng leng keng của trường kiếm. Ông dừng lại; thở và cười, cởi tấm lưới lồi khỏi bộ mặt ướt, hồng.

Tiết học kết thúc. Aleksey Matveich mang tờ tạp chí theo. Putya ngồi, tái nhợt như viên phấn, nhắc lên và hạ xuống cái nắp bàn. Với sự tò mò kính cẩn, các bạn vây quanh cậu, chen nhau, đòi thêm chi tiết. Cậu không biết gì và cố gắng tự hiểu ra điều gì đó từ những câu gạn hỏi. Hóa ra là thế này: ngài dân biểu Tumanski xúc phạm danh dự cha cậu, và cha thách Tumanski quyết đấu.

Thêm hai tiết học lê thê nữa trôi qua, sau đó là giờ nghỉ dài, các bạn chơi ném tuyết trên sân, và không hiểu sao Putya lại bắt đầu nhồi các hòn tuyết bằng đất đóng băng, điều mà trước giờ cậu

chưa từng làm. Vào tiết sau, thầy Nussbaum người Đức quát Shchukin (thằng này hôm ấy rất xui), và lúc bấy giờ Putya thấy thất vọng và, để không òa khóc trước mặt mọi người, xin phép đi vào buồng vệ sinh. Ở đó, gần bồn rửa tay, trên mắc có treo lẻ loi một chiếc khăn dơ dáy đến tột cùng, nhót nhất đến tột cùng, — nói đúng hơn là một cái xác khăn, đã lặn qua vô số bàn tay ẩm ướt, vội vã vẩn vò. Putya nhìn vào gương cả phút — cách tốt nhất để không làm mặt nhòe ra vì khóc lóc nhăn nhó.

Cậu nghĩ xem có nên về nhà sớm không, — nhưng xua ý nghĩ ấy đi. Bình tĩnh, quan trọng là bình tĩnh. Trong lớp, bão tố đã yên. Shchukin, với đôi tai đỏ ửng, nhưng hoàn toàn thản nhiên, đã ngồi vào chỗ của mình, khoanh tay bắt chéo.

Thêm hai tiết nữa, và, rốt cuộc, — tiếng chuông cuối cùng, dài và khản. Sau khi đi ủng, mặc áo lông cộc, đội mũ có vành che tai, Putya chạy ra sân, đi vào sâu trong đường hầm cổng, nhảy qua tấm ván che khe cổng... Không thấy chiếc ô tô được cử đến đón cậu, nên cậu đành phải bắt xe ngựa. Xà ích mông tóp, lưng bệt, ngồi vẹo và giục ngựa chạy theo kiểu riêng, lúc thì làm bộ như giật roi khỏi ống giày ủng, lúc lại vẫy nhẹ tay, hết như gọi ai đó lại, và khi ấy chiếc xe giật lên, còn trong cặp của Putya, cái hộp bút lại kêu lạch cạch, mọi

chuyện này sao cứ bất an và mệt mỏi kinh khủng, — và những bông tuyết lớn, không đều, nắm vội, rơi trên tấm mền sòn.

Ở nhà, từ hồi mẹ và chị đi, giờ này thường yên lặng. Putya lên gác theo cái cầu thang rộng, thoải, nơi mà trên chiếu nghỉ, gần chiếc bàn đá khổng tước với bình đựng danh thiếp, đặt bản sao thần Vệ Nữ không tay, bức tượng này có lần được bọn anh em trong họ của cậu mặc cho tấm áo nhung và đội cho chiếc mũ với những trái anh đào, sau đó bà ta thành ra giống như Praskovia Stepanovna, một mẹ góa nghèo khổ, vẫn đến vào ngày mừng một hằng tháng. Lên trên nhà rồi, cậu cất tiếng gọi nữ gia sư. Nhưng cô Sheldon đang có khách — thiếu nữ người Anh, gia sư bên nhà Veretennikov. Cô Sheldon sai Putya đi làm bài ngày mai. Trước tiên phải rửa tay và uống cốc sữa đã. Cửa đóng sầm. Cảm thấy mình bị ủ trong nỗi buồn ngọt ngào, kinh khủng, nhồi bông, Putya ngồi trong phòng trẻ, sau đó xuống dưới tầng gác, ngó vào thư phòng của cha. Mọi thứ lặng lẽ không ngờ. Trong yên lặng, với tiếng động khô khan, rơi xuống một cánh cúc cong. Trên cái bàn viết nặng trĩu đang dè dặt tỏa sáng, các vật dụng quen thuộc nằm gọn gàng và bất động, theo trật tự của

vũ trụ, như những hành tinh: các tấm ảnh, quả trứng cẩm thạch, bình mực trang trọng.

Putya qua khuê phòng của mẹ, và từ đấy vào chỗ cửa nhô, đứng đó rất lâu, nhìn vào ô cửa sổ thon dài. Trên phố gần như đã tối hẳn; tuyết bay quanh những quả cầu kính tím nhạt; bên dưới mơ hồ trôi qua những chiếc xe trượt tuyết đen với các hành khách đen gù. Chắc có lẽ sáng mai. Chuyện ấy luôn diễn ra vào buổi sáng, rất sớm.

Cậu xuống dưới. Im ắng và hoang vắng. Trong thư viện, cậu gấp gáp bật đèn, các bóng đen tháo lui. Đứng bên một chiếc tủ, cậu thử bện bịu với việc xem các tạp chí dày cộm đóng bìa cứng. Vẻ đẹp đàn ông râu rậm ria dày. Tôi khổ bao lâu vì trứng cá. Cây phong cầm “hoan lạc” với 20 giọng, 10 van. Nhóm linh mục và nhà thờ gỗ. Bức tranh với dòng chữ “Những người lạ”: một quý ông râu rĩ bên bàn viết, quý bà choàng khăn xoắn, đứng cách xa, đeo găng vào bàn tay xòe thẳng. Mình đã coi tập này rồi. Cậu lấy tập khác và lập tức đối diện với cuộc đấu sinh tử giữa hai kiếm sỹ Ý, — người này thọc thẳng một đường kiếm dữ dội, người kia né mình và chọc thủng họng đối thủ. Putya đóng tập sách nặng lại và chết lặng, ôm thái dương như người lớn. Mọi thứ thật đáng sợ — sự im lặng, những cái tủ bất động, các quả tạ bóng loáng trên

bàn sồi, các hộp danh thiếp đen. Cúi đầu xuống, cậu lao như cơn lốc qua những căn phòng mù mịt. Trên nhà, trong phòng trẻ, cậu nằm trên đi văng và cứ nằm vậy trong bóng tối chùng nào cô Sheldon chưa nhớ ra cậu. Trên cầu thang rúc lên tiếng chuông gọi xuống ăn trưa.

Từ thư phòng, cha và đại tá Rozen bước ra, chú này ngày xưa từng là vị hôn phu của em gái cha, mà cô ấy chết trẻ. Putya không dám nhìn cha và khi lòng bàn tay lớn ấy chạm vào thái dương cậu cùng làn hơi ấm thân thuộc, cậu đỏ mặt phát khóc. Không thể nghĩ, không thể chịu nổi ý nghĩ là người đàn ông này, người mà không ai tốt hơn trên đời, lại sẽ phải chiến đấu với chú Tumansky tù mù nào đó, — bằng gì nhỉ? Bằng súng? Bằng kiếm? Sao ai cũng im lặng về chuyện này? Những người hầu, nữ gia sư, mẹ, đang ở Mentone, có biết chút gì không? Đại tá Rozen lại pha trò trong bữa ăn như mọi khi, khô, gọn, như ghè hồ đào, nhưng hôm nay Putya không cười, mà chốc chốc lại đỏ mặt lên và, để che giấu điều này, cậu cố tình làm rơi khăn ăn để len lén trốn xuống dưới gầm bàn mà quay lại màu bình thường, nhưng lúc thò ra khỏi đó lại còn đỏ hơn trước, còn cha nhướn mày, bật cười, — và, không vội vã, với sự đều đặn cố hữu của mình, ông thực hiện các nghi thức bữa

ăn, thận trọng nuốt rượu từ chiếc ly vàng nông. Đại tá tiếp tục pha trò. Cô Sheldon không hiểu tiếng Nga nên chỉ im lặng, ưỡn ngực nghiêm khắc, và khi Putya gù lưng xuống thì cô lại bực bội hích vào dưới bả vai cậu. Đồ ngọt tráng miệng là món pa-phây¹ hồ trần mà cậu rất ghét.

Sau bữa ăn, cha và đại tá lên thư phòng uống cà phê. Putya nhìn lạ đến nỗi cha hỏi:

— Putya, có chuyện gì vậy? Sao con đổi?

Và chỉ nhờ phép màu mà Putya mới trả lời nổi:

— Không ạ, con không đổi.

Cô Sheldon đưa cậu đi ngủ. Đèn vừa tắt là cậu vui mặt vào gối. Onegin hất áo khoác xuống. Lenski, như cái bị đen, ngã xuống sân khấu. Từ sau cổ người Ý thò ra một mũi kiếm. Mascara thích kể hồi trẻ ông ấy từng có *une affaire*² thế nào — nửa phân xuống dưới thôi thì chắc là gan đã bị xuyên thủng. Mà bài ngày mai chưa làm, trong phòng tối om, và thế nào cũng sẽ phải dậy sớm, thật sớm, — không nhắm mắt luôn thì hơn, còn không lại ngủ

¹ Parfait, một loại kem.

² Cuộc quyết đấu.

quên, — chắc chuyện ấy được ấn định vào ngày mai. Mình sẽ nghỉ học, nghỉ học, mình sẽ nói là đau họng. Mẹ đến Giáng sinh mới về. Mentone, phong cảnh xanh mát. Gài bức bưu thiếp cuối cùng vào an-bom. Một góc vào rồi, góc khác...

Putya thức giấc, như mọi khi, gần tám giờ, và, như mọi khi, nghe thấy tiếng ngân: đó là người thợ đốt lò lắc leng keng cái cửa lò. Khi cậu vội vã xuống dưới nhà, với mái tóc còn ẩm, cha, như không có chuyện gì xảy ra, đang đấm bốc với người Pháp.

— Con đau họng à? — cha hỏi lại.

— Vâng. Ngứa ạ, — Putya khẽ trả lời.

— Con không xạo chứ?

Putya cảm thấy mọi lời lý giải tiếp sau đều nguy hiểm, — đấy, đập chấn bị vỡ, dòng hổ thẹn tuôn trào. Cậu lặng lẽ quay đi và sau một phút đã ngồi trong ô tô, giữ cặp trên gối. Lúc lúc lại buồn nôn. Mọi chuyện thật kinh khủng và không thể sửa chữa.

Cậu trẻ tiết đầu — đứng rất lâu với cánh tay giơ lên sau cửa kính, nhưng không được cho vào lớp, — và đi vắn vơ trong gian, sau đó ngồi lên bậu

cửa sổ, quyết định xem lại bài được giao, nhưng thay vì thế lại bắt đầu hình dung lần thứ một ngàn xem mọi chuyện ấy sẽ thế nào, — trong băng giá, giữa màn sương bình minh... làm sao dò ra được cái ngày đã định trước ấy? Làm sao biết được các chi tiết? Giá như mình đã học lớp tám, không, bảy thôi cũng được... Khi ấy mình sẽ đề nghị: để con thay cha.

Rốt cuộc cũng chuông. Gian ngập tiếng ồn.

— Sao, thỏa mãn chưa? Thỏa mãn chưa? — Dmitri Korff vừa hỏi, vừa phi tới Putya.

Putya nhìn nó với vẻ phân vân rầu rĩ.

— Bác Andrey dưới nhà có báo, — Dmitri hồi hộp báo. — Đi nào, ta sẽ kịp thôi, tớ sẽ chỉ cho cậu. Nhưng cậu sao kỳ vậy... Giá tớ là cậu...

Dưới nhà, trên ghế đẩu, bác gác cổng Andrey đang ngồi đọc. Bác ngược mắt lên cười.

— Đây chỗ này, đây này, — Dmitri nói.

Putya cầm báo và đọc qua màn sương rung rinh:

“Hôm qua, lúc ba giờ chiều, trên đảo Krestovski, giữa G. D. Shishkov và Bá tước A. S.

Tumanski đã diễn ra cuộc quyết đấu, rất may là nó kết thúc không đổ máu. Bá tước Tumanski bắn trước, bị trượt, sau đó đối thủ của ông bắn vào không trung. Những người làm chứng từ bên...”

Lúc ấy nước bung ra. Bác gác cổng và Dmitri cố dỗ dành cậu, — cậu xô họ ra, co giật, tránh mặt đi, không sao thở được, chưa bao giờ nức nở thế này, đừng nói, nhé, đừng kể với ai, đây là vì mình ốm, mình đau... Và lại nức nở.

Sự hoàn hảo

“Vậy là ta có hai đường thẳng”, — y nói với David bằng giọng sáng khoái, gần như phấn chấn, hết như việc có hai đường thẳng là niềm hạnh phúc hiếm hoi mà ta có thể tự hào. David hiền và hơi ngốc. Khi nhìn tai cậu đỏ lên, Ivanov thấy trước là cậu sẽ nhiều lần mơ thấy y — sau ba chục, sau bốn chục năm: giấc mộng con người thù lâu nhớ dai.

Tóc vàng, gầy guộc, bận gi-lê dệt kim vàng, thắt đai, với những vết sẹo trên đôi đầu gối trần

và với ô cửa ngục tù cho đồng hồ trên cổ tay trái, David ngồi trong tư thế hết sức bất tiện sau bàn và gõ đuôi bút máy lên răng. Cậu học kém ở trường, nên phải thuê thầy dạy kèm.

“Giờ ta hãy chú ý đến đường thẳng thứ hai”, — Ivanov nói vẫn với sự sáng khoái cố ý đấy. Theo học vấn thì y là nhà địa lý, nhưng kiến thức của y không dùng được: thứ tài sản không sinh lợi, lãnh địa tuyệt vời của kẻ khốn cùng con dòng cháu giống. Tuyệt làm sao, chẳng hạn, các bản đồ cổ. Những tấm bản đồ giao thông của người La Mã, giống như da rắn, dài và có hoa văn, với các sọc dọc mô tả những hải dương hình sông đào; những tấm bản đồ Alexandria, nơi Anh và Ai Len như hai khúc xúc xích; những tấm bản đồ Trung cổ của Cơ đốc giáo, in màu đỏ tươi và màu cỏ, với Đông phương thiên đường bên trên và với Jerusalem — cái rốn vàng của thế giới — chính giữa. Những cuộc viễn du huyền diệu: du tăng so sánh Jordan với con sông nhỏ ở Cherginov quê hương, đặc sứ Sa Hoàng ghé thăm một đất nước, nơi người dân dạo chơi dưới những cây dù vàng che nắng, thương gia từ Tver đi xuyên qua một “zhengel”¹ rậm rạp, đầy khí, đến một xứ oi bức, được cai trị

¹ Phát âm chữ jungle (khu rừng nhiệt đới) theo giọng Nga.

bởi ông hoàng trần truồng. Hòn đảo nhỏ của vũ trụ vẫn mở rộng: các đường viền rứt rề mới mẻ lộ ra từ những màn sương mù huyền thoại, địa cầu chậm rãi thoát y, — và xa xa sau biển đã hiện lên bờ vai Nam Mỹ, còn từ các góc, những làn gió má-phính thổi, trong số đó có một đeo kính.

Bản đồ thì mặc bản đồ, — Ivanov có nhiều niềm vui và thói kỳ cục khác. Y cao ngồng, da ngăm, không quá trẻ; bộ râu đen, ngày trước từng được nuôi rất lâu và sau đó (trong một tiệm cắt tóc ở Serbia) bị cạo sạch, để lại trên mặt y một cái bóng vĩnh cửu: chỉ cần một ân huệ nhỏ nhất thôi là cái bóng đã hồi sinh, xù lông. Y trung thành với cổ áo và tay áo hồ bột; những chiếc sơ mi rách của y có cái đuôi trước được gài vào quần lót dài. Gần đây y buộc phải thường xuyên mặc bộ lễ phục đen, cũ, khâu viền dải băng ở ve áo (còn lại đã mủn hết) và đôi khi, vào một ngày u ám, trong ánh sáng dể dãi, y thấy mình ăn bận cũng nhã nhặn, thanh lịch. Trong cà vạt có cái ruột phla-nen nào đó thò ra ngoài, đành phải cắt bớt đi, chứ rút hẳn ra thì cũng tiếc.

Độ ba giờ chiều, y lên đường đi dạy David, với dáng đi ồm ồm, nhún nhảy, ngẩng đầu, nuốt không khí non tươi đầu hè, và lẫn cục hầu lớn, đã kịp mọc lông sau buổi sáng. Lần nọ, một thanh niên đi ống

ghệt, đang cuốc bộ bên kia phố, khẽ huýt sáo gọi ánh mắt lơ đãng của y, và hất cằm lên đi như vậy vài bước: tôi muốn uốn nắn lại sự kỳ cục của đồng loại. Nhưng Ivanov không hiểu được điệu mặt giáo huấn đó, và do nghĩ là y được chỉ lên hiện tượng gì đó trên trời, nên cả tin ngược nhìn lên còn cao hơn thường lệ, — quả thật: trên đó có ba đám mây tuyệt đẹp, thân thiện nắm tay nhau, lơ lửng bay xiên; đám thứ ba tụt lại sau một chút, — và hình dạng của nó với hình dạng bàn tay vẫn còn chia ra với nó từ từ mất đi ý nghĩa phong nhã của mình.

Mọi thứ có vẻ rất tuyệt vời và cảm động trong những ngày ấm áp đầu tiên ấy, — các thiếu nữ chân dài chơi đùa trong lớp, các cụ già trên ghế băng, các hạt công-phéc-ti xanh lục trút xuống từ những cây đoan sum sê mỗi khi không khí đuổi mình. Cô đơn và ngọt ngào trong bộ đồ đen; y cất mũ, dừng lại, nhìn quanh. Thỉnh thoảng, trông theo người thợ thông ống khói, kẻ dừng dừng mang niềm hạnh phúc tha nhân, kẻ mà các phụ nữ đi ngang qua vẫn rờ mó bằng bàn tay mê tín, hay trên chiếc phi cơ đuổi theo mây, y bắt đầu nghĩ về những thứ mà y chẳng bao giờ được biết cụ thể hơn, về những nghề mà y sẽ chẳng bao giờ làm, — về cánh điều nở tung như bông hoa khổng lồ, về

thế giới mau lẹ và lổm đổm của các tay đua ô tô, về các kiểu hạnh phúc khác nhau, về nỗi hân hoan của những người siêu giàu giữa thiên nhiên ngoạn mục. Ý nghĩ của y rung rinh và bò lên bò xuống trên tấm kính ngăn nó với sự tiếp xúc hoàn hảo đến cỗi bất khả trong đời. Khát khao muốn trải nghiệm hết thảy, chạm đến mọi thứ, cho xuyên qua mình cả âm nhạc lấm chấm, cả những giọng nói hỗn tạp, tiếng chim kêu, và, trong giây phút, nhập vào hồn người qua lại, như bước vào bóng cây mát rượi. Các câu hỏi không lời giải chiếm lấy tâm trí y: những người thợ thông ống khói sẽ rửa ráy thế nào và ở đâu khi xong việc; con đường rừng Nga mà lúc này y đang nhớ lại một cách sống động đến thế liệu có thay đổi hay không sau những tháng năm ấy.

Khi, rốt cuộc — với sự chậm trễ quen thuộc — y lên thang máy, y cảm thấy y từ từ lớn lên, vươn dài, và lúc đầu y đến được tầng sáu thì y, như người bơi, thu đôi chân co về. Trở lại tầm vóc bình thường rồi, y bước vào căn phòng sáng choang của David.

Trong suốt giờ học, David thích nghĩ ngoáy gì đó; tuy nhiên cậu khá chăm chú. Cậu nói tiếng Nga rất vất vả và có vẻ chán ngán, còn nếu cần diễn đạt gì đó quan trọng, hay khi mẹ nói chuyện với cậu,

thì cậu sẽ chuyển ngay qua tiếng Đức. Ivanov rất kém tiếng địa phương nên giảng toán bằng tiếng Nga, còn sách giáo khoa thì tất nhiên là bằng tiếng Đức, nên xảy ra vài lộn xộn nhất định. Nhìn đôi tai viền lông măng vàng hoe của cậu bé, y cố hình dung mức độ buồn chán và căm hờn mà y đã khơi lên trong David, y thành ra khó xử, y thấy mình từ bên ngoài, với làn da không sạch sẽ, dị ứng dao cạo, sự bóng bẩy của chiếc áo vét đen, các vết bẩn trên cổ tay áo, y nghe được giọng nói sôi nổi giả tạo của mình, tiếng e hèm và thậm chí cả thứ mà David không thể nghe được, — tiếng đập vụng về, song rất cần mẫn của trái tim đau ốm đã lâu. Giờ học kết thúc, David vội vã khoe thứ gì đó — bảng giá xe hơi, chiếc máy ảnh, cái đinh vít nhỏ tìm được ngoài phố, — và khi ấy Ivanov cố hết sức mình để tỏ vẻ quan tâm am hiểu, — nhưng, tiếc thay, y không gia nhập được vào cái hội kín của những vật vẫn được gọi là kỹ thuật, và với lời nhận xét không xác đáng nào đó của y, Ivanov lại ngơ ngác hướng đôi mắt xám nhạt về phía y, sau đó nhanh chóng lấy lại món đồ òa khóc trong tay Ivanov.

Tuy nhiên David rất hiền. Sự thờ ơ của cậu với những điều bất thường là do thế này: chính tôi phải có vẻ như một cậu bé tỉnh táo lạnh lùng, vì

không chia sẻ với ai về các giấc mơ, tình yêu, nỗi sợ của mình. Tuổi thơ của tôi thầm nói lời độc thoại ngắn gọn, xao xuyến của mình. Có thể xây dựng tam đoạn luận thế này: trẻ con — kiểu người hoàn hảo nhất; David — trẻ con; David — hoàn hảo. Với con mắt này thì không thể chỉ nghĩ về giá của đủ loại máy móc khác nhau hay về việc làm sao thu gom thật nhiều cu-pông ở tiệm để được nhận miễn phí món hàng năm mươi xu. Cậu dành dụm cả thứ khác, — những ấn tượng tuổi thơ rực rỡ, để lại chất màu của mình trên các ngón tay tâm hồn. Cậu giữ im lặng về điều này, hết như tôi từng giữ im lặng. Nhưng vào một năm 1970 nào đó (chúng giống như những số điện thoại, các con số của những năm còn xa ấy), cậu gặp lại bức tranh, — Bonzo ngẫu nhiên ăn quả bóng ten-nít — mà lúc này đang treo trên tường phòng ngủ của cậu, cậu sẽ cảm thấy cú sốc, ánh sáng, sự sững sốt trước cuộc sống. Ivanov không nhầm, — mắt David thực sự vẫn chưa mất đi màn sương nào đó. Nhưng đó là màn sương tinh nghịch ngấm ngầm mà thôi.

Mẹ David bước vào. Cô tóc vàng và đa cảm, hôm qua cô học tiếng Tây Ban Nha, hôm nay dùng nước ép cam. “Tôi muốn được thừa chuyện với thầy. Mời thầy ngồi. David, ra ngoài đi con. Thầy

dạy xong chưa ạ? David, ra ngoài đi con. Tôi muốn thừa chuyện với thầy thế này. Sắp đến cháu sẽ nghỉ hè. Rất mong được cho cháu đi biển. Tiếc là chính tôi thì lại không thể đi được. Giá như thầy nhận cho. Tôi tin tưởng thầy và cháu nghe lời thầy. Chủ yếu là tôi muốn cháu nói tiếng Nga nhiều hơn, còn thế này thì — cháu chỉ là một vận động viên nhỏ, như mọi đứa trẻ hiện đại khác. Vậy thầy thấy thế nào?”

Với chút hoài nghi. Nhưng Ivanov không để lộ sự hoài nghi của mình. Lần cuối y thấy biển mười tám năm trước, hồi sinh viên. Merikiul và Hungerburg. Thông, cát, nước bàng bạc xa xa, — chừng nào ta chưa đến chỗ nó, chừng nào chính nó chưa đến đầu gối ta... Đó sẽ vẫn là biển ấy, Bantích, nhưng từ phía khác. Còn tôi bơi lần cuối cùng không phải ở đó mà trên sông Luga. Những người đàn ông chạy ra khỏi nước, — khuỳnh chân, che chỗ kín bằng lòng bàn tay với sự trinh bạch thô kệch. Răng đánh lập cập, họ mặc áo cánh ngay lên người ẩm. Chiều về bơi rất thú, nhất là khi những vòng mưa ẩm lặng lẽ lan tỏa. Nhưng tôi thích cảm thấy sự hiện diện của đáy sâu. Sau đó rất khó xỏ giày mà không làm bẩn bàn chân. Nước trong tai: hãy nhảy lò cò cho đến khi nó rơi ra như lệ nóng.

Họ lên đường. “Thầy sẽ nóng đấy”, — mẹ David nhận xét lúc chia tay, sau khi nhìn bộ đồ đen của Ivanov (để tang cho các món đồ quá cổ khác). Trên tàu chật chội, và cái cổ áo mềm mới (sự suồng sã dễ dãi, sự nuông chiều mùa hạ) biến thành miếng gạc căng cứng. David, tóc cắt gọn, với một chòm đùa trong gió, mãn nguyện, bận sơ mi rung rinh mở cổ, đứng ngay cửa sổ, nhòai người ra ngoài, — rồi trên các khúc cong lại xuất hiện nửa vòng cung kết từ những toa trước và các đầu người dựa vào những khung cửa hạ xuống. Sau đó, đoàn tàu duỗi thẳng lại và lao đi, reo chuông, guồng khuỷu nhanh-nhanh, xuyên rừng dẻ gai.

Nhà ở cuối thị trấn, đơn sơ, hai tầng, với những bụi phúc bồn tử trong khu vườn được ngăn hàng rào khỏi con đường lầy bụi. Một ngư dân râu vàng ngồi trên súc gỗ và nheo mắt vì nắng chiều, quét nhựa lên lưới. Vợ y đưa họ lên trên. Sàn da cam. Đồ đạc nhỏ xíu. Trên tường — mảnh cánh quạt cỡ lớn (“chồng tôi trước kia từng làm ở phi trường”). Ivanov mở túi lấy chỗ quần áo ít ỏi, dao cạo râu, tập thơ Pushkin sờn rách được xuất bản bởi nhà buôn sách Panafidin. David gỡ khỏi lưới một quả bóng nhiều màu, nó, cuống lên vì mừng, chút nữa thì đập rơi khỏi xích đông một cái vỏ ốc có sừng. Bà chủ nhà bưng trà và món cá thồn

bơn vào. David đang vội, cậu nóng lòng thấy biển. Mặt trời đã lặn.

Sau mười lăm phút đi bộ, khi họ xuống tới biển, Ivanov chợt cảm thấy tim mệt lử. Trong ngực lúc thì chật chội, lúc lại trống rỗng, và giữa mặt biển bằng phẳng, xám lam, trong sự cô đơn khủng khiếp, đen đen một chiếc thuyền con. Dấu vết của nó bắt đầu hiện lên trên mọi vật thể, sau đó hòa tan vào không khí. Do mọi thứ phủ bụi hoàng hôn, nên y có cảm giác thị lực mờ dần, còn chân yếu đi một cách kỳ lạ vì sự tiếp xúc mềm mại với cát. Đâu đó có dàn nhạc chơi bập bõm, từng âm thanh như thể bị bịt kín, khó thở. David nhắm trước một chỗ trên bãi tắm và đặt một chòi tắm cho ngày mai. Đường về nhà phải lên dốc, tim tạm vắng rồi vội vàng quay lại, để đập cho xong việc mình rồi lại lẩn đi, và xuyên qua cơn đau với nỗi lo âu này, cây tầm ma bên hàng rào nhắc về Hungerburg.

Bộ pi-gia-ma trắng của David. Ivanov ngủ trần để tiết kiệm. Do hơi đất lạnh từ tấm ga sạch mà lúc đầu y thấy còn tệ hơn, nhưng chẳng bao lâu sau lại dễ chịu. Trăng rờ rẫm đến tận chậu rửa và lựa được ở đó một mặt cốc, sau đó bò lên tường. Trong đêm ấy và cả các đêm sau, Ivanov vẫn mơ nghĩ về nhiều chuyện cùng lúc và thêm nữa còn

hình dung cậu bé ngủ trên giường bên là con trai mình. Mười năm trước, ở Serbia, người đàn bà duy nhất mà y từng yêu trong đời, vợ người ta, có thai với y, bị sảy và sau một đêm cầu nguyện và mê sảng, đã qua đời. Không thì đã có đứa con trai, một cậu bé cũng tầm tuổi này. Khi David sáng ra mặc quần tắm, Ivanov mỉm cười vì nước da rám nắng màu cà phê của cậu đột nhiên chuyển qua sắc trắng con trẻ ở eo lưng. Y cấm David mặc quần tắm đi từ nhà ra biển và thậm chí hơi mất bình tĩnh và không chịu nhân nhượng ngay, khi David, với ngữ điệu kéo dài của sự ngạc nhiên kiểu Đức, bắt đầu chứng minh cho y là cậu đã làm như vậy từ mùa hè năm ngoái, và ai ai cũng làm như vậy. Chính Ivanov thì lử lả trên bãi tắm dưới lốt một thị dân buồn chán. Nôn nao vì nắng, vì ánh xanh lam, lũ kiến nóng ran bò trên đỉnh đầu ngay dưới mũi, y bị thiêu sống, nhưng thậm chí chẳng cởi áo vét, vì, như nhiều người Nga, y ngại “xuất hiện trước mặt phụ nữ khi đang mang dây đeo quần”, với cả sơ mi cũng sờn hết rồi. Hôm thứ ba, y bỗng dưng quyết định và, sau khi gườm gườm nhìn quanh, tháo giày. Thu xếp xong xuôi một chỗ giữa cái hố sâu mà David đào lên và để tờ báo dưới khuỷu tay, y lắng nghe tiếng cò phất rục rờ, căng chắc và đôi khi, với sự ganh tị âu yếm nào đó, ngó lên trên thành cát về phía hàng ngàn cái xác nâu,

bị nắng giết theo nhiều kiểu khác nhau, và có một cô gái, đẹp tuyệt trần, như đúc từ kim loại, cháy nắng đến đen bóng, với ánh mắt sáng lạ thường và móng tay nhạt màu như của khí, — và khi ngắm cô, y cố hình dung xem cái cảm giác được như vậy nó sẽ thế nào. Được cho phép tắm, David bắt đầu bơi âm ỉ, còn Ivanov đến sát mép sóng và chăm chăm dõi theo David, và bỗng dừng nhảy lùi lại: một làn sóng, trào xa hơn các bậc tiền bối của nó, vừa làm ướt quần y. Y nhớ lại một sinh viên ở Nga, người thân của bạn y, một kẻ biết liệng hòn đá sao cho nó có thể hai, ba, bốn lần nhảy trên sóng, nhưng khi y muốn chỉ cho David xem làm điều đó như thế nào thì hòn đá xuyên thùng nước, rơi tòm xuống, David cười phá lên và ném sao đó mà thành ra không phải bốn bước nhảy, mà ít nhất là sáu. Vài ngày sau, do vô ý (ánh mắt chạy qua, và khi y sực nhớ ra thì đã muộn) mà y đọc được tẩm thiệp David đã bắt đầu viết cho mẹ và để quên trên bậu cửa sổ. David báo là thầy chắc đang ốm vì không tắm. Vào đúng hôm ấy, Ivanov thi hành luôn các biện pháp đặc biệt. Y sắm bộ đồ bơi đen và khi đến bãi biển thì giấu mình vào chòi, thận trọng cởi quần áo, mặc lên người bộ đồ chun rẻ tiền còn bốc mùi tiệm tạp hóa. Có một phút luống cuống buồn bã khi y đi ra nắng, — da trắng nhợt, đùi lông lá. Dẫu sao thì David cũng ngắm nghía y

với thái độ tán đồng. “Nào nào, — Ivanov thốt lên sáng khoái, — nhất quỷ nhì ma mà lại!” Y đi vào nước đến tận gân đầu gối, gội đầu trước, rồi đi tiếp, giang hai tay ra, và nước càng dâng lên cao bao nhiêu thì tim càng thắt lại chết chóc bấy nhiêu. Rốt cuộc, hít đầy không khí, bịt tai bằng ngón cái, các ngón còn lại che mắt, y ngồi xuống, ngâm mình. Y thấy trong người khó chịu đến nỗi phải vội vàng ra khỏi nước. Y nằm trên cát, run lên vì lạnh, cả người tràn ngập nỗi buồn nào đó rất kinh khủng, chẳng có gì giải quyết được. Nắng sưởi ấm y, y hồi lại, nhưng thề là không tắm biển nữa. Làm biếng mặc quần áo, y lim dim mắt, trên nền đỏ thấp thoáng lướt qua các đốm quang học, các kênh đào sao Hỏa giao nhau, và chỉ cần hơi hé mí mắt là nắng bạc ảm ướt lấp lánh giữa hai hàng mi.

Điều không thể không xảy ra đã xảy ra. Đến chiều, mọi chỗ từng lộ ra trên người y bị chuyển thành một quần đảo đối xứng của cơn đau rất bóng. “Hôm nay thay vì ra bãi tắm thì ta đi dạo trong rừng nhé,” — hôm sau y nói với David. “Ôi, không”, — David dài giọng ai oán. “Nắng nhiều hại lắm”, — Ivanov nói. “Nhưng con xin thầy”, — David năn nỉ. Tuy nhiên Ivanov vẫn cương quyết theo ý mình.

Rừng rậm rạp, từ những thân gỗ vụt bay lên lũ bướm sâu đo nhuộm màu vỏ cây. David miễn cưỡng đi, chẳng nói chẳng rằng. “Ta phải yêu rừng, — Ivanov nói, cố làm cho học trò vui lên. — Đây là quê hương đầu tiên của con người. Vào một ngày tuyệt đẹp nào đó, con người đã ra khỏi cánh rừng trực giác tắm tối rậm rịt để bước vào trắng sáng lý tính. Quả việt quất chắc đã chín rồi đấy, ta cho phép con thử. Sao con lại dỗi, — hiểu không, cần đa dạng hóa niềm vui. Và chớ nên nghiện tắm. Hay có những người tắm bất cẩn bị chết vì say nắng hay vỡ tim”.

Ivanov chà lưng, — nó ngựa rất không chịu nổi, — vào thân cây và trầm ngâm nói tiếp: “Trong khi thưởng ngoạn thiên nhiên nơi này, thầy luôn nghĩ về những xứ sở mà thầy chắc sẽ chẳng bao giờ được thấy. Con hãy tưởng tượng xem, David, lúc này ta đang không ở Pomerania mà trong rừng Mã Lai. Hãy nhìn xem, đang có con chim cực hiếm bay qua, một con chim thuộc giống thiên đường hoàng tử Albert, trên đầu có đôi ăng-ten dài từ những dây hoa xanh lam.

“Ôi, quatsch¹”, — David chán nản nói.

¹ Vớ vẩn. (Tiếng Đức).

“Theo tiếng Nga thì phải nói là “ерунда¹” hay “чушь”. Tất nhiên vớ vẩn rồi. Nhưng vấn đề ở chỗ là vớ vớ tưởng tượng nhất định... Nếu khi nào đó con, lạy Chúa lòng lành, bị mù hay rơi vào tù, hay đơn giản là trong cảnh khốn cùng khủng khiếp, con sẽ phải làm một công việc hèn hạ, tăm tối, con sẽ nhớ lại cuộc dạo chơi này của chúng ta trong một cánh rừng bình thường, như — biết không con — về niềm hạnh phúc diệu kỳ nào đó”.

Lúc hoàng hôn, những đám mây hồng thắm xù lông, chúng chuyển sắc hung theo mực trời tàn, và ngư phủ bảo mai sẽ mưa, — song le sáng ra quang đãng, tuyệt đẹp, và David giục già Ivanov, mà y thấy ươn người, chỉ muốn nằm ườn trên giường và nghĩ về những bán-sự xa xôi, mơ hồ nào đó, được soi rọi bởi các hồi ức chỉ từ một phía, về những thứ ám khói, dễ chịu nào đó, — có lẽ xưa kia đã từng xảy ra, hoặc xưa kia đã từng trôi sát bên lề đời, hoặc vẫn còn xuất hiện đêm nay trong giấc mơ của y. Không thể tập trung ý nghĩ vào chúng, — tất cả lảng đi đâu đó qua bên, xoay nửa vòng vớ vớ ranh mãnh thân ái và bí ẩn, — lảng đi mà không sao cản được, như những nút nhỏ trong suốt vẫn bập bồng trôi xiên trong mắt, nếu ta nheo

¹ Vớ vẩn.

lại. Tiếc thay, vẫn phải dậy, phải xỏ đôi tất thùng đến nỗi hao hao giống đôi găng hở ngón. Trước khi ra khỏi nhà, y đeo cặp kính vàng của David, và vùng ô ngắt lịm giữa vòm trời đang chết một cái chết ngọc lam, còn nắng ban mai trên những bậc thềm thì nhuộm sắc hoàng hôn. David trần truồng, da vàng sẫm chạy đằng trước; khi Ivanov gọi cậu, cậu tức tối nhún vai. “Đừng chạy”, Ivanov mết mõi nói: tầm mắt y bị hẹp lại do cặp kính, y sợ những chiếc ô tô có thể bất chợt xuất hiện.

Phổ thoải uể oải lần xuống biển. Dần dà mắt cũng quen với kính, và y thôi ngạc nhiên với màu cỏ úa của ngày nắng. Ở nơi con phố xoay mình có gì đó chợt mang máng hiện lại trong óc, — cái gì đó vô cùng khoan khoái và lạ lùng — nhưng nó lập tức rẽ khuất, và ngực thắt lại vì không khí nhộn nhạo của biển cả. Những lá cờ ngấm đen hồi hộp vẫy và chỉ hết về cũng một phía, nhưng nơi đó vẫn chưa có gì xảy ra. Vẫn cát, vẫn tiếng sóng biển ầm ì. Tai ù tịt, còn nếu hít mũi, — sấm trong đầu, và có gì đó đập vào màng nhĩ. “Mình sống chưa quá lâu và không quá tốt, — Ivanov thoáng nghĩ, — mà dẫu sao thì than vãn cũng xấu hổ, thế giới xa lạ này tuyệt đẹp, và giờ mình chắc sẽ hạnh phúc lắm đây, miễn là nhớ lại được điều gì đó kỳ diệu, thật kỳ diệu, — mà điều gì đây?”

Y hạ mình xuống cát. David lấy xẻng, thành thạo sửa lại bức thành hơi bị lở. “Hôm nay nóng hay lạnh? — Ivanov hỏi. — không hiểu sao ta không xác định được”. Ngay sau đó David quăng xẻng đi và nói: “Con đi tắm chút”. “Hãy ngồi yên một phút đi, — Ivanov bảo. — Ta cần tập trung tư tưởng. Biển không chạy khỏi con đâu”. “Đi mà”, — David dài giọng.

Ivanov chống người lên khuỷu tay và nhìn sóng. Chúng rất lớn, gù lưng, chẳng ai tắm ở chỗ này, chỉ rất xa bên trái có độ một tá đầu màu da cam nhảy lên và cùng bị đánh dạt qua bên. “Sóng”, — Ivanov thở dài nói và sau đó bổ sung: “Con xuống nước đi, nhưng không xa quá một xa-giên nhé. Một xa-giên là độ hai mét”.

Y nghiêng đầu, chống má, rầu rĩ, tính toán các giới hạn của cuộc sống, tình thương, hạnh phúc. Giày đã đầy cát, y chậm rãi tháo chúng ra, sau đó lại ngẫm nghĩ, và các nút vô hình không thể bắt được lại lơ lửng trôi, — những muốn nhớ lại, những muốn... Một tiếng hét bất ngờ. Ivanov thẳng người lên.

Trong những làn sóng xanh-vàng, xa bờ, thấp thoáng gương mặt David với cái mồm há hốc một vòng đen. Một tiếng rú sắc súa vang lên và tất cả

biến mất. Một cánh tay hiện ra trong khoảnh khắc rồi cũng biến mất. Ivanov lật phăng áo vét. “Ta đến đây, — y hét lên, — ta đến đây, cố giữ!” Y lội nước òm ọp, ngã, cái quần bằng giá dính chặt vào gối, y cảm thấy hình như đầu David lại thấp thoáng hiện lên, vào đúng khoảnh khắc ấy, nước ào đến, làm rơi mũ, y quáng mắt, muốn tháo kính, nhưng do lo lắng, do lạnh, do mệt lả cả người, nên y không thể thắng được mình, cảm thấy là sóng, khi lùi ra, lùi y ra xa bờ hơn nữa; và y bắt đầu bơi, cố nhìn David. Người y ở trong cái túi chật, lạnh buốt, chẳng biết thở bằng gì, tim căng lên đến khó tin. Bỗng dưng, có gì đó xuyên qua y, chẳng khác nào cú rải ngón như tia chớp trên phím dương cầm, — và đó chính là cái mà cả buổi sáng y ráng nhớ lại. Y lên đến cát. Cát, biển và không khí nhuộm một màu kỳ lạ, héo úa, đục mờ, vụn vặt tuyệt đối im lìm. Y vẫn mơ nghĩ là hoàng hôn đã buông, — là giờ thì David chết đã lâu, và y cảm thấy sự cay nồng của những giọt nước mắt quen thuộc từ cõi tục vừa qua. Run rẩy nghiêng người xuống cát xám tro, y quấn chặt mình vào chiếc áo khoác đen có móc cài hình rắn, mà trước kia y từng nhìn thấy ở cậu bạn sinh viên, vào một ngày thu, xa thật xa, — và y thấy thương mẹ David làm sao, — biết nói gì với cô ấy đây: tôi không có lỗi, tôi đã làm mọi việc để cứu cháu, — nhưng tôi bơi

quá kém, tim tôi quá yếu, và cháu chết đuối rồi... Tuy nhiên có gì đó sai sai trong những suy nghĩ này, — và khi nhìn quanh chỉ thấy màn sương cô tịch, chỉ thấy một mình y, không có David bên cạnh, y chợt hiểu ra là một khi không có David bên y, nghĩa là David chưa chết.

Chỉ lúc ấy thì cặp kính mờ mới được gỡ xuống. Màn sương đục, phẳng lập tức rách toang, bùng nổ tuyệt đẹp, vang lên những thanh âm đa dạng — tiếng sóng, tiếng gió quất, tiếng người kêu, — và David đứng đến mắt cá trong nước sáng rực, không biết phải làm gì, run lên vì sợ và không dám giải thích là cậu vùng vẫy đùa thôi, còn đang xa, mọi người lặn hụp, rờ rẫm đáy nước, nhìn nhau bằng những cặp mắt lờ lờ lại lặn hụp, và quay về tay không, còn những người khác hét lên với họ từ trên bờ, khuyên họ tìm qua bên trái, và một người đeo băng hồng thập tự trên tay mãi miết chạy, và ba người mặc sáng đay đẩy xuống nước một chiếc xuồng kêu ken két, và David luống cuống được dẫn đi bởi một phụ nữ to béo đeo kính kẹp mũi, vợ một bác sỹ thú y lẽ ra phải đến vào thứ Sáu, nhưng bị vướng lại, và biển Ban-tích lấp lánh sáng từ bờ này đến bờ kia, và ngang con đường xanh tươi trong khu rừng thưa, những cây hoàn diệp liễu bị đốn gục đang nằm, hãy còn thở,

và chàng trai đen vì bồ hóng, bỗng dựng trắng dần ra, rửa ráy dưới vòi nước trong bếp, và trên tuyết vĩnh cửu của các ngọn núi New Zealand, những chú vẹt đen giập giòn bay, và, nheo mắt vì nắng, ngư phủ nói với vẻ mặt quan trọng, là chỉ đến hôm thứ chín, sóng mới trao lại xác.

Thợ Mã

Các vật thể được triệu hồi từ nhiều nơi khác nhau đang dồn về, hợp lại; hơn nữa, một vài vật còn phải vượt qua không chỉ khoảng cách không gian mà cả thời gian: với ai sẽ phiền hà hơn, với người du mục này hay kia — với cây dương non, ta nói, mọc ngay gần, nhưng giờ đã bị đốn từ lâu, hoặc với cái sân được lựa ra và hãy còn tồn tại đến giờ này, nhưng nằm rất xa nơi đây? Vội vàng lên với chứ.

Đây cây dương ô-van lấm chấm lá lam thảng
 Tư đã đến và đứng nơi nó được ra lệnh — bên một
 bức tường gạch cao được đưa nguyên vẹn ra khỏi
 thành phố khác. Đối diện mọc lên một ngôi nhà,
 lớn, buồn và bẩn, với các ban công tiều tụy thay
 nhau kéo ra, như những ngăn tủ. Vài thứ khác xếp
 đây đó quanh sân: một thùng tô-nô, một thùng
 nữa, bóng lá mỏng manh, thùng rác nào đó và chữ
 thập đá tựa vào tường. Và dẫu mọi thứ này mới
 được phác ra thể thôi, còn phải bổ sung và hoàn
 thiện nhiều nữa, nhưng từ một ban công nhỏ đã
 có người sống bước ra — anh em Gustav với
 Anton — và người thuê nhà mới, Romantovski,
 lặn vào sân một chiếc xe rùa với va-li cùng chồng
 sách.

Nhìn từ sân, đặc biệt nếu ngày nắng và cửa sổ
 mở toang, các phòng dường như được rót đầy
 bóng đen đậm đặc (luôn có đêm đâu đó bên ta —
 phần ngày này bên trong, phần ngày nọ bên
 ngoài). Romantovski nhìn các ô cửa sổ đen, nhìn
 hai người đàn ông mắt lờ đãng quan sát y từ ban-
 công, và, nhắc va-li lên vai, lảo đảo cúi xuống như
 thể có ai đó nện lên gáy, bước thành thịch vào nhà.
 Trong ánh nắng còn lại chiếc xe rùa với sách,
 thùng tô-nô, thùng tô-nô nữa, cây dương nhỏ
 nhấp nhánh với dòng chữ hắc ín trên tường gạch.

Hãy bầu cho số này trong danh sách. Chắc có lẽ nó được hai anh em vẽ nguệch ngoạc lên trước bầu cử.

Chúng ta xây dựng thế giới như vậy: ai cũng phải đổ mồ hôi, ai cũng phải được no đủ. Sẽ có việc làm, sẽ có gì đó để xoi, sẽ sạch, sẽ ấm, sẽ sáng —

(Romantovski dọn vào phòng bên. Nó còn tệ hơn phòng họ. Nhưng y tìm thấy dưới giường một con búp bê bằng nhựa kết: có lẽ một người có gia đình từng cư ngụ ở đó trước y).

Tuy nhiên, mặc dầu thế giới vẫn chưa chuyển hóa hoàn toàn và triệt để qua trạng thái vật chất, mà còn giữ lại đâu đó những vùng mơ hồ và bất khả xâm phạm, hai anh em vẫn cảm thấy mình ấm no và tự tin trong đời. Người anh, Gustav, làm việc trong một kho đồ gỗ; người em tạm thời thất nghiệp, nhưng không nản lòng. Bộ mặt hồng đều của Gustav có lông mày dài, vàng nhạt, tua tủa. Lồng ngực y rộng như cái tủ, và cái áo pu-lơ-ve vĩnh cửu bằng len xám thô với chun trên chỗ gấp khuỷu tay béo, — để thả tay áo xuống không sao. Mặt Anton lỗ chỗ nốt đậu mùa, với bộ ria sẫm màu, cắt hình thang. Y mặc săng-đay đỏ ra ngoài thân hình gầy guộc gân guốc. Nhưng khi cả hai bọn họ chống khuỷu tay lên lan can sắt ban-công,

mông họ giống nhau như đúc — lớn, hân hoan, bọc căng tròn trong dạ kẻ ô giống hệt.

Nhắc thêm lần nữa: thế giới sẽ đổ mồ hôi và no đủ. Những kẻ lười biếng, ăn bám và lũ nhạc công sẽ bị cấm cửa. Chứng nào tim còn bơm máu thì còn phải sống, quý thần ơi. Hai năm nay Gustav dành dụm tiền bạc để cưới Anna, sắm sanh tử, thắm.

Ba buổi chiều mỗi tuần, cô ghé qua — béo tốt, tay mập, gốc mũi rộng lấm chấm tàn nhang, bóng chì dưới mắt, răng thưa, trong số chúng có một cái lại còn bị gãy. Họ nốc bia tay ba. Cô nhắc đôi tay trần lên gáy, khoe bộ lông hung lấp lánh dưới nách, và, ngừng đầu, há mồm to đến nỗi thấy rõ cả vòm miệng và cái lưỡi con ở thanh quản, nhìn giống phao câu gà luộc. Cả hai anh em đều mê cái cười giải phẫu học của cô, họ sốt sắng cù cô.

Ban ngày, khi anh đi làm, Anton ngồi trong một tửu quán thân thiện hay nằm ườn giữa đám bồ công anh trên cỏ lạnh hầy còn tươi trên bờ kênh và theo dõi với vẻ ganh tị xem những thanh niên sang sảng đang chất than lên sà lan, hay nhìn ngu ngơ lên bầu trời xanh nhàn nhã, ru ngủ. Nhưng rồi, — có gì đó trong cuộc sống xuôi chèo mát mái của hai anh em đã mắc kẹt.

Từ lúc Romantovski lặn xe rùa vào sân, y đã khơi dậy trong họ cả sự tức giận lẫn sự tò mò. Họ bắt đầu linh cảm bằng tài tiên đoán chính xác của mình: kẻ này — không giống ai. Người thường sẽ không thấy điều này ở Romantovski ngay lần đầu nhìn y, nhưng hai anh em lại thấy. Chẳng hạn, y đi không giống ai: khi bước, y nhắc người lên đặc biệt cao trên bàn chân đàn hồi: bước và bay lên, hết như trên từng bước có khả năng nhìn thấy gì đó siêu phàm trên những cái đầu phàm tục. Y thuộc dạng vẫn được gọi là cò hương, với khuôn mặt có cái mũi nhọn nhọn nhọt nhọt và đôi mắt bất an khủng khiếp. Từ hai tay áo ngắn của chiếc áo vét-tông vạt chéo, với sự hiển nhiên đầy ám ảnh và vô tích sự (chúng tôi đây, chúng tôi phải làm gì?) thò ra hai bàn tay dài. Y đi và đến vào những giờ bất định. Vào một trong những ngày đầu tiên, Anton thấy y đứng ở quầy sách và hỏi giá, hay thậm chí mua, vì người bán nhanh nhẹn đập cuốn này vào cuốn khác — cả đôi lần bụi — và đi cùng y vào sau quầy. Phát hiện ra cả những thói lập dị khác: đèn bật gần như suốt đêm; không thích giao du.

Giọng Anton vang lên:

— Gã công tử bột đó làm bộ quá. Cứ phải nhìn gã gần hơn.

— Anh sẽ bán cái tẩu cho gã, — Gustav nói.

Cái tẩu có nguồn gốc tù mù. Anna từng mang nó đến, nhưng hai anh em chỉ chấp nhận mỗi thuốc lá. Nó đắt tiền, vẫn chưa hút đến, với một lõi rỗng cắm vào cái bốt thẳng. Đi cùng nó có một bao da nai.

— Ai đấy? Anh cần gì? — Romantovski hỏi qua cửa.

— Hàng xóm đây, hàng xóm đây, — Gustav trả lời bằng giọng nam trầm.

Và hàng xóm kéo nhau vào, háo hức nhìn quanh. Trên bàn có khúc giò trên giấy và chồng sách xếp xô lệch — một cuốn mở ngay bức tranh: chiếc thuyền nhiều buồm và một cậu bé với đôi má phính bay ở góc trên.

— Làm quen nào, — hai anh em nói. — Sống sát vách, có thể nói vậy, mà cứ...

Trên tủ com-mốt có cây đèn côn và hai quả cam.

— Hân hạnh được làm quen, — Romantovski nói khẽ và ngồi lên cạnh giường, cúi cái trán nổi gân, bắt đầu buộc dây giày.

— Anh đang nghỉ à, — Gustav nói với sự lịch thiệp hăm dọa, — chúng tôi đến chỗ anh không đúng lúc rồi...

Y chẳng nói chẳng rằng; nhưng bỗng dừng ưỡn thẳng người, quay về phía cửa sổ, giơ ngón tay lên và lặng đi.

Hai anh em nhìn: cửa giống cửa — mây, ngọn dương, bức tường đối diện.

— Chẳng nhẽ các anh không thấy à? — Romantovski hỏi.

Bọn họ, đỏ và xám, đến gần cửa sổ, thậm chí nhào người ra, trở nên giống hệt nhau. Chẳng có gì. Đột nhiên cả hai cảm thấy: có gì đó sai sai — ôi, rất sai!

Họ quay lại. Romantovski đứng trong tư thế không tự nhiên cạnh tủ com-mốt.

— Đáng lẽ phải có gì đó xuất hiện chứ nhỉ, — y nói mà không nhìn họ. — Như có cái gì bay qua... Tôi có lần thấy máy bay rơi.

— Cũng thường xảy ra mà, — Gustav đồng tình. — Mà chúng tôi không vô cớ ghé qua. Muốn hút không?... Mới tinh đây... Có cả bao đấy...

— Bao à? Thế nữa. Tôi, biết không, hiếm khi hút.

— Vậy thì anh sẽ hút thường hơn. Chúng tôi tính rẻ thôi. Ba mác rưỡi.

— Ba mác rưỡi. Thế đấy.

Y xoay cái tẩu trong tay, cắn môi dưới, dẫn đo gì đó. Đồng tử y không nhìn vào tẩu mà đảo trái phải như quả lắc.

Trong lúc đó, hai anh em bắt đầu phòng lên, lớn lên, họ chiếm đầy cả phòng, cả nhà, sau đó vươn ra khỏi nó. So sánh với họ thì cây thông non đã không còn to hơn những cái cây đồ chơi, lung lay, bằng bông nhuộm màu, trên những đế xanh tròn. Ngôi nhà bằng các-tông bụi bặm với các cửa sổ mi-ca chỉ đến đầu gối hai anh em. To lớn, đặc thẳng bốc mùi mồ hôi và bia, với giọng bò mộng vô nghĩa, với hố xí thay cho não, họ gây nên sự run rẩy sợ hãi bề bàng. Tôi chẳng biết tại sao họ tiến về phía tôi. Tôi xin các ông, hãy tha cho tôi, tôi không động đến các ông, nên các ông đừng động đến tôi — tôi xin nhường các ông — nhưng hãy tha cho tôi.

— Nhưng tôi không đủ tiền lẻ, —
Romantovski nói khẽ. — Đấy, trừ phi đổi tờ mười
mác.

Họ đổi và cười rồi bỏ về. Tờ bạc vừa soi dưới
sáng được Gustav cất vào ống sắt đựng tiền.

Tuy nhiên họ không để cho người hàng xóm
được yên. Họ đơn giản là nổi điên lên vì bất chấp
sự làm quen đã diễn ra, người đó vẫn cứ khó gần
như vậy. Y tránh gặp họ, thành thử phải rình bắt
y, để có thể nhìn chớp nhoáng vào đôi đồng tử
lảng tránh của y. Phát hiện ra cuộc sống về đêm
của ngọn đèn phòng y, Anton không dần lòng
được, đi chân không lại gần cái cánh cửa mà ánh
sáng rọi xuyên qua bên dưới nó thành một sợi chỉ
vàng căng thẳng, và gõ.

Nhưng Romantovski không đáp.

— Ngủ à, ngủ à, — Anton nói, đập lòng bàn
tay lên cửa.

Ánh sáng lặng lẽ dòm qua khe. Anton lắc lắc
tay nắm. Sợi chỉ vàng bỗng đứt phụt.

Từ dạo ấy, cả hai, đặc biệt là Anton, vì ban
ngày chẳng làm gì, bố trí theo dõi sự mất ngủ của
hàng xóm. Nhưng địch rất khôn và được trời phú

cho thính giác bén nhạy. Dẫu có khẽ bước lại gần cửa thế nào thì ánh sáng sau nó cũng vụt tắt, như thể tuyệt nhiên chưa từng có, — và chỉ khi mà nếu như đứng rất lâu, nín thở, trong hành lang lạnh lẽo, thì mới có thể chờ được đến lúc tia sáng nhạy cảm ấy quay lại. Con cánh cam cũng ngất đi y như vậy.

Việc theo dõi hóa ra rất mệt. Rốt cuộc, hai anh em tóm được y trên cầu thang và bắt đầu chèn ép y.

— Cho là tôi quen đọc sách ban đêm đi. Việc gì đến các anh. Tránh ra cho tôi đi, làm ơn.

Khi y quay lại, Gustav gạt đùa mũ y. Romantovski nhặt lên, chẳng nói gì.

Vài ngày sau, vào buổi chiều, chộp lấy thời cơ — y đang quay về từ buồng vệ sinh và chưa kịp chuồn vào phòng mình, — hai anh em xúm quanh y. Họ chỉ có hai người, nhưng dẫu sao họ cũng tìm được cách xúm quanh y — và mời y ghé qua chỗ họ.

— Có bia đấy, — Gustav nói, nháy mắt.

Y thử từ chối.

— Sao thế, đi nào! — hai anh em kêu lên, nắm ngay dưới nách hắn và kéo theo. (Trong lúc đó họ cảm thấy y mới gầy gò làm sao, căng tay mảnh mai, yếu ớt, sự cảm dỗ không cưỡng được — ôi giá mà được bóp chặt đánh rắc, — ôi, thật khó mà tìm được, dù chỉ sờ mó thôi, trong lúc đi, thế này nhé, thật nhẹ nhàng...)

— Đau, — Romantovski nói. — Thả tôi ra, xin các anh đấy. Tôi có thể tự đi được mà.

Bia, vị hôn thê miệng rộng của Gustav, không khí nặng mùi. Họ cố chuốc cho Romantovski say. Không cổ áo, với khuy đồng dưới cựa hầu lớn không được che chở, với bộ mặt dài nhợt nhạt và hàng mi rung rinh, y ngồi trên ghế theo một tư thế phức tạp, người nửa gập nửa uốn, và khi đứng dậy thì bung ra như lò xo. Tuy nhiên y lại bị bắt phải xoắn lại, và theo lời khuyên của hai anh em, Anna ngồi lên đùi y, còn y, liếc mắt nhìn vào mu bàn chân phồng lên trong bộ yên cương của đôi giày quá chật, cố hết sức có thể để kiềm chế nỗi buồn chán và không dám hất bỏ cái thứ thủ cựu, hung hung ấy.

Trong giây lát, họ có cảm giác là y đã bị bẻ gãy, y là người nhà, thậm chí Gustav nói:

— Cậu thấy đấy. Không nên coi thường bọn tôi. Kể cho bọn tôi nghe gì đó đi. Bọn tôi rất tự ái vì cậu cứ im lặng sao đó. Cậu đọc gì ban đêm vậy?

— Những chuyện cũ, rất cũ ấy mà, — Romantovski nói bằng giọng khiến cho hai anh em bỗng dưng thấy rất buồn. Nỗi buồn ghê gớm, ngọt ngào, nhưng men bia không cho giông tố bùng lên, mà ngược lại, kéo mắt díp lại. Anna tuột khỏi đùi Romantovski và chạm cái mông đã say ngủ vào bàn: các chai rỗng chao đảo như những con ky, một cái đổ xuống. Hai anh em nghiêng ngả, ngã khụy, ngáp dài, nhìn khách qua những giọt lệ ngái ngủ. Còn y, rung rinh và phát ra các tia sáng, doãng ra và bắt đầu thu hẹp lại, rồi từ từ biến mất.

Không nên tiếp tục thế này. Y đang đầu độc cuộc sống của những người lương thiện. Thêm nữa, vào cuối tháng có lẽ y sẽ dọn đi — ven nguyên, chưa bị tháo rời, kiêu hãnh hếch mũi. Chẳng những thế, y còn chuyển động và thở chẳng giống ai, — chúng ta không thể nắm bắt được sự khác biệt, mò được cái tai mà nhờ nó có thể lòi y ra. Mọi thứ không thể sờ mó, cân đong, đo đếm đều thật đáng ghét.

Bắt đầu những cuộc hành hạ lật vật. Hôm thứ Hai, họ trút được bột khoai tây vào ga giường y,

mà thứ bột này, như đã biết, có thể khiến phát điên khi đem xuống. Hôm thứ Ba y bị bắt gặp nơi góc phố — ôm đầy sách — và bị chèn khéo đến nỗi sách rơi vào vũng nước đã chọn trước. Hôm thứ Tư, họ bôi keo dán gỗ lên mặt bồn cầu trong buồng vệ sinh. Đến thứ Năm thì trí tưởng tượng của hai anh em đã cạn.

Y im lặng, im lặng hoài. Hôm thứ Sáu, y đuổi kịp Anton bằng nước kiệu như bay của mình dưới cổng sân, giúi cho gã tờ họa báo — y bảo: muốn coi không? Sự lịch thiệp bất ngờ này làm hai anh em luống cuống và hừng hực hơn.

Gustav sai vị hôn thê của mình quấy rầy Romantovski để sinh sự với y. Người ta hay vô tình tìm cách lẫn bóng cho bằng được, trước khi đưa chân sút. Những con thú vui nhộn cũng thích các vật thể chuyển động hơn. Và mặc dù Anna chắc có lẽ đã làm cho Romantovski cực kỳ khó chịu với làn da sữa lấm chấm rệp, sự trống rỗng trong đôi mắt sáng màu và các chỗ nướu lồi ẩm ướt giữa những chiếc răng, y tính là vẫn nên che giấu sự ác cảm thì hơn vì e rằng rất có thể sẽ chọc tức vị hôn phu của Anna bằng sự khinh bỉ cô ta.

Do đặng nào thì mỗi tuần y cũng đến rạp xi-nê một lần, nên hôm thứ Bảy y đưa cô theo với hy

vọng là sẽ thoát thân được bằng chuyện này. Lén lút, ở khoảng cách khá xa, cả đôi đội mũ cát-két mới và đi giày đỏ mới, hai anh em bám theo sau, và trên những con phố đáng ngờ ấy, trong hoàng hôn lảm bụi ấy, có hàng trăm con người như họ, nhưng chỉ có một Romantovski.

Trong cái rạp nhỏ thôn dài đã nhấp nhánh bóng đêm — đêm trắng tự chế, — khi hai anh em, khom lưng náu mình, ngồi vào hàng sau. Họ cảm thấy đầu đó đang trước có sự hiện diện ngọt ngào và lử lả của Romantovski. Dọc đường, Anna chẳng moi được gì từ bạn đồng hành khó chịu, và cô cũng không hoàn toàn hiểu Gustav cần gì ở y. Trong lúc họ đi, cô muốn ngáp chỉ vì bộ dạng gầy gò rầu rĩ của y. Nhưng trong rạp xi-nê, cô quên y và tựa bờ vai hờ hững vào y. Các bóng ma nói chuyện với nhau bằng giọng kèn. Nam tước nhấp môi vào bia và cẩn thận đặt cốc xuống — với tiếng nện của viên đạn đại bác bị đánh rơi.

Sau đó nam tước bị tóm. Ai mà nhận ra được tên trùm lừa đảo trong y? Người ta săn đuổi y một cách nồng nhiệt, điên cuồng. Ô tô lao đi với tiếng nổ rầm rầm. Trong hang ổ đạo tặc, người ta đánh nhau bằng chai lọ, bàn ghế. Mẹ bắt đứa con mê ly phải đi ngủ.

Khi mọi chuyện kết thúc, Romantovski lê chân vào bóng tối mát mẻ, Anna la lên:

— Ôi, hay làm sao!..

Y đằng hắng và lát sau lên tiếng:

— Đừng nói quá. Mọi chuyện này trên thực tế — buồn hơn nhiều.

— Chính anh buồn ấy, — cô phụng phịu cãi lại, rồi cười khẽ, nhớ lại đứa bé kháu khỉnh ấy.

Đằng sau, vẫn giữ khoảng cách ấy, hai anh em bám theo họ. Cả hai đều buồn. Cả hai chất chứa năng lượng buồn. Anton buồn bã nói:

— Chả ra làm sao cả — đi chơi với vợ chưa cưới của người khác.

— Nhất là vào chiều thứ Bảy, — Gustav nói.

Một vị khách bộ hành đi sóng hàng với họ, tình cờ liếc mặt họ và bất giác bước mau hơn.

Dọc các hàng rào, gió đêm lùa rác xạc xào. Nơi ấy vắng và tối. Bên trái, trên con kênh, đôi nơi nhấp nháy ánh đèn. Bên phải, những ngôi nhà phác vội đang ngoáy lưng đen về khoảng đất trống. Một lát sau, hai anh em rảo bước.

— Mẹ với chị ở quê, — Anna nói khẽ khàng và khá đầm ấm giữa đêm êm đềm. — Khi em đi lấy chồng, có lẽ chúng em sẽ về đó với họ. Chị em hè năm ngoái...

Romantovski chợt quay lại.

— Hè năm ngoái trúng sổ xố, — Anna nói tiếp, và cũng máy móc quay lại.

Gustav huýt vang.

— Ôi, bọn họ đấy! — Anna kêu lên và cười hớn hờ. — Ôi, ôi, thật là!...

— Xin chào, xin chào, — Gustav nói giọng hỗn hển và vội vã. — Mà làm gì ở đây với vợ chưa cưới của tao vậy hả con lừa?

— Tôi có làm gì đâu, chúng tôi vừa mới...

— Hả, hả, — Anton nói và thu tay lại rồi thụi vào dưới sườn y.

— Làm ơn đừng đánh nào. Các anh biết quá rõ là...

— Để anh ấy yên đi, các bạn, — Anna vừa cười vừa nói.

— Phải dạy cho nó một bài học, — Gustav nói, hăng máu lên và, với cảm giác khoan khoái không chịu nổi, nghĩ đến việc gã cũng sắp theo gương ông em đụng đến những cái sụn ấy, cái cột sống giòn tan ấy.

— Nhân thế, tôi từng gặp phải một chuyện tức cười, — Romantovski bắt đầu nói liến thoắng, nhưng ngay lúc ấy Gustav bắt đầu xoáy vào xương sườn y cả năm bước nắm tay khổng lồ của mình, và việc đó đau đớn khôn tả. Giật bắn người, Romantovski trượt chân, chút nữa thì ngã, mà ngã nghĩa là có thể chết luôn ở đó.

— Cho anh ấy đi đi, — Anna nói.

Y quay lại và vừa ôm sườn vừa bước tới, dọc theo những hàng rào tối, xạc xào. Hai anh em đi theo y, gần như giẫm vào gót chân y. Gustav mệt lả, gằm gừ, tiếng gằm gừ ấy có thể sắp biến thành cú nhảy ngay bây giờ.

Xa xa phía trước lấp ló ánh sáng cứu nguy — nơi đó có con phố sáng đèn, — và mặc dầu đó chắc hẳn chỉ là một ngọn đèn đường nào đó tỏa sáng mà thôi, nhưng dường như nó, cái lỗ khoét giữa màn đêm ấy, chính là ánh đèn lễ hội tuyệt đẹp, là vùng hào quang hạnh phúc, đầy ắp người giải cứu. Y biết nếu bắt đầu chạy thì sẽ hỏng hết, vì không

thể kịp chạy đến nơi; cần đi bình tĩnh và đều, như vậy có thể sẽ đến nơi, và yên lặng, không áp tay sát vào bên sườn bốc hỏa. Y thong thả bước, vút lên theo thói quen, và dường như y cố tình làm điều đó để nhạo báng, — lại còn có thể vút lên nữa chứ.

Giọng Anna:

— Gustav, để anh ấy yên đi. Rồi anh sẽ không kiềm chế được, tự anh biết đấy, — nhớ lại đi, có lần đã vậy rồi, khi anh với gã thợ đá...

— Câm đi, con khốn, anh ấy biết phải làm gì!
(Đó là giọng Anton.)

Giờ đã vào vùng sáng, nơi có thể phân biệt được cả lá dẻ, cả, hình như, một cột đá, và đằng kia, bên trái, một cây cầu, — từ đây đến ánh sáng ngắt ngậy ấy, — giờ thì, giờ thì đã không quá xa... Nhưng dẫu sao vẫn không nên chạy. Và mặc dù y biết làm vậy là sai, là chết, nhưng y vẫn bất chấp ý chí, bất ngờ vút lên và thở gấp, lao tới trước.

Y chạy và dường như vừa chạy vừa cười hô hố. Gustav đuổi kịp y bằng hai cú nhảy. Cả hai ngã lăn quay, giữa tiếng lạo xạo và xào xạc dữ dội có một âm thanh đặc biệt, trơn tuột, một, thêm một

nữa — lút cán, — và khi đó Anna tức thì bỏ chạy vào bóng tối, tay giữ mũ.

Gustav đứng dậy. Romantovski nằm dưới đất, dặng hẳng và nói tiếng Ba Lan. Tất cả ngừng bật.

— Giờ thì biến thôi, — Gustav nói. — Tao xiên nó rồi.

— Rút ra, — Anton nói. — Rút khỏi nó.

— Rút rồi, — Gustav nói. — Tao xiên nó kinh thật!

Họ chạy, nhưng không về phía ánh sáng, mà qua mảnh đất trống tối om, và khi đã đi vòng qua nghĩa trang, ra tới một ngõ hẻm, thì họ nhìn nhau và đi bình thường.

Về đến nhà, họ lập tức lăn ra ngủ. Anton mơ thấy gã ngồi trên cỏ, có chiếc xà lan trôi ngang qua gã. Gustav chẳng mơ thấy gì.

Mới sáng ra cảnh sát đã xuất hiện, họ lục soát phòng kẻ thiệt mạng và tra hỏi Anton gì đó, do y ra gặp họ. Gustav vẫn nằm trên giường — no nê, ngái ngủ, đỏ ửng như giấm-bông Westphalian, với đôi lông mày trắng dựng đứng.

Một lát sau, cảnh sát bỏ đi, còn Anton quay lại. Gã trong trạng thái lạ thường, cười sặc sụa và vừa ngồi xuống vừa khẽ nắm tay này vào lòng bàn tay kia.

— Buồn cười quá! — gã nói. Anh biết nó là ai không? — Thợ mã!

Thợ mã theo họ có nghĩa là kẻ làm bạc giả. Và Anton kể lại là gã dò ra được: hóa ra y có chân trong một băng đảng, vừa mới ra tù, trước đó thì về tiền; chắc y bị tòng phạm đâm.

Gustav cũng cười rung cả người, nhưng sau đó bỗng thay đổi nét mặt.

— Thăng bọm đã lén lút lừa ta! — gã kêu lên và trần truồng chạy đến cái tủ, nơi cất ống tiền.

— Không sao đâu, tiêu được thôi, — Anton nói. — Ai không biết thì cũng chẳng phân biệt được.

— Ừ, mà đúng là thăng bọm, — Gustav nhắc lại.

Romantovski đáng thương của tôi! Tôi thì cứ nghĩ cùng họ, là cậu thực sự rất đặc biệt. Xin thú nhận, tôi nghĩ cậu là một nhà thơ tuyệt vời, vì nghèo mà buộc phải sống ở cái khu đen tối đó. Tôi

nghĩ, xét theo vài dấu hiệu, là đêm đêm cậu — bằng cách sửa thơ hoặc chăm chút một ý tưởng đang thành hình — ăn mừng một chiến thắng bất khả xâm phạm trước hai anh em ấy. Romantovski đáng thương của tôi! Giờ thì mọi chuyện đã kết thúc. Các vật thể được tập trung lại sẽ tản đi lần nữa, tiếc thay. Cây dương nhỏ nhặt nhòa dần và, tự nhổ mình lên, quay về nơi mà từ đó nó đã bị mang đi. Bức tường gạch tan biến. Các ban công nhỏ bị đẩy vào hết cái này đến cái khác, và ngôi nhà xoay mình, trôi đi. Hết thấy trôi đi mất. Sự hài hòa và ý nghĩa cũng phân rã. Thế giới lại đọa đày tôi bằng sự trống rỗng tạp nham của nó.

Tưởng nhớ L. I. SHIGAEV

Leonid Ivanovich Shigaev từ trần... những dấu chấm phổ biến trong các bài cáo phó có lẽ nhằm miêu tả dấu vết những lời đã nhón gót đi qua — để lại dấu chân trên đá hoa cương — nối đuôi nhau, một cách tôn kính... Tuy nhiên, tôi muốn phá tan sự im lặng hằm mộ này. Hãy cho phép tôi nhé... Vỗ vện vài thứ rời rạc, rối rắm, thực ra thì cũng chẳng cần... Nhưng sao cũng được. Tôi làm quen với y từ mười một năm trước, vào một năm kinh khủng với tôi. Tôi thật sự đã

chết. Hãy hình dung một gã trai còn trẻ, còn rất trẻ... bất lực, cô đơn, với tâm hồn luôn bị kích động — không nên đụng đến — hết như “thịt sống”, — ngoài ra lại còn không thắng được những nỗi thống khổ của một mối tình bất hạnh... Tôi cho phép mình dừng lại ở thời điểm này.

Không có gì đặc biệt ở ả, ở cô gái Đức mảnh khảnh, tóc ngắn ấy, nhưng những khi tôi nhìn ả, nhìn cái má chấy nắng, nhìn mái tóc vàng dày, buông tròn từ đỉnh đầu xuống gáy, với những lọn sáng, vàng và ô-liu đan xen, tôi những muốn tru lên vì sự dịu dàng, vì sự dịu dàng không sao xếp được vào tôi một cách giản đơn và tiện lợi, mà cứ vướng vào cửa, ì ra đó, cồng kềnh, với các góc dễ gãy, và chẳng ai cần đến, nhất là cô nàng ấy. Phát hiện ra, nói ngắn gọn, là mỗi tuần một lần, ở ngay nhà mình, ả phản bội tôi với một quý ông đàn ông hoàng, là người cha trong một gia đình, một kẻ, nhân thể nói luôn, mang theo người cả cặp nòng giày cho đôi giày riêng — tính cẩn thận quý quái. Mọi chuyện này kết thúc bằng tiếng một cú vả khùng khiếp như trong rạp xiếc: con phản bội lăn xuống thế nào thì vẫn nằm lại như vậy, thành một cục, mắt lấp lánh nhìn tôi qua kẽ ngón tay, — nói chung là có vẻ rất hả hê. Tôi máy móc kiểm xem có gì để ném vào ả; nhìn thấy cái bình sứ đựng

đường mà tôi tặng ả hồi lễ phục sinh; kẹp cái bình ấy dưới nách và đi về, không quên sập cửa.

Lưu ý: đó chỉ là một trong các phương án khả thi để chia tay ả; tôi nhiều lần chọn đi chọn lại chúng, những khả năng bất khả ấy, khi, ngay từ đợt sốt đầu tiên của cơn mê sảng say xỉn của mình, tôi nhớ lại, hình dung đủ thứ khác nhau — nào là khoái cảm thô bạo ở lòng bàn tay, nào là phát súng từ khẩu pa-ra-ben-lom cũ, vào ả và vào mình, vào ả và vào thằng cha chủ gia đình ấy, chỉ vào ả, chỉ vào mình — nào là, rốt cuộc, sự mĩa mai lạnh nhạt, nỗi buồn phong nhã, sự im lặng... — ôi, thiếu gì cách, — từ lâu tôi quên mất thực sự đã thế nào. Ông chủ nhà hồi ấy của tôi, một người Berlin cao lớn, mang trên cái gáy mụn nhọt một miếng cao dán thường trực, màu hồng ghê tởm, với ba cái lỗ tế nhị, để thông hơi hay chảy mủ, chẳng rõ, — còn tôi làm ở một nhà xuất bản sách Nga, ở chỗ hai quý ông nhìn lơ đãng, nhưng trên thực tế là những kẻ cực kỳ bủn xỉn, cực kỳ gian xảo, đến nỗi khi nhìn họ, người không quen có thể thấy đau thắt ngực, như khi trèo lên đến những đỉnh cao lơ lửng trên mây. Khi tôi bắt đầu tới trễ và vắng mặt, với trạng từ không thể tránh khỏi “thường xuyên”, hoặc xuất hiện trong trạng thái mà họ buộc phải bảo tôi đi về nhà, thì quan hệ giữa chúng tôi trở nên

không thể chịu đựng nổi, và rốt cuộc, nhờ các nỗ lực chung, với sự hợp tác hăng hái của kế toán viên và ai đó không rõ, ghé vào với một bản thảo, tôi bị quăng ra đường.

Tuổi xuân bất hạnh của tôi, tuổi xuân đáng thương của tôi! Tôi thấy rõ như ngay đây căn buồng khủng khiếp mà tôi thuê mất hai mươi lăm mác mỗi tháng, những bông hoa khủng khiếp trên giấy dán tường, cái bóng đèn khủng khiếp trên dây, cháy suốt đêm một thứ ánh sáng rờ rại... Ở đó, tôi đã khốn khổ biết bao, đã khốn khổ một cách bất nhả và xa xỉ biết bao, đến nỗi những bức tường của nó cho đến bây giờ hẳn là vẫn còn đượm mùi bất hạnh và mê sảng, và không thể nào mà sau tôi lại có ai đó vui vẻ cư trú trong đấy, huyết sáo khe khẽ, — và tôi cứ có cảm giác là ngay cả bây giờ, sau mười năm, ngồi trước tấm gương lung lay ấy vẫn là chàng thanh niên râu đen, xanh xao, với cái trán bóng, mặc độc một chiếc sơ-mi rách, nốc rượu cồn, chạm cốc với bóng mình. Ôi thời ấy mới vui làm sao! Tôi không chỉ không cần bất cứ ai trên đời, mà thậm chí không thể hình dung ra những tình huống mà ai đó có việc gì đến tôi.

Do nghiện rượu lâu ngày, ngoan cố, đơn côi, tôi đã đưa mình đến những ảo ảnh thô tục nhất, mà cụ thể là — đến chính cái ảo giác thuần Nga

nhất: tôi bắt đầu thấy quý. Tôi thấy chúng mỗi chiều, ngay khi vừa ra khỏi giấc ngủ lơ mơ ban ngày, để dùng ánh sáng ngọn đèn tội nghiệp của tôi mà xua đi buổi chạng vạng đang nhận chìm chúng tôi. Vâng: thậm chí còn rõ hơn giờ đây tôi đang thấy đôi tay luôn run rẩy của mình, tôi đã thấy những kẻ ngụ cư khét tiếng ấy và lúc gần cuối thậm chí còn quen với sự hiện diện của chúng, vì lẽ chúng không quá quấy quả tôi. Chúng không lớn, nhưng khá béo, kích thước cỡ con cóc phát phì, hiền hòa, lơ dờ, da đen, nhiều mụn cơm. Chúng hay bò hơn đi, và bất chấp hết thấy sự vụng về giả tạo của mình, chúng vẫn rất khó bị bắt. Còn nhớ, tôi mua cái roi đánh chó, và khi chúng vừa mới tụ tập lại đủ nhiều trên bàn, tôi thử quất bay chúng — nhưng chúng tránh được cú đánh một cách kỳ lạ; tôi lại quất roi... Một trong số chúng, ở gần nhất, chỉ chớp mắt, nhúu cong mắt lại, như một con chó căng thẳng mà người ta muốn hăm dọa để xua khỏi một thứ dơ dáy đầy cảm dỗ nào đó; những con còn lại thì kéo lê các chân sau, bò tản ra... Nhưng cả bọn lại lén lút dồn thành đống trong lúc tôi lau khỏi bàn chỗ mực đổ và nhấc bức chân dung lật úp. Nói chung, chúng tụ tập dày hơn cả ở vùng quanh bàn tôi; xuất hiện từ đâu đó bên dưới rồi, không vội vã, lệt sệt và nhóp nhép những cái bụng nhóp nháp, trèo lên — với cái kiểu lính thủy

truyện tranh — theo các chân bàn mà tôi đã thử bơi va-dơ-lin, nhưng làm vậy cũng chẳng tác dụng gì, và chỉ khi mà tôi lựa lấy một con khố ngon lành đang tập trung leo lên trên, rồi nện bằng roi hay ủng thì nó mới ngã lên sàn với tiếng động cóc béo, vậy mà sau một phút, thật bất ngờ, nó đã mò lên từ góc khác, thè cái lưỡi tím ra vì găng sức, — sau đấy nó mò qua và nhập lại với đồng đội. Chúng rất đông, thoát đầu tôi tưởng cả bọn giống hệt nhau: đen, với cái mặt sừng húp nhưng khá hiền lành, chúng tụ thành từng nhóm năm, sáu con, ngồi trên bàn, trên giấy, trên tập thơ Pushkin — và dừng dừng nhìn tôi; một con khác lấy chân gãi lên sau tai, cào riết ráo bằng các vuốt dài, sau đó dờ ra, quên mất cái chân; con khác nữa lim dim ngủ, trèo lên bàn bên cạnh mình một cách rất bất tiện, tuy nhiên con kia cũng trả đũa đích đáng: sự bất nhã qua lại của loài bò sát, biết cách dờ ra ở những tư thế khó hiểu. Dần dần tôi bắt đầu phân biệt được chúng và thậm chí dường như còn cho chúng những cái tên tương đồng theo các con vật tôi quen hoặc khác nhau. Có con lớn hơn và nhỏ hơn (mặc dù tất cả chỉ cỡ xách tay), góm guốc hơn và lịch thiệp hơn, có các cục bướu hoặc u, và hoàn toàn nhẵn nhụi... Vài con còn nhổ vào nhau... Có lần chúng đưa theo một con mới, bạch tạng, nghĩa

là màu xám tro ngả trắng, vời mắt như hạt trứng cá đỏ; nó rất ngái ngủ, rầu rĩ và lờ lờ đi mất.

Bằng các nỗ lực ý chí, trong giây lát tôi chế ngự được bùa mê; đó là một nỗ lực đón đau, vì phải đẩy lui và giữ xa ra một khối sắt nặng khủng khiếp, mà với nó thì toàn bộ bản thể tôi hoạt động như cục nam châm, — chỉ cần hơi thả lỏng, buông lơi, và giấc mơ lại thành hình, san định, trở thành lập thể, — và tôi cảm thấy sự nhẹ nhõm lừa đảo — tiếc thay, đó là sự nhẹ nhõm tuyệt vọng, — khi tôi lại chịu thua giấc mơ, và một đống lạnh lẽo những kẻ vụng về da dày lại ngồi trên bàn trước mặt tôi, ngái ngủ và cứ nhìn vào tôi như thể chờ đợi. Tôi không chỉ thử dùng roi, tôi thử cả phương pháp cổ xưa và lừng lẫy, mà giờ đây tôi không tiện phổ biến về nó, hơn nữa, chắc tôi đã dùng nó không phải lối, rất không phải lối. Tuy nhiên, lần đầu nó cũng công hiệu: một động tác tay nổi tiếng, liên quan đến sự sùng đạo, được làm chậm rãi ở độ cao mười véc-sốt trên đống đông nghẹt tà ma, lướt qua nó như cái bàn ủi nóng đỏ — với tiếng xèo xèo mọng nước vừa kinh tởm vừa dễ chịu làm sao, và, quần quai vì bỏng, lũ khốn của tôi giãn rộng ra rồi rơi bồm bộp, chín ngấu xuống sàn... nhưng khi tôi nhắc lại thí nghiệm trên cuộc tụ họp mới của chúng, thì tác động tỏ ra yếu đi nhiều, sau

đó chúng nói chung thôi phản ứng lại, nghĩa là ở chúng đã hình thành rất nhanh tính miễn dịch nào đấy, — nhưng thôi, về chuyện này vậy là đủ rồi... Bật cười — tôi còn biết làm gì khác? — bật cười, tôi thốt lên một tiếng “phù” (nhân thế, đó là từ chêm duy nhất mà tiếng Nga vay mượn từ vựng của quý; hãy xem cả “Teufel” (quỷ) của tiếng Đức) và, không thèm cởi quần áo, tôi nằm ngủ — trên chăn, tất nhiên, vì sợ không khéo lại gặp phải khách không mời. Ngày ngày trôi qua như vậy — nếu như có thể nói về ngày, — đó không phải ngày, mà là màn sương phi thời gian, và khi tôi tỉnh giấc, thì hóa ra tôi đang lăn trên sàn, vật lộn với ông chủ nhà vạm vỡ của mình giữa đồng hồ đặc hỗn độn. Bằng cú lao tuyệt vọng, tôi vùng thoát được và bay khỏi phòng, rồi từ đó ra cầu thang, — rồi bước trên phố, run rẩy, lôi thôi, với mẩu băng dính kính tởm nào đó của người lạ cứ bám vào các ngón tay, với cơn đau nhức trong người và tiếng ngân trong đầu, — nhưng gần như hoàn toàn tỉnh táo.

Đó là lúc mà L. I. âu yếm tôi, “Có chuyện gì vậy, anh bạn?” (Chúng tôi đã quen biết sơ sơ, y đến nhà xuất bản, biên soạn cuốn từ điển bỏ túi thuật ngữ kỹ thuật Nga-Đức nào đó). “Đứng lại nào, anh bạn, hãy nhìn mình xem...” Ngay trên góc

phổ đó (y vừa ra khỏi tiệm giò, với bữa tối trong cặp) tôi khóc nức nở, và khi ấy, không nói lời nào, L. I. đưa tôi về chỗ mình, đặt nằm lên đi-văng, cho tôi ăn giò lòng và nước hầm thịt bò, đắp ngang người tôi chiếc bành-tô bông với cổ lông cừu non xài xạc, tôi run rẩy khóc, sau đó ngủ thiếp đi ngay.

Nói ngắn gọn, tôi ở lại chỗ y, sống thế đôi tuần, sau đó thuê phòng ngay bên cạnh, và chúng tôi tiếp tục gặp nhau hằng ngày. Mà nghe chừng — giữa chúng tôi có gì chung nhỉ? Khác hết! Y già hơn tôi gần gấp đôi, thiết thực, ưa nhìn, béo tốt, thường mặc áo lễ vạt để, tươm tất và đảm đang, như phần lớn đàn ông độc thân đảm đang của chúng ta: phải thấy, và quan trọng là phải nghe, với sự cẩn thận đến thế nào mà sáng ra y chải sạch quần, — tiếng bàn chải ấy gắn liền với y, đứng đầu trong ký ức về y, — đặc biệt là nhíp chải, đặc biệt là các khoảng ngừng giữa các đợt nạo, khi y dừng lại và ngắm nghía chỗ đáng ngờ, cào móng lên nó hay nhấc ra trước ánh sáng... — ôi, những thứ khôn tả này (như y gọi chúng), những thứ để sắc thanh thiên lọt vào đầu gối, những thứ khôn tả của y, những thứ thăng hoa khôn tả do được nhấc lên này!

Trong phòng y là sự sạch sẽ chất phác của cảnh nghèo. Y đóng lên thư con dấu (con dấu!) địa

chỉ và số điện thoại của mình. Y biết nấu món bốt-vin-na¹. Y có thể khoe hàng giờ một thứ gì đó mà theo lời y thì hết sức thiên tài, nhất là chiếc khay cài cổ hay cái bật lửa mà một gã ma-cà-bông khéo miệng nào đó bán cho y (trong khi chính L. I. lại không hút thuốc), hay các môn đồ của mình — ba con rùa nhỏ với những cái cổ ghê tởm như của bà già; một trong số chúng chết trước mặt tôi sau khi rớt khỏi cái bàn mà trên đó nó thích bò — với vẻ ngoài của một phế nhân vội vã — quanh mép, cứ nghĩ là sẽ đi thẳng mãi, xa mãi, xa mãi. Và thêm nữa: lúc này tôi nhớ lại mới rõ làm sao — trên tường, trên đầu chiếc giường bóng như giường tù của y, — hai bức tranh khắc gỗ (cảnh nhìn ra Nhê-va từ sau tháp mũi tàu và bức chân dung Alexandr I), mà y tình cờ mua được vào phút giây buồn nhớ đất nước, một cảm giác mà y phân biệt với nỗi buồn nhớ quê hương.

L. I. hoàn toàn không có khiếu hài hước, hoàn toàn thờ ơ với nghệ thuật, với văn chương và với thứ vẫn được gọi là thiên nhiên. Nếu như cuộc đàm đạo quay qua, chẳng hạn, thơ, thì y sẽ lảng tránh bằng các câu như thế: “Không, quý vị có nói

¹ Một món ăn lạnh của Nga, từ nước cừ-vát và cá, củ cải, hành.

gì đi nữa, thì Lermontov cũng gần gũi sao đó với chúng ta hơn là Pushkin”; khi tôi phiên y trích từ Lermontov dẫu chỉ một dòng, y rõ ràng là ráng ngẫm nghĩ để nhớ được gì đó từ một vở ô-pê-ra của Rubinstein hoặc trả lời: “Lâu lắm rồi tôi không đọc lại, mọi việc này thuộc về thời đã qua lâu rồi, nói chung hãy để tôi yên đi, Victor yêu quý”. Thật ngẫu nhiên, y không nhận ra là đã trích lại từ vở *Ruslan và Ludmila* của Pushkin. Vào các chủ nhật mùa hè, y thường xuyên ra ngoài thành phố đi chơi, vả lại y biết về ngoại ô Berlin một cách cặn kẽ lạ thường và tự hào với sự am hiểu về “những nơi tuyệt diệu” mà người khác không hề hay biết, — đó là sự khoan khoái trong sáng, tự phụ, có lẽ là gần gũi với niềm hân hoan của các nhà sưu tập, với nỗi đam mê của những người yêu ca-ta-lô, nếu không thì không thể hiểu được vì sao lại cần mọi chuyện ấy: sự sắp đặt lộ trình tỉ mỉ ấy, sự cân nhắc các cách đi lại ấy — đến đấy bằng tàu hỏa, quay về bằng tàu thủy tới chỗ nào đó, còn ở đó thì lại đi xe buýt, và chỉ tốn bao nhiêu đó thôi mà chẳng một ai, thậm chí chính người Đức, lại biết là rẻ như vậy. Nhưng khi tôi với y rớt cuộc cũng đứng giữa rừng thì mới vỡ lẽ ra là y không phân biệt được ong mật với ong đất, cây trăn với cây sắn, còn mọi thứ xung quanh thì được y nhận thức một cách hoàn toàn ước lệ và như thể chung chạ: cây cối, thời tiết (y

gọi đúng như vậy về thời tiết đẹp), vương quốc loài chim, côn trùng đủ loại, — và y thậm chí còn phật ý nếu như tôi, một kẻ lớn lên ở quê, nhận xét cho vui về những gì mà thiên nhiên ngoại thành khác với thiên nhiên miền trung nước Nga: y cho là không có sự khác biệt đáng kể nào cả, hết thấy là do các liên tưởng đa cảm mà thôi.

Y thích nằm dài trong bóng râm trên cỏ, dựa lên khuỷu tay phải và thảo luận dông dài về tình hình quốc tế hoặc kể lể về người em Vasiliy của mình, — hiển nhiên là một chàng trai can đảm, một gã mê gái, một nhạc công, một kẻ hay gây gổ, — từ thời kỳ tiền sử đã bị chết chìm trên sông Đơ-ni-ép vào một đêm hè, một cái chết rất lộng lẫy... Nhưng mọi chuyện này trong diễn tả của L. I. đáng yêu lại thành ra buồn bã đến nỗi, xác đáng đến nỗi, tròn trịa đến nỗi mà thỉnh thoảng, trong thời gian nghỉ chân giữa rừng, khi y bỗng dừng hỏi với một nụ cười tử tế: “Như tôi chưa bao giờ kể anh nghe Vasiya đã cưỡi trên lưng con dê cái của mục sư thế nào nhỉ?” — tôi những muốn hét lên: “kể rồi, kể rồi, — vì Chúa, hãy tha cho tôi!”

Tôi có thể trả mọi giá miễn có thể ngay bây giờ lại được nghe những lời nhạt nhẽo của y, được nhìn đôi mắt lơ đãng đáng yêu, chỗ hói hồng lên vì nóng và thái dương điểm bạc của y... Sức hấp

dẫn của y ẩn giấu ở đâu nhỉ, một khi mọi thứ đều buồn đến thế? Vì lẽ gì mà ai ai cũng yêu mến y đến thế, quần lấy y đến thế? Y đã làm gì để được yêu đến thế? Tôi không biết. Tôi không biết trả lời sao. Tôi chỉ biết là tôi thấy bất an khi sáng ra y đi đến trường đại học của mình (nơi y dành thời gian để đọc “Đời sống Kinh tế”, mà từ đó y biên ra bằng nét chữ nhỏ li ti những chỗ theo y là hết sức đặc sắc và quan trọng) hay đến giờ phụ đạo riêng tiếng Nga mà từ lâu y đã dạy cho một cặp đôi rất già và con rể của một cặp đôi rất già; sau khi tiếp xúc với họ, y rút ra nhiều kết luận sai về lối sống Đức, thứ mà giới trí thức của chúng ta (dân tộc không có óc quan sát nhất trên thế giới) tự cho mình là những kẻ am hiểu. Vâng lúc ấy tôi đã thấy bất an, chẳng khác nào tôi linh cảm được là y sẽ gặp cái chuyện mà giờ đây y gặp ở Pra-ha: vỡ tim trên phố. Mà khi đi nhận chức ở chính thành phố Pra-ha ấy, y đã hạnh phúc làm sao, đã rạng rỡ làm sao... Tôi còn nhớ một cách sinh động lạ thường về lúc chúng tôi tiễn y đi. Hãy nghĩ xem — con người nhận được cơ hội giảng bài về môn mình yêu thích? Y để lại cho tôi cả đồng tạp chí cũ (chẳng có gì cũ đi và bám bụi nhanh như tạp chí Sô-viết), những cái nòng giày (những cái nòng giày tiền định săn đuổi tôi) và cây bút máy mới tinh (để kỷ niệm). Y rất lo lắng về tôi khi ra đi, —

và tôi biết là sau này, khi sự trao đổi thư từ của chúng tôi không hiểu sao lại nhạt dần rồi thôi hẳn, và đời tôi lại rơi vào bóng tối — vào cái bóng tối ngàn giọng thét gào, mà từ đó vị tất tôi đã đào thoát nổi, — tôi biết, tôi nói, rằng L. I. nghĩ nhiều về tôi, hỏi han người nọ người kia, thử giúp đỡ gián tiếp... Có một ngày hè tuyệt đẹp, khi y ra đi; mất vài người đi tiễn đã ăng ạng nước; tiểu thư Do-thái cận thị đeo găng tay trắng, cầm kính nhòm, đem theo cả bó anh túc và cúc thỉ xa; L. I. vụng về ngửi chúng và cười. Liệu tôi có nghĩ là đang được thấy y lần cuối hay không?

Dĩ nhiên là có. Tôi đã nghĩ đúng như vậy: thế đấy, tôi đang nhìn thấy anh lần cuối, vì tôi luôn nghĩ như vậy về mọi thứ, về mọi người. Đời tôi — cuộc chia ly liên miên với vật và người, những thứ thường chẳng để ý chút nào đến lời chào cay đắng, rồ dại, nhất thời của tôi.

Vòng

Thứ hai là vì trong hần bùng lên nỗi buồn nhớ diên đại về nước Nga. Thứ ba, rốt cuộc, vì hần nuôi tiếc tuổi xuân hồi ấy của mình — và mọi thứ gắn liền với nó — những giận dữ, vụng dại, nồng nàn, — và những ban mai xanh lóa khi trong khu rừng nhỏ có thể điếc đặc vì tiếng vàng anh. Ngồi trong tiệm cà phê và cứ pha loãng vị ngọt phai màu bằng dòng nước từ xi-phông, hần nhớ về dĩ vãng với trái tim thắt lại, với nỗi

buồn — với nỗi buồn nào nhỉ? — vâng với nỗi buồn vẫn chưa được chúng ta nghiên cứu đến nơi đến chốn. Mọi dĩ vãng này trỗi dậy cùng với bộ ngực phồng lên vì hơi thở, — và người cha quá cố của hắn từ từ trỗi lên, ưỡn vai: Ilya Ilyich Bychkov, *le maître d'école chez nous au village*¹, đeo cà vạt đen thắt nút sang trọng, mặc vét-tông tuyết-xo cài cao theo kiểu cổ, nhưng phanh ra cũng cao, — sợi dây chuyền ngang áo gi-lê, mặt hơi đỏ, đầu hói, tuy nhiên được phủ gì đó như lông mềm, thứ thường mọc trên gạc hươu xù, — rất nhiều nếp nhăn trên má, và bộ ria mềm, và mụn cóc dày cui bên mũi, chẳng khác nào cái lỗ mũi mập lại cuộn thêm lần nữa.

Thời học sinh, rồi sinh viên, Innokentiy thường đến Leshino thăm cha vào các kỳ nghỉ, — và nếu đào sâu hơn thì có thể nhớ được là người ta phá trường cũ ở cuối làng rồi xây mới thế nào. Lễ khởi công, lễ tạ ơn trong gió, bá tước Konstantin Godunov-Cherdyntsev ném tiền vàng, đồng xu rơi cắm mép vào đất sét... Trong tòa nhà đá-hạt mới này, vài năm liên tiếp — và đến tận bây giờ, tức là theo những gì được đưa vào biên chế hồi ức — vẫn còn phảng phất mùi keo tươi

¹ Thầy giáo làng của chúng tôi. (Tiếng Pháp.)

tĩnh; trong các lớp học lấp lánh những giáo cụ khác nhau — chẳng hạn những bức chân dung côn trùng có hại trong rừng và trên đồng cỏ... song những thứ đặc biệt chọc tức Innokentiy là các con chim nhồi mà Godunov-Cherdyntsev tặng. Muốn bốn cọt mọi người. Vâng, hẳn thấy mình như một kẻ hạ lưu nghiêm nghị, hẳn bị bóp nghẹt bởi sự căm thù (hay căm thấy vậy), khi nhìn qua sông vào khu trang viên cấm kị, quý tộc, cổ kính, soi các bóng đen khổng lồ xuống nước (và bỗng dừng — cây dã anh như đám mây sữa giữa những lá kim).

Trường mới xây ngay ngưỡng thế kỷ: khi Godunov-Cherdyntsev quay về từ chuyến đi thứ năm của mình đến Trung Á, qua mùa hạ với cô vợ trẻ — ông ta già hơn cô đúng gấp đôi — ở điền trang Petersburg của mình. Xuống đến độ sâu nào thế này, Chúa ơi! — trong màn sương mập mờ óng ánh pha lê, hết như mọi chuyện này diễn ra dưới nước, Innokentiy thấy mình gần như một đứa trẻ đi cùng cha vào thái ấp, trôi theo các căn phòng tuyệt đẹp, — cha đi nhón chân, giữ trước người một bó linh lan rọt rẹt ẩm ướt, — và mọi thứ dường như đều ẩm ướt: rạn rở, rọt rẹt và rung rinh — và chẳng thể nào phân biệt được gì hơn, — nhưng chuyện ấy lại biến hồi ức sau này thành nỗi hổ thẹn — những bông hoa, cách đi nhón chân

và thái dương đỏ mờ hôi của Ilya Ilyich trở thành các biểu tượng bí mật, sự khúm núm, đặc biệt khi hẳn biết là cha đã được “ông chủ của chúng ta” gỡ thoát khỏi một rắc rối chính trị tuy vất vả nhưng khá dai dẳng — có thể đã bị dày đi nơi thâm sơn cùng cốc nếu như không có sự bảo vệ của Bá tước.

Tanya thường nói là họ có quyền thuộc không chỉ trong vương quốc động vật mà cả trong vương quốc thực vật và khoáng vật. Đúng là vậy: để tỏ lòng kính trọng Godunov-Cherdyntsev, tên ngài đã được đặt cho các loài chim trĩ mới, sơn dương mới, đỗ quỳen mới, thậm chí nguyên cả một dãy núi mới (chính ngài lại miêu tả chủ yếu về côn trùng). Tuy nhiên, các khám phá ấy của ngài, các công lao khoa học và muôn ngàn hiểm nguy mà sự xem thường chúng đã làm ngài nổi tiếng, cũng không thể ép được mọi người có thái độ khoan dung với dòng dõi thể phiệt và sự giàu có của ngài. Ngoài ra, cũng đừng quên những cảm giác của một bộ phận nổi tiếng trong giới trí thức của chúng ta, những kẻ luôn xem thường mọi nghiên cứu thiên nhiên phi ứng dụng và do vậy mà chê trách Godunov-Cherdyntsev về việc ngài

quan tâm đến “lũ bọt La Bốc Bạc¹” hơn nông dân Nga. Thời mới lớn, Innokentiy sẵn lòng tin các câu chuyện (ngu ngốc) về những cô vợ lẽ dọc đường của ngài, những sự tàn bạo theo phong cách Trung Hoa và về sự thi hành các nhiệm vụ bí mật mà chính quyền giao phó, để cố tình chọc tức người Anh. Hình ảnh thật của ngài vẫn mơ hồ: bàn tay không găng, ném xu vàng (còn sớm hơn nữa — khi đi thăm dinh thự — ông chủ bị luống cuống với một người Kalmic bận đồ xanh mà ông gặp ở sảnh). Sau đó, Godunov-Cherdyntsev lại đi Samarkand hay Vernyi² (ông quen bắt đầu chuyến đi chơi của mình từ đó); rất lâu không quay về, gia đình ông hẳn là thích điền trang ở Crum hơn ở Petersburg, còn mùa đông thì họ sống ở thủ đô. Ở đây, trên đường bờ sông, có ngôi biệt thự hai tầng, sơn màu ô-liu của họ. Innokentiy đã tình cờ đi ngang qua: còn nhớ, trong ô cửa sổ kính nguyên tấm, xuyên qua hoa văn vải sa của rèm cửa, hiện lên trắng trắng một bức tượng nữ tính nào đó, — một cái mộng trắng như đường với các lúm đồng tiền. Ban-công được đỡ bởi các cột tượng màu ô-liu với xương sườn dựng đứng: độ căng của các cơ bắp bằng đá và sự nhe răng thiếu não của họ khiến

¹ Bản Anh: Sinkiang. (Tân Cương, Trung Quốc).

² Tên thành phố An-ma A-ta (Алма-Ата) trước năm 1921.

cho cậu bé lớp tám nhiệt huyết ấy thấy như hình ảnh phúng dụ về một người vô sản bị bắt làm nô lệ. Và đôi lần, cũng trên phố bờ sông ấy, vào một mùa xuân Neva lồng gió, hấn gặp tiểu thư Godunov-Cherdyntsev, với con phốc-te-ri-ơ, với nữ gia sư, — họ lướt qua như cơn lốc, — nhưng vẫn rõ làm sao, Tanya khi ấy, cho là, độ mười hai tuổi, — cô rảo bước, chân đi đôi giày buộc dây cao đến gối, bận bành-tô xanh ngấn với khuy vàng hải quân, vạt — bằng gì nhỉ? — hình như là cái dây da dắt chó lên nếp váy xanh của mình, — và làn gió băng trôi vùn vò các ruy-băng trên chiếc mũ lính thủy, và nữ gia sư hối hả đi bên cạnh, hơi tụt lại sau một chút, gập thân hình bận áo lông cừu cara-cun, duỗi một cánh tay ra với bàn tay xỏ khít vào bao lông quần tít.

Hấn sống ở chỗ bà dì (thợ may) tại Okhta, là kẻ cau có, khó gần, học hành vất vả, nỗ lực, với mơ ước tốt bậc về điểm ba¹, nhưng đã làm mọi người bất ngờ khi tốt nghiệp xuất sắc trung học, sau đó vào khoa Y; trong khi ấy thì sự sùng kính của cha hấn trước Godunov-Cherdyntsev kín đáo gia tăng. Một mùa hạ, hấn làm gia sư ở Tver; cũng thời gian đó, vào tháng Sáu năm sau, hấn đến Leshino, và

¹ Theo thang điểm của Nga thì điểm 3 vừa đủ để qua môn.

không phải là không buồn khi biết là điền trang bên kia sông đã hồi sinh.

Nói thêm về con sông này, về bờ cao, về nhà tắm cũ: có thể xuống tới nó, theo các bậc thang, với cóc trên từng bậc, bằng một lối mòn đất sét mà không phải ai cũng tìm được điểm bắt đầu giữa bụi trăn sau giáo đường. Bạn thường xuyên của hắc về khoản sông nước là Vasiliy, con trai người thợ rèn, một cậu bé không xác định được tuổi — chính cậu cũng không biết chính xác là mười lăm hay đã đủ hai mươi — vạm vỡ, thô kệch, bận quần vá, với đôi chân to không giày, màu hao hao giống củ cà rốt bần, và cũng rầu rĩ hết như chính Innokentiy đạo ấy. Các trụ cầu soi bóng phong cầm xuống nước, xoắn lại và duỗi ra; dưới những ván cầu mục của nhà tắm vọng lại tiếng róc rách, nhóp nhép; giun ngo ngoe uế oải trong cái hộp sắt tây vấy bùn từng đưng kẹo trái cây. Mắc một phần giun tươi mọng vào lưỡi câu sao cho không đâu tòi đầu nhọn ra, và nêm thêm cho dững sỡ một bãi nước bọt thần thánh, Vasiliy buông sợi dây cước nặng chì qua lan can. Chiều xuống; ngang trời giăng dài gì đó rộng, tơi, hồng-tím, — dãy núi phiêu diêu cùng các nhánh — và dơi đã lục lạo với sự vô âm nhấn nhá và tốc độ ngu xuẩn của những sinh vật có màng. Lúc ấy, cá bắt đầu cắn câu và, lờ

tật cái cần, đơn thuần giữ trong các ngón tay sợi cước kéo căng, rùng rình, Vasiliy giật từng chút từng chút, cảm thấy độ vững của con kinh giật dưới nước, và bắt ngờ kéo lên một chú cá bống hay cá dầy; một cách cầu thả, thậm chí với tiếng rắc ngang tàng nào đó, y giật lưỡi câu khỏi cái miệng nhỏ, tròn, không răng của con cá mà sau đó y sẽ thả (điên cuồng, với máu hồng trên mang rách) vào cái bình thủy tinh mà trong đó đã có một con cá bống vừa bơi vừa trề môi. Thú nhất là những lúc trời râm, ẩm, khi mưa rơi thềm trong không khí rồi tỏa rộng trên nước thành những vòng tròn giao nhau, đó đây giữa chúng xuất hiện một vòng tròn khác gốc, với tâm điểm bất ngờ, — cá nhảy hay lá rơi, — nhưng, ngay lập tức, lại trôi theo dòng nước. Và sung sướng làm sao khi được tắm táp dưới cơn mưa phùn ẩm áp ấy, trên đường biên giao hòa giữa hai nguyên tố cơ bản cùng loại song được hợp lại theo các cách khác nhau — nước sông dày và nước trời mảnh. Innokentiy tắm khéo rồi xát khăn khắp người. Đám trẻ quê, sau khi vầy nước đến mệt lử, — rốt cuộc cũng lên bờ — và, run rẩy, lập cập rằng, với vệt nước mũi vẫn đục từ lỗ mũi xuống miệng, xỏ quần dài vào đùi ướt.

Mùa hạ ấy hẳn còn cau có hơn bình thường và gần như chẳng nói chuyện với cha, — càng ngày càng lăm bằm và hầm hừ nhiều hơn. Về phía mình, Ilya Ilyich thấy khó xử kỳ lạ trước mặt con, — đặc biệt vì ông nghĩ, với nỗi sợ hãi và sự cảm động, rằng cậu con trai, như chính ông hồi trẻ, đang sống hết lòng trong một thế giới bất hợp pháp chân chính. Phòng Ilya Ilyich: tia nắng lăm bụi; trên cái bàn nhỏ, — tựa tay ông đóng, khắc nóng hoa văn, đánh véc-ni, — tấm ảnh trong khung nhung của bà vợ quá cố, — trẻ trung, bận váy cổ bèo, đeo đai coóc-xê, với gương mặt trái xoan tuyệt đẹp (hình trái xoan của gương mặt trùng với khái niệm sắc đẹp phụ nữ những năm ấy); bên cạnh — cục chặn giấy bằng thủy tinh với phong cảnh óng ánh xà cừ bên trong và chú gà giò bằng vải để chùi ngòi bút; trên khoảng tường giữa hai cửa sổ có bức chân dung Leo Tolstoy, được tạo nên hoàn toàn từ tác phẩm “Kholstomer” in chữ nhỏ li ti. Innokentiy ngủ ở buồng bên, trên đi văng da. Sau một ngày dài, tùy tiện thì giấc ngủ thật tuyệt; nhưng, có lúc, giấc điệp nào đó đảo qua chiều đặc biệt, — sức mạnh của cảm giác như thể vác hẳn ra ngoài vòng ngủ, — và hẳn vẫn nằm yên như vậy một lúc, từ khi tỉnh dậy, sợ nhúc nhích vì kinh tởm.

Sáng sáng hấn đi vào rừng, kẹp chặt cuốn sách giáo khoa dưới nách, hai tay đút sau dây nịt lưng áo cánh trắng cổ lệch. Từ dưới cái mũ lưỡi trai đẩy xiên, mái tóc rủ các lọn nâu, ngoan mục, xuống cái trán gồ ghề, còn cặp mày dính liền thì chau lại, — hấn cũng khá đẹp trai mặc dầu môi quá dày. Trong rừng, hấn ngồi xuống khúc thân bạch dương rất to, mới bị sét đốn ngã (và đến lúc ấy vẫn rung rinh mọi chiếc lá của mình vì cú sét), hút thuốc, chặn cuốn sách để cản đường lũ kiến vội vã hoặc đắm mình vào những suy tưởng u sầu. Là một thanh niên cô đơn, mẫn cảm, dễ giận, hấn có khả năng cảm nhận đặc biệt sắc bén về mặt xã hội của sự việc. Vậy nên hấn thấy kinh tởm mọi thứ chung quanh cuộc sống mùa hạ của gia đình Godunov-Cherdyntsev, — chẳng hạn như đám đầy tớ của họ, — “đầy tớ”, hấn nhắc lại, nghiêng chặt hàm, với sự ghê tởm đậm đặc. Ở đây hấn muốn nói đến gã tài xế béo ú, đến các đốm tàn nhang của gã, bộ đồng phục nhung kẻ, các ống ghệt màu cam, cái cổ áo hồ bột đỡ nếp nhăn hung hung trên cái gáy đỏ gay lên khi, trong lán xe ngựa, gã quay khỏi động chiếc ô tô cũng đáng ghét, bên trong bọc da đỏ bóng lộn; và gã bồi tóc bạc, râu quai nón, cắn đứt đuôi bọn phốc-te-ri-ơ sơ sinh; và gã gia sư người Anh, đôi lúc đi qua làng mà không đội mũ, bận áo mưa và quần trắng, gây cơ

cho các cậu bé bông đùa về “lễ rước kiệu” hay “quần lót dài”; và những mục làm công thường đến vào buổi sáng để giẫy cỏ trên đường cây dưới sự giám sát của một ông già gù điếc đặc mặc sơ mi hồng, với vẻ ngạo mạn đặc biệt kèm sự tận tụy cổ xưa, và vào lúc cuối sẽ quét ngay bậc thềm... Innokentiy, vẫn với cuốn sách ấy dưới nách, — nó ngăn hẳn không chấp tay thành chữ thập được, dù rất muốn, — đứng, tựa vào cây trong trang viên, và rầu rĩ nhìn vào hết cái nọ đến cái kia, vào cái mái lấp lánh của một ngôi nhà trắng còn chưa tỉnh giấc nồng...

Hình như lần đầu hẳn nhìn thấy họ từ một ngọn đồi: trên con đường bao quanh đồi xuất hiện một đoàn người cưỡi ngựa, — phía trước là Tanya, cưỡi như trai trên con ngựa tía cao, bên cạnh cô là chính Godunov-Cherdyntsev, một quý ông rất bình thường trên chú ngựa cu, lông xám chuột, chân reo; sau ông — một người Anh bận quần thụng ống túm; thêm ai đó nữa; rồi đằng sau — em trai của Tanya, một cậu bé tuổi mười ba, không dung thúc ngựa, vượt qua mọi người và phi nước đại về phía núi, chuyển động khuỷu tay như một tay đua.

Sau đó còn thêm những cuộc gặp khác nữa, và rồi... Nào, xin mời: một ngày nóng bức giữa tháng Sáu...

Một ngày nóng bức giữa tháng Sáu, những người phạng cỏ vung vẩy bước dọc hai bên đường, — áo cánh dính vào lúc thì bên phải, lúc lại bên trái xương quai xanh, “Xin Chúa phù hộ”, — Ilya Ilyich nói lúc đi ngang qua; ông đội chiếc mũ pa-na-ma lễ hội, cầm bó hoa dạ đồng thảo. Innokentiy lặng lẽ bước bên cạnh, miệng xoay vần (cẩn hạt hướng dương). Họ đến gần điền trang. Trên sân chơi lau-ten-nít, cũng vẫn ông già hồng diếc bận tạp dề ấy nhúng chổi vào xô, gập người sát đất và từ từ lùi lại, kẻ một đường kem đậm. “Xin Chúa phù hộ”, Ilya Ilyich nói lúc đi ngang qua.

Bàn được bày trên đường cây, nắng Nga lổ đổ chơi đùa trên khăn trải. Bà quản gia, choàng khăn lông, với mái tóc ánh thép chải ngược, đã rót sô-cô-la vào những cái tách xanh sẫm mà các gia nhân mang ra. Trong vườn đông đúc và ồn ào, rất nhiều khách — họ mạc và hàng xóm. Godunov-Cherdyntsev (khá già, với bộ râu vàng tro và những nếp nhăn bên mắt), đặt chân lên ghế băng, chơi với con phốc-te-ri-ơ, bắt nó nhảy, — chó không chỉ nhảy rất cao, cố chụp trái bóng ướt, mà thậm chí còn tìm cách, trong lúc lơ lửng trên

không, uốn nữa ra, với cú giật bổ sung bằng cả thân mình. Elizaveta Godunov đi qua vườn cùng một phụ nữ khác, vung tay, sôi nổi kể gì đó dọc đường, — cao ráo, hồng hào, với chiếc mũ lớn rung rinh. Ilya Ilyich đứng với bó hoa và cúi chào... Trong ảo ảnh sắc sỡ ấy (bởi vì Innokentiy, mặc dầu buổi diễn tập ngắn về sự khinh miệt của thường dân vừa thực hiện hôm qua, vẫn hết sức bối rối) thấp thoáng các thanh niên, những đứa trẻ chạy, chiếc khăn san của ai đó với những cây anh túc rực rỡ trên nền đen, con phốc-te-ri-ơ thứ hai, — và chủ yếu là, chủ yếu là: lướt qua tối sáng, dù vẫn chưa rõ, song đã đe dọa bằng sự khả ái nguy hại, là gương mặt Tanya, người hôm nay tròn mười sáu tuổi.

Mọi người yên vị. Hắn ở ngay chỗ râm cuối bàn, nơi những người ngồi đó không nói chuyện với nhau mấy mà chủ yếu là nhìn nhau, tất cả cùng quay đầu giống nhau về nơi có tiếng xì xào và tiếng cười, và cái bánh ga-tô lộng lẫy màu hồng xatanh, cấm nển, và những tiếng reo hò của lũ trẻ, và tiếng sữa của cả đôi phốc-te-ri-ơ chút nữa thì nhảy cả lên bàn... và ở đây, những kẻ cùng đình như thế được kết nối với nhau bằng các vòng bóng mát lá đoan: Ilya Ilyich cười như đang giữa cơn mê; cô gái xấu xí bận áo dài mỏng manh, bốc mùi mồ hôi vì

hồi hộp; bà già Pháp với đôi mắt ác độc, giữ dưới bàn, trên gối, một sinh vật nhỏ xíu không ai thấy, thỉnh thoảng lại phát ra tiếng lục lạc... Người ngồi cạnh Innokentiy hoá ra là anh trai của quản gia, một gã rất dần, rất chán, lại còn nói lắp; Innokentiy nói chuyện với gã chỉ vì quá sợ im lặng, và mặc dù cuộc đối thoại rất mệt mỏi, nhưng hắn tuyệt vọng bám vào nó, — tuy nhiên sau này, khi đã thường đến đây và tình cờ gặp lại kẻ đáng thương ấy, thì hắn chẳng bao giờ nói chuyện với gã nữa, tránh gã, như tránh một cái bẫy hoặc ký ức ô nhục nào đó.

Một quả cánh từ cây đoan vừa xoay tròn vừa rơi từ từ xuống khăn trải bàn.

Ở đằng kia, nơi giới quý tộc ngồi, Godunov-Cherdyntsev nói lớn tiếng qua bàn với một bà già bận đồ dăng-ten, vừa nói vừa ôm bờ eo mềm của cô con gái đang đứng cạnh và tung quả bóng nhỏ trên lòng bàn tay. Innokentiy vật lộn một lúc với mẩu bánh ga-tô ngon ngọt, nó rơi ra ngoài đĩa, — và đấy, do bị vụng về đụng phải nên nó lăn xuống và, — dưới bàn, — một cục rù rờ đỏ thẫm (ta để mặc nó lại đó luôn). Ilya Ilyich cứ cười ngu ngơ hoặc liếm môi; ai đó nhờ ông chuyển bánh quy, — ông cười ngập tràn hạnh phúc và chuyển đi. Bỗng dưng ngay bên tai Innokentiy vang lên một giọng

nói mau lẹ hỗn hển: Tanya nhìn y, không cười, tay cầm quả bóng, đề nghị — anh muốn đi với chúng tôi không? — và hấn bối rối một cách nồng nhiệt, len ra khỏi bàn, đẩy người bên cạnh, — không thể rút ngay chân phải từ dưới chiếc ghế băng sân vườn ngồi chung.

Họ nói về cô thế này: tiểu thư mới xinh đẹp làm sao; cô có đôi mắt xám sáng rõ dưới cặp mày lông sư tử biển, cái miệng khá lớn, mềm, nhạt, những chiếc răng cửa sắc nhọn, và khi cô không khỏe hay không vui thì lông trên môi cô nổi bật lên. Cô mê mọi trò chơi mùa hè, chơi môn nào cũng khéo, với sự tập trung hết sức quyến rũ, và, dĩ nhiên, những chiêu câu cá bóng thuần phác với Vasiliy đã tự chấm dứt, khiến y phân vân, — chuyện gì đã xảy ra? — và đột nhiên xuất hiện gần trường, lúc chiều về, rủ rê Innokentiy, ngoác miệng cười thiếu tự tin và nhắc lên ngang mặt một cái hộp sắt tây đựng giun, — khi ấy Innokentiy thầm run rẩy, nhận ra sự phản bội nhân dân của mình. Trong lúc đó thì niềm vui từ những người quen mới cũng không nhiều nhận là bao. Chuyện là, dầu thế nào hấn cũng không được phép bén mảng đến trung tâm cuộc sống của họ, mà chỉ được ghé qua vùng ngoại vi xanh tươi, được tham gia vào các trò chơi mùa hạ, nhưng chẳng bao giờ

được đến tận nhà. Điều đó làm hắn tức điên; hắn khao khát lời mời chỉ để mà được cao ngạo từ chối nó, — và nói chung lúc nào cũng dè chừng, chau bụ, rám nắng, bồm xồm, liên tục diễn trò với các cục u trên hàm, và mọi lời của Tanya đều như thể hất về phía hắn một cái bóng nhục mạ nhỏ, và, Chúa ơi, hắn mới căm thù tất cả bọn họ làm sao, các anh em họ của cô, các bạn gái, lũ chó vui vẻ... Thành linh mọi chuyện này lạng lẽ xáo trộn, biến mất, và đây, trong bóng đen nhung lụa của một đêm tháng Tám, hắn ngồi trên cổng rào trang viên và chờ đợi; thảng hoặc lại nhoi nhói một bức thư nhét giữa sơ mi và người, bức thư mà, như trong các tiểu thuyết cũ, một cô bé chân trần mang đến cho hắn. Lời mời gọi vẫn tắt đến cuộc hẹn khiến hắn thấy bị nhạo báng, nhưng dẫu vậy hắn vẫn chiều theo nó — và hắn đã đúng: từ tiếng sột soạt đều đều của đêm tách ra tiếng bước chân lạo xạo khẽ khàng.

Việc cô đến, tiếng lúng búng của cô và sự gần gũi với cô là phép màu cho hắn; sự tiếp xúc bất chợt của những ngón tay lạnh lẽo, lạnh lện của cô làm lòng trinh trong hắn sững sờ. Mặt trắng khổng lồ, lên nhanh, rọi sáng xuyên cây cối. Tầm trong lệ, run rẩy và mù quáng dụi đôi môi mặn chát vào hắn, Tanya nói, là mai phải đi với mẹ về

phía nam, là mọi chuyện đã kết thúc, và, sao mà hẫng lại có thể chậm hiểu đến vậy... “Ở lại đi, Tanya,” — hẫng van nài, nhưng gió nổi lên, cô khóc to hơn. Khi cô đã chạy đi, hẫng vẫn còn ngồi bất động, lắng nghe tiếng ồn trong tai, và ngay sau đó bỏ đi theo con đường tối mò và như thể đang rạo rực chuyển mình, rồi đến cuộc chiến với người Đức, và nói chung mọi thứ li tán hết cả, — nhưng lại từ từ tụ họp, và hẫng đã¹ thành trợ lý cho giáo sư Behr ở một an dưỡng đường của Séc, và vào năm 1924, thì phải, làm việc ở chỗ ông ta ở Savoy, và lần nọ — hình như ở Chamonix, gặp một nhà địa chất Xô-viết trẻ, họ đã chuyện trò và nhớ ra là năm chục năm trước ở chính nơi này, Fedchenko (người thám hiểm Fergana) đã chết một cái chết của một du khách bình thường, nhà địa chất bổ sung thêm rằng, đấy, thường xuyên xảy ra như vậy: cái chết quen bám theo những con người quá cảm ấy trong các sa mạc và núi hoang đến nỗi không cố tình, mà chỉ đùa thôi, đụng đến họ trong mọi bối cảnh khác và tự nó vô cùng ngạc nhiên khi bất chợt bắt được họ, — nhiều người đã qua đời như vậy: cả Fedchenko, cả Severtsev, cả Godunov-Cherdyntsev, đấy là chưa nói đến các tên tuổi kinh

¹ 1920 (theo bản tiếng Anh).

điển ngoại quốc khác, — Speke, Dumont d'Urville. Vài năm sau, Innokentiy tiện đường đến Paris và, sau khi ghé qua chỗ đồng nghiệp bàn việc, đang vừa chạy xuống cầu thang vừa xỏ giày, thì trên một chiếu nghỉ, từ thang máy bước ra một quý bà cao lớn hơi gù, mà hần lập tức nhận ra là Elizaveta Pavlovna. “Dĩ nhiên tôi nhớ anh chứ, chẳng nhẽ lại không”, — bà lên tiếng mà không nhìn vào mặt hần và như thể qua vai hần, dường như sau hần có ai đó đang đứng (bà hơi bị hiếng). “Nào, vào chỗ chúng tôi nhé, anh bạn”, — bà tiếp tục, ra khỏi tình trạng sững sờ chớp nhoáng, và lấy mũi giày vén một góc tấm thảm dày, no bụi, để lấy chìa khóa từ bên dưới nó. Innokentiy vào theo bà, khổ sở vì không làm sao mà nhớ được là y đã được kể gì về việc chồng bà chết lúc nào và ra sao.

Rồi Tanya về nhà, mọi nét hình như đã san định sau hai mươi năm ấy, với khuôn mặt nhỏ đi và đôi mắt tử tế lên, — cô lập tức hút thuốc, bật cười, không ngần ngại nhớ lại cùng hần về mùa hạ xa xôi ấy, — và hần cứ lấy làm lạ là cả Tanya và mẹ cô chẳng nhớ nhung gì về người quá cố và chỉ nói về quá khứ vậy thôi, chứ không khóc rưng rức như hần, một người lạ, muốn khóc, — hay, có lẽ, họ giữ thể diện? Xuất hiện một cô bé xanh xao, đầu sẫm, độ mười tuổi, — “À đây là con gái tôi, — nào

lại đây con”, — Tanya nói, dúm mẩu thuốc hồng lên vào cái vỏ sò biển được dùng làm gạt tàn. Chồng Tanya, Ivan Ivanovich Kutaysov, về nhà, và Elizaveta Pavlovna, gặp y ở phòng bên, báo trước về vị khách bằng thứ tiếng Pháp gia đình, mang theo từ Nga: “Le fils du maître d’école chez nous au village¹” — và lúc ấy Innokentiy nhớ lại lần Tanya nói với bạn gái, bóng gió đến đôi tay (đẹp) của hắn, “regarde ses mains²”, — và lúc này, lắng nghe cô bé, với sự thánh thót kỳ diệu quê cha, trả lời các câu hỏi của mẹ, hắn kịp hí hửng nghĩ: “Có lẽ bây giờ chẳng cần dạy trẻ học tiếng nước ngoài làm gì nữa”, tức là hắn không lập tức hiểu ra rằng hiện nay trong thứ tiếng Nga này lại bao gồm chính sự sang trọng nhàn nhã nhất, tốt đẹp nhất.

Cuộc chuyện trò không trôi cho lắm; Tanya, do nhầm lẫn gì đó, khẳng định là hắn từng dạy cô bài thơ³ cách mạng về việc bạo chúa tiệc tùng thế nào, còn các chữ cái hăm dọa trên tường đã được một bàn tay định mệnh vạch lên. “Nói cách khác, tờ báo tường đầu tiên,” – Kutaysov bảo, y là kẻ thích đùa. Vỡ lẽ ra thêm là em trai của Tanya đang

¹ Con trai ông giáo làng của chúng ta.

² Nhìn tay anh ấy xem.

³ Bài thơ: “Вы жертвою пали в борьбе роковой...”

sống ở Berlin, và Elizaveta Pavlovna bắt đầu kể về cậu ấy... Bỗng dưng Innokentiy cảm thấy: chẳng có gì, tuyệt nhiên chẳng có gì mất đi, trong trí nhớ tích tụ lại những báu vật, các nhà kho đầy lên trong bóng tối, trong bụi, và đấy, ai đó đi ngang qua bỗng dưng hỏi mượn thủ thư một cuốn sách mà hai chục năm nay không giao cho ai. Hắn đứng dậy, chào từ biệt, người ta cũng không mẶn mà giữ hắn lại. Kỳ lạ: chân run. Cuộc gặp chấn động làm sao. Đi ngang quảng trường, hắn vào tiệm cà phê, kêu đồ uống, đứng dậy để lấy từ dưới người ra chiếc mũ bị đè bẹp của mình. Lòng bất an khủng khiếp... Mà hắn bất an vì vài lý do. Thứ nhất là vì Tanya hóa ra vẫn quyến rũ như thế, vẫn không chê được vào đâu như thế, chẳng khác ngày xưa.

Vasiliy Shishkov

Hồi ức của tôi về y gói gọn trong mùa Xuân năm nay¹. Một cuộc họp mặt văn học nào đó đã diễn ra. Khi, lợi dụng lúc giải lao để về cho lẹ, tôi đang xuống cầu thang thì tôi tưởng như nghe thấy tiếng động đuổi theo, và,

¹ Năm 1939. (Theo bản tiếng Anh).

quay lại, tôi thấy y lần đầu. Dừng trên tôi đôi bậc, y nói:

— Tên tôi là Vasiliy Shishkov, tôi là nhà thơ.

Đó là một thanh niên thân hình rắn rỏi thuần chủng Nga, môi dày và mắt xám, với giọng nam trầm và cái bắt tay sâu, dễ chịu.

— Tôi cần thỉnh thị đôi điều với ngài, — y nói tiếp, — rất mong được gặp riêng ngài.

Chưa bị những mong muốn kiểu này chiều quá hóa hư, nên tôi trả lời gần như với sự thuận tình cảm kích, và quyết định là hôm sau y sẽ đến thăm tôi ở khách sạn. Tới giờ đã định, tôi xuống một chỗ na ná như cái sảnh, nơi mà vào thời gian ấy tương đối yên tĩnh, — chỉ thỉnh thoảng cái thang máy kinh giật mới di chuyển, và trong góc thường lệ của mình, bốn người Đức tị nạn đang ngồi, bàn luận về vài tiểu tiết tinh tế của hộ chiếu, trong khi ấy, một người nghĩ là y ở vị thế tốt hơn những người còn lại, còn họ thì chứng minh cho y thấy là cũng thế cả thôi. (Sau đó xuất hiện nhân vật thứ năm, chẳng hiểu sao lại chào các đồng hương bằng tiếng Pháp, — hài hước? phô trương? Sức quyến rũ của ngôn ngữ mới? Gã vừa mua cho mình một chiếc mũ, và cả đám bắt đầu luân phiên thử nó).

Với vẻ mặt nghiêm túc và cái vai cổ thẳng những cánh cửa không quay, Shiskov vừa mới kịp nhìn quanh thì đã thấy tôi, và lúc ấy, thật thú vị vì để ý thấy là y lơ luôn cái nụ cười ước lệ mà tôi rất sợ, mặc dầu chính mình lại dễ mắc phải. Tôi vất vả đẩy hai cái ghế, và lại thấy thú vị — vì thay cho việc phác ra một cử chỉ giúp đỡ máy móc, y vẫn cứ đứng thản nhiên, chờ cho đến lúc tôi thu xếp xong xuôi. Chúng tôi vừa mới ngồi xuống là y lấy ngay ra một cuốn vở vàng rơm.

— Trước tiên, — y nói, chăm chú nhìn tôi bằng cặp mắt đẹp, rậm mi, — nên trình giấy tờ ra đã, — đúng không ạ? Trên đồn thì chắc có lẽ tôi đưa căn cước, còn với ngài thì tôi phải trình cái này đây ạ, — một cuốn thơ.

Tôi mở nó ra. Nét chữ cứng cáp, hơi nghiêng qua trái, toát lên sức khỏe và tài năng. Tiếc thay, ngay khi ánh mắt tôi lướt theo các dòng chữ, tôi đã thấy thất vọng nào nề. Thơ dở kinh khủng, — nhạt nhẽo, màu mè, hợm hĩnh đáng ngại. Sự bất tài hoàn hảo của chúng còn được nhấn mạnh bởi những mảnh khöhe bịp bợm của kỹ thuật lập phụ âm đầu, sự xa hoa chợ búa và lối gieo vần thất học. Chỉ cần nói rằng, các cặp thể này được phối hợp với nhau: “năm năm” và “nem nén”, “u hàn” và “tràn lan”, “mút lệ” và “mất lệ”, — còn về chủ đề

thì tốt hơn cả là câm luôn: với cùng một sự hùng tráng giống nhau, tác giả ngợi ca mọi thứ rơi xuống dưới cây thất huyền cầm của y. Đọc liền tù tì là cuộc tra tấn với người nóng tính, nhưng do sự tận tâm của tôi được tăng cường bởi việc tác giả một mực dối theo tôi, đồng thời giám sát cả đối tượng đọc tiếp theo, thành thử tôi đành phải nán lại tại từng trang.

— Thế nào ạ, — y hỏi khi tôi kết thúc, — không quá tệ chứ?

Tôi nhìn y. Gương mặt hơi sáng lên của y, với các lỗ chân lông nở rộng, không thể hiện bất cứ linh cảm xấu nào. Tôi trả lời rằng thơ này vô vọng. Shiskov tắc lưỡi, nhét cuốn vở vào túi và nói:

— Chỗ giấy này không phải của tôi, nghĩa là chính tôi viết, nhưng thế thôi, đồ giả ấy mà. Tất cả ba chục bài đều được làm hôm nay, và khá là khó chịu khi phải nhại lại sản phẩm của bọn cuồng thơ. Thế nhưng bây giờ thì tôi đã biết là ngài rất tàn nhẫn, tức là có thể tin ngài được. Đây mới là hộ chiếu thật của tôi. (Shishkov chìa ra cho tôi cuốn vở khác, xài xạc hơn nhiều), hãy đọc dù chỉ một bài, thế là đủ cho cả ngài lẫn tôi. Nhân thế, để khỏi hiểu nhầm, tôi muốn báo trước là tôi không thích sách ngài, chúng chọc tức tôi, như ánh sáng quá

gắt hay cuộc nói chuyện quá to bên cạnh, khi ta không muốn nói mà muốn nghĩ. Nhưng đồng thời, ngài lại sở hữu, theo cái lối thuần túy sinh lý học, thì phải, một bí quyết viết lách nào đó, một bí mật sắc màu cốt yếu nào đó, nghĩa là một điều gì đấy cực kỳ hiếm hoi và quan trọng, mà, tiếc thay, ngài dùng rất linh tinh, ở mức độ rất nhỏ của cái khả năng mà ngài có... Ngài ngao du, có thể nói thế này, khắp thành phố trên chiếc xe đua cực mạnh và hoàn toàn chẳng cần thiết cho ngài, mà ngài cứ nghĩ là nên đi đâu nữa đây... Nhưng do ngài sở hữu bí quyết, thành thử không thể không tính đến ngài, — bởi vậy tôi mới muốn tranh thủ sự ủng hộ của ngài cho một việc, nhưng trước hết, xin hãy nói qua thơ tôi.

(Thú thực là tôi thấy bài nhận xét bất ngờ và tự tiện về nghề văn của tôi có vẻ còn bất nhã hơn nhiều so với sự đối trá vô hại mà vị khách của tôi nghĩ ra. Tôi viết vì niềm vui cụ thể, tôi in vì số tiền ít cụ thể hơn nhiều, và, cho dù điểm thứ hai ấy vẫn phải ngụ ý thế này hay thế khác đến sự tồn tại của người tiêu thụ, nhưng sách của tôi càng tách xa, trong tiến trình phát triển tự nhiên, ra khỏi nguồn gốc tự thân của chúng, thì với tôi, những cuộc phiêu lưu tình cờ của chúng càng trừu tượng hơn và tầm thường hơn, và một khi đã ở cái gọi là

phiên tòa của độc giả, thì tôi cảm thấy mình không phải bị cáo, mà có lẽ chỉ là họ hàng xa của một trong những nhân chứng ít quan trọng nhất. Nói cách khác, lời khen khiến tôi cảm thấy sỗ sàng kỳ lạ, còn lời chê — cú đá băng quơ vào bóng ma. Giờ thì tôi cố quyết định xem liệu có phải mọi văn nhân dễ tự ái đều được Shishkov trút cho một ý kiến chân thành như vậy hay chỉ với mình tôi thì y mới không ngần ngại, vì cho là tôi xứng đáng với điều đó. Tôi kết luận là, giống như trò ảo thuật với thơ đã bị gây ra bởi nỗi khát khao tuy hơi trẻ con nhưng hiển nhiên về sự thật, thì cả nhận định của y về tôi cũng buộc phải tuân theo mong muốn làm sao để có thể nói ra càng rộng càng tốt cái khung cởi mở qua lại giữa đôi bên.)

Không hiểu sao tôi lại sợ là sẽ tìm được trong nguyên tác các dấu vết của những khiếm khuyết bị phóng đại lên một cách quái đản thành sự giễu nhại, nhưng tôi sợ hơi thừa. Thơ rất hay, — tôi mong có lúc nào đó sẽ được nói về chúng cặn kẽ hơn. Cách đây chưa lâu, theo sáng kiến của tôi, một trong số chúng được xuất bản, và những người yêu thơ đã chú ý đến sự độc đáo của nó... Còn với chàng thi sỹ say mê đến kỳ lạ với ý kiến tha nhân này, tôi cũng nói luôn, bổ sung dưới dạng hiệu chỉnh, rằng đôi chỗ thấy rõ sự chông chênh

của con âm — chẳng hạn như “v soldatskih mundirah¹”, thì thay vì *mundiarh* (lễ phục) nên dùng *forma* (đồng phục) mới đúng là của lính quèn.

— Ngài biết không, — Shishkov nói, — một khi ngài đã đồng ý với tôi là thơ tôi không vớ vẩn, thì hãy giữ cuốn vở này ở chỗ ngài. Thiếu gì chuyện có thể xảy ra, tôi có những ý tưởng lạ, rất lạ, và... nói chung, tôi bây giờ chỉ nghĩ là mọi chuyện trở nên rất thuận lợi. Thực ra thì tôi đến chỗ ngài để mời ngài tham gia vào một tạp chí mà tôi sáng lập, — đến thứ bảy này chỗ tôi sẽ có cuộc họp, và sẽ phải quyết xong hết. Tất nhiên, tôi không ảo tưởng về khả năng ngài sẽ bị lôi cuốn bởi các vấn đề quốc tế, nhưng tôi cho là ý tưởng của tạp chí của tôi sẽ khiến ngài quan tâm đến từ phương diện văn phong, — vậy nên ngài hãy đến đi. Thêm nữa, sẽ có (y kêu tên một nhà văn Nga rất nổi tiếng), và vài người nữa. Ngài hiểu cho, tôi đã đến cái giới hạn mà có thể nào thì tôi cũng nhất định phải xả ra, không là điên. Tôi sắp ba mươi tuổi rồi, năm ngoái tôi đến đây, đến Paris này, sau

¹ в солдатских мундирах... — một câu trong bài thơ “Поэты” (1939) của Nabokov. Ông đã dùng bút danh Vasiliy Shishkov cho bài thơ này.

thời thanh xuân tuyệt đối vô bổ ở Ban-căng, sau đó ở Áo. Tôi làm thợ đóng sách, thợ sắp chữ, thậm chí thủ thư, — tóm lại, luôn quanh quẩn bên sách. Cơ mà tôi vẫn sống vô bổ, và từ lúc nào chẳng rõ tôi gần như sắp nổ tung ra với ham muốn làm được điều gì đó, — một cảm giác đau đớn, — chắc chính ngài cũng thấy, — có thể từ phía khác, song dẫu sao cũng phải thấy, — biết bao khổ đau, dần dần, dè hèn khắp quanh ta — và những người thế hệ tôi không để ý gì cả, không làm gì cả, mà điều đó đơn giản là thiết yếu, như thở hay ăn thôi. Và ngài hãy hiểu cho tôi, tôi không nói về những điều to tát, chói lọi, làm chai sạn tâm hồn mọi người, mà về hàng triệu thứ vật vãnh mà mọi người không trông thấy, mặc dầu chính chúng thực ra mới là bào thai của những quái vật hiển nhiên nhất. Đấy, chẳng hạn, mới đây thôi, — một bà mẹ mất kiên nhẫn đã dìm con bé hai tuổi vào bồn tắm, sau đó chính mẹ lại tắm, — để không phí nước nóng cơ đấy. Trời ơi, ngài hãy đối chiếu với “xúp báp cải đã cho muối”, với Senilia của Turgenev... Tôi hoàn toàn chẳng bận tâm nếu ngài cảm thấy buồn cười, nhưng số chuyện vật vãnh thế này, ngày ngày, nơi nơi, đủ cỡ, đủ dạng, — đuôi, điểm, khối, — có thể làm con người xúc động đến nỗi y ngộp thở và mất ngon, — nhưng, có lẽ, thôi thì ngài cứ đến đi.

Tôi đã ghép ở đây cuộc nói chuyện của chúng tôi với các đoạn trích từ lá thư rườm rà mà Shishkov gửi cho tôi vào hôm sau nhằm củng cố thêm. Hôm thứ Bảy, tôi đến trễ một chút, và khi bước vào căn phòng nghèo nàn bao nhiêu thì cũng tươm tất bấy nhiêu của y thì mọi người đã có mặt đông đủ, chỉ thiếu mỗi nhà văn nổi tiếng ấy. Trong số những người tham dự, tôi biết mặt tay biên tập viên của một ấn phẩm đã đình bản; còn lại, — một quý bà kênh cang (hình như là thông dịch viên hay tín đồ Minh triết thiêng liêng) với ông chồng nhỏ con cau có, giống cái chim đen, hai quý ông tả tơi bận áo vét giống các nhân vật biếm họa của Mad¹ và một gã tóc vàng năng nổ, chắc là bạn chủ nhà, — thì tôi không biết ai. Để ý thấy Shishkov băn khoăn lắng nghe, để ý thấy nữa là y quả quyết và hân hoan tì tay lên bàn và đã đứng dậy trước khi hiểu ra là người ta bấm chuông vào căn hộ khác, tôi thành thực mong danh nhân ấy đến, nhưng ông ta vậy là không xuất hiện.

— Thưa quý vị, — Shishkov nói, và bắt đầu phát triển khá hay và khá thú vị các ý tưởng của y về tờ tạp chí, mà nó phải mang tên là “Tổng quan

¹ Mad là họa sỹ của báo Rul (Рулъ), nhân vật của ông luôn mặc quần áo rộng.

về Nỗi khổ và Sự hèn” và sẽ ra hàng tháng, bao gồm chủ yếu là những chuyện vặt vãnh thuộc loại tương ứng trên báo chí, được gom góp lại trong tháng, hơn nữa, yêu cầu là phải xếp đặt chúng theo thứ tự đặc biệt, “hướng lên” và đồng thời “kín đáo một cách hài hòa”. Cựu biên tập viên dẫn ra vài con số và tỏ vẻ tin tưởng rằng tạp chí kiểu này chẳng bao giờ hoàn được vốn. Chồng nữ sỹ kênh càng, gỡ cặp kính không gọng xuống, vừa phát âm từng chữ dài giọng đến phát kinh vừa xoa bóp gốc mũi mình, bảo rằng nếu như đã định đấu tranh với sự đau khổ của nhân loại thì phát luôn cho người nghèo cái số tiền cần cho việc lập ra tạp chí có phải là thực tế hơn nhiều không, — và bởi vì cái số tiền ấy người ta đang trông mong từ ông ta, nên sự lạnh nhạt lan ra. Sau đó, tay bạn chủ nhà, hoạt bát hơn và tẻ hơn, nhắc lại những nét chung về những gì Shishkov đã nói. Họ hỏi cả ý kiến tôi; do nhìn thấy vẻ mặt Shishkov, nên tôi đành dốc hết sức mình để ủng hộ dự án của y. Họ giải tán sớm.

Lúc tiễn chúng tôi ra đầu cầu thang, Shishkov trượt chân và ngồi lại trên sàn lâu hơn một chút so với cần thiết để cố xúy tiếng cười, nhoẻn miệng tươi tỉnh, với đôi mắt không thể chịu được.

Vài ngày sau y lại ghé thăm tôi, và trong góc, vẫn lại bộ tứ đó luận bàn về thị thực, rồi gã thứ

năm đến và hớn hở nói: "Bonjour, Monsieur Weiss, bonjour. Monsieur Meyer¹". Với câu hỏi của tôi, Shishkov lơ đãng và thậm chí khá miễn cưỡng đáp lại rằng ý tưởng tạp chí đúng là viễn vông thật và y thôi không nghĩ về nó nữa.

— Tôi muốn nói với ngài điều này, — y lên tiếng sau phút im lặng gò bó, — tôi cứ quyết đi quyết lại và hình như ít nhiều cũng đã quyết xong. Tại sao chính tôi lại rơi vào tình cảnh này, chắc ngài cũng mặc kệ, — cái gì có thể thì tôi đã giải thích cho ngài trong thư rồi, nhưng đó chỉ phù hợp với công việc, với cái tờ tạp chí ấy... Vấn đề rộng lớn hơn, vấn đề vô vọng hơn. Tôi đã quyết sẽ làm gì, ngừng lại ra sao, bỏ đi thế nào. Chuồn đến châu Phi, tới xứ thuộc địa? Nhưng chẳng đáng khơi lên những núi việc Héc-quyn chỉ để được nghiền ngẫm giữa những cây chà là và lũ bò cạp về thứ mà tôi đang nghiền ngẫm dưới mưa Paris. Lẻn về Nga? Không — đó là hỏa ngục. Đi tu? Nhưng tôn giáo chán ngắt, xa lạ với tôi và coi chẳng hơn gì giấc điệp về cái mà với tôi là thực tại của linh hồn. Tự tử? Nhưng tôi rất kính tởm hình phạt tử hình, việc thành đao phủ của chính mình nằm ngoài khả năng của tôi, ngoài ra tôi còn sợ

¹ Xin chào ngài Weiss, xin chào ngài Meyer. (Tiếng Pháp.)

những hậu quả mà ngay cả triết lý Hamlet cũng không mơ thấy. Nghĩa là chỉ còn một cách này — biến mất, tan đi.

Y còn hỏi cuốn vở của y có được giữ nguyên hay không, sau đó đi luôn, vai rộng mà hơi so, bận áo mưa, không mũ, với cái ót rậm tóc, — một chàng trai trong sáng, âu sầu, dễ thương kỳ lạ, mà tôi không biết nói gì, giúp sao.

Sau đó một tuần, tôi rời Paris và gần như là ngay hôm đầu tiên quay về đã gặp tay bạn của Shishkov trên phố. Gã kể cho tôi hay một câu chuyện hết sức kỳ lạ: từ tháng trước, Vasya đã biến mất, bỏ lại hết chỗ đồ đạc ít ỏi của mình. Cảnh sát chẳng xác minh được gì, — ngoài ra, kẻ mất tích ấy lâu nay đã để quá hạn cái mà người Nga vẫn gọi là “karta¹”.

Chỉ còn lại có thể. Ngay tại cái tình tiết mà từ đó bắt đầu các tiểu thuyết hình sự lại kết thúc câu chuyện của tôi về Shishkov. Những tư liệu tiểu sử ít ỏi mà tôi khai thác được từ người bạn tình cò của y thì tôi đã biên lại rồi, — chúng có thể hữu dụng vào một ngày nào đó. Nhưng mà y biến đi

¹ Thẻ căn cước. Bắt nguồn từ chữ tiếng Pháp: carte d'identité.

đâu? Nói chung những lời ấy của y có nghĩa gì? — “biến mất”, “tan đi”? Phải chăng y có ý muốn nói theo một nghĩa đen man dại, muốn nói theo một nghĩa nào đó khôn kham với lý trí là sẽ biến mất trong sáng tạo, tan ra trong thơ mình, để lại sau mình, sau con người mơ hồ của mình chỉ những bài thơ? Liệu y có đánh giá quá cao không về “độ trong và sức bền của cổ áo quan khác thường đến thế”?

“Là ở Aleppo, ngày đó...”¹

V thân. — Giữa bao điều, muốn kể cậu
nghe rằng rốt cuộc tôi cũng ở đây, tại
● đất nước nơi biết bao hoàng hôn đã
qua. Một trong những người đầu tiên tôi thấy là
ông già tốt bụng Gleb Alexandrovich Gekko của
chúng ta đang rầu rĩ đi ngang qua đại lộ Columbus

¹ Tên tác phẩm được trích từ *Othello* của Shakespeare.

để kiếm tìm cái tiệm *petit cafe du coin*¹ mà chẳng ai trong ba chúng ta sẽ lại có lúc nào ghé vào lần nữa. Ông ấy dường như nghĩ rằng bằng cách này cách khác cậu đã phản bội văn chương dân tộc ta, và ông ấy đưa tôi địa chỉ cậu cùng với cú lắc cái đầu hoa râm tỏ ý phản đối, như thể cậu không xứng đáng với niềm vui được nghe tin tức từ tôi.

Tôi có câu chuyện cho cậu. Câu này nhắc tôi nhớ lại — tôi muốn nói là diễn đạt thế này nhắc tôi nhớ lại — những ngày khi ta viết bài thơ sỏi bọt vú-nồng đầu tiên, và hết thấy, bông hồng, vũng nước, ô cửa sổ sáng đèn, đều hét lên với ta: “tớ là vằn đây!” Vâng, đó là một vũ trụ hữu dụng hơn cả. Ta chơi, ta chết: *vằn ig, vằn um*². Và những linh hồn vang vọng của các động từ tiếng Nga đã gán nghĩa cho các điệu bộ hoang dại của cây cối hoặc cho tờ báo bỏ đi nào đó đang lướt rồi ngừng, rồi lại lết đi, với những cú vồ non nớt và những cú giật nảy không cánh dọc theo con đê lộng gió bất tận. Nhưng ngay lúc này thì tôi không phải thi sỹ. Tôi đến với cậu như quý cô mau nước mắt ấy của Chekhov, một người đàn bà khao khát được miêu tả.

¹ Tiệm cà phê nhỏ góc phố.

² Мы играем, мы умираем. (Tiếng Nga.)

Tôi lấy vợ, xem nào, độ một tháng sau khi cậu rời Pháp, và vài tuần trước khi những người Đức hòa nhả gầm gào ủa vào Paris. Mặc dù tôi có thể đưa ra các tài liệu làm bằng chứng về hôn nhân, nhưng lúc này tôi khẳng định là vợ tôi chưa từng tồn tại. Cậu có thể biết tên cô ấy từ nguồn nào đó khác, song chuyện ấy chẳng thành vấn đề: đó chỉ là cái tên của một ảo giác. Bởi vậy cho nên tôi có thể nói về cô ấy với sự thờ ơ hệt như tôi sẽ nói về một nhân vật trong truyện ngắn (một trong các truyện ngắn của cậu, thế cho chính xác).

Đó là tình yêu từ động chạm đầu tiên thì đúng hơn là từ cái nhìn đầu tiên, vì tôi từng gặp nàng vài lần trước đây mà không hề nểm trái bất cứ xúc cảm đặc biệt nào; nhưng một đêm nọ, khi tôi đang đưa nàng về nhà, điều gì đó ngộ nghĩnh mà nàng vừa nói đã khiến tôi khom người cười và hôn nhẹ lên tóc nàng — và dĩ nhiên chúng ta ai ai cũng biết về vụ nổ mù lòa bị gây ra chỉ bởi việc nhặt con búp bê nhỏ lên khỏi sàn ngôi nhà bị bỏ hoang một cách cẩn thận: chính người lính liên quan lại chẳng nghe thấy gì; với y thì nó chỉ là sự giãn nở cảm lạnh vô biên ngậy ngất của cái mà trong suốt cuộc đời y luôn là một đầu đinh ghim ánh sáng ở tâm điểm tâm tối tận cùng bản thể. Và thực ra, lý do khiến ta nghĩ về cái chết theo những thuật ngữ

thiên đường bởi vì bầu trời hữu hình, đặc biệt về đêm (trên thành Paris tối om với những cung vòm hoang vắng của đại lộ Exelmans và tiếng róc rách Alps không ngừng của những nhà xí đổ nát), là biểu hiệu vĩnh hằng nhất và xác tín nhất của vụ nổ câm lặng bao la ấy.

Song tôi không thể thấy rõ nàng, Nàng vẫn mờ ảo như bài thơ hay nhất của tôi — bài mà cậu đã biến thành một trò cười thật kinh khủng trong *Literaturnye Zapiski*¹. Khi tôi muốn hình dung ra nàng thì tôi phải thăm nín vào vết bớt nâu nhỏ xíu trên cẳng tay phủ lông tơ của nàng, như người ta tập trung vào dấu chấm câu trong câu văn khó đọc. Không chừng, nếu nàng dùng nhiều son phấn hơn, hoặc dùng thường xuyên hơn, thì hôm nay tôi đã có thể mừng tượng được gương mặt nàng, hoặc chí ít thì cũng thấy những nếp ngang thanh nhã của đôi môi khô nóng, tô son; song tôi thua, tôi thua — mặc dù tôi vẫn thỉnh thoảng cảm thấy sự đụng chạm khó nắm bắt của chúng trong trò chơi bịt mắt bắt dê tri giác, trong cái kiểu giấc mơ thồn thức ấy khi nàng và tôi vụng về bám víu nhau qua màn sương mù xé lòng, và tôi không thể nhìn

¹ Литературные записки — Tập san văn học.

thấy màu mắt nàng vì vẻ lộng lẫy trống rỗng của những giọt lệ dâng đầy trông đen.

Nàng trẻ hơn tôi nhiều — không trẻ hơn nhiều đến mức như Nathalie vai trần duyên dáng đeo bông tai dài so với Pushkin ngăm đen; song vẫn có một khoảng cách đủ lớn cho cái kiêu lãng mạn hoài cổ vẫn thấy niềm vui trong việc mô phỏng số phận của một thiên tài vô song (đến tận lòng ghen, đến tận rác bẩn, đến tận nhát đâm khi nhìn thấy đôi mắt hình hạnh nhân quay qua gã Cassio tóc vàng của nàng đằng sau chiếc quạt lông công) thậm chí nếu như người ta không thể bắt chước thơ ông ấy. Thế nhưng nàng thích thơ tôi và chắc chắn không ngáp như kẻ khác quen làm mỗi lần thơ chồng ả tình cờ lại dài quá một khúc xô-nê. Giả dụ như nàng vẫn là bóng ma với tôi, thì có lẽ tôi cũng là như vậy với nàng: tôi cho là nàng từng bị hấp dẫn chỉ bởi sự tối nghĩa của thơ tôi; rồi sau đó xé toạc một lỗ qua tấm màn che nó và thấy bộ mặt khó ưa của người lạ.

Như cậu biết, tôi từng có lúc định theo gương cuộc đào tẩu may mắn của cậu. Nàng miêu tả cho tôi nghe về ông chú của nàng — một người, theo như nàng nói, đang sống ở New York: ông ta dạy môn cưới ngựa ở một trường đại học miền nam, và rồi cuộc cưới được một phụ nữ Mỹ giàu có; họ

có đứa con gái nhỏ bị điếc bẩm sinh. Nàng bảo nàng đã làm mất địa chỉ của họ lâu lắm rồi, nhưng vài ngày sau nó lại lộn về một cách thần diệu, và chúng tôi viết một lá thư lâm li mà chúng tôi chẳng bao giờ nhận được bất cứ câu trả lời nào. Chuyện này cũng chẳng quan trọng cho lắm, vì tôi đã lấy được một bản khai có tuyên thệ nghiêm chỉnh từ Giáo sư Lomchenko ở Chicago; nhưng rất ít việc khác được làm xong trong quá trình lấy các giấy tờ cần thiết lúc cuộc xâm lược bắt đầu, còn tôi đã thấy trước rằng nếu chúng tôi vẫn lưu lại ở Paris thì người đồng xứ hữu ích nào đó của tôi sớm hay muộn cũng sẽ chỉ ra cho bên liên quan xem vài đoạn văn khác nhau ở một cuốn sách của tôi, nơi tôi chứng tỏ rằng, mặc dầu mọi tội lỗi đen tối của nó, nước Đức chắc chắn vẫn mãi mãi còn là trò cười của cả thế giới.

Vậy là chúng tôi bắt đầu tuần trăng mật bất hạnh của mình. Chen chúc và xóc nảy giữa cuộc di cư khải huyền, đợi chờ những chuyến tàu phi lịch trình đến những cái đích vô danh, đi bộ qua bối cảnh nhàm chán của những thị trấn trùu tượng, sống trong tình trạng sức tàn lực kiệt triền miên, chúng tôi bỏ trốn; và chúng tôi trốn càng xa, thì càng trở nên rõ ràng hơn rằng thứ đang lôi kéo chúng tôi đi là gì đó lớn hơn một thằng hề xỏ giày

ống và cài khóa với đủ bộ các loại đồ tạp nhạp đầy đưa khác nhau — một thứ gì đó mà y chỉ là biểu hiệu của nó, một thứ gì đó góm guốc khó cảm nhận, một khối vô thời vô diện của nỗi kinh sợ cổ xưa vẫn cứ đâm bổ từ đằng sau vào lưng tôi ngay cả ở đây, trong khoảng không xanh tươi của Công viên Trung tâm.

Ôi, nàng chịu đựng mọi chuyện này một cách khá dũng cảm — với một kiểu hoan hỉ đáng kinh ngạc. Tuy nhiên có lần, khá đột ngột, nàng cất tiếng thốt thức trong một toa xe lửa đồng cảm. “Con chó”, nàng nói, “con chó mà chúng mình đã bỏ lại. Em không thể quên được con chó tội nghiệp ấy.” Sự chân thật trong nỗi sầu muộn của nàng khiến tôi bị sốc, vì chúng tôi chưa từng có con chó nào cả. “Em biết,” nàng nói, “nhưng em cố gắng hình dung là chúng mình đã thực sự mua con xét-tơ¹ ấy. Và vừa mới nghĩ, có lẽ giờ này nó đang rên rỉ sau cánh cửa khóa kín.” Mà cũng chưa từng có cuộc chuyện trò nào về việc mua một con xét-tơ.

Tôi cũng không muốn quên một quãng quốc lộ nào đó với cảnh một gia đình tị nạn (hai phụ nữ, một đứa trẻ) mà người cha già, hoặc ông của họ

¹ Setter — một giống chó săn lông xù.

đã chết trên đường. Bầu trời nháo nhác những đám mây đen kịt và màu-thịt với ánh mặt trời lóe sáng quái gở bên kia ngọn đồi trùm đầu, còn người chết nằm ngửa dưới gốc cây tiêu huyền lằm bụi. Với gậy và tay, những người phụ nữ cố gắng đào ngôi mộ ven đường, nhưng đất quá cứng; họ đành bỏ cuộc và ngồi bên nhau, giữa những cây anh túc mất máu, cách không xa cái xác và bộ râu vĩnh ngược của nó. Nhưng cậu bé con vẫn cào và nạo và giật cho đến khi cậu làm đổ một phiến đá phẳng và quên mất đối tượng của những nỗ lực trang nghiêm của cậu khi cậu thu mình chồm hồm, cái cổ gầy, biểu cảm của cậu phơi hết các đốt xương sống ra trước đao phủ, và ngẩng nhìn với vẻ ngạc nhiên và thích thú hàng ngàn con kiến nâu nhỏ li ti đang sôi sục, bò ngoằn ngoèo, tản mát, hướng về những nơi an toàn ở Gard, ở Aude, ở Drome, ở Var, và ở Basses-Pyrenees — hai chúng tôi chỉ tạm nghỉ ở Pau.

Tây Ban Nha hóa ra quá khó và chúng tôi quyết định chạy tiếp đến Nice. Tại một nơi gọi là Faugeres (dừng mười phút), tôi chen ra ngoài tàu để mua ít đồ ăn. Đôi phút sau, khi tôi quay về, tàu đã chạy, và lão già mù mắt chịu trách nhiệm cho sự trống rỗng tòi tệ đối diện tôi (bụi than lấp lánh trong hơi nóng giữa các đường ray trần trụi dừng

dung, và một mảnh vỏ cam bơ vơ) tàn nhẫn bảo tôi rằng, dầu sao chẳng nữa thì tôi cũng chẳng được quyền ra ngoài.

Trong một thế giới tốt đẹp hơn, hẳn là tôi có thể nhờ định vị vợ mình và bảo nàng phải làm gì (tôi giữ cả hai vé và hầu hết tiền); song le, cơn ác mộng vật vã với điện thoại tỏ ra vô ích, nên tôi xua đi toàn bộ các tràng giọng nói nhỏ xíu sủa vào tôi từ xa, gửi đôi ba bức điện tín mà chúng chắc có lẽ giờ đây mới đang trên đường đi, và vào cuối buổi chiều ấy, bắt chuyến xe lửa địa phương tiếp sau đến Montpellier, nơi mà chuyến tàu của nàng chắc không thể lết được xa hơn. Không thấy nàng ở đó, tôi phải lựa chọn giữa hai phương án: đi tiếp vì nàng có thể đã lên chuyến tàu Marseilles mà tôi vừa mới bỏ lỡ, hoặc đi ngược lại vì nàng có thể đã quay về Faugeres. Giờ này tôi đã quên bém mắt là mới bồng bong lý lẽ nào đã đưa tôi đến Marseilles và Nice.

Ngoài những việc làm lấy lệ như chuyển tiếp dữ liệu giả đến vài nơi không chắc có thực, cảnh sát chẳng làm gì thêm để giúp đỡ: một người quát vào mặt tôi vì bị làm phiền; người khác đánh lạc hướng câu hỏi bằng cách hồ nghi vào tính xác thực của giấy chứng nhận kết hôn của tôi vì nó bị đóng dấu lên bên mặt mà y cho là sai; người thứ ba, một

commissaire béo tốt với đôi mắt nâu trong trẻo, thú nhận rằng y viết thơ vào những lúc rảnh rỗi. Tôi tìm kiếm nhiều mối quen biết khác nhau trong số rất đông người Nga cư ngụ hoặc bị kẹt lại ở Nice. Tôi lắng nghe những kẻ tình cờ mang dòng máu Do Thái trong bọn họ nói chuyện về những người bà con xấu số bị nhồi nhét vào những chuyến xe lửa lao về địa ngục; và cảnh ngộ của chính tôi, trái lại, có vẻ dung tục hão huyền khi tôi ngồi trong tiệm cà phê đông đúc nào đó với biển xanh lơ đờ trước mặt cùng tiếng rì rầm rỗng vỏ sau lưng và cứ kể đi kể lại câu chuyện về cuộc tàn sát với cảnh cùng khổ, về thiên đường xám bên kia đại dương, về những lễ thói và tính đồng bóng của các lãnh sự lỗ mãng.

Một tuần sau khi tôi tới nơi, một gã cảnh sát lười biếng bạn thường phục đến kiểm tôi và đưa tôi theo một con phố ngoằn ngoèo nặng mùi để đến một ngôi nhà ngả màu đen với từ “khách sạn” gần như bị xóa sạch bởi bụi bẩn và thời gian; ở đó, gã nói, vợ tôi đã được tìm thấy. Cô gái mà gã đưa ra là kẻ hoàn toàn xa lạ, dĩ nhiên; nhưng anh bạn Holmes của tôi vẫn cứ cố gắng thêm một lúc để ép cô ta và tôi thú nhận rằng chúng tôi đã kết hôn với nhau, trong khi thằng bạn đồng sàng lăm lì và lực

lưỡng của cô ta đứng bên cạnh lắng nghe, đôi tay trần bắt chéo trước bộ ngực trần.

Khi cuối cùng tôi cũng thoát được khỏi những kẻ này và lững thững đi về vùng gần nhà mình, tôi tình cờ đi ngang qua một hàng người chen chúc chờ trước lối vào cửa hàng thực phẩm, và ở đó, tại tận cuối hàng, là vợ tôi, đang rướn người trên đầu ngón chân để nhòm xem đích xác là món gì được bán. Tôi nghĩ điều đầu tiên nàng nói với tôi là nàng hy vọng món đó là cam.

Câu chuyện của nàng có vẻ hơi mơ hồ, nhưng hoàn toàn vô vị. Nàng đã quay về Faugeres và đi thẳng đến ủy ban thay vì hỏi thăm ở ga, nơi tôi để lại tin nhắn cho nàng. Một toán người tị nạn mời nàng đi cùng họ; nàng qua đêm trong một tiệm xe đạp chẳng có chiếc xe đạp nào, trên sàn, cùng với ba phụ nữ lớn tuổi, họ nằm, theo lời nàng, như ba khúc gỗ sắp hàng. Hôm sau, nàng nhận ra là nàng không có đủ tiền để tới được Nice. Rốt cuộc, nàng mượn chút tiền của một trong mấy bà-gỗ-khúc. Tuy vậy, nàng lên nhằm tàu, và lạc đến một thị trấn mà nàng không sao nhớ nổi tên. Nàng vừa mới đến Nice hai hôm trước và kiếm được vài người bạn tại một giáo đường Nga. Họ bảo nàng là tôi đang ở đâu đó quanh đây, đang tìm nàng, và chắc chắn sẽ sớm xuất hiện.

Một lát sau, khi tôi ngồi trên mép cái ghế duy nhất trong góc xếp sát mái của tôi và ôm nàng quanh bờ hông thon trẻ (nàng đang chải mái tóc mềm và hất đầu ra sau theo mỗi nhát lược), nụ cười mơ hồ của nàng thỉnh thoảng thay đổi thành một sự run rẩy kỳ quặc và nàng đặt một bàn tay lên vai tôi, nhìn chăm chăm xuống tôi như thể tôi là cái bóng phản chiếu trong một bể nước mà nàng mới để ý thấy lần đầu.

“Em đã nói dối anh, anh yêu,” nàng bảo. “*Ya lgunia*¹. Em đã lưu lại vài đêm ở Montpellier với một thằng súc sinh mà em gặp trên tàu. Em chẳng muốn chuyện đó chút nào. Nó bán dầu gội đầu.”

Thời gian, nơi chốn, tra khảo. Quạt nàng, găng nàng, mạng nàng. Tôi bỏ ra cả đêm ấy và nhiều đêm khác để moi khỏi nàng từng tí từng tí một, nhưng không sao moi được hết. Tôi bị ám ảnh bởi một ảo giác lạ lùng rằng trước tiên tôi phải tìm ra được mọi chi tiết, tái tạo được mọi phút giây, và chỉ đến lúc ấy thì mới quyết định xem tôi có thể chịu đựng được chuyện đó hay không. Nhưng không làm sao tới được cái giới hạn của sự hiểu biết mà tôi mong muốn, và tôi cũng không thể nào

¹ Я лгунья — Em là kẻ nói dối. (Tiếng Nga.)

nói trước được điểm gần đúng mà sau đó tôi có thể hình dung mình được thỏa mãn, bởi lẽ dĩ nhiên là mẫu số chung của mọi phân số hiểu biết cũng tiềm tàng sự vô hạn hết như số khoảng cách giữa chính các phân số.

Ôi, lần đầu thì nàng mệt quá chẳng bận tâm, còn lần sau thì chẳng bận tâm vì nàng tin chắc là tôi sẽ bỏ nàng; và hình như nàng coi những lời giải thích như vậy phải là một dạng phần thưởng an ủi cho tôi thay vì sự nhảm nhí và nổi thống khổ mà thực ra mới đúng là bản chất của chúng. Chuyện cứ thế tiếp diễn tưởng như hàng thiên niên kỷ, nàng thỉnh thoảng cũng suy sụp, nhưng chẳng mấy chốc lại bình phục, trả lời những câu hỏi không thể in ra được của tôi bằng tiếng thì thầm hào hển hoặc gắng gượng, với nụ cười đáng thương, luồn vào chốn yên ổn nửa vời trong những lời lý giải chẳng liên quan, và tôi cứ nghiêng đi nghiêng lại chiếc răng hàm mất trí cho đến khi quai hàm tôi gần như vỡ tung ra đau đớn, một cơn đau bốc lửa mà không hiểu sao lại có vẻ dễ chịu hơn cảm giác nhức nhối âm ỉ, ong ong của sự chịu đựng nhẫn nhục.

Và hãy lưu ý rằng ở các khoảng giữa giai đoạn thẩm tra này chúng tôi vẫn đang cố lấy từ nhà chức trách ương ngạnh những giấy tờ nhất định

mà với sức mạnh của chúng thì người ta có thể hy vọng kiếm được những thứ giấy tờ khác mà đến lượt chúng sẽ hợp pháp hóa việc xin loại thứ ba vẫn được dùng như đá kê bước cho một giấy phép giúp người giữ nó có khả năng xin những thứ giấy tờ khác nữa có thể hoặc không thể mang lại cho y các phương tiện để khám phá ra là như thế nào và tại sao chuyện đó xảy ra. Cho dù tôi có thể hình dung được cái cảnh tái diễn đều đặn đáng nguyên rủa này hay không, thì tôi vẫn không sao liên kết nổi những cái bóng bên góc lối bạch của nó với tứ chi lờ mờ của vợ tôi khi nàng run rẩy nói liến láu và tan ra trong vòng ôm hung bạo của tôi.

Vậy là chẳng còn lại gì ngoài việc tra tấn lẫn nhau, chờ hàng giờ trên Sở, điền các mẫu đơn, bàn bạc với những người bạn đã thăm dò đến tận cùng ruột gan mọi thị thực, năn nỉ các thư ký, và lại điền các mẫu đơn, với kết quả là gã chào hàng cường tráng và đa tài của nàng trở nên lẫn vào một sự hỗn loạn rùng rợn với các viên chức ria-chuột hay cầu nhàu, những bó hồ sơ cũ nát, mùi hôi của mực tím, những món tiền hối lộ luồn dưới giấy tờ vấy bẩn vết loét hoại thư, những con ruồi béo ú cù các cần cổ ướt bằng những cẳng chân lót đệm lạnh lện lạnh lẽo, những tấm ảnh lõm lòng chảo vụng về tươi mới chụp sáu bản sao nửa người nửa ngòm

của người ta, những con mắt bị thương và sự lịch thiệp nhẫn nại của những người cầu xin sinh ra ở Slutzk, Starodub, hoặc Bobruisk, những cái phễu và ròng rọc của tòa án dị giáo thần thánh, nụ cười dễ sợ của người đàn ông hói đầu đeo kính vừa được cho biết rằng hộ chiếu của y mất đâu không tìm được.

Tôi thú nhận là một chiều nọ, sau một ngày đặc biệt tồi tệ, tôi vừa buông mình xuống băng ghế đá và vừa khóc vừa nguyên rửa cái thế giới giả tạo nơi hàng triệu sinh mệnh bị tung hứng bởi những bàn tay lạnh nhóp nháp của các lãnh sự và *commissaires*. Tôi để ý thấy nàng cũng khóc, và khi ấy tôi bảo nàng rằng thực ra chẳng có gì quan trọng đến mức như lúc này nó đang rất quan trọng nếu như nàng không từng đi và từng làm những gì mà nàng đã làm.

“Anh sẽ nghĩ em điên,” nàng nói với sự dữ dội mà, trong một giây, gần như tạo ra con người thật của nàng, “nhưng em không — em thề là em không làm chuyện đó. Không chừng em sống vài cuộc đời cùng lúc. Không chừng em muốn thử anh. Không chừng băng ghế này là giấc mộng và ta đang ở Saratov hoặc trên vì sao nào đó.”

Sẽ chán ngắt nếu mất thời gian vào những giai đoạn khác biệt mà tôi đã trải qua trước khi dứt khoát chấp nhận lời giải thích đầu tiên về sự chậm trễ của nàng. Tôi không nói chuyện với nàng và gần như ở một mình. Nàng chập chờn và mờ dần, rồi lại hiện ra với món quà vật nào đó mà nàng nghĩ tôi sẽ cảm kích — một vốc đầy anh đào, ba điều thuốc quý, hoặc tương tự — thết đãi tôi với sự ngọt ngào lặng lẽ trầm lắng của một nữ y tá nhẹ bước đến rồi đi khỏi một người bệnh cộc cằn thô lỗ mới ốm dậy. Tôi thôi ghé thăm phần lớn bạn chung của chúng tôi vì họ mất hết mọi quan tâm đến vụ hộ chiếu của tôi và dường như đã chuyển qua thái độ thù địch mơ hồ. Tôi sáng tác vài bài thơ. Tôi uống mọi thứ rượu tôi có thể kiếm ra. Một ngày nọ, tôi siết chặt nàng vào bộ ngực rên rỉ của mình, rồi chúng tôi đi Caboule một tuần và nằm dài trên sỏi hồng tròn ở bãi biển hẹp. Cũng lạ là, mối quan hệ của chúng tôi càng có vẻ hạnh phúc hơn thì tôi càng cảm thấy rõ hơn về một nỗi buồn chua xót ngấm ngầm, nhưng tôi cứ tự nhủ mình rằng đó chỉ là một đặc điểm nội tại của mọi hạnh phúc đích thực mà thôi.

Trong thời gian ấy, có gì đó đã chuyển dịch trong lá số định mệnh thương tâm của chúng tôi và rốt cuộc tôi cũng thoát được khỏi một văn

phòng nóng nực tối tăm với cặp *visas de sortie*¹ bị bấm trong đôi bàn tay run rẩy khum thành hình chén của mình. Huyết thanh Mỹ đã được tiêm đúng lúc vào chúng, rồi tôi lao đến Marseilles và xoay được vé đi ngay chuyến tàu sau. Tôi quay về và lê chân lên cầu thang. Tôi thấy một bông hồng trong cái bình thủy tinh trên bàn — màu hồng mặt đẹp lồ lộ, những bọt không khí ký sinh bám vào cành. Hai bộ đồ để dành của nàng đã biến mất, chiếc lược của nàng đã biến mất, cái áo choàng caro của nàng đã biến mất, và cũng mất cả dải băng buộc tóc tím nhạt với chiếc nơ bướm tím nhạt từng là mũ nàng. Chẳng có lá thư nào được gim vào gối, chẳng có bất cứ thứ nào trong phòng khai sáng cho tôi, vì hiển nhiên bông hồng chỉ là thứ mà những kẻ chấp vắn người Pháp vẫn gọi là *une cheville*.

Tôi đến nhà Veretennikov, mà họ chẳng thể kể gì cho tôi hay; đến nhà Hellman, mà họ từ chối nói bất cứ điều gì; rồi tới nhà Elagin, mà họ không chắc là có nên kể cho tôi hay không. Rốt cuộc, bà cụ — mà cậu quá biết Anna Vladimirovna thế nào vào những khoảnh khắc quyết định — sau khi đòi lấy cho bà chiếc ba-toong đầu bịt cao su, nặng nề

¹ Thị thực xuất cảnh. (Tiếng Pháp).

nhưng mạnh mẽ nhắc tấm thân bồ tượng khỏi chiếc ghế bành ưa thích của mình, và đưa tôi vào vườn. Tại nơi đó, bà bảo tôi rằng, do gấp đôi tuổi tôi, nên bà có quyền nói tôi là một thằng đầu gấu đều cẳng.

Cậu hãy hình dung cảnh này: khu vườn nhỏ rải sỏi với cái hồ xanh Ngàn Đêm Ả Rập cùng cây trúc bá đơn cô; sân hiên rạn nứt nơi phụ thân bà cụ đã ngủ lơ mơ với tấm mền trên đầu gối khi ông ta thôi chức tỉnh trưởng Novgorod để qua vài đêm cuối cùng ở Nice; bầu trời màu lục nhạt; làn hơi va-ni trong chập choạng chiều mỗi lúc mỗi sâu; những con dế phát tiếng láy rền chất kim loại ở độ cao hai quãng tám trên nốt Đô trung; và Anna Vladimirovna, những nếp nhăn trên má đu đưa giật cục khi bà mắng tôi lời xúc phạm của người mẹ nhưng hoàn toàn không xác đáng.

Suốt mấy tuần trước đó, V. thân, mỗi lần nàng tự ghé thăm ba hay bốn gia đình mà cả hai chúng tôi đều quen biết, cô vợ ma quái của tôi đều rót đầy những cái tai háo hức của những kẻ thuộc đủ mọi loại ấy bằng một câu chuyện lạ thường. Ấy là: nàng đã đem lòng yêu điên dại một thanh niên Pháp, kẻ có thể cho nàng một tòa nhà với ngôi tháp nhỏ và một cái tên quyền quý; rằng nàng đã van xin tôi li dị mà tôi từ chối; rằng, trên thực tế,

tôi đã nói tôi thà bắn nòng và chính tôi còn hơn là xuống tàu đến Niu Oóc một mình; rằng nòng đã nói cha nòng từng xử sự như một quý ông trong trường hợp tương tự, rằng tôi đã trả lời là tôi quan tâm làm quái gì đến *cocu de père*¹ của nòng.

Có vô số chi tiết phi lý khác đại loại như vậy — nhưng tất cả chúng đều móc nối vào nhau theo một kiểu đặc biệt đến nỗi không ngạc nhiên là bà cụ bắt tôi thề rằng tôi sẽ không sẵn lòng cặp tình nhân ấy với khẩu súng ngắn đã lên cò. Họ đã đi, bà nói, đến một lâu đài ở Lozère. Tôi hỏi dò xem không biết bà có từng tận mắt thấy gã đó chưa. Chưa, nhưng bà đã được cho xem ảnh gã. Lúc tôi sắp về, Anna Vladimirovna, đã nguôi ngoai và thậm chí còn đưa năm ngón tay ra cho tôi hôn, chợt nổi đóa lại, đập ba-toong lên sỏi, và nói bằng giọng khỏe và sâu: “Nhưng có một điều ta sẽ không bao giờ tha thứ cho cậu — con chó của nó, cái con thú đáng thương mà cậu treo lên bằng chính bàn tay cậu trước khi rời bỏ Paris.”

Dù cho quý ông nhàn hạ đã thay đổi thành gã chào hàng, hay dù cho sự hóa thân từng bị đảo ngược, hay dù cho y lại không phải nhân vật này

¹ Ông bố dỏ hơi. (Tiếng Pháp).

cũng không phải nhân vật kia, mà là người Nga khó tả từng ve vãn nàng trước khi chúng tôi kết hôn — thì mọi điều này vẫn hoàn toàn thứ yếu. Nàng đã bỏ đi. Thế là hết. Chắc tôi là thằng ngốc nếu khởi động công việc ác mộng là tìm kiếm và chờ đợi nàng lại từ đầu.

Vào buổi sáng thứ tư trong chuyến hải hành dài ngày buồn chán, tôi gặp trên boong một bác sỹ già nghiêm nghị nhưng dễ chịu mà tôi từng cùng chơi cờ ở Paris. Ông ta hỏi tôi không biết vợ tôi có khó chịu với biển động lắm không. Tôi trả lời rằng tôi xuống tàu một mình; ngay lúc ấy ông ta có vẻ sững sờ và sau đó nói ông ta từng thấy nàng độ hai ngày trước khi lên tàu, cụ thể là ở Marseilles, đang bước, khá là vô định, theo như ông ta nghĩ, dọc con đê. Nàng nói rằng chút nữa thôi là tôi sẽ đến gặp nàng với hành lý và vé.

Đây là, tôi đoán, điểm nút của toàn bộ câu chuyện — mặc dù nếu cậu viết nó, thì cậu đừng biến hẳn thành bác sỹ thì hơn, vì cái thể loại này đã bị lạm dụng quá mức. Chính vào khoảnh khắc ấy tôi chợt ngộ ra rằng nàng nói chung chưa từng tồn tại. Tôi sẽ kể cậu nghe một điều nữa. Khi tôi đến nơi, tôi vội vã đi tìm bằng chứng để thỏa mãn phần nào sự tò mò bệnh hoạn của mình: tôi đến địa chỉ nàng từng có lần đưa tôi; nó hóa ra là một

khoảng trống ẩn danh giữa hai tòa nhà văn phòng; tôi tìm tên chú nàng trong danh bạ điện thoại; nó không có đó; tôi dò hỏi vài nơi, và Gekko, một kẻ biết tuốt, thông báo cho tôi rằng người đàn ông ấy và cô vợ ngựa của y quả thực là có tồn tại, nhưng đã chuyển đi San Francisco sau khi đưa con gái nhỏ điếc đặc của họ qua đời.

Xem lại quá khứ một cách sinh động, tôi thấy chuyện tình tươi tắn của chúng tôi trong một thung lũng mù sương thăm thẳm giữa những vách đá lởm chởm của hai ngọn núi thờ ơ: đời từng thật trước đó, đời sẽ thật từ lúc này, mong lắm thay. Không phải ngay ngày mai, dĩ nhiên. Không chừng ngày kia. Cậu, một sinh linh hạnh phúc, với gia đình yêu thương (Ines sao rồi? Hai đứa sinh đôi vẫn khỏe chứ?) và công việc đa dạng (địa y thế nào?) chắc khó lòng mà trông mong là có thể giải đoán được nỗi bất hạnh của tôi theo những thuật ngữ thuộc về quần thể loài người, song cậu có thể làm rõ những chuyện ấy cho tôi qua lăng kính nghệ thuật của cậu.

Song, tiếc thay. Quỷ tha ma bắt nghệ thuật của cậu, tôi buồn ghê gớm. Nàng vẫn cứ đi đi lại lại nơi các tấm lưới nâu được trải ra cho khô trên những phiến đá nóng và ánh nước vẫn vện đùa giỡn trên mạn sườn chiếc thuyền đánh cá cột neo. Đâu đó,

sao đó, tôi đã phạm phải lỗi lầm tai hại nào đó. Những vụn vảy cá nhọt nhạt li ti lấp lánh đó đây trên các mắt lưới nâu. Mọi chuyện có thể kết thúc ở *Aleppo* nếu tôi không cẩn trọng. Giữ cho tôi, V. nhé: cậu sẽ đổ được chút hàm ý khôn kham vào con xúc xắc của mình nếu lấy cái từ ấy làm nhan đề.

Phụ lục

Dưới đây chúng tôi sẽ liệt kê một số chi tiết liên quan đến lịch sử xuất bản từng tác phẩm trong quyển này, theo thứ tự đã sắp. Các tư liệu liên quan được lấy từ chính Vladimir Nabokov và Dmitri Nabokov, hoặc tham khảo từ nhiều nguồn khác nhau.

Ở đây nói tiếng Nga (Russian Spoken Here; Здесь говорят по-русски) được viết từ năm 1923, nhiều khả năng là vào đầu năm. Truyện ngắn này chưa từng được đăng ở đâu

trước khi xuất hiện trong tổng tập truyện ngắn này với bản dịch tiếng Anh của Dmitri Nabokov.

Nhân vật “Meyn Ried” trong tác phẩm chính là Thomas Mayne Reid (1818–1883), tác giả nhiều tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm. Trong số các cuốn sách mà “tù nhân” được cho phép đọc có *Thơ ngụ ngôn* của Ivan Andreyevich Krylov (1768–1844) và *Công tử bạc* (Князь Серебряный, 1863), một tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng của Aleksey Konstantinovich Tolstoy (1817–1875).

Thanh Âm (Sounds; Звуки) được viết vào tháng Chín năm 1923 và bản dịch tiếng Anh của Dmitri Nabokov được in trên tạp chí *The New Yorker* vào ngày 14 tháng Tám năm 1995.

Nabokov tốt nghiệp Đại học Trinity ở Cambridge vào mùa hạ năm 1922, sau đó sống ở Berlin, nơi gia đình ông chuyển qua từ tháng Mười năm 1920, và cũng là nơi cha ông, ngài Vladimir Dmitrievich Nabokov, bị ám sát vào ngày 28 tháng Ba năm 1922. Trong thời gian sáng tác *Thanh Âm*, Nabokov cũng xuất bản hai tập thơ và bản dịch tiếng Nga của tác phẩm *Alice in Wonderland* của Lewis Carroll. Truyện ngắn *Thanh Âm* này là một phóng tác về mối tình thời trẻ với Tatiana Evghenievna Segelkranz (Татьяна Евгеньевна

Сергекранц (1888–1978)), nhũ danh Rausch (Рауш фон Траубенберг), vợ của С. К. Сергекранц (1874–1940). Nhân vật Tatiana Evghenievna Segelkranz này cũng xuất hiện trong tiểu thuyết *Quà Tặng (The Gift)* của Nabokov.

Đòn cánh (Wingstroke; Удар крыла), được viết tháng Mười năm 1923, được in trong *Russkoye Ekho (Русское Эхо)*, một tờ báo lưu vong xuất bản định kỳ ở Berlin, vào tháng Một năm 1924. Mặc dù câu chuyện được sắp đặt ở Zermatt, song nó khúc xạ lại ký ức về kỳ nghỉ ngắn của Nabokov tại St. Moritz vào tháng Mười hai năm 1921, với Bobby de Calry, bạn học Cambridge của ông.

Chúng tôi được biết từ một lá thư ông gửi cho mẹ (bà đã chuyển đến Prague sống từ cuối năm 1923 trong khi Nabokov vẫn còn ở Berlin, nơi mà vào tháng Tư năm 1924, ông cưới Vera Slonim) rằng, vào tháng Mười hai năm 1924, ông đã gửi cho bà “phần tiếp theo” của *Đòn cánh*, có thể đoán chừng là dưới dạng xuất bản phẩm. Tới thời điểm này thì không tìm được dấu vết nào của tác phẩm đó. Bản dịch tiếng Anh của Dmitri Nabokov được xuất bản trong *The Yale Review*, tháng Tư năm 1992.

Bachmann (Bachmann; Бахман) được viết ở Berlin vào tháng Mười năm 1924. Đăng trong tạp chí *Rul* (Рулъ) vào ngày 2 và ngày 4 tháng Mười một cùng năm, và được đưa vào tuyển tập *Cuộc trở về của Chorb* (Возвращение Чорба), Slovo, Berlin, 1930. Trên vài phương diện nhất định, nhân vật chính có liên quan đến Luzhin, kỳ thủ trong tiểu thuyết *Phòng thủ Luzhin* (*The Defense*; *Защита Лужина*, 1930), G. P. Putnam's Sons, New York, 1964.

Truyện ngắn Giáng sinh (The Christmas Story; Рождественский рассказ) xuất hiện trên tạp chí *Rul* (Рулъ) vào ngày 25 tháng Mười hai năm 1928. Vào tháng Chín năm 1928, Nabokov đã xuất bản tiểu thuyết *Già, Đằm, Bồi* (*King, Queen, Knave*; *Король, дама, валет*).

Truyện ngắn này đề cập đến vài văn nhân: Neverov, một nhà văn xuất thân nông dân, có bút danh Aleksandr Skobeleev, (1886–1923); nhà “hiện thực xã hội” Maksim Gorky (1868–1936); nhà “dân túy” Vladimir Korolenko (1853–1921); nhà “suy đồi” Leonid Andreyev (1871–1919); và nhà “tân hiện thực” Evgeniy Chirikov (1864–1923).

Yêu tinh khoai tây (The Potato Elf; Картофельный эльф) được viết năm 1929 tại Berlin, xuất bản tại đây, trên báo ngày *Rul* (Пуль), số 15, 17, 18, và 19, tháng Mười hai năm 1929, và được in trong tuyển *Cuộc trở về của Chorb*. Một bản dịch tiếng Anh đầy lỗi của Serge Bertenson và Irene Kosinska đã được in trên tạp chí *Esquire*, tháng Mười hai, năm 1939, sau đó được in lại trong một hợp tuyển mang tên (*The Single Voice*, Collier, London, 1969).

Pilgram (The Aurelian; Пильграм) được viết năm 1930, và in trong tuyển tập *Nabokov's Dozen*, 1958. Đây cũng là một truyện ngắn phức tạp vì đề cập đến thú sưu tập bướm: một lĩnh vực chuyên môn rất hẹp và cũng là niềm đam mê thứ hai của Vladimir Nabokov.

Đen đui (A Bad Day; Обида) được viết tại Berlin vào mùa hạ năm 1931. Nó xuất hiện trong *Poslednie Novosti* (Последние новости), một tờ báo ngày của dân lưu vong Nga vào ngày 12 tháng Bảy năm 1931, tại Paris và được đưa vào tuyển *Kể nhìn trộm* (Созглядатай), Paris, 1938, với lời đề tặng cho Ivan Bunin. Theo lời Nabokov thì “Cậu bé trong truyện, mặc dù sống trong một môi trường hết sức tương đồng với môi trường sống của tuổi thơ tôi, nhưng về nhiều mặt thì vẫn rất khác với

cái tôi mà tôi còn nhớ được. Thực ra cái tôi ấy tách ra giữa ba cậu bé, Putya, Volodia và Vasya.”

Chuyến thăm bảo tàng (The Visit to the Museum; Посещение музея), xuất hiện lần đầu trong tạp chí lưu vong *Sovremennyya Zapiski* (Современные записки), LXVIII, Paris, 1939, và sau đó trong tuyển tập *Xuân Fialta* (Весна в Фюальте), Chekhov Publishing House, New York, 1959. Bản dịch tiếng Anh được in trong tạp chí *Esquire*, tháng Ba năm 1964 và được cho vào tuyển *Nabokov's Quartet*, Phaedra, New York, 1966.

Terra Incognita — nguyên bản tiếng Nga cũng có tên Terra Incognita và xuất hiện lần đầu trong *Poslednie Novosti*, Paris, 22 tháng Mười một, 1931, và được in lại trong tuyển tập *Kẻ nhìn trộm*. Bản dịch tiếng Anh được xuất bản trong *The New Yorker*, 18 tháng Năm, 1963. Tên tác phẩm là một thuật ngữ gốc La-tinh trong lĩnh vực vẽ bản đồ, để chỉ vùng đất lạ, chưa được lập bản đồ, chưa được dẫn liệu.

Rau lê (Orache; Лебеда) được xuất bản lần đầu trên báo *Poslednie Novosti*, Paris, ngày 31 tháng Một, 1932; được đưa vào tuyển *Kẻ nhìn trộm*. Độc giả có thể thấy nhiều chi tiết của nó

trong phần cuối chương 9 cuốn hồi ký *Nói đi, Ký ức* (*Speak, Memory*), Putnam's, New York, 1966. Nơi diễn ra câu chuyện là thành phố Saint Petersburg, khoảng năm 1910. Tên tác phẩm này là một trường hợp hết sức thú vị trong dịch thuật, khi cả bản gốc tiếng Nga và bản dịch tiếng Anh đều giữ được cả nghĩa đen và lối chơi chữ mà không cần phải bổ sung thay đổi gì: Orache và Лебеда cùng chỉ một loại thực vật, và vẫn giữ được lối chơi chữ đồng âm dị nghĩa của Nabokov: *Or ache* và *или беда*.

Sự hoàn hảo (Perfection; Совершенство) được viết tại Berlin vào tháng Sáu năm 1932. Nó xuất hiện trong báo ngày *Poslednie Novosti* (ngày 3 tháng Bảy, 1932) tại Paris và được đưa vào tuyển *Kẻ nhìn trộm*. Theo Nabokov thì ông không thừa nhận mọi sự tương đồng giữa ông và nhân vật Ivanov, mặc dù ông từng làm gia sư trong những năm lưu vong.

Thợ mã (The Leonardo; Королёк) được sáng tác tại Berlin, vào mùa hè năm 1933, được xuất bản lần đầu trên báo *Poslednie rouvosti*, Paris, ngày 23 và 24 tháng Bảy, 1933. Sau đó nó được chọn đưa vào tuyển tập *Xuân Fialta*, New York, 1956. Theo lời Nabokov thì ông rất cảm ơn Giáo sư Stephen Jan Parker vì đã gợi ý cho ông về

một từ lóng trong tiếng Mỹ tương đương với từ Королёк trong tiếng Nga. Bản dịch tiếng Anh xuất hiện trong *Vogue*, tháng Tư, 1973.

Tưởng nhớ L. I. Shigaev (In memory of L. I. Shigaev; Памяти Л.И.Шигаева) được viết vào khoảng đầu năm 1934 (theo chính Nabokov). Thời gian đó, Nabokov và vợ ở cùng với Anna Feigin, một người bà con của vợ ông, trong căn hộ của bà ấy tại một ngôi nhà góc phố (số 22) trên Nestorstrasse, Berlin, Grunewald (nơi ông sáng tác tiểu thuyết *Invitation to a Beheading* và phần lớn cuốn *Quà Tặng (The Gift)*).

Vòng (The Circle; Круг) được xuất bản năm 1936 tại Paris, nhưng không rõ ngày và tên tờ báo đã đăng nó (có lẽ là *Poslednie Novosti*). Hai mươi năm sau, nó được in lại trong tuyển *Xuân Fialta*.

Vasiliy Shiskov (Vasiliy Shiskov; Василий Шишков) được in lần đầu trên báo *Poslednie Novosti* (theo Nabokov thì vào khoảng tháng Mười hai năm 1939, ông không nhớ được chính xác thời điểm đăng), sau này nó còn được chọn đưa vào tuyển tập *Xuân Fialta*. Một điều đáng lưu ý: Vasiliy Shiskov (Василий Шишков) cũng là một bút danh của Nabokov; vào năm 1939, tại Paris, ông đã bí mật cho xuất bản một bài thơ

(Поэты) với bút danh này, và sau khi nhận được sự tán dương nhiệt tình của các nhà phê bình thì đã viết truyện ngắn này.

“Là ở Aleppo, ngày đó...” (“That in Aleppo Once ...”) từ tuyển tập *Nabokov’s Dozen*, 1958. Nó được sáng tác vào tháng Năm, 1953 và được cho là có nhiều điểm chung với kiệt tác *Xuân Fialta* (bản dịch tiếng Việt đã được in trong tuyển tập *Mây, hồ, tháp*). Đây cũng là một trong các truyện ngắn cực kỳ khó đọc của Nabokov, với các siêu liên kết đến *Othello* của Shakespeare.

Các truyện ngắn của Vladimir Nabokov

- ① The Wood-Sprite
- ③ Russian Spoken Here
- ③ Sounds
- ③ Wingstroke
- ✍️ Gods
- ② A Matter of Chance
- ② The Seaport
- ② Revenge
- ② Beneficence
- ② Details of A Sunset
- ① The Thunderstorm
- ✍️ La Veneziana
- ③ Bachmann
- ② The Dragon
- ① Christmas
- ① A Letter that Never Reached Russia

①: Các truyện ngắn trong “Mỹ nhân Nga”.

②: Các truyện ngắn trong “Mây, hồ, tháp”.

③: Các truyện ngắn trong “Thanh âm”.

- ① The Fight
- ② The Return of Chorb
- ① A Guide to Berlin
- ① A Nursery Tale
- ② Terror
- ① Razor
- ① The Passenger
- ② The Doorbell
- 📖 An Affair of Honor
- ③ The Christmas Story
- ③ The Potato Elf
- ③ The Aurelian
- ② A Dashing Fellow
- ③ A Bad Day
- ③ The Visit to the Museum
- 📖 A Busy Man
- ③ Terra Incognita
- 📖 The Reunion
- 📖 Lips to Lips
- ③ Orache
- ② Music
- ③ Perfection
- 📖 The Admiralty Spire

- ③ The Leonardo
- ③ In Memory of L. I. Shigaev
- ③ The Circle
- ① A Russian Beauty
- ① Breaking the News
- ② Torpid Smoke
- ① Recruiting
- ② A Slice of Life
- ② Spring in Fialta
- ② Cloud, Castle, Lake
-  Tyrants Destroyed
-  Lik
-  Mademoiselle O
- ③ Vasilii Shishkov
-  Ultima Thule
-  Solus Rex
-  The Assistant Producer
- ③ "That in Aleppo Once..."
-  A Forgotten Poet
-  Time and Ebb
-  Conversation Piece, 1945
- ① Signs and Symbols
- ① First Love

- ① **Scenes from the Life of a Double Monster**
- ① **The Vane Sisters**
- ② **Lance**
- ① **Easter Rain**
- ② **The Word**
- ✍️ **Natasha**

Mục lục

Lời người dịch	5
Ở đây nói tiếng Nga	15
Thanh âm	33
Đòn cánh	59
Bachmann	101
Truyện ngắn Giáng sinh	119
Yêu tinh khoai tây	131
Pilgram	175
Đen đủi	201
Chuyến thăm bảo tàng	221
Terra Incognita	241
Rau lê	257
Sự hoàn hảo	273
Thợ mã	293
Tưởng nhớ L. I. Shigaev	315
Vòng	329
Vasiliy Shiskov	349
“Là ở Aleppo, ngày đó...”	363
Phụ lục	385

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 024.38222135

Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.net>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Q3 - Tp. HCM

Tel & Fax: 028.38297915

Email: nxbhnv.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

277 - Trần Hưng Đạo - thành phố Đà Nẵng

Tel: 0236.3849516

Email: nxbhnv.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chi nhánh miền Tây Nam Bộ

314C - Hoàng Lam - thành phố Bến Tre

Tel: 0275.3812736

Email: nxbhnmekong@gmail.com

Chi nhánh NXB Hội Nhà văn khu Đông Bắc

114 Phố Hải Phúc - phường Hồng Hải - Tp. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel: 090.3409142 - 091.4660592

THANH ÂM

Tổng tập truyện ngắn Nabokov

Quyển III

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

Nguyễn Quang Thiều

Biên tập: Đào Bá Đoàn

Sửa bản in: Vũ Thái Hà

Tranh bìa: Trương Tiến Trà

Thiết kế bìa: Lưu YẾN

Trình bày: An Di

In 2000 cuốn, khổ 13 x 20.3 cm tại Công ty TNHH MTV In Báo Nhân dân

Địa chỉ: D20/532P Ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. HCM.

Số ĐKXB: 1629-2018/CXBIPH/56-45/HNV

Số quyết định xuất bản: 626/QĐ-NXBHNV, cấp ngày 25/05/2018

ISBN: 978-604-967-595-9

In xong và nộp lưu chiểu năm 2018

"Anh ngắt lời em bằng sự im lặng của mình.

Vết nắng trượt từ váy em xuống cát:

do em hơi dịch người đi.

Anh có thể nói gì với em?

Tự do?

Ngục tù?

Không đủ yêu em?

Không phải thế."



*"Và, cười vào tiếng xạc xào ấy,
anh ôm em,
nhẹ nhàng,
không khao khát."*

Thanh Âm - quyển 1 nằm trong Tổng tập truyện ngắn Nguyễn
Quyên 1 có tên **Mỹ nhân Nga** (Zenbooks xuất bản năm 2016), và
quyển 2 có tên **Mây, hổ, tháp** (Zenbooks xuất bản năm 2017).
Mỗi quyển đều có 17 truyện ngắn được chọn từ nguyên tác.

